

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

**THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính gửi: Quý cổ đông Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ sáu được ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-VIMICO ngày 03/5/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (ĐHĐCĐ) của Tổng công ty như sau:

1. Thời gian: 08h00, ngày 22 tháng 4 năm 2026 (Thứ Tư).

2. Địa điểm: Hội trường tầng II Nhà B - Trụ sở Tổng công ty Khoáng sản - TKV
Số 193 Nguyễn Huy Tường, P.Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 024.62836666 Fax: 024.62873333

3. Nội dung:

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, ĐTXD năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

- Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.

- Thông qua BCTC và phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ 2025.

- Thông qua việc thực hiện chi trả tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

- Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định báo cáo tài chính và nội dung liên quan hoạt động năm 2025 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch 2026.

- Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.

- Thông qua Đề án cơ cấu lại Tổng công ty khoáng sản - TKV giai đoạn 2026-2030.

- Thông qua thay đổi ngành nghề sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Khoáng sản - TKV



- Thông qua Điều lệ Tổng công ty Khoáng sản - TKV sửa đổi, bổ sung lần thứ bảy.

- Phê duyệt Kế hoạch sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

- Thông qua hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2026 với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Thông qua phương án xử lý cổ phần ưu đãi của Người lao động chấm dứt HĐLĐ trước thời hạn cam kết.

- Thay đổi thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2025-2030.

- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Điều kiện tham dự :

- Là cổ đông của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP có mặt trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 16/3/2026 theo Thông báo của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam "VSDC".

- Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự ĐHĐCĐ. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản (theo mẫu gửi kèm).

5. Đăng ký tham dự và góp ý nội dung ĐHĐCĐ:

Để ĐHĐCĐ được tổ chức thành công, đề nghị Quý cổ đông vui lòng gửi: Đăng ký tham dự/Giấy ủy quyền; Ý kiến đóng góp về chương trình, nội dung và các dự thảo trình ĐHĐCĐ theo các mẫu đính kèm trước 8h00' ngày 21/4/2026 tới địa chỉ:

- Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tổng công ty - Địa chỉ: Trụ sở Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Số 193 Nguyễn Huy Tưởng, P.Thanh Xuân, Hà Nội. ĐT: 0904.268.986 Fax: 024.62873333

6. Tài liệu Đại hội: Toàn bộ tài liệu ĐHĐCĐ được đăng tải trên website của Tổng công ty Khoáng sản - TKV tại địa chỉ: <http://www.vimico.vn>. Các tài liệu họp Đại hội cổ đông sẽ được cập nhật và sửa đổi bổ sung (nếu có) tại đường dẫn nêu trên cho đến khi kết thúc Đại hội cổ đông thường niên năm 2026.

Thông báo này thay cho Thư mời họp trong trường hợp Quý cổ đông chưa nhận được Thư mời họp.

Trân trọng kính mời!

Nơi nhận: 
- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT;

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hải

Ghi chú: Khi đến tham dự ĐHĐCĐ, Quý Cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng mang theo và xuất trình các giấy tờ sau: thư mời, CMND hoặc hộ chiếu (bản chính) hoặc bản sao Giấy CNĐKDN và giấy ủy quyền họp lệ tham dự ĐHĐCĐ (nếu là người được ủy quyền) để Ban Tổ chức kiểm tra tư cách cổ đông

Số: 686 /GM-VIMICO

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2026

**GIẤY MỜI THAM DỰ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP**

Trân trọng kính mời cổ đông:

Địa chỉ:

Số CMTND/Hộ chiếu hoặc ĐKKD:

Tới tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

- 1. Thời gian:** 08h00 ngày 22/4/2026 (Thứ Tư)
- 2. Địa điểm:** Hội trường tầng II nhà B - Trụ sở Tổng công ty Khoáng sản - TKV Số 193 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội
- 3. Điều kiện tham dự ĐHĐCĐ:**

- Là cổ đông của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP có mặt trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 16/3/2026 theo Thông báo của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam "VSDC".

- Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự ĐHĐCĐ. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản (theo mẫu gửi kèm).

4. Nội dung chính của ĐHĐCĐ:

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, ĐTXD năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

- Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.

- Thông qua BCTC và phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ 2025.

- Thông qua việc thực hiện chi trả tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

- Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định báo cáo tài chính và nội dung liên quan hoạt động năm 2025 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch 2026.

- Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.

- Thông qua Đề án cơ cấu lại Tổng công ty khoáng sản - TKV giai đoạn 2026-2030.

- Thông qua thay đổi ngành nghề sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Khoáng sản - TKV

- Thông qua Điều lệ Tổng công ty Khoáng sản - TKV sửa đổi, bổ sung lần thứ bảy.



- Phê duyệt Kế hoạch sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

- Thông qua hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2026 với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Thông qua phương án xử lý cổ phần ưu đãi của Người lao động chấm dứt HĐLĐ trước thời hạn cam kết.

- Thay đổi thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2025-2030.

- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

5. Đăng ký tham dự và góp ý nội dung ĐHĐCĐ:

Để ĐHĐCĐ được tổ chức thành công, đề nghị Quý cổ đông vui lòng gửi: Đăng ký tham dự/Giấy ủy quyền; Ý kiến đóng góp về chương trình, nội dung và các dự thảo trình ĐHĐCĐ theo các mẫu đính kèm trước 8h00' ngày 21/4/2026 tới địa chỉ:

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tổng công ty - Địa chỉ: Trụ sở Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Số 193 Nguyễn Huy Tưởng, P.Thanh Xuân, Hà Nội. ĐT: 0904.268.986 Fax: 024.62873333.

6. Tài liệu ĐHĐCĐ:

Toàn bộ tài liệu ĐHĐCĐ được đăng trên website của Tổng công ty Khoáng sản - TKV tại địa chỉ <http://www.vimico.vn>. Các tài liệu họp Đại hội cổ đông sẽ được cập nhật và sửa đổi bổ sung (nếu có) tại đường dẫn nêu trên cho đến khi kết thúc Đại hội cổ đông thường niên năm 2026.

Trân trọng kính mời!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Nguyễn Văn Hải

Ghi chú: Khi đến tham dự ĐHĐCĐ, Quý Cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng mang theo và xuất trình các giấy tờ sau: thư mời, CMND hoặc hộ chiếu (bản chính) hoặc bản sao Giấy CNĐKDN và giấy ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHĐCĐ (nếu là người được ủy quyền) để Ban Tổ chức kiểm tra tư cách cổ đông



**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP**

1. Thời gian: 08h00' ngày 22 tháng 4 năm 2026 (Thứ Tư)
2. Địa điểm: Hội trường tầng II Nhà B - Trụ sở Tổng công ty Khoáng sản - TKV Số 193 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Thời gian	TT	Nội dung	Thực hiện
07h30-08h00	I	Công tác chuẩn bị:	
	1	Đón tiếp đại biểu và cổ đông.	Ban Tổ chức
	2	Cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ với Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu.	Ban KT tư cách cổ đông
08h00-12h00	II	Khai mạc:	
	1	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.	Ban Tổ chức
	2	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ.	Ban KT tư cách cổ đông
	3	Giới thiệu Chủ tọa điều hành ĐHĐCĐ.	Ban Tổ chức
	4	Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban Thư ký.	Chủ tọa
	5	Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban kiểm tra kết quả biểu quyết.	Chủ tọa
	6	Thông qua Chương trình ĐHĐCĐ.	Chủ tọa
	7	Thông qua Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ.	Chủ tọa
	III	Nội dung ĐHĐCĐ:	
	1	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, ĐTXD năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.	Chủ tọa
2	Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.	Chủ tọa	
3	Thông qua: - BCTC đã được kiểm toán năm 2025; - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025; - Phương án trả cổ tức 2025 và Kế hoạch cổ tức 2026; - Mức chi trả tiền lương, thù lao 2025 của HĐQT, BKS; Kế hoạch chi trả năm 2026.	Chủ tọa	



Thời gian	TT	Nội dung	Thực hiện
	4	Dự kiến Bầu Kiểm soát viên của Ban Kiểm soát Tổng công ty	Chủ tọa
		<i>Trình bày và biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử HĐQT, BKS.</i>	Chủ tọa
		<i>Giới thiệu và biểu quyết thông qua Kiểm soát viên của Ban Kiểm soát.</i>	Chủ tọa
		<i>Giới thiệu danh sách đề cử, ứng cử BKS.</i>	Chủ tọa
		<i>Hướng dẫn và tiến hành bầu cử.</i>	Ban KT kết quả biểu quyết
	5	Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định báo cáo tài chính và nội dung liên quan hoạt động năm 2025 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch 2026.	Chủ tọa
	6	Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động năm 2026.	Chủ tọa
	7	Thông qua Đề án cơ cấu lại Tổng công ty khoáng sản - TKV giai đoạn 2026-2030.	Chủ tọa
	8	Thông qua thay đổi ngành nghề sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Khoáng sản - TKV.	Chủ tọa
	9	Thông qua Điều lệ Tổng công ty Khoáng sản - TKV sửa đổi, bổ sung lần thứ bảy.	Chủ tọa
	10	Thông qua hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2026 với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.	Chủ tọa
	11	Phê duyệt Kế hoạch sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV	Chủ tọa
	12	Thông qua phương án xử lý cổ phần ưu đãi của Người lao động chấm dứt HĐLĐ trước thời hạn cam kết.	Chủ tọa
	13	Thông qua các vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ.	Chủ tọa
	14	Báo cáo kết quả biểu quyết.	Ban KT kết quả biểu quyết
	15	Trình bày Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ.	Ban Thư ký
	16	Thông qua Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ.	Chủ tọa
12h00	17	Bế mạc ĐHĐCĐ.	Chủ tọa

Số: 591 /QC-VIMICO

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ sáu được ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-VIMICO, ngày 03/5/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 206/QĐ-VIMICO, ngày 25/02/2026 của HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV về việc thành lập Ban Tổ chức chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên năm 2026;

Hội đồng quản trị Tổng công ty dự thảo Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.
- Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông, và các Bên tham dự ĐHĐCĐ, điều kiện, thể thức tiến hành ĐHĐCĐ và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- Cổ đông, đại diện cổ đông và các Bên tham gia ĐHĐCĐ có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức ĐHĐCĐ được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Chương II

**ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐHĐCĐ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ
CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI THAM DỰ ĐHĐCĐ**

Điều 3. Điều kiện tham dự ĐHĐCĐ

Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Tổng công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ

đồng của Tổng công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 16/3/2026 do Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) xác nhận.

Điều 4. Quyền của cổ đông khi tham dự ĐHĐCĐ

Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

1. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 14 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa ba người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

3. Được Ban Tổ chức thông báo công khai nội dung chương trình ĐHĐCĐ.

4. Phát biểu, thảo luận và biểu quyết tất cả các nội dung trong chương trình ĐHĐCĐ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.

5. Tại ĐHĐCĐ, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự ĐHĐCĐ được nhận Thẻ biểu quyết (trong đó có ghi mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết) sau khi đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

6. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại ĐHĐCĐ.

7. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền đến dự họp ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại ĐHĐCĐ, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp và hiệu lực của các đợt biểu quyết tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng. Trường hợp Ban Kiểm tra kết quả kiểm phiếu đang tiến hành kiểm Phiếu biểu quyết thì cổ đông không có quyền biểu quyết. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm cộng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đến muộn vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ để tính tỷ lệ thông qua các nội dung biểu quyết ở phần sau.

Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự ĐHĐCĐ

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự ĐHĐCĐ mang theo giấy tờ sau:

a. Thư mời;

b. Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực;

c. Giấy ủy quyền theo mẫu gửi kèm thư mời họp ĐHĐCĐ (Trường hợp được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ: Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy

quyền phải được ký bởi cổ đông đó; Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó);

d. Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc/và đại diện ủy quyền của mình là hợp lệ với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.

2. Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự ĐHĐCĐ không được nhận thẻ biểu quyết tại ĐHĐCĐ nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận thẻ biểu quyết.

3. Người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

4. Trong thời gian diễn ra ĐHĐCĐ, cổ đông/đại diện của cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của ĐHĐCĐ, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này, nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp hiện hành.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết mà không thông báo với Ban Kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa ĐHĐCĐ

1. Chủ tịch HĐQT Tổng công ty là Chủ tọa ĐHĐCĐ. Đoàn Chủ tọa gồm Chủ tọa ĐHĐCĐ, Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể chỉ định một số người trong Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông cùng điều hành ĐHĐCĐ.

2. Chủ tọa ĐHĐCĐ có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Chủ trì, điều khiển ĐHĐCĐ; Chủ tọa tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ, có trật tự, và đảm bảo ĐHĐCĐ phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

b. Quyết định của Chủ tọa ĐHĐCĐ về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

c. Hướng dẫn ĐHĐCĐ thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của ĐHĐCĐ;

d. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để ĐHĐCĐ biểu quyết;

e. Trả lời hoặc chỉ định thành viên Ban chủ tọa trả lời những vấn đề do ĐHĐCĐ yêu cầu;

f. Chủ tọa có quyền trì hoãn ĐHĐCĐ đến một thời điểm khác hoặc một địa điểm khác phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 146 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã đủ số đại biểu cần thiết theo quy định .

g. Chủ tọa ĐHĐCĐ có quyền:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

Điều 7. Ban Thư ký ĐHĐCĐ

1. Ban Thư ký gồm 02 thành viên do Chủ tọa cử để giúp việc ĐHĐCĐ. Ban Thư ký chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.

2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa, có nhiệm vụ:

a. Ghi chép, phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung biên bản đối với diễn biến cuộc họp ĐHĐCĐ, dự thảo các văn kiện, kết luận, và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu; trình bày trước ĐHĐCĐ về Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

b. Tiếp nhận Phiếu đăng ký phát biểu, ý kiến khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị ("HĐQT") Tổng công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự ĐHĐCĐ và khách mời xuất trình CCCD hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b. Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Phiếu biểu quyết các tài liệu họp liên quan khác;

c. Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d. Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức ĐHĐCĐ hoặc Chủ tọa ĐHĐCĐ phân công.

2. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự ĐHĐCĐ thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp thẻ biểu quyết và phát tài liệu của ĐHĐCĐ.

3. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra kết quả biểu quyết

1. Ban kiểm tra kết quả biểu quyết có 07 thành viên, gồm 01 trưởng ban và 06 thành viên do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.

Thành viên Ban kiểm tra kết quả biểu quyết không được là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát (nếu có nội dung bầu thành viên HĐQT và BKS).

2. Ban kiểm tra kết quả biểu quyết có nhiệm vụ:

a. Hướng dẫn cổ đông tham dự ĐHĐCĐ cách sử dụng Phiếu biểu quyết; thực hiện việc đếm số phiếu biểu quyết theo từng loại: tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết;

b. Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại ĐHĐCĐ;

c. Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của ĐHĐCĐ;

d. Kiểm tra danh sách các ứng cử viên HĐQT và BKS trước khi thực hiện bầu cử;

e. Hướng dẫn nguyên tắc, thể lệ bầu cử thành viên HĐQT, BKS theo Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS;

f. Tiến hành phát, thu, kiểm đếm phiếu bầu cử thành viên HĐQT, BKS của các cổ đông theo đúng số cổ phần và quyền biểu quyết của từng cổ đông;

g. Tiến hành tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu bầu Thành viên HĐQT, BKS;

h. Báo cáo kết quả biểu quyết (Biên bản kiểm tra kết quả biểu quyết, Biên bản kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS) trước ĐHĐCĐ;

i. Bàn giao lại Biên bản kiểm tra kết quả biểu quyết, Biên bản kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS cho Thư ký Đại hội;

k. Cùng Chủ tọa ĐHĐCĐ xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo đề Đại hội đồng cổ đông quyết định;

l. Thực hiện các nhiệm vụ được giao khác.

Chương III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐHĐCĐ

Điều 10. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ. Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo số lượng cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các cổ đông đại diện và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

2. Trường hợp ĐHĐCĐ không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 11. Tiến hành ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua.

2. Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp cho cổ đông, các thay đổi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. ĐHĐCĐ sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình ĐHĐCĐ theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Quy chế này.

4. ĐHĐCĐ bế mạc sau khi Biên bản ĐHĐCĐ được thông qua.

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại ĐHĐCĐ.

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của ĐHĐCĐ, Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp. Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa ĐHĐCĐ hoặc điền vào Phiếu câu hỏi gửi cho Ban chủ tọa. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông trình bày ý kiến của mình.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình ĐHĐCĐ đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của cổ đông không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của doanh nghiệp. Chủ tọa ĐHĐCĐ có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

3. ĐHĐCĐ thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 5 phút/lần. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Ban Thư ký ĐHĐCĐ phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 13. Thể lệ biểu quyết và thông qua các quyết định tại ĐHĐCĐ

1. Nguyên tắc biểu quyết: cổ đông có thể biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ bằng việc giơ Phiếu biểu quyết;

b. Biểu quyết thông qua việc cử người ủy quyền tới dự họp, khi đó người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ và biểu quyết như hình thức cổ đông trực tiếp dự họp.

2. Các vấn đề được thông qua tại ĐHĐCĐ phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ chấp thuận, ngoại trừ nội dung quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ:



- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Tổng công ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
- d) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Tổng công ty hoặc giao dịch mua do Tổng công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- đ) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- e) Tổ chức lại, giải thể, phá sản Tổng Công ty;
- f) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty.

4. Hình thức biểu quyết:

a. Cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền) biểu quyết từng nội dung trong chương trình ĐHĐCĐ. Khi biểu quyết một vấn đề được ĐHĐCĐ đưa ra, các cổ đông biểu quyết bằng cách giơ phiếu biểu quyết lên cao; Việc xác định kết quả biểu quyết được tiến hành bằng cách đếm số phiếu biểu quyết tán thành, số phiếu biểu quyết không tán thành và số phiếu biểu quyết không có ý kiến;

b. Đối với từng vấn đề cần biểu quyết, Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến của cổ đông theo trình tự: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến. Trường hợp cổ đông không giơ Phiếu biểu quyết thì coi như không có ý kiến. Với từng vấn đề xin ý kiến biểu quyết, các cổ đông chỉ được giơ Phiếu biểu quyết một lần.

c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (nếu có) được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quy định tại Điều lệ của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.

Điều 14. Phiếu biểu quyết:

1. Phiếu biểu quyết được đóng dấu của Tổng công ty do Ban kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Phiếu biểu quyết được ghi mã số, họ tên, chữ ký cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

2. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ.

Điều 15. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Nội dung diễn biến tổ chức ĐHĐCĐ được lập thành Biên bản. Chủ tọa và Thư ký ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản ĐHĐCĐ.

2. Biên bản ĐHĐCĐ phải được công bố trước ĐHĐCĐ và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi bế mạc.

10308
CÔNG TY
SẢN - TH
100

3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của ĐHĐCĐ phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Tổng công ty.

4. Biên bản ĐHĐCĐ phải được làm xong, thông qua trước khi bế mạc ĐHĐCĐ và công bố trên website của Tổng công ty trong vòng 24 giờ.

5. Biên bản ĐHĐCĐ là cơ sở để đưa ra Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 16. Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ

Căn cứ kết quả tại ĐHĐCĐ, Chủ tọa chuẩn bị Nghị quyết ĐHĐCĐ về các vấn đề đã được ĐHĐCĐ thông qua. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được đọc tại ĐHĐCĐ để các cổ đông thông qua và công bố trên website của Tổng công ty trong vòng 24 giờ.

Điều 17. Hiệu lực thi hành của Quy chế

1. Quy chế này gồm ba (03) Chương, mười bảy (17) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

Nơi nhận: *vvv*

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- BGD, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Tổng công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hải



Số: 592/BC-VIMICO

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động SXKD, ĐTXD năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2025

I. Đặc điểm tình hình

Tổng công ty triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Tập đoàn, sự đồng thuận, đoàn kết của Ban lãnh đạo, của tập thể người lao động.

Bên cạnh những thuận lợi, Tổng công ty còn phải đối mặt với không ít khó khăn đó là:

- Điều kiện sản xuất: Mô đồng Sin Quyền do ảnh hưởng sạt trượt bờ moong, mô đang trong giai đoạn cuối của dự án nên điều kiện khai thác ngày càng khó khăn, diện công tác sản xuất chật hẹp, diện đổ thải thiếu, khó khăn trong giải phóng mặt bằng. Đối với mô Vi Kẽm triển khai sản xuất còn gặp nhiều khó khăn, năng suất chưa cao, thiếu lao động hầm lò. Tài nguyên khoáng sản tại một số mỏ có xu hướng giảm (mỏ thiếc Cao Bằng, mỏ sắt Kíp Tước, mỏ thiếc Tây Nam Núi Pháo) đã ảnh hưởng đến hoạt động và tổ chức sản xuất của các đơn vị; Mỏ đất hiếm Đông Pao đã có nhiều cố gắng để đưa ra đề xuất lựa chọn đối tác nhưng đến nay chưa có chủ trương của cấp có thẩm quyền;... Quặng nguyên khai biến động giảm cả về khối lượng và chất lượng trong hầu hết các mỏ.

- Công tác phát triển tài nguyên, xin cấp phép thăm dò khai thác, thăm dò nâng cấp trữ lượng trong ranh giới giấy phép khai thác gặp nhiều khó khăn do thủ tục xin cấp, điều chỉnh, gia hạn giấy phép khai thác, cấp giấy phép thăm dò mất nhiều thời gian lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước. Việc triển khai các đề án thăm dò mở rộng, xuống sâu vướng mắc về quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản của Chính phủ (Quy hoạch 866) và xin khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Một số đề án xin cấp phép thăm dò/khai thác (mở rộng Sin Quyền, khu Đông Nam Sin Quyền) không thực hiện được do vướng mắc về khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khai thác khoáng sản và chồng lấn quy hoạch đồng và apatit.

- Các thủ tục pháp lý trong quá trình triển khai dự án đầu tư còn kéo dài, công tác đền bù giải phóng mặt bằng (GPMB) gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là thủ tục chuyển giao giữa các cấp sau khi thực hiện chính quyền 2 cấp làm ảnh hưởng tiến độ triển khai Dự án mở rộng nâng công suất mô đồng Sin Quyền và các dự án khác (sắt Nà Rạ, sắt Kíp Tước).

- Công tác cung ứng nguyên liệu mua ngoài phục vụ sản xuất còn gặp nhiều khó khăn do nguồn cung trên thị trường giảm, có sự cạnh tranh lớn (quặng sắt các loại, tinh quặng kẽm, ...). Chất lượng tinh quặng mua ngoài không ổn định, kiểm soát tạp chất khó khăn, ... gây ảnh hưởng đến chỉ tiêu công nghệ luyện kim. Giá mua nguyên liệu đầu vào tăng, đặc biệt giá quặng sắt tăng cao trong khi giá phối thép các loại giảm, làm giảm hiệu quả SXKD của các đơn vị. Tình quặng đồng đã tìm kiếm nhiều lần, qua nhiều kênh thông tin nhưng chưa có cơ hội để nhập khẩu.



- Trong năm 2025 do ảnh hưởng trực tiếp của nhiều cơn bão và hoàn lưu bão (số 5, số 9, số 10, số 11). Đặc biệt cơn bão số 10 (Bualoi) cuối tháng 9 và cơn bão số 11 (Matmo) cùng hoàn lưu bão gây mưa lớn, sạt lở và ngập lụt tại nhiều địa phương: Cao Bằng, Thái Nguyên, Lào Cai,... đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hầu hết các đơn vị từ công trường khai thác, dây chuyền sản xuất, hư hại nhiều tài sản, hạ tầng giao thông, gián đoạn quá trình sản xuất kinh doanh.

Mặc dù vậy, bằng việc xây dựng kế hoạch điều hành chi tiết và triển khai nhiều nhóm giải pháp đồng bộ, linh hoạt với diễn biến thời tiết, diễn biến nguồn cung nguyên liệu nên thực hiện kế hoạch cả năm 2025 Tổng công ty đã đạt được những kết quả nhất định.

II. Kết quả thực hiện

Báo cáo so sánh trên cơ sở Nghị quyết số 1056/NQ-VIMICO ngày 22 tháng 4 năm 2025 của ĐHCĐ Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP; Nghị quyết số 3340/NQ-VIMICO ngày 29 tháng 12 năm 2025 của HĐQT Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP (nội dung phê duyệt/thông qua Kế hoạch kỹ thuật công nghệ điều chỉnh năm 2025 của Tổng công ty Khoáng sản -TKV); Nghị quyết số 3208/NQ-VIMICO ngày 18/12/2025 (nội dung phê duyệt/thông qua kế hoạch đầu tư năm 2025 điều chỉnh của Tổng công ty Khoáng sản -TKV).

1. Thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh

1.1. Các chỉ tiêu về giá trị

- Tổng doanh thu:

+ Hợp nhất toàn Tổng công ty: 14.636 tỷ đồng/12.619 tỷ đồng, bằng 115,9% KHN.

+ Công ty mẹ - Tổng công ty: 13.746 tỷ đồng/8.916 tỷ đồng, đạt 154,1% KHN.

- Lợi nhuận: đạt 2.453,7 tỷ đồng/1.000 tỷ đồng KH (Trong đó: Công ty mẹ lãi: 2.449,6 tỷ đồng/945 tỷ đồng KH; KLM TN lãi: 107,67 tỷ đồng; KSLK CB lãi: 13,523 tỷ đồng; KS3 lãi: 34,468 tỷ đồng; GTCB lỗ 205 triệu đồng; Đất hiếm Lai Châu lỗ 56 tỷ đồng, ...).

- Nộp ngân sách: cả năm đạt 2.220 tỷ đồng.

- Tổng số lao động bình quân: 5.090 người, trong đó: Công ty mẹ - Tổng công ty 2.780 người.

- Thu nhập bình quân: đạt 18,336 trđ/người/tháng; trong đó Công ty mẹ - Tổng công ty 22,973 trđ/người/tháng.

1.2. Các chỉ tiêu về sản lượng sản xuất - tiêu thụ khoáng sản

Các dây chuyền công nghệ khai thác, tuyển khoáng, luyện kim quặng đồng, thiếc, kẽm, tinh quặng sắt,...hoạt động tương đối ổn định, đảm bảo các chỉ tiêu công nghệ, hoàn thành cơ bản kế hoạch sản xuất sản phẩm đề ra; riêng sản phẩm bạc, thiếc thời đạt thấp do hàm lượng đầu vào trong tinh quặng giảm; sản phẩm phôi thép không đạt kế hoạch do đơn vị cân đối sản xuất đảm bảo hiệu quả và giảm lượng tồn kho.

Công tác tiêu thụ sản phẩm đảm bảo giá bán cạnh tranh, có lợi cho doanh nghiệp, các sản phẩm tiêu thụ đạt kế hoạch (riêng sản phẩm bạc, thiếc thời tiêu thụ thấp hơn kế hoạch do ảnh hưởng của sản lượng sản xuất giảm).

Kết quả sản lượng sản xuất và tiêu thụ một số sản phẩm chủ yếu như sau:

TT	Chi tiêu	ĐVT	KH 2025	TH 2025	% (TH/ KH)
1	Thành phẩm sản xuất				
1.1	Tinh quặng đồng quy 25% Cu	tấn	61.442	65.499	106,60
1.2	Đồng tấm	tấn	30.000	31.200	104,00
1.3	Kẽm thỏi	tấn	8.152	9.076	111,34
1.4	Thiếc thỏi	tấn	213,4	161,1	75,50
	- KSLK Cao Bằng	tấn	140,00	117,48	83,91
	- Thái Nguyên	"	73,43	43,66	59,45
1.5	T.Quặng sắt 57-60%Fe	tấn	173.682	179.166	103,16
	- Mô sắt Kíp Tước	"	82.792	82.913	100,15
	- Mô tuyển đồng Sin Quyền	"	90.889	96.253	105,90
1.6	Phôi thép	tấn	165.000	137.819	83,53
1.7	Tinh quặng chì 50% Pb	tấn	3.752	4.068	108,42
1.8	AxitSunfuric	tấn	137.240	145.031	105,68
	- Luyện đồng Lào Cai	tấn	125.864	131.956	104,84
	- Thái Nguyên	tấn	11.376	13.075	114,94
1.9	Vàng	kg	806	920	114,11
	- Luyện đồng Lào Cai	kg	805	919	114,19
	- Vàng cám Cao Bằng	kg	1	0,49	49,00
1.10	Bạc	kg	2.751	2.085	75,78
2	Sản phẩm tiêu thụ				
2.1	Đồng tấm	tấn	30.000	30.162	100,54
2.2	Kẽm thỏi	tấn	8.152	9.184	112,66
2.3	Thiếc thỏi	tấn	215	162	75,31
	- KSLK Cao Bằng	tấn	142	117	82,73
	- Thái Nguyên	tấn	73	45	60,95
2.4	Quặng sắt 57-60%Fe	tấn	167.000	165.836	99,30
	- Mô sắt Kíp Tước	"	80.000	80.352	100,44
	- Mô tuyển đồng Sin Quyền	"	87.000	85.484	98,26
2.5	Phôi thép	Tấn	155.000	162.036	104,54
2.6	Tinh quặng chì	tấn	3.459	3.524	101,90
2.7	AxitSunfuric	tấn	139.224	148.039	106,33
	- Luyện đồng Lào Cai	tấn	122.000	131.360	107,67
	- Thái Nguyên	tấn	17.224	16.679	96,84
2.8	Vàng	kg	911	877	96,26
2.9	Bạc	kg	2.630	2.062	78,40

2. Thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản

- Công tác quản lý đầu tư được thực hiện đảm bảo kế hoạch và tuân thủ quy chế quản lý đầu tư và quy định về Đầu tư.

- Tổng giá trị thực hiện cả năm là 523.213 triệu đồng/480.000 triệu đồng bằng 109% KHĐC. Giá trị giải ngân đầu tư năm 2025 là: 482.583/523.213 triệu đồng, đạt 92,23% GTTH, đạt 107,24% KHGN (482.583/450.000 triệu đồng).

- Cơ cấu đầu tư thực hiện:

+ Xây dựng: 77.141 triệu đồng.

+ Thiết bị: 364.302 triệu đồng.

- + Quản lý, tư vấn, GPMB và khác: 81.770 triệu đồng.
- Nguồn vốn đã giải ngân: 482.583 triệu đồng, trong đó:
 - + Vốn vay thương mại: 209.624 triệu đồng.
 - + Vốn chủ sở hữu: 272.959 triệu đồng.
 - + Huy động khác: 0 triệu đồng.
- Chưa giải ngân: 40.630 triệu đồng.

* Đánh giá: Công tác đầu tư được tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch được duyệt. Ngoài 02 dự án còn chậm do vướng mắc cơ chế, Luật đất đai sửa đổi (ĐA khai thác mỏ sắt Nà Rủa và ĐA MRNCS mỏ đồng Sin Quyền), các dự án chuyển tiếp và khởi công mới trong kỳ đã triển khai thực hiện đầu tư đảm bảo tiến độ theo kế hoạch giao. Công tác đầu thầu, lựa chọn nhà thầu được quản lý thực hiện theo kế hoạch và tuân thủ quy định. Các hạng mục đầu tư được quản lý thực hiện đảm bảo chất lượng, tiến độ. Công tác nghiệm thu, quyết toán các dự án hoàn thành được thực hiện kịp thời và tuân thủ quy định về quản lý đầu tư XDCB.

3. Đánh giá tình hình thực hiện các mặt công tác năm 2025

3.1. Công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2025 được TKV phê duyệt, Tổng công ty chỉ đạo điều hành các đơn vị căn cứ vào tình hình thực tế sau khi kết thúc năm 2024 xây dựng chi tiết kế hoạch điều hành đảm bảo đạt lợi nhuận theo kế hoạch TKV giao. Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 98/QĐ-VIMICO ngày 31/01/2025 về việc ban hành các giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2025. Tập trung thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao năng suất, thực thu khoáng sản có ích, quản trị chi phí, chuẩn bị nguyên liệu cho sản xuất ổn định, ... nâng cao hiệu quả SXKD chung.

- Căn cứ trên Quyết định số 1019/QĐ-TKV ngày 23/6/2025 của TKV về Kế hoạch điều hành đáp ứng mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng năm 2025 của các công ty TKV, Tổng công ty đã rà soát xây dựng kế hoạch SXKD điều chỉnh năm 2025. Đã ban hành chỉ tiêu tăng trưởng cho các đơn vị trong năm 2025, đồng thời chỉ đạo các đơn vị cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu tăng trưởng được Tập đoàn giao.

- Bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, và HĐQT Tổng công ty, Ban Lãnh đạo tổng công ty đã chỉ đạo xuyên suốt tới các đơn vị để triển khai thực hiện. Thường xuyên bám sát điều kiện sản xuất của các đơn vị để bổ sung/điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp với điều kiện sản xuất của các đơn vị và định hướng chỉ đạo của Tập đoàn (năm 2025, Tổng công ty đã 2 lần điều chỉnh kế hoạch SXKD khối công ty mẹ phù hợp với điều kiện sản xuất tại các đơn vị).

- Tổng công ty đã xây dựng các biện pháp điều chỉnh công nghệ phù hợp với nguồn cung đầu vào của các Nhà máy Luyện kim nhằm đảm bảo sản lượng, chất lượng sản phẩm theo kế hoạch tăng trưởng của TKV giao.

- Chỉ đạo cán bộ kỹ thuật bám sát thực tế tại các Nhà máy luyện, kịp thời phối hợp với đơn vị: kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào để có cơ sở tính toán phối liệu hợp lý, thực hiện các biện pháp ổn định thiết bị, chỉnh định công nghệ phù hợp với điều kiện quặng vào luyện, thực hiện các giải pháp đảm bảo chất lượng sản phẩm.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo cụ thể đến các đơn vị trong việc triển khai các dự án đầu tư, công tác quản trị tài nguyên, quản trị chi phí, công tác an toàn, bảo vệ môi trường, việc thực hiện các Đề án thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng,...

3.2 Về thực hiện các giải pháp kỹ thuật công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, thực thu khoáng sản góp phần giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả SXKD

3.2.1 Công tác khai thác mỏ

Trong năm 2025, điều kiện sản xuất tại các mỏ có nhiều biến động, đặc biệt điều kiện khai thác mỏ đồng Sin Quyền phụ thuộc vào tiến độ xin cấp Giấy phép khai thác dự án mở rộng nâng công suất, trong điều kiện đó các đơn vị đã tăng cường công tác chỉ đạo, chủ động xây dựng các phương án sản xuất theo từng thời điểm; gia tăng sản lượng và cơ bản hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh cả năm 2025. Cụ thể như sau:

a) Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico.

* Mỏ đồng Sin Quyền

Khai trường khu Đông mỏ Sin Quyền đang trong giai đoạn kết thúc khai thác theo Giấy phép khai thác số 1868 (GPKT 1868) nên không gian khai thác chật hẹp, ít diện sản xuất, công tác tổ chức sản xuất gặp khó khăn; do tập trung thi công xử lý sạt trượt bờ trụ nên chưa có không gian bóc thải theo ranh giới giấy phép khu vực dưới moong. Khai trường khu Tây đã dừng sản xuất từ tháng 5/2024 để thực hiện đóng cửa mỏ, đổ thải trong.

Theo kế hoạch đầu năm 2025, phần lớn khối lượng bóc thải thuộc Dự án mở rộng nâng công suất (6,32 triệu m³/KH 7,5 triệu m³), tuy nhiên do quá trình thực hiện dự án đến nay chưa được cấp phép nên sản lượng không đạt kế hoạch. Ngoài ra, khu vực đường phương khu Đông tiếp tục xảy ra sự cố sạt lở, để đảm bảo an toàn cho người và thiết bị, đã tăng cường thi công xử lý sạt trượt để đưa mỏ về trạng thái an toàn. Tiến độ thi công xử lý an toàn thực hiện đảm bảo theo yêu cầu.

Công tác đổ thải gặp nhiều khó khăn, dung tích các bãi thải còn lại ít, bãi thải Nam khu Tây (khu Nậm Chôn) vướng mắc GPMB bị gián đoạn sản xuất; thủ tục xin đổ thải trong vào khai trường khu Tây gặp nhiều vướng mắc đã ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch sản xuất tại mỏ Sin Quyền. Mặc dù sản xuất còn gặp nhiều khó khăn, song do nhu cầu tình huống cần đáp ứng cho việc tăng sản lượng của Nhà máy Luyện kim nên đã phải áp dụng nhiều biện pháp để tăng sản lượng quặng nguyên khai cung cấp nguyên liệu có hàm lượng ổn định cho các nhà máy tuyển khoáng.

Khối lượng thực hiện cả năm 2025:

- Tổng khối lượng đất đá bóc: 9,2 triệu m³. Trong đó:

+ Khối lượng đất đá bóc: 1,23 triệu m³/1,3 triệu m³ KHĐC. DAMRNCS chưa triển khai được trong năm 2025 do khu vực xin cấp phép khai thác vướng mắc khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản nên không thực hiện như dự kiến là 0,3 triệu m³.

+ Khối lượng xử lý sạt trượt khu Đông: 8,026 triệu m³/7,9 triệu m³ KHĐC, để tăng cường xử lý khu vực có nguy cơ mất an toàn.

- Quặng nguyên khai: 1,7589 triệu tấn/KH 1,7 triệu tấn, đạt 103,46% KH.

* Mỏ đồng Vi Kẽm

Trong năm, Tổng công ty tập trung thực hiện các giải pháp hoàn thiện kỹ thuật công nghệ, sơ đồ vận tải, sơ đồ thông gió, nâng cao chất lượng lập biện pháp kỹ thuật thi công, các quy trình, quy định, hồ sơ quản lý kỹ thuật. Ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao tỷ trọng và từng bước cơ giới hóa các khâu khoan lỗ mìn, xúc bốc, vận tải để tăng năng suất lao động, sản lượng.

Đã thực hiện thử nghiệm, phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thiện công nghệ khoan nổ mìn (khoan ngang), chống tụt, phễu tháo quặng cơ giới (họng sáo, lò tháo quặng, kết hợp máy xúc cào vơ) để nâng cao hiệu quả áp dụng công nghệ khai thác BLQ; gia cố hầm bơm trạm điện cốt +30. Lập thiết kế BVTC hạng mục công trình Đào cặp giếng nghiêng chính, giếng nghiêng phụ từ mức +30 xuống mức -50 và sân ga hầm trạm mức -50 mỏ đồng Vi Kẽm, Lào Cai (hoàn thành thiết kế trong năm 2025).

Khối lượng thực hiện cả năm 2025 như sau:

- Quặng nguyên khai: 200.124 tấn/KH 200.000 tấn, đạt 100,06%KH
- Đào lò CBSX: 3.746m/KH 4.215m, đạt 88,88%KH.

3.2.2 Công tác tuyển khoáng

Thiết bị, công nghệ của các xưởng tuyển hoạt động ổn định, các đơn vị thực hiện chính định công nghệ phù hợp với tính chất quặng nguyên khai vào tuyển. Chất lượng tinh quặng cấp cho các nhà máy luyện kim đảm bảo. Các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ tuyển khoáng đạt kế hoạch giao.

Từ tháng 7/2025, Công ty cổ phần KLM Thái Nguyên đã đưa vào vận hành xưởng tuyển thu hồi tinh quặng Bạc từ bùn thùy luyện tại Nhà máy kẽm điện phân, đến nay dây chuyền tuyển bạc hoạt động ổn định, các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ đạt thiết kế, góp phần quan trọng vào việc tận thu kim loại bạc từ bã thải và nâng cao hiệu quả SXKD của đơn vị.

3.2.3 Công tác Luyện kim

- Sản xuất đồng cathode và các sản phẩm đi kèm:

+ Thiết bị, công nghệ cơ bản ổn định, các sản phẩm chính đạt và vượt kế hoạch. Nhằm đạt sản lượng theo kế hoạch tăng trưởng và kiểm soát tốt hơn các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ, Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai đã thực hiện một số giải pháp như: (i) Cân đối điều tiết hợp lý tinh quặng đồng từ các nguồn cho 2 Nhà máy luyện theo từng tuần; (ii) Nâng cao hiệu quả nấu luyện lại lò SKS, từ tháng 02/2025 đã thực hiện thử nghiệm sử dụng sản phẩm đồng hành Bismuth xi măng; (iii) Nhằm tăng năng lực xử lý bán thành phẩm đã lắp đặt bổ sung lò điện 1.500 kVA tại Nhà máy luyện 2; (iv) Điều chuyển Sten lắng đáy gầu từ Nhà máy luyện 2 về Nhà máy luyện 1 để nấu luyện tại lò điện 1.500 kVA; (v) Đưa vào vận hành hệ thống sản xuất Đồng sulfat để kiểm soát và giảm tạp chất trong dung dịch điện phân, góp phần ổn định chất lượng sản phẩm; (vi) Nâng cao hàm lượng đồng trong tinh xi lên $\geq 23\%Cu$ để giảm bán thành phẩm quay vòng,...

- Sản xuất kẽm thỏi: Thiết bị, công nghệ ổn định; Từ tháng 6/2025, đã chuyển đổi sang công nghệ bán thùy luyện thay thế cho công nghệ thùy luyện nhằm thu hồi kim loại kẽm trong bùn thùy luyện tồn đọng trước kia, đồng thời thu hồi triệt để kẽm trong bùn thùy luyện sinh ra trong quá trình sản xuất để nâng cao thực thu kẽm.

3.2.4 Công tác Cơ điện

- Năng suất thiết bị khai thác vận tải, các dây chuyền thiết bị của các nhà máy tuyển khoáng và luyện kim đảm bảo; Mặc dù điều kiện công trường mỏ đồng Sin Quyền chật hẹp, chiều cao nâng tải lớn, nhiều dốc cục bộ, thiết bị di chuyển nhiều nhưng bình quân năng suất của các thiết bị khai thác, vận tải tại chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền về cơ bản đạt kế hoạch quy đổi theo cấp độ đường vận tải và các điều kiện khai thác thực tế của mỏ.

- Công tác SCL các đơn vị thực hiện đảm bảo chất lượng sửa chữa. Riêng đối với các Chi nhánh trực thuộc, Tổng công ty đã thực hiện rà soát kế hoạch sửa chữa lớn ngay từ đầu năm: không sửa chữa lớn các thiết bị quá cũ do khó khôi phục được tính năng kỹ thuật ban

đầu, đồng thời rà soát bố trí huy động hợp lý nhằm giảm chi phí sửa chữa các cấp thiết bị,... Giá trị sửa chữa lớn máy móc thiết bị toàn Tổng công ty trong cả năm 2025: 437,05 tỷ đồng/507,3 tỷ đồng KH bằng 86,15%KH.

- Công tác SCTX được duy trì, thực hiện tốt theo đúng chu kỳ, đúng nội dung sửa chữa, thay thế. Các đơn vị đều có nhiều cố gắng, phục hồi sử dụng phụ tùng cũ, giảm giá trị SCTX. Thực hiện nghiêm túc quy định về công tác SCTX của Tập đoàn. Giá trị SCTX máy móc thiết bị toàn Tổng công ty trong cả năm 2025 thực hiện đạt 256,88 tỷ đồng /KH 252,588 tỷ đồng, đạt 101,7% KH năm.

3.2.5 Công tác chuyển đổi số

Trong năm 2025, công tác chuyển đổi số của VIMICO đã đạt được một số kết quả tích cực: Hạ tầng công nghệ thông tin được nâng cấp, tạo nền tảng kỹ thuật sẵn sàng cho lộ trình CDS giai đoạn 2025–2027; các hệ thống sản xuất tuyến – luyện bước đầu tạo ra dữ liệu thời gian thực, nâng cao khả năng giám sát và phục vụ công tác quản lý của Công ty mẹ. Công tác quản trị nội bộ đang từng bước chuyển sang môi trường số với văn phòng điện tử, ký số và các hệ thống tích hợp liên thông dữ liệu, giúp giảm giấy tờ và tăng hiệu quả xử lý công việc; đồng thời, việc ứng dụng các công nghệ 4.0 (thẻ RFID; Camera AI) góp phần tăng cường an toàn, an ninh trong sản xuất; Nhận thức của cán bộ và người lao động Tổng công ty về CDS đã được nâng lên đáng kể; một số kết quả cụ thể:

- Đã hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành thử nghiệm một số ứng dụng số như: quản lý kỹ thuật sản xuất tuyến, luyện; phần mềm nhật lệnh giao ca tại Chi nhánh LĐV; hệ thống kiểm soát khí và người trong hầm lò tại mỏ Vi Kẽm – Chi nhánh MĐV; hệ thống kiểm soát an ninh cho người lao động tại nhà máy tại Chi nhánh LĐV; Phân hệ quản lý bảo trì, bảo dưỡng thiết bị tại Chi nhánh LĐV thuộc phần mềm quản lý bảo trì bảo dưỡng, TĐT thiết bị tại Công ty mẹ tổng công ty; Nâng cấp một số hệ thống, thiết bị mạng lõi cho trung tâm dữ liệu của Tổng công ty và nâng cấp hạ tầng mạng cho chi nhánh MĐV; bước đầu đã tích hợp được các dữ liệu về sản xuất – vật tư – nhân sự, tiền lương- tài chính kế toán của Công ty mẹ Tổng công ty về một nền tảng dữ liệu chung EVimico để làm tiền đề cho việc xây dựng kho dữ liệu tập trung và báo cáo quản trị thông minh của Tổng công ty.

- Đang thực hiện xây dựng và triển khai các ứng dụng số hóa khác như: phân hệ quản lý khai thác lộ thiên; quản trị chi phí; nâng cấp hệ thống quản lý vật tư, kho; nâng cấp hệ thống tài chính kế toán,... và dự kiến sẽ đưa vào vận hành thử nghiệm trong tháng 01/2026.

3.3 Công tác xin cấp phép khai thác

- Cấp phép khai thác của Dự án MRNCS mỏ đồng Sin Quyền: Tổng công ty đã nộp Đơn xin cấp phép khai thác và Bộ NN&MT tiếp nhận ngày 26/9/2025. Tuy nhiên, do vướng mắc liên quan đến **khuvực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản** nên việc cấp phép khai thác chưa hoàn thành. Để tháo gỡ khó khăn này, Tổng công ty đã ban hành Văn bản số 2846/VIMICO-MĐC ngày 14/11/2025 gửi UBND tỉnh Lào Cai, đề nghị đưa 13,5013 ha thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản (rừng phòng hộ) tại QĐ 1407 ra khỏi khu vực cấm hoạt động khoáng sản, nhằm giải quyết triệt để vướng mắc này, làm cơ sở Cục ĐC&KS Việt Nam tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp phép khai thác.

- Gia hạn giấy phép khai thác tại các mỏ thuộc công ty cổ phần chi phối. Các đơn vị đã thực hiện các thủ tục xin cấp phép/điều chỉnh/gia hạn dự án và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

3.4 Quản lý, sử dụng lao động, tiền lương, tiền thưởng; tình hình thực hiện các chính sách đối với người lao động và công tác an sinh xã hội

* Đánh giá chung kết quả thực hiện lao động tiền lương:

Tổng công ty đã triển khai tương đối đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả các giải pháp quản lý lao động tiền lương, từng bước đổi mới cơ chế phân phối thu nhập theo hướng gắn với năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, góp phần ổn định việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Công tác sắp xếp, bố trí lại lao động được thực hiện phù hợp với yêu cầu tổ chức sản xuất và điều kiện thực tế của từng đơn vị; công tác đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng được chủ động, bám sát nhu cầu nhân lực, nhất là đội ngũ công nhân kỹ thuật và lao động trực tiếp các ngành nghề nặng nhọc, độc hại. Các chế độ chính sách, phúc lợi, chăm sóc sức khỏe, thi đua - khen thưởng tiếp tục được duy trì và thực hiện kịp thời, góp phần củng cố niềm tin, tạo động lực để người lao động yên tâm công tác, gắn bó với doanh nghiệp.

* Về tình hình thực hiện sắp xếp cơ cấu tổ chức, rà soát mô hình tổ chức, định biên lao động:

Tổng công ty đã triển khai nghiêm túc, có trọng tâm Đề án cơ cấu lại đến năm 2025 đã được TKV phê duyệt; đồng thời tập trung rà soát, sắp xếp, hoàn thiện mô hình tổ chức và định biên lao động theo chỉ đạo tại Văn bản số 3258/TKV-TCNS, ngày 05/6/2025 của TKV; xây dựng Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2025–2030 trình TKV thông qua, làm căn cứ sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Trong năm 2025, Tổng công ty tập trung rà soát, điều chỉnh định biên lao động theo hướng sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả; bảo đảm cân đối giữa lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ và lao động trực tiếp sản xuất. Các đơn vị đã chủ động sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, bố trí lao động theo từng khâu, từng vị trí, gắn với quy trình công nghệ và yêu cầu sản xuất, làm cơ sở điều chỉnh hao phí lao động, xây dựng đơn giá tiền lương sát thực tế.

Rà soát, chuẩn hóa chức năng, nhiệm vụ các phòng Tổng công ty đảm bảo đúng quy định; rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2025–2030, đề xuất nhân sự và thực hiện thay đổi Người đại diện tại các công ty cổ phần, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

* Về chăm lo nâng cao chất lượng môi trường lao động và tăng năng suất lao động:

Điều kiện làm việc của người lao động từng bước được cải thiện theo hướng an toàn hơn, sạch hơn và phù hợp hơn với đặc thù sản xuất công nghiệp, khai thác khoáng sản và luyện kim. Công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống bệnh nghề nghiệp tiếp tục được quan tâm đúng mức; việc trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động, cải thiện thông gió, chiếu sáng, môi trường làm việc tại các vị trí nặng nhọc, độc hại được tăng cường, góp phần giảm thiểu rủi ro, bảo vệ sức khỏe người lao động.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, từng bước cơ giới hóa, tự động hóa tại một số khâu sản xuất trọng điểm; cải tiến quy trình công nghệ, tối ưu hóa dây chuyền sản xuất, qua đó góp phần nâng cao năng suất lao động, giảm cường độ lao động thủ công và tăng hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực. Việc xây dựng, rà soát định mức lao động, gắn tiền lương với năng suất và hiệu quả công việc được triển khai đồng bộ, tạo động lực khuyến khích người lao động nâng cao tay nghề, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp.

* Về tình hình thực hiện các kế hoạch tuyển sinh, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật cho người lao động:

Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch tuyển dụng, đào tạo năm 2025 phù hợp với nhu cầu nhân lực và tình hình sản xuất kinh doanh thực tế. Trọng tâm là tuyển dụng nguồn lao động chất lượng cao phục vụ các chương trình cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự trong các lĩnh vực quản lý then chốt như: quản trị chi phí, kế toán, định mức lao động, pháp chế, v.v... Chủ trương ưu tiên tuyển dụng lao động sẵn có trên thị trường, chỉ tổ chức đào tạo nghề đối với những vị trí có nguồn cung khan hiếm đã góp phần tiết giảm chi phí, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng và đào tạo. Trên cơ sở kết quả đạt được, Tổng công ty cũng đã triển khai xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2026.

Năm 2025, Tổng công ty đã phối hợp tổ chức 03 lớp đào tạo công nhân kỹ thuật nghề khai thác mỏ hầm lò và cơ điện mỏ hầm lò với 95 lượt học viên; mở 43 lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho trên 299 lượt cán bộ, chuyên viên; đồng thời tự tổ chức 03 lớp đào tạo nội bộ với 380 lượt người tham gia. Tổng kinh phí thực hiện công tác đào tạo năm 2025 đạt trên 5 tỷ đồng.

* Về tình hình thực hiện công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng, bảo đảm các chế độ, chính sách khác đối với người lao động:

Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động của Công ty mẹ cũng như các Công ty con thực hiện theo quy định tại Nghị định 44/2025/NĐ - CP và Quy chế quản lý lao động tiền lương. Ngay từ đầu năm, Tổng công ty tiến hành giao khoán đơn giá tiền lương kế hoạch cho các Chi nhánh trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh kèm theo. Đối với các Công ty con, Tổng công ty kiểm tra, giám sát và có ý kiến thẩm định đối với người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty để biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Căn cứ quy chế quản lý Lao động tiền lương của Công ty mẹ Tổng công ty, Tổng công ty trích dự phòng tiền lương để dự phòng giải quyết những trường hợp phát sinh bất thường trong năm; quỹ tiền lương còn lại giao khoán hết cho các đơn vị. Xây dựng và thực hiện Kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi năm 2025 bảo đảm đúng quy định, công khai, minh bạch, sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, gắn với kết quả SXKD và mức độ đóng góp của NLD; ưu tiên chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Tổng công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước đối với người lao động, đồng thời tạo điều kiện tối đa để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động như: đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, ngoài chế độ BHXH, BHYT theo quy định của pháp luật, tổ chức và hỗ trợ kinh phí cho người lao động đi điều dưỡng, tham quan nghỉ mát, khám sức khỏe định kỳ, may đồng phục, quan tâm chăm lo động viên thân nhân người lao động trong dịp lễ, tết và thăm hỏi hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn, khắc phục hậu quả mưa bão hoặc bị ảnh hưởng do tai nạn. Tổ chức Hội nghị đối thoại định kỳ với người lao động năm 2025, đảm bảo tính dân chủ, minh bạch và ghi nhận đầy đủ ý kiến của người lao động.

* Về công tác an sinh xã hội đối với người lao động và địa phương:

Tổng công ty chú trọng quan tâm thực hiện tốt công tác an sinh xã hội. Người lao động được vận động đóng góp xây dựng các quỹ từ thiện (Quỹ mái ấm công đoàn, Quỹ phụ nữ nghèo). Tổng công ty trích từ chi phí hoặc từ quỹ phúc lợi ủng hộ địa phương, đơn vị, gia đình người lao động khó khăn; tặng quà, hỗ trợ gia đình thương binh, gia đình liệt sỹ, ủng hộ các tổ chức, hội tại địa phương; khắc phục hậu quả do mưa bão, sạt lở gây ra, ... Tổng số tiền chi cho công tác an sinh xã hội cả năm 2025 toàn Tổng công ty là 155 tỷ đồng.

3.5. Công tác quản trị doanh nghiệp

3.5.1 Công tác quản lý tài sản, tài chính tại doanh nghiệp

Tổng công ty chủ động xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch SXKD và ĐTXD. Cân đối dòng tiền hàng tháng, thu xếp và bố trí nguồn vốn đảm bảo đáp ứng nhu cầu SXKD và các dự án đầu tư. Do dòng tiền từ doanh thu bán hàng tốt nên Tổng công ty đã giảm vốn vay ngắn hạn, giảm chi phí lãi vay. Các biện pháp phòng ngừa rủi ro tài chính tiếp tục được triển khai, giúp ổn định tình hình tài chính trong bối cảnh thị trường biến động.

Thường xuyên cập nhật diễn biến lãi suất, phí của thị trường vốn để sử dụng linh hoạt các sản phẩm tín dụng nhằm giảm chi phí tài chính. Bên cạnh đó, áp dụng kết hợp các hình thức thanh toán, đặc biệt tăng cường hình thức bù trừ công nợ.

Lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị các quý và thực hiện công bố thông tin đúng thời hạn quy định. Thường xuyên cập nhật các quy định mới về chính sách TCKT, thuế, phối hợp cơ quan Thuế các địa phương thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách theo quy định, quyết định của các đoàn thanh tra, kiểm toán.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu tài chính năm 2025 như sau:

- Định mức tín dụng ngắn hạn (tỷ đồng): 1.090/ KH 1.830
- Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn (lần): 0,99
- Hệ số Nợ phải trả/ Vốn CSH (lần): 0,79

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính của Tổng công ty trong năm đều đảm bảo, Tổng công ty bảo toàn và phát triển vốn; hệ số nợ/vốn chủ sở hữu ở mức an toàn; Khả năng thanh toán hiện hành tốt; Trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định...

3.5.2 Công tác quản trị chi phí nội bộ, thuế ngoài, sử dụng vật tư trong ngành.

* Công tác quản trị chi phí

Công tác quản trị chi phí của Tổng công ty trong năm 2025 có nhiều đổi mới và cập nhật hơn để phù hợp với yêu cầu quản lý ngày càng cao của Tổng công ty và Tập đoàn. Việc đồng bộ hoá các nội dung công việc từ kế hoạch KTCN đến kế hoạch SXKD tại Công ty mẹ dẫn đi vào nề nếp, hạn chế các chi phí phát sinh ngoài kế hoạch KTCN. Tuy nhiên, Chất lượng công tác lập kế hoạch một số đơn vị chưa cao, thiếu tính tiên lượng trong xây dựng kế hoạch chi phí. Cụ thể:

- Về kiểm tra quy chế, quy định công tác quản trị chi phí: Tổng công ty đã kiểm tra công tác cập nhật và ban hành quy định về công tác quản trị chi phí, triển khai giao giá từ các chi nhánh xuống các phân xưởng và công tác nghiệm thu chi phí hàng tháng của các chi nhánh; đã ban hành văn bản hướng dẫn công tác quản trị chi phí tại các chi nhánh. Đối với các công ty cổ phần, Tổng công ty đã kiểm tra công tác khoán QTCP tại các đơn vị, quá trình kiểm tra đã yêu cầu đơn vị ban hành bổ sung các quy chế, quy định quản lý phù hợp với quy chế, quy định của Tổng công ty.

- Công tác giao giá nội bộ, kiểm soát chi phí: Việc giao giá được thực hiện ngay từ đầu năm, đã tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động hơn trong điều hành sản xuất. Công tác quản lý giá thành của các đơn vị đã có những chuyển biến tích cực. Định kỳ hàng quý tổ chức kiểm soát chi phí tại các Chi nhánh Mộ tuyến, Chi nhánh Luyện đồng thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty.

- Về chế độ khen thưởng/kỷ luật trong công tác khoán QTCP: Trong năm đã gắn việc đánh giá tiết kiệm/bội chi hàng quý tại các chi nhánh với việc chấm điểm đánh giá thực hiện

nhiệm vụ hàng quý của Chi nhánh. Từ đó làm cơ sở bổ sung tiền lương động viên khen thưởng các chi nhánh trong công tác tiết kiệm chi phí hàng quý.

- Về quản trị chi phí phát sinh tại các Chi nhánh: Việc quản lý và thẩm định chi phí phát sinh của các chi nhánh được thực hiện đúng theo quy định về quản trị chi phí của Tổng công ty và tập đoàn. Trong năm, Tổng công ty đã tổng hợp và báo cáo Tập đoàn các công việc và chi phí phát sinh ngoài kế hoạch được giao, đồng thời bổ sung chi phí kịp thời cho các đơn vị.

** Công tác quản lý mua sắm vật tư*

- Công tác quản lý mua sắm vật tư: Bám sát KHKT và SXKD đã được phê duyệt để xây dựng KH cung ứng vật tư phục vụ sản xuất, sửa chữa đảm bảo kịp thời, hạn chế tối đa tồn kho vật tư, ứ đọng vốn. Tuân thủ quy trình, trình tự mua sắm theo đúng quy định và các văn bản hướng dẫn của TKV.

- Về việc sử dụng sản phẩm nội bộ do các đơn vị trong TKV sản xuất, gia công, chế tạo (dầu nhờn Cominlub, vật tư đúc các loại,...), Tổng công ty đã chỉ đạo và hướng dẫn các đơn vị thành viên sử dụng các sản phẩm này cho sản xuất trên cơ sở giá cả cạnh tranh, minh bạch, cam kết chất lượng đảm bảo.

3.6. Công tác an toàn, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ, công tác quân sự

- Tổng công ty đã ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện công tác ATVSLĐ, BVMT, ANTT: Nghị quyết số 15-NQ/ĐU ngày 10/01/2025 của Đảng ủy Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2025; Nghị quyết số 25-NQ/ĐU ngày 20/01/2025 về công tác an ninh - quốc phòng năm 2025; Nghị quyết số 26-NQ/ĐU ngày 20/01/2025 của Đảng ủy Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP về công tác đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động năm 2025; Nghị quyết số 189 NQLT/TGD-CĐTKS-ĐTN ngày 20/01/2025 Nghị quyết liên tịch giữa Tổng giám đốc, Công đoàn và Đoàn thanh niên Tổng công ty Khoáng sản - TKV "V/v thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động năm 2025"...

- Đã chủ động xây dựng kế hoạch và thực hiện kiểm tra công tác PCTT-TKCN; công tác quản lý tài nguyên; công tác bảo vệ và phòng cháy chữa cháy; công tác quản lý kỹ thuật an toàn; công tác bảo vệ ra, vào mỏ và các kho vật liệu nổ công nghiệp; ...

- Tổ chức hội thi An toàn vệ sinh viên giỏi cấp Tổng công ty và tham gia hội thi An toàn vệ sinh viên giỏi cấp Tập đoàn; Tham gia hội thi cấp cứu mỏ bán chuyên của TKV năm 2025 đạt hiệu quả thiết thực.

- VIMICO cùng các đơn vị thường xuyên theo dõi và chinh định công nghệ, chủ động kiểm soát các nguồn nước thải, khí thải, chất thải rắn đảm bảo theo quy chuẩn cho phép về môi trường. Củng cố các trạm/chốt kiểm soát phương tiện ra vào ranh giới mỏ; xây dựng, kiện toàn lực lượng bảo vệ, phòng ngừa vi phạm, phòng chống gian lận đối với những khu vực dễ phát sinh tiêu cực; làm tốt công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ trong khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản. Công tác bảo vệ, quân sự, ANTT toàn Tổng công ty thực hiện tốt các mục tiêu đề ra, đảm bảo môi trường an toàn cho hoạt động SXKD ổn định.

- Giá trị dự kiến thực hiện công tác AT-VSLĐ cả năm 2025 đạt 70.761 /KH 73.478 triệu đồng, bằng 96,3%KH; Giá trị thực hiện chi phí môi trường thường xuyên cả năm 2025

đạt 40.709 /KH 48.857 triệu đồng, bằng 83% KH; Công tác PCTT-TKCN, PNUCSC cả năm 2025 của Tổng công ty 80.814 /KH 85.623 triệu đồng, bằng 94,38% KH.

IV. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026

1. Nhận định tình hình

Tình hình kinh tế thế giới thời gian qua tuy có một số tín hiệu tích cực nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều biến động, đặc biệt là tác động từ xung đột tại Iran và các quốc gia khu vực Vùng Vịnh làm giá dầu tăng cao, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí nguyên, nhiên vật liệu đầu vào của Tổng công ty. Xu hướng gia tăng của các chi phí đầu vào như vật tư, nguyên nhiên vật liệu tiếp tục tạo áp lực lên giá thành sản xuất. Trong khi đó, giá bán các sản phẩm kim loại màu hiện đang duy trì ở mức thuận lợi, góp phần hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, dự báo thời gian tới hoạt động SXKD của Tổng công ty vẫn còn nhiều khó khăn do giá nguyên liệu đầu vào biến động mạnh, thị trường khoáng sản diễn biến khó lường; điều kiện khai thác ngày càng xuống sâu, hàm lượng quặng nghèo dần; công tác phát triển tài nguyên, giải phóng mặt bằng và triển khai các dự án đầu tư xây dựng còn chậm tiến độ. Đặc biệt, việc xin cấp giấy phép khai thác mỏ, điều chỉnh thiết kế mỏ và đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định cho các nhà máy luyện kim vẫn gặp nhiều khó khăn.

2. Mục tiêu năm 2026

- Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tổng công ty: 13.841 tỷ đồng.
- Lợi nhuận: 2.042 tỷ đồng, trong đó: Công ty mẹ: 1.984 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách: dự kiến 1.880 tỷ đồng.
- Tổng số lao động bình quân: 5.142 người.
- Thu nhập bình quân: 17,26 tr.đ/ng/tháng KH.
- Giá trị thực hiện đầu tư: 750 tỷ đồng.
- Kế hoạch trả cổ tức năm 2026: $\geq 15\%$
- Các sản phẩm sản xuất, tiêu thụ và một số chỉ tiêu sản xuất chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH NĂM 2026
1	Thành phẩm sản xuất		
1.1	Tinh quặng đồng quy 25% Cu	tấn	88.796
1.2	Đồng tấm Katốt 99,95% Cu	tấn	30.000
1.3	Kẽm thoi 99,95%Zn	tấn	8.316
1.4	Thiếc thoi 99,75% Sn	tấn	180
	- KSLK Cao Bằng	tấn	120
	- Thái Nguyên	"	60
1.5	T.Quặng sắt 57-60%Fe	tấn	223.130
	- Mỏ sắt Kíp Tước	"	83.860
	- Mỏ tuyển đồng Sin Quyền	"	139.270
1.6	Phôi thép	tấn	165.000
1.7	Tinh quặng chì 50% Pb	tấn	3.717
1.8	AxitSunfuric	tấn	128.726
	- Luyện đồng Lào Cai	tấn	117.319
	- Thái Nguyên	tấn	11.407
1.9	Vàng	kg	940
	- Luyện đồng Lào Cai	kg	939

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH NĂM 2026
	- Vàng cám Cao Bằng	kg	1
1.10	Bạc	kg	2.995
2	Sản phẩm tiêu thụ		
2.1	Đồng tấm Katốt 99,95% Cu	tấn	30.000
2.2	Kẽm thỏi 99,95% Zn	tấn	8.316
2.3	Thiếc thỏi 99,75% - 99,95% Sn	tấn	179
	- KSLK Cao Bằng	tấn	120
	- Thái Nguyên	tấn	59
2.4	Quặng sắt 57-60% Fe	tấn	210.724
	- Mỏ sắt Kíp Tước	"	80.050
	- Mỏ tuyển đồng Sin Quyền	"	130.674
2.5	Phôi thép	Tấn	160.000
2.6	Tinh quặng chì	tấn	3.717
2.7	Axit Sunfuric	tấn	134.328
	- Luyện đồng Lào Cai	tấn	117.319
	- Thái Nguyên	tấn	17.009
2.8	Vàng	kg	938
2.9	Bạc	kg	3.313

- Mỏ đồng Sin Quyền: Khối lượng đất đá bóc: 20,5 triệu m³. Quặng nguyên khai: 2,05 triệu tấn, hàm lượng 1,059% Cu.

- Mỏ đồng Vi Kẽm: Quặng khai thác: 250.000 tấn, hàm lượng 0,712% Cu. Đào lò CBSX: 6.230 mét.

3. Các giải pháp để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu trong kế hoạch, khắc phục các tồn tại, hạn chế

Triển khai kế hoạch SXKD năm 2026, bên cạnh những thuận lợi như đã nhận định, một số khó khăn trực tiếp đã xuất hiện từ cuối năm 2025 như: công tác xin cấp phép khai thác, điều chỉnh gia hạn giấy phép khai thác tại một số đơn vị; tiến độ triển khai một số dự án dự án đầu tư chậm tiến độ, hoạt động SXKD của một số đơn vị tiếp tục gặp nhiều khó khăn... Đứng trước tình hình đó, Tổng công ty xác định một số giải pháp trọng tâm cần triển khai trong năm 2026:

3.1. Công tác xin cấp phép và gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản:

Tổng công ty xác định đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2026 của các đơn vị, do đó cần quyết liệt chỉ đạo, bám sát các cơ quan nhà nước để tranh thủ sự ủng hộ của Chính quyền địa phương và sự giúp đỡ của Tập đoàn, sớm hoàn thành việc xin cấp phép và điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản tại các đơn vị, cụ thể:

+ Cấp phép khai thác của Dự án MRNCS mỏ đồng Sin Quyền: Tiếp tục bám sát các sở ngành và UBND tỉnh Lào Cai đề nghị đưa 13,50 ha thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản (rừng phòng hộ) tại QĐ 1407 ra khỏi khu vực cấm hoạt động khoáng sản, nhằm giải quyết triệt để vướng mắc này, làm cơ sở Cục ĐC&KS Việt Nam tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp phép khai thác. Phần đầu hoàn thành cấp phép khai thác dự án trong quý I/2026.

+ Cấp phép/Gia hạn giấy phép khai thác tại các công ty cổ phần: Tiếp tục bám sát các cơ quan quản lý nhà nước, hoàn thiện hồ sơ và đẩy nhanh tiến độ xin cấp phép/ gia hạn giấy phép đúng tiến độ.

3.2. Công tác Đầu tư xây dựng:

+ Tập trung chỉ đạo và huy động mọi nguồn lực cho các dự án quan trọng nhằm đẩy nhanh tiến độ CBĐT; Tiếp tục phối hợp làm việc với các sở ngành, địa phương để tìm giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác GPMB và tái định cư phục vụ các dự án phát triển sản xuất (Khai thác mỏ sắt Nà Rạ; dự án Mở rộng nâng công suất mỏ đồng Sin Quyền; ...).

+ Tập trung đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư cho các dự án đã có trong kế hoạch ĐTXD 2026; Kiểm soát chặt chẽ tiến độ hàng tháng, hàng quý, phối hợp các bên thực hiện các biện pháp đẩy nhanh tiến độ các dự án chuyển tiếp và các dự án khởi công mới trong kế hoạch ĐTXD.

+ Tăng cường quản lý, giải quyết kịp thời các phát sinh thẩm định và phối hợp các bên để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình đã khởi công/các dự án được chuyển bước.

+ Tập trung quản lý các công trình/dự án đã khởi công; tăng cường công tác nghiệm thu, thanh quyết toán để tăng giá trị giải ngân.

+ Tranh thủ ý kiến chỉ đạo/tháo gỡ khó khăn của các cấp có thẩm quyền để triển khai việc tháo gỡ vướng mắc đã tồn tại nhiều năm của một số dự án (Đầu tư XDCT khai thác, chế biến quặng đất hiếm mỏ Đông Pao; dự án Khai thác lộ thiên mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ, ...).

+ Tiếp tục tăng cường đào tạo, bổ sung đội ngũ nhân sự thực hiện công tác đầu tư và QLDA; rà soát bổ sung sửa đổi, ban hành mới các quy định/quy chế QLĐT để phù hợp với các quy định mới của Nhà nước.

3.3. Công tác thăm dò phát triển tài nguyên:

+ Trên cơ sở quy hoạch khoáng sản tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch khoáng sản; nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp cho 02 nhà máy luyện đồng, cần tích cực và chủ động làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc triển khai các đề án thăm dò mới, thăm dò nâng cấp trữ lượng trong Giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó tập trung hoàn thiện các đề án xin cấp giấy phép thăm dò mở rộng khu mỏ Sin Quyền, khu Đông Nam và nghiên cứu lập đề án thăm dò mở rộng mỏ Vi Kẽm.

+ Hỗ trợ các công ty, đơn vị trong công tác thăm dò phát triển tài nguyên, thăm dò nâng cấp trữ lượng... đối với khoáng sản chì kẽm, thiếc, sắt nhằm ổn định sản xuất, cung cấp nguồn nguyên liệu cho các nhà máy tuyển, luyện kim.

+ Triển khai các nhiệm vụ khảo sát, thăm dò phục vụ khai thác để nâng cao độ tin cậy trong khai thác mỏ, đảm bảo tiến độ, chất lượng đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất và quản lý kỹ thuật mỏ địa chất.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thi công các đề án thăm dò mới, thăm dò trong ranh giới GPKT, thăm dò phục vụ khai thác đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, thực hiện đúng quy định của nhà nước, TKV và VIMICO. Đồng thời, tăng cường quản lý tài nguyên khoáng sản, ranh giới mỏ theo quy định của TKV và Tổng công ty.

3.4. Công tác khai thác mỏ:

+ Đối với mỏ đồng Sin Quyền: Căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch phê duyệt, tăng cường huy động thiết bị để gia tăng khối lượng bóc thải theo Giấy phép KTKS được cấp mới để hoàn thành kế hoạch KTCN năm 2026 và các năm tiếp theo. Do mỏ Sin Quyền bắt đầu giai đoạn mở rộng; quy mô sản xuất lớn nhất từ trước tới nay, do đó cần đầu tư, đưa vào sử dụng các đồng bộ thiết bị cỡ lớn để gia tăng sản lượng. Tập trung từng bước cải tạo hệ thống khai thác (tăng 12 mét thành tăng 15 mét), mở rộng các tầng công tác, tuyến đường vận tải phù hợp với quy mô sản xuất, thiết bị đầu tư mới. Ngoài ra cần xây dựng các phương án tổ chức sản xuất, ứng dụng chuyển đổi số, số hóa trong điều hành, quản lý kỹ thuật để nâng cao hiệu quả và quản trị sản xuất.

+ Đối với mỏ đồng Vi Kẽm: Tăng cường thực hiện Phương án khoan thăm dò phục vụ khai thác để tăng mức độ tin cậy về trữ lượng, các thông số địa chất của thân quặng... để chủ động trong đào lò chuẩn bị sản xuất (CBSX) và tổ chức khai thác. Xây dựng phương án thuê ngoài đào lò CBSX, tăng cường thuê ngoài/đầu tư thiết bị khoan RBM đào lò thượng, máy nén khí, máy xúc cào vơ, tàu điện ắc quy 5 tấn, máy khoan tự hành loại nhỏ. Đồng thời, cập nhật kết quả nâng cấp trữ lượng trong ranh giới GPKT số 1688 để tăng cường quản lý tài nguyên và xây dựng kế hoạch khai thác phù hợp. Lập điều chỉnh dự án khai thác mỏ đồng Vi Kẽm và xin điều chỉnh Giấy phép khai thác mỏ đồng Vi Kẽm.

+ Công ty CP KLM Thái Nguyên tổ chức sản xuất tại mỏ Núi Pháo (Hầm lò), mỏ Cúc Đường (Lộ thiên, quặng ô xít chì) đảm bảo hiệu quả, cân đối kế hoạch khai thác tại các mỏ tuân thủ GPKT để thu mua nguồn tinh quặng cho nhà máy kẽm.

+ Công ty CP Gang Thép Cao Bằng tập trung đẩy mạnh công tác đền bù, giải phóng mặt bằng xây dựng các hạng mục dự án, khu tái định cư và điều chỉnh dự án để đưa khu Bắc vào sản xuất trong năm 2026.

+ Công ty CP Khoáng sản 3 hoàn thành điều chỉnh GPKT tại mỏ Kíp Tước, duy trì sản xuất tạo việc làm cho người lao động và phấn đấu đưa dự án mỏ Làng Vinh - Làng Cọ vào sản xuất trong năm 2026.

+ Công ty CP KSLK Cao Bằng hoàn thành xin cấp phép khai thác Bãi thải Thập Lục Phần và tiếp tục đánh giá tài nguyên khả tuyển khu Tây mỏ Tĩnh Túc để xin cấp phép khai thác; hoàn thiện các thủ tục để xin cấp chủ trương và xin cấp phép khai thác mỏ Nà Lũng trong năm 2026. Tiếp tục bám sát, làm việc với địa phương để xin chấp thuận Chủ trương đầu tư Dự án khai thác mỏ thiếc Nậm Kép phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cao Bằng.

3.5. Công tác tuyển khoáng:

+ Tuyển đồng sulfua: Thực hiện duy trì ổn định thiết bị, chỉnh định công nghệ, mục tiêu tinh quặng đồng đạt hàm lượng $\geq 24\%Cu$, tinh quặng sắt đạt hàm lượng $\geq 64\%Fe$ và $S < 1\%$ đối với tinh quặng sắt sản xuất tại Phân xưởng tuyển khoáng 2. Tiếp tục phối hợp nghiên cứu thí nghiệm thuốc tuyển mới. Mục tiêu: Thực thu tuyển đồng đạt $> 93,5\%$, thực thu sắt đạt $\sim 27\%$.

+ Tuyển chì kẽm sulfua: Thực hiện các giải pháp giảm pH trong nước tuần hoàn (pH ~ 9). Sản xuất tinh quặng kẽm đạt hàm lượng $\geq 52\%Zn$, tinh quặng chì đạt hàm lượng $\geq 54\%Pb$. Mục tiêu: Thực thu kẽm $\geq 91,25\%$, thực thu chì $\geq 87\%$.

+ Tuyển chì oxit: Tiếp tục bổ sung thêm bản đái mịn loại 150 nan thay cho loại bản đái mịn loại 92 nan, giúp nâng cao chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ. Mục tiêu: Thực thu tuyển đạt $> 50\%$.

+ Tuyển thiếc - đồng: Tiếp tục phối hợp nghiên cứu các phương án tuyển thu hồi Bismuth; giảm hàm lượng Asen, Bismuth trong tinh quặng đồng. Mục tiêu: Thực thu tuyển thiếc $\geq 58\%$, thực thu tuyển đồng $\geq 81\%$.

+ Tuyển bạc từ bùn thủy luyện tại Nhà máy kẽm điện phân: Ổn định thiết bị, chỉnh định công nghệ, nâng cao hàm lượng bạc trong tinh quặng > 3000 g/tấn. Mục tiêu: Thực thu tuyển đạt $> 50\%$.

+ Tuyển thiếc sa khoáng: Duy trì hoạt động ổn định 04 hệ tuyển thô, 01 hệ tuyển tinh, duy trì 02 hệ tuyển thô để dự phòng. Mục tiêu: Thực thu tuyển thô đạt 80% , thực thu tuyển tinh đạt 95% , tinh quặng thiếc quy $70\%Sn$ đạt ≥ 180 tấn (quy thiếc thời $99,75\%Sn$ đạt ≥ 120 tấn).

+ Tuyển sắt (Nà Rụạ, Kíp Tước & Làng Vinh - Làng Cọ): Phối hợp thực hiện các giải pháp ổn định thiết bị, ổn định công nghệ. Đưa xưởng tuyển Nà Rụạ vào sản xuất sau khi khu Bắc mỏ sắt Nà Rụạ được phép khai thác. Tiếp tục thu hồi sắt trong các bãi chứa quặng đuôi tại xưởng tuyển Kíp Tước. Tiếp tục phối hợp nghiên cứu công nghệ tuyển phù hợp với tính chất quặng nguyên khai tại Mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ.

+ Tuyển xỉ đồng: Thực hiện tuyển hết xỉ các lò luyện sinh ra trong kỳ, thử nghiệm sử dụng thuốc tuyển mới. Mục tiêu: Hàm lượng đồng trong xỉ đuôi tuyển đạt $\leq 0,32\%Cu$ (Tuyển xỉ 1 đạt $\leq 0,35\%Cu$, Tuyển xỉ 2 đạt $\leq 0,3\%Cu$).

3.6. Công tác Luyện kim:

+ Sản xuất Đồng cathode và sản phẩm đi kèm: Thực hiện các giải pháp ổn định thiết bị. Cân đối sử dụng tinh quặng đồng phù hợp ngay từ quý I/2026 nhằm tránh mất cân đối tỷ lệ tinh quặng đồng cung cấp - sử dụng trong giai đoạn cuối năm tại 2 nhà máy luyện.

Vận hành hợp lý, có hiệu quả lò điện 1.500 KVA ở cả hai nhà máy để xử lý triệt để bán thành phẩm tồn kho, chuyển tối đa bán thành phẩm về dạng đồng dương cực. Vận hành ổn định dây chuyền sản xuất Đồng sulfat và xử lý dung dịch điện phân ở Nhà máy luyện 2 để khống chế tạp chất trong dung dịch điện phân, đảm bảo chất lượng sản phẩm. Vận hành hệ thống làm nguội chậm xỉ lò ở Nhà máy luyện 1 để đảm bảo chỉ tiêu công nghệ chung của nhà máy.

+ Sản xuất kẽm thời: Tiếp tục ổn định thiết bị, hoàn thiện công nghệ bán thủy luyện, giám sát chất lượng dung dịch điện phân để kịp thời rửa bể nhằm đảm bảo chất lượng kẽm lá. Thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả vận hành lò quay để xử lý bùn thủy luyện. Mục tiêu: Thực thu Zn đạt 94% .

+ Sản xuất gang thép: Phối hợp thực hiện các giải pháp ổn định thiết bị, tăng cường kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào. Linh hoạt điều chỉnh tỷ lệ phối trộn, vận hành chế độ công nghệ lò cao theo tính chất quặng và than cốc. Sử dụng liệu nguội hợp lý theo thứ tự ưu tiên: không có phế phẩm, giảm tiêu hao kim loại, bảo vệ nội hình lò. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm phối thép trước khi nhập kho và xuất bán.

3.7. Công tác Cơ điện:

+ Xây dựng kế hoạch huy động và sử dụng năng lực thiết bị hiện có tại các đơn vị đạt năng suất yêu cầu và hiệu quả sản xuất. Điều phối hợp lý năng lực thiết bị giữa các đơn vị trong Tổng công ty, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng thiết bị cho sản xuất. Đầu tư thiết bị khai thác, vận tải mỏ lộ thiên có năng suất cao, bổ sung năng lực thiết bị, thay thế thiết bị hết khấu hao, cũ hỏng, xuống cấp như máy xúc $> 6,5m^3$, xe ô tô $> 55T, 90T, \dots$

+ Áp dụng các giải pháp tiên bộ khoa học kỹ thuật trong quản lý kỹ thuật cơ điện nhằm gia tăng năng lực thiết bị và nâng cao hiệu quả sản xuất. Tăng cường công tác chế tạo các sản phẩm cơ khí và sử dụng vật tư phụ tùng trong nước thay thế vật tư phụ tùng nhập khẩu. Đẩy mạnh triển khai các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa như: giải pháp sử dụng năng lượng điện mặt trời tại các đơn vị nhằm tiết giảm chi phí sản xuất; cải tạo nâng cấp các hệ thống/dây chuyền thiết bị tuyển khoáng, luyện kim; hệ thống giám sát, điều khiển tại trạm điện trung thế,...

+ Giám sát chặt chẽ công tác SCTX, việc thực hiện tuân thủ định ngạch sửa chữa các cấp. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có thiết bị trong công tác TĐT thiết bị đảm bảo chất lượng, giá trị, tiến độ nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác TĐT thiết bị đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.

3.8. Công tác chuyển đổi số:

Trên cơ sở Đề án chuyển đổi số, năm 2026 chú trọng thực hiện các nội dung sau:

+ Tự động hóa và kết nối chuỗi giá trị: Số hóa toàn bộ quy trình từ sản xuất, quản lý đến điều hành, cho phép kết nối liền mạch giữa các hệ thống và phân hệ (sản xuất, kỹ thuật, kho bãi, phân phối, v.v.), nâng cao hiệu quả và minh bạch trong quản trị (xây dựng hệ thống quản lý tích hợp An toàn - Môi trường; xây dựng hệ thống quản lý kỹ thuật mỏ địa chất chuyên ngành;...).

+ Quản trị dựa trên dữ liệu: Xây dựng nền tảng phân tích dữ liệu tập trung, nơi tất cả thông tin từ sản xuất đến quản trị nội bộ được tập trung và đồng bộ. Từ đó, doanh nghiệp có thể theo dõi tình hình SXKD theo thời gian thực, phân tích chuyên sâu và ra quyết định kịp thời (xây dựng nền tảng dữ liệu số (Enterprise Data Warehouse),...

+ Ứng dụng công nghệ 4.0: Triển khai công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), hệ thống điều hành sản xuất (MES), điện toán đám mây (Cloud), báo cáo thông minh (BI) để tối ưu hóa hoạt động khai thác chế biến khoáng sản và quản lý điều hành (đầu tư hạ tầng CNTT (mạng Private 5G).

+ An toàn thông tin: Đầu tư hoàn thiện hạ tầng CNTT, đẩy mạnh xây dựng đám mây riêng, áp dụng biện pháp bảo mật nâng cao nhằm đảm bảo an ninh cho hệ thống IT/OT, bảo vệ dữ liệu doanh nghiệp (bảo mật thông tin phục vụ quản trị thông minh (BI) tại Tổng công ty,...).

3.9. Công tác quản trị chi phí:

- Giao kế hoạch SXKD năm 2026 cho các đơn vị ngay từ đầu năm. Chỉ đạo các đơn vị bám sát kế hoạch điều hành sản lượng và chi phí được Tổng công ty giao. Các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch điều hành SXKD trong đó các chỉ tiêu sản lượng sản xuất và hiệu quả kinh tế không thấp hơn các chỉ tiêu được VIMICO thông qua. Hạn chế tối đa các chi phí phát sinh ngoài kế hoạch được VIMICO giao đầu năm, đặc biệt tại các Chi nhánh.

- Nâng cao chất lượng công tác nghiệm thu khoán quản trị chi phí của Tổng công ty với các đơn vị và nghiệm thu chi phí nội bộ các đơn vị. Tập trung quản trị chi phí tại các đơn vị và các khâu phát sinh chi phí lớn:

+ Đối với chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền: tập trung giao khoán và quản trị chi phí khâu khai thác lộ thiên và hầm lò Vi kềm. Trong đó, Khâu khai thác lộ thiên thực hiện giao giá và đánh giá việc thực hiện các định mức tiêu hao theo định mức ban hành theo quyết định 112, tiến tới giao và nghiệm thu chi phí trên cơ sở đơn giá tổng hợp các công đoạn khai thác của mỏ. Đối với mỏ hầm lò Vi kềm, cùng với các giải pháp điều hành nâng cao sản lượng khai thác, ổn định công nghệ sản xuất, tiếp tục theo dõi và đánh giá việc thực

hiện các chỉ tiêu định mức tiêu hao vật tư ban hành theo quyết định số 1147/QĐ-VIMICO ngày 28/11/2025 để ban hành điều chỉnh bổ sung kịp thời.

+ Đối với CTCP Gang thép Cao Bằng: Tập trung giải pháp điều hành ổn định nguồn cung ứng nguyên liệu cho nhà máy, chú trọng nguồn cung ứng tinh quặng sắt và sắt thép phế chất lượng cao, đảm bảo hoạt động liên tục của lò luyện. Bám sát nhu cầu và giá bán các sản phẩm phối thép để điều hành sản lượng sản xuất phối thép đảm bảo hiệu quả sản xuất tối ưu.

+ Đối với CTCP kim loại màu Thái Nguyên: Người đại diện quản lý vốn tại công ty chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất tối đa kèm thời tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên: Tối đa sản lượng kẽm thời sản xuất từ tinh quặng tại 2 mỏ Làng Hích và Chợ Điền, đồng thời tìm kiếm nguồn tinh quặng để thu mua hoặc gia công để phát huy hết hiệu quả thiết bị và dây chuyền luyện kim tại nhà máy kẽm.

- Tiếp tục triển khai việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng quý đối với các Chi nhánh. Là cơ sở bổ sung tiền lương và khen thưởng công tác tiết kiệm chi phí của Tổng công ty cho các đơn vị.

3.10. Công tác Tài chính- Kế toán

Xây dựng Kế hoạch tài chính phù hợp với KH SXKD, ĐTXD năm 2026 đã được phê duyệt, thường xuyên cập nhật diễn biến thị trường để điều chỉnh Kế hoạch tài chính phù hợp.

Triển khai áp dụng Thông tư 99/2025 về Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp như: ban hành các quy định quản trị nội bộ, cập nhật, sửa đổi các mẫu biểu báo cáo, hệ thống tài khoản kế toán phù hợp với quy định tại Thông tư 99.

Giải quyết dứt điểm các tồn tại theo kiến nghị của các đoàn Thanh kiểm tra.

3.11. Công tác ATLĐ, VSCN, BVMT, ANTT:

Tăng cường công tác ATLĐ, VSCN, BVMT trong hoạt động sản xuất theo hướng tự chủ an toàn và trách nhiệm người đứng đầu tại các đơn vị. Mục tiêu toàn Tổng công ty không để xảy ra TNLĐ nghiêm trọng và sự cố môi trường. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động “an ninh tự quản”, phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người đứng đầu các công trường, phân xưởng trong công tác đảm bảo ANTT; phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn thể CBCNV-NLĐ trong công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ sản xuất, giữ gìn ANTT đơn vị.

3.12. Công tác tiêu thụ sản phẩm:

Đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm, mở rộng thị trường để đảm bảo đầu ra ổn định cho các sản phẩm chủ lực như đồng, kẽm, thiếc, chì... Thường xuyên tìm hiểu nghiên cứu diễn biến về thị trường để phối kết hợp chặt chẽ với TKV, các Chi nhánh, đơn vị và Khách hàng để chủ động, kịp thời tháo gỡ khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, tạo thuận lợi nhất cho khách hàng trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc an toàn cao về tài chính. Đối với các sản phẩm đặc thù như Axit, thạch cao, Xi tuyển cần phải thường xuyên nắm bắt tình hình thị trường, trao đổi với khách hàng để có giải pháp tiêu thụ linh hoạt và kịp thời. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm, đảm bảo sản phẩm xuất xưởng với chất lượng tốt nhất và không thấp hơn tiêu chuẩn đã công bố.

3.13. Công tác Lao động tiền lương:

Tập trung thực hiện mô hình tổ chức và định biên Tổng công ty phù hợp với Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2025-2030 sau khi được TKV phê duyệt. Rà soát, điều chỉnh định biên quản lý, phục vụ phụ trợ theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

Tiếp tục quan tâm đến đời sống người lao động, cải thiện điều kiện làm việc và tổ chức các phong trào thi đua lao động, góp phần nâng cao tinh thần làm việc và sự gắn kết trong đội ngũ công nhân viên, lao động. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách với người lao động. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế trả lương; đẩy mạnh trả lương theo hiệu quả (KPI) đối với bộ máy quản lý và chuyên môn nghiệp vụ tại các đơn vị để nâng cao trách nhiệm, hiệu quả công việc.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025, triển khai nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2026 của Tổng công ty. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các quý vị cổ đông để Hội đồng quản trị và Ban điều hành tiếp tục hoàn thiện, xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch để triển khai thực hiện.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng của Quý vị cổ đông đã sát cánh, đồng hành với Tổng công ty trong suốt năm qua, đồng thời đánh giá cao sự nỗ lực và tinh thần đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên, cùng nhau xây dựng Tổng công ty ngày càng phát triển.

Xin kính chúc các Quý vị cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận: 
 - ĐHĐCĐ Tcty (b/c);
 - HĐQT (e-copy; b/c);
 - BKS (e-copy);
 - Ban GD (e-copy);
 - Lưu VP, KH.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 TV.HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trịnh Văn Tuệ

Số: 593/BC-VIMICO

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty năm 2026

Thực hiện nội dung, chương trình công tác hàng năm do Đại hội đồng cổ đông giao, Hội đồng quản trị Tổng công ty xin báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và đề ra nhiệm vụ chủ yếu trong năm 2026 như sau:

PHẦN I

Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025

I. Tổng quan chung

Năm 2025 là một năm đầy khó khăn và thử thách đối với Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP. Mô đồng Sin Quyền chịu ảnh hưởng nặng nề của sụt trượt bờ moong, diện khai thác ngày càng chật hẹp, thủ tục cấp phép mở rộng nâng công suất còn nhiều vướng mắc, công tác bốc xúc đất đá và khai thác quặng gặp rất nhiều khó khăn. Mô Vi Kẽm mới đi vào khai thác, thiếu hụt lao động hầm lò, năng suất chưa cao. Công tác khai thác các mỏ của các công ty con cũng không được thuận lợi do mưa bão, trữ lượng giảm. Giá nguyên liệu đầu vào tăng nhưng giá bán phôi thép giảm mạnh nên Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng hoạt động kém hiệu quả.

Mặc dù vậy, với sự chỉ đạo sát sao của Tập đoàn, sự đoàn kết của Ban lãnh đạo và tập thể người lao động, Tổng công ty đã đạt được kết quả SXKD vượt kế hoạch. Doanh thu hợp nhất toàn Tổng công ty đạt 14.636 tỷ đồng, bằng 115,9% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 2.453,7 tỷ đồng, vượt hơn 2,5 lần kế hoạch; nộp ngân sách Nhà nước 2.220 tỷ đồng. Lao động bình quân toàn Tổng công ty là 5.090 người, thu nhập bình quân đạt 18,336 triệu đồng/người/tháng, riêng Công ty mẹ đạt 22,973 triệu đồng/người/tháng. Về sản lượng sản xuất, nhiều sản phẩm chủ lực hoàn thành và vượt kế hoạch như tinh quặng đồng, đồng tấm, kẽm thỏi, vàng; tuy nhiên sản phẩm thiếc thỏi, bạc và phôi thép chưa đạt kế hoạch do chất lượng đầu vào giảm và đơn vị chủ động điều chỉnh sản xuất để giảm tồn kho.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản được triển khai theo đúng kế hoạch, tổng giá trị thực hiện cả năm đạt 523.213 triệu đồng, bằng 109% kế hoạch; giá trị giải ngân đạt 482.583 triệu đồng, bằng 92,23% giá trị thực hiện. Các dự án trọng điểm cơ bản đảm bảo tiến độ, ngoại trừ một số dự án còn vướng mắc về cơ chế, pháp lý như mỏ sắt Nà Rựa và dự án mở rộng nâng công suất mỏ đồng Sin Quyền. Công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu và quyết toán các dự án hoàn thành được thực hiện đúng quy định, đảm bảo chất lượng và tiến độ.

II. Hoạt động của HĐQT và những kết quả đạt được

Các thành viên HĐQT cụ thể như sau:

1. Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty;
2. Ông Trịnh Văn Tuệ - TV.HĐQT - Tổng Giám đốc Tổng công ty;
3. Ông Đặng Đức Hưng - Thành viên chuyên trách HĐQT;
4. Ông Nguyễn Văn Thái - Thành viên độc lập HĐQT;
5. Ông Ngô Quốc Trung - Thành viên HĐQT, PTGD;

1. Thực hiện nề nếp làm việc

HĐQT đã tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế, Quy định có liên quan. Các cuộc họp đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy chế làm việc, ngoài ra còn tổ chức các cuộc họp đột xuất để giải quyết công việc theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Năm 2025, HĐQT Tổng công ty đã tổ chức 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, 49 phiên họp HĐQT và ban hành 219 nghị quyết theo thẩm quyền.

Tại cuộc họp HĐQT, các thành viên đều nêu cao tinh thần trách nhiệm, tham gia và/hoặc có ý kiến tham gia đầy đủ tất cả các phiên họp hoặc có ý kiến bằng văn bản theo yêu cầu. Theo lĩnh vực được phân công, các thành viên đều hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập luôn thực hiện tốt trách nhiệm giám sát, đánh giá và đưa ra những ý kiến độc lập nhằm bảo vệ lợi ích của cổ đông và các bên liên quan.

Trong các cuộc họp của HĐQT luôn mời Trưởng Ban kiểm soát tham dự và có ý kiến phát biểu, đồng thời trong một số nội dung cụ thể đều mời cán bộ quản lý, người có liên quan, người tư vấn,... tham gia thảo luận, giải trình để HĐQT ra quyết định phù hợp với tình hình thực tế.

Ngoài các cuộc họp chính thức, các TVHĐQT đã phối hợp chặt chẽ, tăng cường trao đổi và tiếp thu ý kiến của Ban kiểm soát, Ban điều hành về các mặt quản lý, chương trình công tác. Theo định kỳ, hàng quý, tháng HĐQT đều có các buổi giao ban với Ban điều hành, các đoàn thể chính trị xã hội. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD của các công ty con, đơn vị trực thuộc để nắm bắt tình hình và định hướng chỉ đạo kịp thời.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Trong năm 2025, HĐQT đã sát sao quản lý, chỉ đạo, ban hành kịp thời các Nghị quyết để thực hiện hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1.1. Các chỉ tiêu chính: Các chỉ tiêu SXKD, ĐTXD chính đã được trình bày và phân tích kỹ trong báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2026 do Tổng giám đốc báo cáo tại Đại hội.

1.2. Đánh giá mức độ bảo toàn và phát triển vốn theo Nghị định 91/2013/NĐ-CP của Chính phủ và TT 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính

1.2.1. Bảo toàn vốn (H):

Công ty mẹ Tổng công ty với hệ số bảo toàn vốn $H = 0,69$ lần (3.504 tỷ đồng/5.071 tỷ đồng)

Hợp nhất toàn Tổng công ty với hệ số bảo toàn vốn $H = 0,73$ lần (4.012 tỷ đồng/5.503 tỷ đồng).

1.2.2. Quản lý vốn chủ sở hữu:

Công ty mẹ: Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2024 là 3.504 tỷ đồng, đến 31/12/2025 là 5.071 tỷ đồng.

Hợp nhất toàn Tổng công ty: Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2024 là 4.012 tỷ đồng, đến 31/12/2025 là 5.503 tỷ đồng.

Trong năm 2025, Công ty mẹ Tổng công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận của năm 2024, cụ thể: chi trả cổ tức 300 tỷ đồng, quỹ khen thưởng phúc lợi 80,62 tỷ đồng, quỹ đầu tư 390 tỷ đồng.

1.2.3. Thực hiện hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2025:

- Tại Công ty mẹ: Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH là 0,57 lần.

- Hợp nhất Tổng công ty: Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH là 0,79 lần.

Như vậy, hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu của Tổng công ty thực hiện năm 2025 nhỏ hơn 3 lần và phù hợp quy định của Nhà nước tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và Quy chế tài chính của Tổng công ty.

3. Về hiệu quả vốn đầu tư tại các doanh nghiệp

Trong năm 2025, Tổng công ty đã góp vốn điều lệ vào CTCP Đất hiếm Lai Châu (1.925 tr.đồng) theo tiến độ. Đến hết năm 2025, tổng giá trị vốn góp tại các công ty con, công ty liên kết là 649.405 tr.đồng chiếm 32,47% vốn điều lệ Tổng công ty. Kết quả đầu tư vốn cụ thể như sau:

- 6/9 đơn vị kết quả hoạt động SXKD có hiệu quả, lợi nhuận trước thuế đều vượt kế hoạch từ 100- 600% KHN.

- 2/9 đơn vị phát sinh lỗ: CTCP Gang thép Cao Bằng lỗ 205.231 tr. đồng; CTCP Đất hiếm Lai Châu lỗ 56.196 tr.đồng (đơn vị phải nộp tiền tiền cấp quyền khai thác khoáng sản).

- CTCP Gang thép Lào Cai sau khi báo cáo TKV thay đổi từ giải thể sang phương thức sát nhập Doanh nghiệp. Hiện nay đơn vị đang làm thủ tục pháp lý theo quy định.

- Dự kiến cổ tức năm 2025 thu được từ các công ty có vốn góp khoảng hơn 30 tỷ đồng.

4. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác:

Các TVHĐQT được trả thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế quản lý người đại diện và các quy định khác của Tổng công ty.

5. Báo cáo về các giao dịch liên quan:

Tổng công ty đã báo cáo đầy đủ các giao dịch liên quan tại Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty năm 2025 và các bản công bố thông tin. Các báo cáo đều đầy đủ, kịp thời đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ quy định pháp luật cũng như các chuẩn mực quản trị nội bộ.

6. Kết quả hoạt động của một số mặt công tác khác

Về tái cơ cấu: Tổng công ty đã tích cực triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại đến năm 2025, cơ bản hoàn thiện bộ máy, định biên lao động theo đúng chỉ đạo của TKV tại công ty mẹ, tuy nhiên việc thoái vốn, nâng vốn,... ở các Công ty con không đạt kế hoạch. Những vấn đề này sẽ tiếp tục được thực hiện trong giai đoạn 2026-2030.

Về công tác cán bộ: trong năm 2025, thông qua nhân sự đề Tổng giám đốc, Người đại diện của Tổng công ty điều động, bổ nhiệm một số lãnh đạo chủ chốt của một số đơn vị, cán bộ quản lý các phòng, ban.

Về công bố thông tin: chỉ đạo công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, thường xuyên giữ mối liên hệ và quan hệ với cổ đông theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích pháp luật của Tổng công ty và cổ đông.

Về công tác ban hành văn bản quản lý: trong năm 2025, HĐQT đã chỉ đạo rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành.. nhiều văn bản quản lý phù hợp quy định của pháp luật.

Về một số công tác khác: HĐQT đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện theo ủy quyền của ĐHĐCĐ/thẩm quyền của HĐQT như: điều chỉnh kế hoạch SXKD 2025; phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ, chi trả cổ tức cho cổ đông,... Quyết định thực hiện, phê duyệt quyết toán các dự án đầu tư theo ủy quyền/thẩm quyền.

7. Giám sát hoạt động của Ban quản lý điều hành:

Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban điều hành theo quy định tại Điều lệ của Tổng công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định phân cấp ủy quyền của HĐQT,...

Các Nghị quyết của HĐQT giao cho Ban điều hành thực hiện đều được HĐQT đôn đốc, kiểm tra. Hàng quý, HĐQT đều tổ chức họp giao ban liên tịch giữa HĐQT và cơ quan điều hành, Chủ tịch HĐQT trực tiếp tham gia các cuộc họp quan trọng để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Tổng công ty, chỉ đạo xây dựng kế hoạch, điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất cho phù hợp với tình hình từng giai đoạn. Mối quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Cơ quan điều hành Tổng công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế về quản trị công ty.

Chỉ đạo thực hiện công tác kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính theo quy định, phục vụ kịp thời cho các quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ. Bộ phận kiểm toán nội

bộ do HĐQT chỉ đạo, thành lập đã đi vào hoạt động tương đối nề nếp, hiệu quả.

Qua giám sát hoạt động của Ban điều hành cho thấy: phần lớn cán bộ điều hành đều có đủ năng lực, đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên việc kiểm tra, hướng dẫn, đào tạo nhân viên cấp dưới đôi lúc chưa hoàn thành tốt công việc được giao, một số việc chậm tiến độ, phát sinh chi phí còn nhiều,...

8. Những tồn tại hạn chế:

Năm 2025, bên cạnh những cố gắng để hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD, Tổng công ty vẫn còn một số tồn tại hạn chế sau:

- Tiến độ cấp phép khai thác và hoàn thiện thủ tục pháp lý tại các dự án trọng điểm như mỏ sắt Nà Rạ và mở rộng mỏ đồng Sin Quyền còn chậm so với yêu cầu, chủ yếu do những thay đổi phức tạp trong quy định pháp luật về đất đai, khoáng sản và thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng.

- Về mặt quản trị kỹ thuật, tỷ lệ thu hồi kim loại đi kèm tại một số thời điểm chưa thực sự ổn định trong bối cảnh hàm lượng quặng nguyên liệu suy giảm và điều kiện khai thác xuống sâu làm tăng chi phí vận hành.

- Công tác sắp xếp, tinh gọn bộ máy và triển khai cơ chế trả lương theo hiệu quả (KPI) tại một số đơn vị vẫn còn chậm, chưa đồng bộ do tâm lý ngại thay đổi trong quá trình chuyển đổi mô hình tổ chức theo định hướng mới.

- Công ty CP Đất hiếm Lai Châu: vẫn đang đối mặt với khó khăn kéo dài trong việc triển khai hoạt động trước và sau khi đóng cửa mỏ. Việc tháo gỡ khó khăn về vốn và phương án kinh doanh mới tại đây chưa đạt tốc độ kỳ vọng.

- Công ty CP Gang thép Cao Bằng chưa chủ động được các nguồn nguyên, nhiên liệu (tinh quặng sắt, than cốc), giá thành sản xuất cao, kinh doanh thua lỗ.

PHẦN II

Kế hoạch hoạt động năm 2026

Nhận định năm 2026 và những năm tới, tình hình kinh tế thế giới có biến động mạnh do chiến tranh, giá cả biến động khó lường. Trong Tổng công ty cũng có những khó khăn nhất định như: Công ty cổ phần Đất hiếm Lai Châu bị thu hồi GPKT, Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng vẫn chưa ổn định sản xuất (do khu Bắc Nà Rạ rất chậm đưa vào sản xuất, lò cao hoạt động không ổn định), điều kiện khai thác các mỏ cũng rất khó khăn: mỏ Sin Quyền phải tăng rất lớn khối lượng xúc bốc đất đá, các mỏ khác cũng suy giảm trữ lượng, vướng mắc trong giải phóng mặt bằng. Để hoàn thành nhiệm vụ SXKD năm 2026, HĐQT Tổng công ty tập trung ưu tiên chỉ đạo các mặt hoạt động sau:

1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026, hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của KHSX năm 2026 và các nhiệm

vụ chính trong quản lý SXKD, như trong các Báo cáo đã trình bày trước đại hội.

2. Tăng cường công tác dự báo và quản lý rủi ro: Phân tích dữ liệu và dự báo chính xác các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh để lập kế hoạch ứng phó kịp thời với các tình huống bất ngờ như biến động giá nguyên liệu, khủng hoảng tài chính, hoặc thay đổi chính sách kinh tế.

3. Tăng cường giám sát, chỉ đạo bộ máy quản lý điều hành thực hiện công tác sản xuất kinh doanh, ĐTXD, ATMT của Tổng công ty với mục tiêu tăng năng suất lao động, hiệu quả và lợi nhuận. Chỉ đạo thực hiện tốt các chỉ tiêu tài chính năm 2026, tăng cường quản trị dòng tiền và quản trị rủi ro tài chính là ưu tiên hàng đầu để đảm bảo sự an toàn trong hoạt động SXKD.

4. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị xã hội của Tổng công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình SXKD vì mục tiêu phát triển Tổng Công ty, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động xây dựng Tổng công ty ngày càng phát triển;

5. Nâng cao hiệu quả đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Nâng cao năng lực, trách nhiệm của Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty ở các doanh nghiệp mà Tổng công ty có vốn góp, giảm và từng bước tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị để khắc phục tình trạng giám sát đặc biệt.

6. Chỉ đạo thực hiện và tổ chức giám sát tốt việc thực hiện đầu tư các dự án trọng điểm về tuân thủ chính sách pháp luật trong đầu tư và tiến độ, chất lượng đầu tư. Tổ chức thực hiện các nội dung về các dự án dở dang, quyết toán vốn đầu tư, xử lý tồn đọng về tài chính, tài sản, thu hồi công nợ nội bộ, công nợ phải thu của các khách hàng và các khoản công nợ tồn đọng khác.... của các công ty con, đơn vị trực thuộc theo nghị quyết của HĐQT đã ban hành.

7. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm đảm bảo hiệu quả SXKD toàn Tổng công ty. Sử dụng các công nghệ số, trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa quy trình sản xuất và quản lý.

8. Tập trung thực hiện công tác phát triển lực lượng lao động chất lượng cao, gắn bó và đồng hành lâu dài cùng Tổng công ty dựa trên nhiều chính sách đào tạo, phát triển, thu hút, đãi ngộ cạnh tranh.

9. Chuẩn bị các nguồn lực cho năm 2026 và các năm tiếp theo, đặc biệt là nguồn lực về tài nguyên khoáng sản và khẩn trương triển khai Dự án mở rộng và nâng công suất mỏ đồng Sin Quyền.

10. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nâng cao hơn trách nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình.

11. Tiếp tục xây dựng hệ thống văn bản quản lý phù hợp với quy định của Pháp luật và tình hình thực tế của Tổng công ty. Chỉ đạo rà soát, sửa đổi và ban hành các

0302
CÔNG TY
TÂN - TX
100

quy chế, quy định theo thẩm quyền để ban hành thực hiện thống nhất trong toàn Tổng công ty.

12. Thực hiện Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 68/2025/QH15), HĐQT chỉ đạo rà soát chặt chẽ tư cách công ty đại chúng của Tổng công ty. Theo yêu cầu của UBCKNN tại Công văn số 1474/UBCK-GSDC, Tổng công ty đang phối hợp với Tập đoàn TKV để xây dựng kế hoạch chi tiết về cơ cấu cổ đông năm 2026 nhằm đảm bảo Tổng công ty đáp ứng đầy đủ các điều kiện về vốn và số lượng cổ đông theo quy định pháp luật, đảm bảo tính liên tục trong việc niêm yết/đăng ký giao dịch và bảo vệ tối đa lợi ích của quý cổ đông.

13. Tăng cường giám sát, kiểm tra các đơn vị thực hiện tốt công tác an toàn môi trường, phòng chống thiên tai, an ninh trật tự,...

Trên đây là nội dung báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026, HĐQT trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận: *thor*

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hải



Số: 698 /TTr-VIMICO

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua BCTC và phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty khoáng sản- TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế tài chính của Tổng công ty khoáng sản -TKV;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Cty TNHH kiểm toán BDO;

Hội đồng quản trị báo cáo ĐHĐCĐ về việc thông qua BCTC và phương án phân phối lợi nhuận 2025 của Công ty mẹ Vimico như sau:

1. Báo cáo tài chính

Trình ĐHĐCĐ thông qua BCTC công ty mẹ, BCTC hợp nhất toàn Tcty năm 2025 đã được Công ty TNHH kiểm toán BDO phát hành với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1.1. Công ty mẹ Tổng công ty

1.1.1. Bảng cân đối kế toán

DVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
I	Tổng tài sản	8.006.842.904.613	7.491.194.454.314
1	Tài sản ngắn hạn	5.092.934.784.875	3.818.990.105.975
2	Tài sản dài hạn	2.913.908.119.738	3.672.204.348.339
II	Tổng nguồn vốn	8.006.842.904.613	7.491.194.454.314
1	Nợ phải trả	2.935.014.693.907	3.986.597.910.359
2	Vốn chủ sở hữu	5.071.828.210.706	3.504.596.543.955
	<i>Tr.đó: Vốn điều lệ</i>	<i>2.000.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000.000</i>
	<i>LNST chưa phân phối</i>	<i>2.475.478.261.063</i>	<i>1.301.400.017.278</i>

1.1.2. Kết quả SXKD

DVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Tổng doanh thu	13.746.599.003.158	12.462.811.266.165
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.449.633.142.037	1.585.883.243.668
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	1.945.380.594.667	1.272.406.919.893

1.2. Hợp nhất toàn Tổng công ty

1.2.1. Bảng cân đối kế toán

DVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
I	Tổng tài sản	9.871.121.729.686	9.613.694.705.766
1	Tài sản ngắn hạn	5.788.604.261.539	4.569.624.226.408
2	Tài sản dài hạn	4.082.517.468.147	5.044.070.479.358
II	Tổng nguồn vốn	9.871.121.729.686	9.613.694.705.766
1	Nợ phải trả	4.368.068.501.873	5.600.767.288.559
2	Vốn chủ sở hữu	5.503.053.227.813	4.012.927.417.207
	<i>Tr.đó: Vốn điều lệ</i>	<i>2.000.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000.000</i>
	<i>LNST chưa phân phối</i>	<i>2.552.651.872.085</i>	<i>1.363.790.226.727</i>

1.2.2. Kết quả SXKD

DVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Tổng doanh thu	14.636.273.357.172	13.277.640.866.062
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.453.745.154.766	1.568.729.329.154
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	1.908.386.155.984	1.221.617.906.045

(BC kiểm toán đã được công bố thông tin trên trang Web của Tổng công ty và thực hiện công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán theo quy định)

2. Phương án phân phối lợi nhuận:

ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã thông qua kế hoạch SXKD năm 2025, trong đó tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2025 là $\geq 15\%$ (Nghị quyết số 1056/NQ-VIMICO ngày 22/4/2025).

Căn cứ kết quả SXKD năm 2025, HĐQT trình ĐHĐCĐ phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 Cty mẹ TCT chi tiết như Phụ lục kèm theo Tờ trình.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Ban Kiểm soát TCT;
- Phòng KP;
- Lưu: VP, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Văn Hải

10/03
- CÔNG
- NG SÀN -
VIMICO

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN- TKV

DỰ KIẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CÔNG TY MẸ NĂM 2025

(Kèm theo TT thông qua BCTC và phương án phân phối lợi nhuận Cty mẹ năm 2025)

STT	Nội dung	Số tiền
1	LNST còn lại chưa phân phối đến hết năm 2024(T4/2025)	530.097.666.396
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	1.945.380.594.667
3	Tổng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (3=1+2)	2.475.478.261.063
4	Tổng Lợi nhuận sau thuế được phân phối	2.475.478.261.063
5	Phương án PPLN	
5.1	Chi trả cổ tức($6.1=2.000.000.000.000 \times 119\%$)	2.380.000.000.000
5.2	Bù đắp các khoản lỗ năm trước đã hết thời hạn bù vào LNTT	-
5.3	Phân phối các quỹ	95.478.261.063
a	Trích quỹ ĐIPT	
b	Trích quỹ KTPL (1,5 tháng lương TH)	94.955.061.063
c	Trích quỹ thưởng người QLDN (1 tháng lương TH VCQL)	523.200.000
6	LNST còn lại chưa phân phối đến hết năm 2025 (Kỳ ĐH T4/2026) (6=4-5.1-5.2-5.3)	-



Số: 594 /TTr-VIMICO

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v thực hiện chi trả tiền lương, thù lao
Người quản lý năm 2025 và kế hoạch năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ sáu được ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-VIMICO, ngày 03/5/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 1056/NQ-VIMICO, ngày 22/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty năm 2025.

Hội đồng quản trị Tổng công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về nội dung phân phối tiền lương, thù lao năm 2025 và kế hoạch thù lao năm 2026 của Người quản lý Tổng công ty như sau:

I. Thực hiện 2025

1. Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2025	TH năm 2025
1	Tổng giám đốc	01	720.000.000	864.000.000
2	Phó Tổng giám đốc	05	3.240.000.000	3.110.400.000
3	Kế toán trưởng	01	600.000.000	720.000.000
	Tổng cộng	07	4.560.000.000	4.694.400.000

2. Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2025	TH năm 2025
1	TV HĐQT	01	648.000.000	777.600.000
2	TB kiểm soát	01	672.000.000	806.400.000
	Tổng cộng	02	1.320.000.000	1.584.000.000

3. Phụ cấp TV HĐQT độc lập

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH 2025	TH năm 2025
1	TV HĐQT độc lập	01	324.000.000	324.000.000
	Cộng	01	324.000.000	324.000.000

Hình thức chi: VIMICO chi trả trực tiếp.

4. Thù lao của TV HĐQT, Thành viên Ban KS không chuyên trách: chỉ trả bằng 20% mức tiền lương thực hiện. (Đối với Người đại diện của TKV chỉ trả bằng 20% mức lương cơ bản)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2025	TH năm 2025
1	CT HĐQT	01	74.400.000	74.400.000
2	TV HĐQT	02	129.600.000	129.600.000
3	TV kiểm soát	02	129.600.000	129.600.000
	Cộng	05	333.600.000	333.600.000

Hình thức chi:

- Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.

- VIMICO trực tiếp trả thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VIMICO.

II. Kế hoạch 2026

1. Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	Tổng giám đốc	01	58.080.000	696.960.000
2	Phó Tổng giám đốc	04	52.280.000	2.509.440.000
3	Kế toán trưởng	01	48.400.000	580.800.000
	Tổng cộng	06		3.787.200.000

2. Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	TV HĐQT	01	52.280.000	627.360.000
2	TB Kiểm soát	01	54.210.000	650.520.000
	Cộng	02		1.277.880.000

3. Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Thành viên BKS không chuyên trách: Tính bằng 20% mức lương cơ bản.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Tiền lương tháng	Số người	Tỷ lệ	Thù lao tháng	Thù lao năm
1	Chủ tịch HĐQT	31.000.000	01	20%	6.200.000	74.400.000
2	Thành viên HĐQT	27.000.000	02	20%	5.400.000	129.600.000
3	Thành viên BKS	27.000.000	02	20%	5.400.000	129.600.000
	Cộng		05			333.600.000

Quý thù lao thực hiện được xác định trên cơ sở số TV HĐQT, BKS không chuyên trách thực tế tại các thời điểm trong năm, thời gian làm việc và mức thù lao (tính theo tháng) do Tổng công ty xác định tối đa bằng 20% mức tiền lương cơ bản của TV chuyên trách.

4. Phụ cấp của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: được xác định trên cơ sở mức lương cơ bản áp dụng cho Thành viên HĐQT chuyên trách, đồng thời được điều chỉnh tăng thêm với hệ số 0,2 lần mức lương cơ bản.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	TV HĐQT độc lập	01	32.400.000	388.800.000
	Cộng	01		388.800.000

Phụ cấp TV HĐQT độc lập chi trả bằng TM/CK vào ngày 05 đến 10 hàng tháng và hạch toán vào chi phí SXKD Công ty mẹ Tổng công ty năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hải



Số: 649 /BC-BKS

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

V/v Thẩm định BCTC và một số nội dung liên quan hoạt động năm 2025 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn hiện hành;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

- Căn cứ vào Báo cáo Tài chính năm 2025 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán BDO;

- Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát Tổng công ty;

Thay mặt Ban kiểm soát (BKS), tôi xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP trong năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 của BKS như sau:

PHẦN THỨ I

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

1. Các cuộc họp:

- Trong năm 2025, BKS đã tổ chức cuộc họp, làm việc định kỳ 14 cuộc với tỷ lệ tham gia của từng thành viên đạt 100% (phù hợp với Điều lệ và Quy chế của BKS) để làm việc cụ thể, tổng kết các công việc đã thực hiện và ý kiến, kiến nghị phù hợp.

- Ngoài ra Trưởng BKS tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), giao ban điều hành và một số cuộc họp theo chuyên đề để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành (BDH) Tổng công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

2. Hoạt động của BKS năm 2025:

Hoạt động của BKS trong năm 2025 được tiến hành chủ động, thực hiện kiểm tra, kiểm soát theo chức năng được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động



của Tổng công ty, Quy chế hoạt động của BKS và phù hợp với chương trình công tác đề ra. Các hoạt động của BKS đều đặn, ngoài làm việc, họp tập chung, BKS thường xuyên trao đổi công việc qua điện thoại, hoặc E-mail, cụ thể:

- BKS thường xuyên nghiên cứu tài liệu và Trưởng Ban tham gia các cuộc họp HĐQT; giao ban điều hành; giao ban định kỳ và một số cuộc họp đột xuất, theo chuyên đề; tại các cuộc họp BKS có nhiều ý kiến đóng góp, kiến nghị trực tiếp, tư vấn kịp thời và thực hiện giám sát việc thực hiện các chỉ đạo, kiến nghị của Cổ đông.

- Theo dõi, giám sát các hoạt động của HĐQT thông qua việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, tuân thủ Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty và các quy định của Nhà nước.

- Giám sát hoạt động của Tổng giám đốc thông qua việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, thực hiện nhiệm vụ của Tổng giám đốc Tổng công ty trong từng lĩnh vực thuộc quyền hạn của mình được quy định tại Điều lệ của Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng/Ban của Tổng công ty; Tập đoàn TKV để kiểm tra, xem xét, nắm bắt, đánh giá: tình hình hoạt động SXKD của Tổng công ty (Công ty Mẹ); xem xét báo cáo thực hiện đầu tư XDCB và một số hồ sơ đầu tư, mua sắm vật tư và đánh giá tồn kho vật tư, công tác tái cơ cấu doanh nghiệp, sửa chữa tài sản cố định...; tình hình SXKD của các Chi Nhánh phụ thuộc, Công ty con.

- Xem xét việc ban hành hệ thống quy chế, quy định của Tổng công ty.

- Tham gia lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025 của Công ty Mẹ. Tham gia, phối hợp cùng đơn vị kiểm toán về phạm vi, nội dung thực hiện kiểm toán BCTC 06 tháng và năm 2025 của Công ty Mẹ và BCTC hợp nhất, đồng thời xem xét các ý kiến của kiểm toán thông qua thư quản lý; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra.

- Thường xuyên, chủ động phối hợp, trao đổi với các Phòng/Ban của Tổng công ty; Người đại diện phần vốn của Tổng công ty đầu tư tại các Công ty con, liên kết để kiểm tra, xem xét, nắm bắt, đánh giá: tình hình hoạt động SXKD, tài chính của các Công ty, việc chấp hành nghĩa vụ của Người đại diện, chấp hành chính sách của Nhà nước. Kiểm tra bằng các hình thức phù hợp, đánh giá một số lĩnh vực liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư, mua sắm vật tư, đánh giá tồn kho vật tư, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với Công ty CP chi phối lớn, Công ty trong diện giám sát tài chính đặc biệt.

- Thực hiện lập các báo cáo theo quy định đối với BKS báo cáo trước ĐHĐCĐ và Cổ đông lớn Tập đoàn TKV đảm bảo thời gian, chất lượng.

- Một số nhiệm vụ khác.

- Đơn thư khiếu nại, tố cáo: Năm 2025, BKS không nhận được đơn thư: khiếu nại, tố cáo của Cổ đông và CBCNV, đối tượng khác liên quan đến tình hình

hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Mẹ và việc quản lý điều hành của HĐQT và BĐH.

Nhận xét, đánh giá:

- Các thành viên BKS luôn đoàn kết, thể hiện tinh thần độc lập, khách quan và tôn trọng pháp luật trong công tác giám sát hoạt động của Tổng công ty.

- Các thành viên BKS luôn nỗ lực bám sát chức năng nhiệm vụ của Ban, theo sát tình hình hoạt động của Tổng công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng, tư vấn và đóng góp để có giải pháp phù hợp, góp phần đảm bảo cho hoạt động của Tổng công ty giảm thiểu rủi ro và tuân thủ pháp luật.

- BKS nhận thấy: quy mô hoạt động của Tổng công ty lớn, đa dạng, hoạt động trên nhiều địa bàn; chính sách của Nhà nước thường xuyên có thay đổi, mặc dù BKS đã tích cực trao đổi và tự nghiên cứu chính sách tuy nhiên vẫn chưa được như kỳ vọng, do đó mức độ thực hiện các hoạt động kiểm soát của BKS đôi khi chưa được như mong muốn và xác định cần cố gắng hơn nữa.

3. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, BĐH:

- BKS thực hiện việc giám sát thực nhiệm vụ của HĐQT: các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ các chức năng nhiệm vụ theo quy định, đề cao trách nhiệm trước Cổ đông và người lao động; HĐQT đã thể hiện đúng vai trò là cơ quan quản lý Tổng công ty, có các quyết sách kịp thời, toàn diện phục vụ kịp thời cho hoạt động của Tổng công ty. HĐQT thực hiện các cuộc họp thường kỳ, đột xuất khác, mọi cuộc họp, đều đảm bảo về số lượng thành viên HĐQT tham gia theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, trong năm 2025 HĐQT họp 49 cuộc (phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty) quyết nghị 219 nội dung liên quan tới các mặt hoạt động của Tổng công ty.

- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đủ căn cứ pháp lý, đúng trách nhiệm và quyền hạn của HĐQT và phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ của Tổng công ty.

- HĐQT thực hiện việc giám sát hoạt động của BĐH trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và phối hợp với BĐH chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty để cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- Tổng giám đốc cũng như BĐH trong quá trình điều hành luôn bám sát, tuân thủ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, Điều lệ của Tổng công ty, các Quy chế, quy định quản trị nội bộ của Tổng công ty.

Mọi hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đều được chỉ đạo giám sát chặt chẽ của HĐQT, Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT để kịp thời có ý kiến chỉ đạo.

HQĐT và BĐH đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ Tổng công ty quy định, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty diễn ra ổn định trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới có nhiều biến động phức tạp.

BKS chưa thấy điều bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc và cán bộ quản lý của Tổng công ty.

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT, BDH năm 2025:

- Trong năm 2025 BKS được HĐQT và BDH cũng như các Phòng/Ban chuyên môn; Người đại diện phần vốn của Tổng công ty đầu tư tại các Công ty con, liên kết tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty Mẹ Tổng công ty; Công ty con, liên kết.

- Các hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đều được chỉ đạo giám sát chặt chẽ của HĐQT; BDH, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các Công ty con, liên kết thường xuyên báo cáo HĐQT để kịp thời có ý kiến chỉ đạo phù hợp.

- BKS đều có ý kiến, kiến nghị bằng hình thức phù hợp với HĐQT cũng như BDH. Những ý kiến, kiến nghị của BKS đều được ghi nhận và triển khai thực hiện.

- Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình, BKS đánh giá Tổng giám đốc, BDH trong năm đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ; đúng quy chế và phù hợp với Luật doanh nghiệp cũng như Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, triển khai kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT, không có vi phạm nào ảnh hưởng lớn tới hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.

5. Các giao dịch với các người/bên có liên quan trong năm 2025:

- Giao dịch giữa các thành viên HĐQT, thành viên BKS, BDH, Kế toán trưởng với Tổng công ty và các giao dịch giữa Tổng công ty với các bên liên quan: được Công ty kiểm toán kiểm tra, đánh giá và trình bày chi tiết tại thuyết minh BCTC năm 2025 của Tổng công ty;

- Các giao dịch giữa người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty Mẹ; giao dịch giữa Tổng công ty với Cổ đông lớn; giao dịch giữa Tổng công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, BDH; giao dịch giữa Tổng công ty với các Công ty con/đơn vị trực thuộc Cổ đông lớn: được Tổng công ty công bố thông tin đầy đủ, kịp thời và báo cáo đầy đủ tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025 ngày 26/01/2026.

PHẦN THỨ II

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

NỘI DUNG LIÊN QUAN HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025:

Tổng công ty đã lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH kiểm toán BDO thực hiện kiểm toán Công ty Mẹ và phát hành báo cáo kiểm toán của Công ty Mẹ và báo cáo kiểm toán hợp nhất toàn Tổng công ty cho năm tài chính 2025

(bao gồm soát xét BCTC 06 tháng năm 2025) theo đúng các yêu cầu, chỉ đạo mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 giao Tổng Giám đốc thực hiện.

2. Xác nhận tính tuân thủ:

BKS báo cáo trước ĐHĐCĐ kết quả thẩm định BCTC chính năm 2025 của Tổng công ty (Công ty mẹ) như sau:

- Xác nhận tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và độ tin cậy trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và BDH Tổng công ty;

- Xác nhận tính tuân thủ thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra;

- Tổng công ty đã chấp hành việc công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ, thông tin bất thường về tình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị của Tổng công ty;

- Tổ chức bộ máy kế toán đảm bảo phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của Tổng công ty; Tổng công ty thực hiện mở sổ, ghi chép, hạch toán kế toán đúng theo Chế độ kế toán của Bộ Tài chính, của Cổ đông lớn Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) và Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 26/3/2016 sửa đổi một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính;

- Công tác kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty (Công ty mẹ, hợp nhất) do Công ty TNHH kiểm toán BDO thực hiện và phát hành. Công ty kiểm toán ngoài việc chấp hành đúng theo các chuẩn mực về kiểm toán,.. triển khai chấp hành tốt các ý kiến đóng góp, đề nghị của Ban kiểm soát cũng như Ban điều hành nhằm đảm bảo chất lượng của Công tác kiểm toán. Theo kết luận của Công ty kiểm toán: BCTC năm 2025 của Tổng công ty cơ bản đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào thời điểm ngày 31/12/2025 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. BCTC năm 2025 được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Nội dung BCTC tóm tắt, một số chỉ tiêu tài chính:

3. Nội dung BCTC và một số chỉ tiêu tài chính:

3.1 Số liệu bảng cân đối kế toán tóm tắt, kết quả SXKD năm 2025:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Số đầu kỳ (01/01/2025)	Số dư tại ngày 31/12/2025
1. Tài sản ngắn hạn	4.569.624.226.408	5.788.604.261.539
<i>Trong đó : Công ty mẹ</i>	<i>3.818.990.105.975</i>	<i>5.092.934.784.875</i>

2. Tài sản dài hạn	5.044.070.479.358	4.082.517.468.147
<i>Trong đó : Công ty mẹ</i>	<i>3.672.204.348.339</i>	<i>2.913.908.119.738</i>
Tổng cộng tài sản	9.613.694.705.766	9.871.121.729.686
<i>Trong đó : Công ty mẹ</i>	<i>7.491.194.454.314</i>	<i>8.006.842.904.613</i>
3. Nợ phải trả	5.600.767.288.559	4.368.068.501.873
<i>Trong đó : Công ty mẹ</i>	<i>3.986.597.910.359</i>	<i>2.935.014.693.907</i>
3.1. Nợ ngắn hạn	4.300.849.318.694	3.520.569.840.352
<i>Trong đó : Công ty mẹ</i>	<i>2.891.031.113.149</i>	<i>2.215.421.848.192</i>
3.2. Nợ dài hạn	1.299.917.969.865	847.498.661.521
<i>Trong đó : Công ty mẹ</i>	<i>1.095.566.797.210</i>	<i>719.592.845.715</i>
4. Vốn Chủ sở hữu (Chỉ tiêu 400 - BCĐKT)	4.012.927.417.207	5.503.053.227.813
<i>Trong đó : Công ty mẹ</i>	<i>3.504.596.543.955</i>	<i>5.071.828.210.706</i>
5. Vốn chủ sở hữu (chỉ tiêu 410 - BCĐKT)	3.994.093.652.946	5.481.806.475.386
<i>Trong đó : Công ty mẹ</i>	<i>3.491.192.634.897</i>	<i>5.055.270.878.682</i>
Tổng cộng nguồn vốn	9.613.694.705.766	9.871.121.729.686
<i>Trong đó : Công ty mẹ</i>	<i>7.491.194.454.314</i>	<i>8.006.842.904.613</i>

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	BCTC Hợp nhất năm 2025	BCTC Công ty Mẹ năm 2025
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.553.989.977.837	13.684.903.114.339
2. Giá vốn hàng bán	10.999.084.185.230	10.347.005.447.326
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.554.905.792.607	3.337.897.667.013
4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.556.692.105	52.168.932.541
5. Chi phí tài chính	182.333.299.683	275.785.640.558
6. Chi phí bán hàng	151.193.562.086	84.715.718.726
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	742.601.097.186	581.140.550.298
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.499.334.525.757	2.448.424.689.972
9. Thu nhập khác	61.726.687.230	9.526.956.278
10. Chi phí khác	107.316.058.221	8.318.504.213
11. Lợi nhuận khác	(45.589.370.991)	1.208.452.065
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.453.745.154.766	2.449.633.142.037
13 Thuế TNDN hiện hành	560.308.081.097	525.818.169.061
14 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(14.949.082.315)	(21.565.621.691)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.908.386.155.984	1.945.380.594.667

Nhận xét:

Tổng doanh thu:

+ Hợp nhất toàn Tổng công ty: 14.636 tỷ đồng/12.619 tỷ đồng, bằng 115,9% KHN.

+ Công ty mẹ - Tổng công ty: 13.746 tỷ đồng/8.916 tỷ đồng, đạt 154,1% KHN.

Lợi nhuận trước thuế:

- Lợi nhuận hợp nhất lãi 2.453,7 tỷ đồng/1.000 tỷ đồng KH

- Công ty mẹ lãi: 2.449,6 tỷ đồng/945 tỷ đồng KH; Lợi nhuận trước thuế một số Công ty con (trình bày dưới đây)

Năm 2025 hoạt động SXKD của Tổng công ty có thuận lợi chính là giá bán sản phẩm chính tăng cao; các khó khăn đã được Tổng công ty đánh giá cụ thể, điển hình: các vướng mắc của chính sách Nhà nước dẫn đến công tác đền bù GPMB chậm, không những ảnh hưởng tiến độ triển khai các dự án đầu tư, thực hiện phương án xử lý sạt lở khu Đông mỏ Sin Quyền..., khối lượng bốc xúc, vận chuyển đất, đá năm 2025 thực hiện thấp so với kế hoạch đề ra (giám so KH trên 500 tỷ đồng) dẫn đến gây áp lực tài chính cho các năm tiếp theo.

3.2 Một số chỉ tiêu về chỉ tiêu tài chính:

TT	CHỈ TIÊU	Năm nay (Kỳ báo cáo: 31/12/2025)
I	Hệ số về khả năng thanh toán	
1	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,64
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	2,30
2	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	0,99
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	2,29
3	Khả năng thanh toán nhanh	0,82
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	1,42
II	Hệ số phản ánh cơ cấu nguồn vốn	
1	Hệ số nợ/Vốn CSH:	0,79
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	0,57
2	Hệ số nợ/Vốn điều lệ:	2,18
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	1,47
III	Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản	
1	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn:	58,64%
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	63,61%
2	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản dài hạn:	41,36%

	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	36,39%
IV	Hệ số về khả năng sinh lời	
1	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu:	13,11%
	<i>Trong đó: Công ty Mẹ</i>	14,22%
2	Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA):	19,59%
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	25,10%
3	Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE):	40,11%
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	45,37%

- Bảo toàn vốn: Công ty Mẹ Tổng công ty bảo toàn vốn (Công ty CP du lịch và TM Bằng Giang Cao Bằng tuy trong năm có lãi, nhưng vẫn còn lỗ lũy kế; Công ty CP GTCB trong năm lỗ, và lỗ lũy kế do đó không bảo toàn được vốn).

- Công ty Mẹ - Tổng công ty đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn (Công ty con khả năng thanh toán thấp, không cao: Cty CP GTCB); Cổ đông TKV phê duyệt năm 2025: 0.88 lần (cao hơn kế hoạch giao 0.11 lần)

- Hệ số nợ trên VCSH: Công ty Mẹ, Tổng công ty đều nhỏ hơn 3 lần đảm bảo theo quy định, phù hợp quy định của Nhà nước, Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế tài chính của Tổng công ty (Cty CP Gang thép Cao Bằng có hệ số nợ trên VCSH là 22,73 lần); Cổ đông TKV phê duyệt năm 2025: 1,81 lần (thấp hơn kế hoạch giao 1,02 lần)

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản đạt (ROA): năm 2025 thực hiện 19,59% (Công ty Mẹ: 25,1%), hợp nhất tăng 6,71% (Công ty Mẹ tăng: 8,01%) so với năm 2024.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE): năm 2025 thực hiện 40,1 %, (Công ty Mẹ: 45,3%), hợp nhất tăng 4,96 % (Công ty Mẹ tăng: 1,94%) so với năm 2024.

4. Đánh giá một số chỉ tiêu và hoạt động khác:

4.1. Kết quả, tình hình hoạt động của Công ty con, Công ty khác:

Kết quả đầu tư vốn, một số tình hình hoạt động của Công ty con, liên kết được HĐQT, Tổng giám đốc đánh giá, báo cáo tại các báo cáo trình bày trước ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát đánh giá một số nội dung như sau:

4.1.1 Các Công ty Cổ phần chi phối:

Kết quả SXKD năm 2025 có lãi, không có lỗ lũy kế, dự kiến có chia cổ tức:

(1) Công ty CP Khoáng sản 3: lợi nhuận trước thuế 34,47 tỷ đồng, hiện tại Công ty đã hoàn tất tất thủ tục và được UBCK Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký Công ty đại chúng (Công văn 9515/UBCK – GSĐC ngày 31/12/2025 của UBCK NN);

(2) Công ty CP Khoáng sản luyện kim Cao Bằng: Lợi nhuận trước thuế 13,5 tỷ đồng; tại thời điểm lập báo cáo, ngày 25/02/2026 Công ty được UBND tỉnh Cao Bằng có quyết định số 237/QĐ-UBND V/v chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư là Công ty, thực hiện dự án khai thác quặng sắt và các khoáng sản đi kèm mỏ sắt Nà Lũng; hiện tại Công ty đã nộp hồ sơ đánh giá tác động môi trường cấp Bộ, dự kiến sau khi được cấp quyết định đánh giá tác động môi trường (ĐTM) sẽ nộp hồ sơ xin điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác (gia hạn đến 2033);

DA khai thác tận thu khoáng sản thiếc và các khoáng sản đi kèm tại bãi thải Thập Lục Phần: Công ty đang chờ hướng dẫn của Bộ về tiêu chí khoanh định khu vực không đấu giá, sau đó sẽ trình UBND tỉnh Cao Bằng khoanh định khu Vực không đấu giá đối với 3 bãi thải (Thập Lục Phần, Khu Tây, Khu Đông). Trên cơ sở Quyết định khoanh định khu vực không đấu giá, Công ty sẽ triển khai tiếp việc xin chủ trương gia hạn đối với dự án Thập Lục Phần (5 năm - đến 2030) và Dự án Khu Tây (10 năm đến 2035).

(3) Công ty CP KLM Thái Nguyên: Lợi nhuận trước thuế 107,68 tỷ đồng, hoạt động SXKD của Công ty ổn định, Công tác phát triển tài nguyên được quan tâm và tạo nguồn lực phù hợp, thu nhập người lao động được quan tâm hơn.

Kết quả SXKD năm 2025 có lãi, tuy nhiên vẫn còn lỗ lũy kế và Công ty lỗ và lỗ lũy kế:

(1) Công ty CP du lịch và thương mại Bằng Giang Cao Bằng: lãi 603,4, lỗ lũy kế 3,145 tỷ đồng/18 tỷ đồng vốn góp của CSH. Trong năm Tổng công ty thực hiện thoái phần vốn của Tổng công ty đầu tư tại Công ty theo đề án tái cơ cấu được ĐHĐCĐ đã thông qua, tuy nhiên không có nhà đầu tư quan tâm; với cơ sở vật chất xuống cấp, cạnh tranh... mà hoạt động SXKD chính của Công ty chưa thực sự hiệu quả.

(2) Công ty CP GTCB: năm 2025 lỗ 205,23 tỷ đồng, lỗ lũy kế: 358,15 tỷ đồng/430,063 tỷ đồng vốn góp của CSH. Hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2025 và thời gian tới gặp nhiều khó khăn, tiềm ẩn rất nhiều rủi ro như: giá bán sản phẩm thấp trong khi chi phí đầu vào cao; Công tác ĐBGP mặt bằng gặp rất nhiều khó khăn vướng mắc do đó chưa triển khai được DA khai thác quặng sắt khu bắc Nà Rạ (nguồn nguyên liệu chính của DA)...

Các Công ty dừng hoạt động do nhiều nguyên nhân:

(1) Công ty CP GTLC: Công ty đã dừng hoạt động, thuộc đối tượng giải thể DN theo đề án Tái cơ cấu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, tuy nhiên do còn một số vướng mắc liên quan tới tỉnh Lào Cai, do đó chưa hoàn thành theo đề án;

(2) Công ty CP Đất hiếm Lai Châu:

Theo báo cáo, thực hiện kết luận của Thanh tra Chính Phủ, tỉnh Lai Châu có quyết định thu hồi đất và chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư

đối với DA: Đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến quặng đất hiếm mỏ Đông Pao, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu của Công ty (Quyết định số 04/QĐ - UBND ngày 06/01/2026 và Quyết định số 01/QĐ-STC ngày 09/01/2026); căn cứ theo các quyết định của tỉnh Lai Châu, ngày 27/01/2026 Bộ Nông nghiệp và Môi trường có công văn số 917/BNNMT – ĐCKS V/v thông báo chấm dứt hiệu lực Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp cho Công ty để thực hiện DA.

Theo BCTC năm 2025 của Công ty, một số chỉ tiêu tài chính như sau:

- Vốn góp của các Cổ đông: 336,619 tỷ đồng (trong đó Tổng công ty góp 192,5 tỷ đồng);
- Theo báo cáo của Công ty, số tiền Công ty đã chi 298,06 tỷ đồng (bao gồm 80,48 tỷ đồng nộp thuế).
- Kết quả SXKD năm 2025: lỗ 56,2 tỷ đồng, lỗ lũy kế 98,37 tỷ đồng.
- Phí môn bài, tiền cấp quyền, tiền thuê đất, tiền thuế đất đã nộp từ năm 2008 đến nay là: 80,74 tỷ đồng.

4.1.2 Kết quả hoạt động của các Công ty khác:

(1) Công ty CP xi măng Tân Quang: vốn góp của CSH là 350 (Tổng công ty góp 13,7% Vốn ĐL), theo BCTC năm 2025 (đã kiểm toán) kết quả SXKD năm 2025 lãi 68,04 tỷ đồng, dự kiến chia cổ tức 10,5%;

(2) Công ty CP Đá quý và Vàng HN: Tổng công ty góp 48,31% VĐL, theo báo cáo sơ bộ, kết quả SXKD năm 2025 lãi 1,13 tỷ đồng, dự kiến không chia cổ tức.

4.2. Công tác ĐTXDCB:

- Giá trị đầu tư thực hiện đã được BDH đánh giá cụ thể, một số DA trọng điểm còn chậm tiến độ do nhiều nguyên nhân khác nhau đã được BDH phân tích (vướng mắc trong GPĐB, chính sách khác,...) làm nhiều DA trọng điểm chưa được triển khai, chậm tiến độ như: DA Mở rộng nâng công suất mỏ đồng Sin Quyền; DA khai thác khu Bắc Nà Rựa của Công ty CP GTCB (DA chậm triển khai nguy cơ rất lớn thiếu nguồn nguyên liệu cho Nhà máy luyện và ảnh hưởng tới hoạt động ổn định, hiệu quả của Công ty).

4.3. Công tác Vật tư:

Tổng công ty có đánh giá cụ thể tại báo cáo, theo báo cáo tỷ lệ tồn kho vật tư của toàn Tổng công ty cơ bản đảm bảo 6% là phù hợp với quy định; Ban kiểm soát có xem xét tỷ lệ tồn kho của các đơn vị và Tổng công ty, tỷ lệ tồn kho của Tổng công ty năm 2025 trên 6% (nguyên nhân chính: tháng 12 năm 2025 có sự cố về dây chuyền sản xuất tại Công ty CP GTCB, nhà máy phải tạm dừng sản xuất, do đó lượng vật tư chính là thép phế, than cốc giá trị 180 tỷ đồng chuẩn bị cho sản xuất tháng 12 năm 2025 chưa sử dụng, làm tăng tồn kho), nếu loại trừ yếu tố trên thì tỷ lệ tồn kho vật tư năm 2025 của Tổng công ty cơ bản đảm bảo 6%); cục bộ tỷ

lệ tồn kho vật tư còn có đơn vị tỷ lệ tồn kho vật tư trên 6%. Hiện tại, Tổng công ty có nhiều Chi nhánh, Công ty hoạt động ở các địa bàn khác nhau, điều kiện cung cấp vật tư thuận lợi, khó khăn khác nhau do yếu tố địa bàn hoạt động và hiện tại Tổng công ty có nhiều Nhà máy, dây chuyền hoạt động đã ổn định, tương đối ổn định và mới đưa vào vận hành; Đề nghị Tổng công ty đã và sẽ thực hiện rà soát, đánh giá, tính toán số lượng, chủng loại,... vật tư cần dự phòng, mức độ dự phòng,... nhằm mục tiêu đảm bảo tỷ lệ tồn kho vật tư phù hợp nhất với từng đơn vị, Nhà máy, dây chuyền sản xuất,... và không ảnh hưởng tới tính liên tục của hoạt động SXKD.

4.4. Nội dung khác:

Tổng công ty đã thực hiện, chấp hành các quy định pháp luật hiện hành trong sản xuất kinh doanh và thực hiện cơ bản đầy đủ các nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước. Việc nộp các báo cáo giám sát, báo cáo tài chính và các báo cáo khác theo quy định đảm bảo kịp thời, đúng hạn; Thực hiện công bố các thông tin theo quy định đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời, không bị các cơ quan quản lý nhắc nhở về nộp báo cáo và việc công bố thông tin chậm.

5. Báo cáo kết quả SXKD, ĐTXD năm 2025 và kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2026; Báo cáo của HĐQT của Tổng công ty:

Trong quá trình chuẩn bị tài liệu báo cáo, xin ý kiến Cổ đông; BKS có một số ý kiến đóng góp vào dự thảo Báo cáo của Tổng công ty và đã được HĐQT, BDH ghi nhận và điều chỉnh trong Báo cáo.

5.1. Báo cáo kết quả SXKD, ĐTXD năm 2025 và kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2026:

- Thực hiện năm 2025: Báo cáo đã đánh giá cơ bản toàn diện các thuận lợi, khó khăn; đánh giá cơ bản đầy đủ công việc đã làm được, tồn tại, hạn chế của các mảng công việc. Số liệu doanh thu, lợi nhuận, tiền lương năm 2025 phù hợp với Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, các số liệu khác đã được các Phòng/Ban đối chiếu với tài liệu nghiệm thu và tài liệu khác.

Ban kiểm soát có cập nhập một số nội dung công việc Tổng công ty triển khai thực hiện năm 2025 và tới thời điểm lập báo cáo này đã có kết quả cụ thể hơn: (1) Cấp phép khai thác của Dự án MRNCS mỏ đồng Sin Quyền: Báo cáo đánh giá, do vướng mắc liên quan đến khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản nên việc cấp phép khai thác chưa hoàn thành. Để tháo gỡ khó khăn này, Tổng công ty đã ban hành Văn bản gửi UBND tỉnh Lào Cai, đề nghị đưa 13,5013 ha thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản (rừng phòng hộ) tại QĐ 1407 ra khỏi khu vực cấm hoạt động khoáng sản; ngày 13/02/2026 UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định 467/QĐ-UBND V/v phê duyệt điều chỉnh khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai làm cơ sở để cơ quan Nhà nước cấp phép khai thác và làm tiền đề để đẩy nhanh tiến độ DA; (2) Ngày 24/02/2026 UBND TP Hà Nội ban hành Quyết định số 822/QĐ-UBND V/v chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp nhận nhà đầu tư là Tổng công ty, thực hiện DA Văn phòng trụ sở Tổng công ty

Khoáng sản -TKV tại số 193 phố Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân, TP Hà Nội.

- Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2026: Trên cơ sở các số liệu năm 2026 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua phù hợp với số liệu đã xin ý kiến các Cổ đông trước khi Đại hội; Tổng công ty cũng như Ban điều hành đưa ra các giải pháp, biện pháp cần tập trung trong năm 2026 và các năm tiếp theo cơ bản là phù hợp. Dự kiến chia Cổ tức của năm tài chính 2026 cơ bản phù hợp với kết quả SXKD năm 2026 trình ĐHĐCĐ phê duyệt.

5.2. Báo cáo của HĐQT, nội dung khác liên quan:

- Báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Tổng công ty cơ bản được đánh giá đầy đủ, phù hợp.

- HĐQT đã chỉ đạo Tổng công ty chuẩn bị nội dung, tài liệu xin ý kiến các Cổ đông trước khi Tổng công ty tổ chức ĐHĐCĐ năm 2026, các nội dung báo cáo, trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 xem xét, thông qua là toàn diện và phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

- HĐQT ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty, trong năm 2025 HĐQT, Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 ủy quyền:

(1) Phê duyệt điều chỉnh KHSXKD năm 2025 cho phù hợp với thực tế sau khi đã được Cổ đông TKV thông qua;

(2) Tổ chức lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2025;

PHẦN THỨ III

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2026

1. Đề xuất kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành:

- Đề nghị HĐQT, BĐH tiếp tục duy trì và chỉ đạo nhằm duy trì và củng cố, phát huy tinh thần đoàn kết và kỷ luật.

- Chỉ đạo Tổng công ty thường xuyên phân tích, đánh giá các yếu tố tổng hợp (chính sách của Nhà nước; tình hình trong nước, ngoài nước; biến động của thị trường; quan điểm chỉ đạo, định hướng của Cổ đông,...) có tác động tới hoạt động SXKD của Tổng công ty, để có các giải pháp điều hành linh hoạt, phù hợp, kịp thời, hiệu quả; tiếp tục chỉ đạo Tổng công ty sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên hạn hẹp.

- Đề nghị HĐQT, BĐH tiếp tục chỉ đạo thực hiện lập báo cáo và công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời phù hợp với đòi hỏi cao đối với đơn vị có cổ phiếu niêm yết.

- Tiếp tục chỉ đạo Tổng công ty nghiên cứu, đánh giá để có quyết sách, lựa chọn việc triển khai hay không triển khai thực hiện sản xuất ra sản phẩm khác từ

sản phẩm chính của Tổng công ty, nhằm tìm cơ hội có thể nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm.

- Tiếp tục chỉ đạo nâng cao hiệu quả trong công tác đào tạo, tuyển dụng lao động nói chung và lao động hầm lò nói riêng và có các giải pháp phù hợp, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo bộ máy ngày càng tinh gọn, hiệu quả với cơ cấu lao động ngày càng hợp lý, ưu tiên cao nhất cho cơ cấu lao động trực tiếp sản xuất.

- Luôn theo sát và chỉ đạo Tổng công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các Công ty con: thường xuyên bám sát, làm việc với địa phương, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm giảm số Thuế, Phí phải nộp tối đa trong khuôn khổ pháp luật cho phép.

- Sau mỗi cuộc thanh tra, kiểm toán của cơ quan chức năng, HĐQT, BDH đã họp phân tích các nguyên nhân, đánh giá kiểm điểm, khắc phục tồn tại, điều chỉnh sổ sách theo quy định. Đề nghị HĐQT, BDH đã và sẽ tiếp tục thường xuyên chỉ đạo quyết liệt, phù hợp nhằm hạn chế tối đa các tồn tại phát hiện sau mỗi cuộc thanh tra, kiểm tra, trước đòi hỏi ngày càng cao của Nhà nước trên tất cả các mặt hoạt động của Tổng công ty.

- Tiếp tục quan tâm, chỉ đạo sản xuất, hoạt động thương mại, phát triển tài nguyên nhằm đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu cung ứng cho các Nhà máy hoạt động ổn định, hiệu quả; sử dụng hợp lý các nguồn nguyên liệu khác nhau phù hợp với từng Nhà máy, dây chuyền công nghệ, đảm bảo hiệu quả cao nhất.

- Tiếp tục chỉ đạo nhằm đảm bảo an toàn lao động, ATMT trong hoạt động SXKD, đặc biệt là các DA, Nhà máy sản xuất giáp biên giới Việt - Trung.

- Có chiến lược đầu tư phù hợp, thận trọng khi lựa chọn, quyết định, triển khai các lĩnh vực, dự án (DA) đầu tư mới.

- Tiếp tục chỉ đạo nhằm đẩy nhanh tiến độ đầu tư các DA, đặc biệt là các DA đầu tư trọng điểm (DA mở rộng nâng công suất mỏ đồng Sin Quyền, DA khai thác mỏ sắt Nà Rủa...) đảm bảo nguyên liệu cho các Nhà máy tuyển và luyện kim trọng yếu của Tổng công ty; tiếp tục quyết liệt chỉ đạo, làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, vận dụng hợp lý chính sách để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng nhằm có đủ mặt bằng phục vụ trực tiếp sản xuất;

- Tiếp tục chỉ đạo, tăng cường rà soát, kịp thời quyết toán vốn đầu tư DA hoàn thành, các chi phí tiền đầu tư hoặc DA có nguy cơ không triển khai. Rà soát, đánh giá hiệu quả một số DA đầu tư tại các Công ty con để có định hướng, điều chỉnh, quyết sách kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, tránh rủi ro cao nhất.

- Tiếp tục chỉ đạo việc rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chế quản lý, điều hành, quy định nội bộ làm cơ sở cho công tác điều hành, đánh giá hiệu quả, kiểm soát rủi ro; tăng cường công tác dự báo, nhận định, đánh giá rủi ro ngắn hạn, dài hạn để có giải pháp ứng phó nhằm hạn chế rủi ro cho các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

- Với công tác tái cấu trúc lại doanh nghiệp: bám sát và quyết liệt chỉ đạo, thực hiện đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2026 – 2030 sau khi được thông qua.

- Tiếp tục chỉ đạo Tổng công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các Công ty con: tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ nội bộ, công nợ phải thu của các khách hàng và các khoản công nợ tồn đọng khác.

- Tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo đối với Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty cổ phần, công ty liên kết theo hướng bám sát tình hình hoạt động của đơn vị, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và bảo toàn, phát triển vốn góp. Đồng thời, yêu cầu các đơn vị quan tâm đúng mức đến công tác phát triển tài nguyên, ổn định công nghệ sản xuất, kiểm soát chặt chẽ và giảm tối đa các định mức tiêu hao vật tư, nguyên nhiên vật liệu. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao trách nhiệm của Người đại diện phần vốn trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Đề nghị tiếp tục chỉ đạo quyết liệt, chủ động huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp để hỗ trợ các công ty còn gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong đó:

Đối với Công ty CP Gang thép Cao Bằng (CISCO) – đơn vị có tỷ lệ vốn góp lớn của Tổng công ty – cần có giải pháp đồng bộ, toàn diện và kịp thời hơn nữa, do đến hết năm 2025 lỗ lũy kế đã chiếm trên 83% vốn góp của chủ sở hữu; kết quả sản xuất kinh doanh Quý I/2026 dự kiến tiếp tục thua lỗ, tiềm ẩn nguy cơ mất vốn,

Đối với Công ty CP Đất hiếm Lai Châu, cần tăng cường quản lý chặt chẽ, đảm bảo an toàn đối với nguồn tài chính còn lại từ vốn góp của các cổ đông; đồng thời chỉ đạo Công ty thực hiện đầy đủ, đúng quy định các thủ tục liên quan đến công tác đóng cửa mỏ và các nội dung phát sinh sau khi dự án đã bị thu hồi đất, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy phép khai thác khoáng sản, bảo đảm tối đa quyền lợi và hiệu quả sử dụng các chi phí mà Tổng công ty và các cổ đông đã đầu tư từ khi triển khai dự án đến nay.

- Chỉ đạo Tổng công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con tuân thủ các quy định của Nhà nước, Tổng công ty, quy định nội bộ trong công tác đầu tư, mua sắm vật tư, tiêu thụ sản phẩm,... ngoài việc đảm bảo chất lượng vật tư, giá cả cạnh tranh, mở rộng nguồn cung cấp,... cần đảm bảo tỷ lệ tồn kho vật tư, vật liệu hợp lý, không ảnh hưởng tới tính liên tục của hoạt động kinh doanh và góp phần tiết kiệm chi phí tài chính.

- Tiếp tục chỉ đạo, đề nghị có chiến lược, giải pháp tiêu thụ sản phẩm đầu ra phù hợp, đặc biệt là với các sản phẩm, thành phẩm có nguy cơ ô nhiễm, tác động không tốt tới môi trường.

- Tiếp tục chỉ đạo Tổng công ty đẩy nhanh thực hiện đề án chuyển đổi số, đảm bảo kịp thời, phù hợp với đặc thù hoạt động của Tổng công ty và thay đổi nhanh chóng của cuộc cách mạng công nghệ, đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm.

- Tiếp tục chỉ đạo Tổng công ty thực hiện tốt công tác đánh giá, nhận diện, dự báo các rủi ro để có các giải pháp ứng phó linh hoạt và phù hợp.

- Luôn cảnh giác, đề phòng, có giải pháp cụ thể, toàn diện, linh hoạt nhằm ứng phó với diễn biến bất lợi, khách quan như dịch bệnh, chiến tranh Nga – Ukraina, chiến sự tại Trung đông... góp phần vào hoạt động an toàn, hiệu quả, bền vững của Tổng công ty.

2. Đề nghị thù lao, chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát đề nghị tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát thực hiện theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên này thông qua, phù hợp chế độ của Nhà nước, Tập đoàn TKV và quy định cụ thể phù hợp đặc thù, quy mô của Tổng công ty;

- Các chế độ khác (chế độ công tác phí, đào tạo, các chi phí khác) thực hiện theo quy định hiện hành của Tổng công ty.

3. Phương hướng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:

3.1 Phương hướng chung:

- Tiếp tục phát huy vai trò của BKS: thực hiện quyền thay mặt cổ đông để giám sát, kiểm soát hoạt động của HĐQT, BĐH; hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Tổng công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty, quy chế tổ chức hoạt động của BKS và các quy định khác có liên quan.

- Ban Kiểm soát phấn đấu nghiên cứu, hoàn thiện kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn, rộng hơn để đảm bảo hoạt động của BKS vừa có tính tư vấn, giám sát bảo vệ tối đa lợi ích của các cổ đông và không ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

3.2 Một số nhiệm vụ cụ thể:

- Nghiên cứu tài liệu để tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban điều hành và các cuộc họp đột xuất liên quan trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và có các ý kiến phát biểu, đóng góp kịp thời.

- Giám sát các hoạt động của HĐQT thông qua việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ, Nghị quyết các cuộc họp của HĐQT, các quy chế, quy định tổ chức hoạt động ở từng lĩnh vực cụ thể của Tổng công ty ban hành.

- Giám sát hoạt động của Tổng giám đốc điều hành thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, các quy định của Tổng giám đốc Tổng công ty trong lĩnh vực thuộc quyền hạn của Tổng giám đốc được quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty và tài liệu khác liên quan.

- Xem xét việc ban hành hệ thống quy chế, quy định của Tổng công ty.

- Tham gia vào việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026. Tham gia họp, thảo luận với Công kiểm toán được lựa

chọn về kết quả soát xét BCTC 06 tháng và kiểm toán BCTC năm 2026 của Tổng công ty.

- Thực hiện giám sát, kiểm soát tình hình hoạt động SXKD của Công ty Mẹ Tổng công ty và thông qua Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị Cổ phần lớn, trọng điểm, đơn vị có hoạt động sản xuất kinh doanh gặp khó khăn để kiểm soát tình hình sản xuất kinh doanh, thực hiện đầu tư,...). Thực hiện kiểm soát linh hoạt theo một số chuyên đề về quản lý vật tư; tiêu thụ sản phẩm, sửa chữa TSCĐ, đầu tư XDCB, tiền lương, lao động, thu nhập và thực hiện quyền lợi của người lao động; cụ thể một số cuộc làm việc kiểm soát trực tiếp:

Thực hiện kiểm soát, làm việc trực tiếp tại các Chi nhánh phụ thuộc (03 Chi nhánh) và các Công ty con: Công ty CP KLM Thái Nguyên, Công ty CP Khoáng sản 3, Công ty CP GTCB, Công ty CP KSLK Cao Bằng, Công ty CP TM Bằng Giang Cao Bằng. Nội dung, thời gian làm việc: Các thành viên BKS sẽ phân tích, trao đổi, thống nhất đảm bảo phù hợp với lịch công tác của từng thành viên BKS, không chồng chéo với các cuộc kiểm tra/làm việc khác, hạn chế mức cao nhất làm ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của đơn vị và sẽ thông báo trước tới từng đơn vị trước khi làm việc.

- Bố trí thời gian cao nhất tham gia cùng bộ phận thanh tra, kiểm toán của Tổng công ty và bộ phận khác.

- Lập các báo cáo yêu cầu đối với Ban Kiểm soát theo quy định đảm bảo tiến độ, chất lượng.

- Các nội dung khác phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty.

Ban kiểm soát Tổng công ty trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty; Kính chúc các Quý vị cổ đông mạnh khỏe, Chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

Trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Như trên (B/c);
- HĐQT, BĐH (e-copy);
- Các TV. BKS (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lương Văn Lĩnh

Số: 595/TTTr - VIMICO

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ 6 được ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ -VIMICO ngày 03/5/2024 của HĐQT Tổng công ty;

- Căn cứ quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát Tổng công ty được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty năm 2026 (ĐHĐCĐ) xem xét, thông qua một số nội dung sau:

1. Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán (làm cơ sở để lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty) được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026, gồm:

- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE);
- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam- Chi nhánh phía Bắc;
- Công ty TNHH Kiểm toán BDO (BDO).

2. ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho Tổng Giám đốc Tổng công ty tổ chức lựa chọn 01 Công ty kiểm toán (theo danh sách trên) và ký kết hợp đồng kiểm toán BCTC năm 2026 của Tổng công ty, đảm bảo một số nguyên tắc chính:

- Tổ chức lựa chọn Công ty kiểm toán đảm bảo đủ năng lực và phí kiểm toán cạnh tranh;

- Kiểm toán BCTC và phát hành báo cáo kiểm toán Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc cho năm tài chính 2026, bao gồm cả báo cáo soát xét bán niên độ (01/01/2026 đến 30/06/2026);

- Kiểm toán BCTC và phát hành báo cáo kiểm toán hợp nhất Tổng công ty cho năm tài chính năm 2026, bao gồm cả báo cáo soát xét bán niên độ (01/01/2026 đến 30/06/2026).



Kính đề nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP xem xét, thông qua.

Kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, BKS;

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



The stamp is circular with a red border. Inside the border, the text "M.S.D.N. 0100163037-CTCP" is written along the top arc. In the center, "TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN" is written in two lines. A black signature is written across the center of the stamp. Below the stamp, the name "Trương Văn Linh" is printed in black.

Trương Văn Linh



A partial red stamp is visible on the right edge of the page. It shows the text "027-CTCP" at the top, "TY" in the middle, and "TKV" at the bottom, all within a curved red border.

Số: 596 /TTr-VIMICO

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH
V/v thông qua đề án cơ cấu lại
Tổng công ty Khoáng sản - TKV giai đoạn 2026-2030

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Nhằm kiện toàn cơ cấu tổ chức, tinh gọn bộ máy trong Công ty mẹ và giảm số lượng đầu mối các công ty con trong toàn Tổng công ty theo hướng tập trung theo địa bàn và ngành nghề, qua đó nâng cao hiệu quả công tác điều hành, quản lý; đồng thời tiếp tục cải thiện tình hình tài chính và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã xây dựng Dự thảo Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2026-2030.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 với các nội dung sau:

1. Thông qua Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP giai đoạn 2026-2030 (*Dự thảo Đề án và các phụ lục kèm theo*).

2. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông năm 2026 chưa xem xét, thông qua Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2026-2030 do chưa có ý kiến của cổ đông TKV, đề nghị Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty:

(1) Thông qua và quyết định phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2026-2030 sau khi có ý kiến thông qua của cổ đông TKV;

(2) Thông qua và quyết định phê duyệt trước một hoặc một số nội dung của Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2026-2030 trong trường hợp cổ đông TKV có ý kiến chấp thuận đối với các nội dung đó trước khi có ý kiến thông qua toàn bộ Đề án.

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình. Lưu

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hải

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV GIAI ĐOẠN 2026-2030

CHƯƠNG I ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CỦA TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV

I. Giới thiệu chung về Tổng công ty

1. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (tiền thân là Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam) là Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1118/QĐ/TCCBDT ngày 27/10/1995 của Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương).

Theo Quyết định số 345/2005/QĐ-TT ngày 26/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam chuyển thành công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 27/04/2006, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 12/2006/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước số 0106000168, đăng ký sửa đổi bổ sung lần thứ 3 ngày 03/05/2007.

Theo Quyết định số 2449/QĐ-HĐQT ngày 8/11/2006 của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam được đổi tên thành Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

Theo Quyết định số 3169/QĐ-BCT ngày 15/6/2010 của Bộ Công Thương, Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản TKV chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV và đổi tên thành Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103087, đăng ký sửa đổi bổ sung lần thứ 4 ngày 21/08/2012.

Thực hiện Quyết định số 2388/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Phương án CPH Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Quyết định số 7850/QĐ-BCT ngày 30/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương v/v điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP, Tổng công ty đã tiến hành CPH và chính thức chuyển sang hoạt

động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 06/10/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 06/10/2015.

Ngày 28/12/2015 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp nhận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán tại Công văn số 8010/UBCK-QLPH. Ngày 09/3/2016 Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 16/2016/GCNCP-VSD cho Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Ngày 21/7/2016 Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 440/QĐ-SGDHN V/v chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản - TKV trên sàn Upcom với mã chứng khoán KSV, số lượng đăng ký là 200.000.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000đ/cổ phiếu; tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch là 2.000 tỷ đồng.

Ngày 28/7/2016 tại HNX cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã chính thức giao dịch trên sàn Upcom.

Ngày 20/12/2022, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 856/QĐ – SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP. Ngày 02/02/2023, cổ phiếu KSV giao dịch lần đầu tiên trên sàn HNX.

Từ khi thành lập đến nay, Tổng công ty đã nhiều lần thực hiện tái cơ cấu. Trong đó, gần đây nhất, Tổng công ty thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty đến năm 2025 theo Quyết định phê duyệt của Hội đồng quản trị Tổng công ty (số 850/QĐ-VIMICO, ngày 30/8/2024), kết quả thực hiện chi tiết được đánh giá ở phần sau.

2. Mục tiêu hoạt động, lĩnh vực kinh doanh

2.1. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là tối đa hoá các khoản lợi nhuận hợp lý cho Tổng Công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Tổng Công ty ngày càng lớn mạnh.

2.2. Lĩnh vực kinh doanh chính

- Thăm dò, khai thác, chế biến các loại khoáng sản;
- Sản xuất các sản phẩm kim loại màu, kim loại đen, các khoáng chất phi kim loại, khí công nghiệp và hoá chất.
- Gia công chế tác sản xuất hàng trang sức, mỹ nghệ.
- Gia công chế tạo, sản xuất các sản phẩm từ kim loại đồng, kẽm, gang thép, để nâng cao chuỗi giá trị hàng hóa.
- Kinh doanh nguyên vật liệu, các sản phẩm hàng hóa ngành khai khoáng, luyện kim; du lịch, thương mại và dịch vụ.

2.3. Các sản phẩm chính

a. Sản phẩm do Công ty mẹ sản xuất:

- Tinh quặng đồng 23-25% Cu;
- Tinh quặng sắt 60-65% Fe;
- Đồng tấm 99,90-99,99% Cu;
- Axit sunfuric hàm lượng 93-98% H₂SO₄;
- Vàng kim loại 99,90-99,99% Au;
- Bạc kim loại 99,90-99,99% Ag;
- Hàng trang sức, mỹ nghệ.

b. Sản phẩm do Công ty con sản xuất:

- Kẽm thỏi 99,90-99,95% Zn
- Thiếc thỏi 99,75% Sn
- Phôi thép CT5, Q235, SD 295; thép hình;
- Tinh quặng sắt 60-65% Fe;
- Axit sunfuric hàm lượng 93-98% H₂SO₄.
- Du lịch và dịch vụ.

3. Cơ chế hoạt động kinh doanh – Kế hoạch

VIMICO là Công ty cổ phần được tổ chức sản xuất theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, trong đó khâu sản xuất được thực hiện chủ yếu theo cơ chế khoán chi phí, tiêu thụ sản phẩm tập trung. Các công ty con tham gia cơ chế phối hợp kinh doanh với Công ty mẹ trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm. Tổng công ty thực hiện kiểm soát thông qua Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp.

Tổng công ty hướng dẫn, hỗ trợ các công ty con thực hiện các chính sách về an sinh xã hội cho người lao động, tạo điều kiện về nguồn vốn sản xuất kinh doanh, kinh nghiệm quản lý, hỗ trợ về quan hệ khi làm việc với các Bộ, Ban ngành của Nhà nước và địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động sản xuất.

II. Tình hình doanh nghiệp trong giai đoạn 2021-2025:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Các chỉ tiêu giá trị chủ yếu

- Tổng doanh thu: 59.979,378 tỷ đồng/44.344,8 tỷ đồng KH, đạt 135,3%KH, tăng 117,3% so với giai đoạn 2016-2020.

- Lợi nhuận: 5.732,85 tỷ đồng/2.132,2 tỷ đồng KH, đạt 268,9%KH, tăng 592% so với giai đoạn 2016-2020. Trong đó Công ty mẹ: 5.043,96 tỷ đồng/1.499 tỷ đồng KH, bằng 336,5%KH.

- Tiền lương bình quân: 15,314 triệu đồng/người/năm đạt 148,3% KH; tăng 1,88 lần so với giai đoạn 2016-2020. Trong đó: Năm 2021: 14,319 tr.đ/người/năm; Năm 2022: 13,882 tr.đ/người/năm; Năm 2023: 14,205 tr.đ/người/năm; Năm 2024: 16,457 tr.đ/người/năm; Năm 2025: 18,336 tr.đ/người/năm.

- Nộp ngân sách dự kiến: 8.080,8 tỷ đồng/5.427,9 tỷ đồng KH, đạt 149%KH; bằng 1,98 lần so với giai đoạn 2016-2020.

1.2. Sản phẩm sản xuất – tiêu thụ chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH GD TKV (2021-2025)	Thực hiện năm 2021 - 2025						SS với KH
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	TH 2024	TH 2025	Cộng TH (2021-2025)	
1	Thành phẩm sản xuất									
1.1	Tinh quặng đồng (25% Cu)	tấn	382.460	67.472	71.578	68.007	74.843	65.499	347.399	90,8
1.2	Đồng tấm	tấn	145.000	18.216	30.742	29.178	30.079	31.200	139.415	96,1
1.3	Kẽm thoi	tấn	63.000	12.500	11.337	8.815	9.159	9.076	50.887	80,8
1.4	Thiếc thoi	tấn	980	133	149	191	211	161	845	86,2
1.5	T.Quặng sắt quy 60%Fe	tấn	1.861.895	296.720	282.431	256.007	216.695	179.166	1.231.019	66,1
1.6	Phôi thép	tấn	1.050.000	200.006	145.006	206.552	170.240	137.819	859.623	81,9
1.7	Tinh quặng chì 50% Pb	tấn	22.026	4.877	6.019	4.900	3.907	4.068	23.771	107,9
1.8	AxitSunfuric	tấn	642.042	102.965	127.424	124.767	142.275	145.031	642.463	100,1
1.9	Vàng	kg	4.655,00	666,11	1.113,54	961,92	845	920	4.507	96,8
1.10	Bạc	kg	5.611	670	1.451	1.744	2.113	2.085	8.063	143,7
2	Sản phẩm tiêu thụ									
2.1	Đồng tấm	tấn	145.000	13.044	33.887	30.469	30.091	30.162	137.654	94,9
2.2	Kẽm thoi	tấn	63.000	12.133	11.597	8.773	9.158	9.184	50.844	80,7
2.3	Thiếc thoi	tấn	980	138	151	192	210	162	853	87,0
2.4	Quặng sắt 57-60%Fe	tấn	1.882.465	166.992	185.029	234.811	187.902	165.836	940.569	50,0
2.5	Phôi thép	"	1.055.000	197.775	140.311	193.058	164.259	162.036	857.439	81,3
2.6	Tinh quặng chì 50% Pb	tấn	22.036	4.511	4.928	5.166	3.396	3.524	21.525	97,7
2.7	AxitSunfuric	tấn	623.434	88.214	124.167	130.733	139.368	148.039	630.521	101,1
2.8	Vàng	kg	4.654	604	1.143	973	852	877	4.449	95,6
2.9	Bạc	kg	5.611	670	1.503	1.729	1.976	2.062	7.940	141,5

Cơ bản các sản phẩm thực hiện đạt giảm so với kế hoạch, do nguyên nhân khách quan: (i) Sản phẩm Đồng tấm 5 năm 96,1%KH; Nguyên nhân do Dự án nhà máy Luyện đồng 2 đi vào sản xuất chậm so với dự kiến do ảnh hưởng của dịch Covid. (ii) Sản phẩm Kẽm thoi đạt 80,8%; Nguyên nhân do việc giới hạn của GPKT (từ năm 2023) đã làm giảm nguyên liệu vào luyện, việc mua tinh quặng kẽm trên thị trường gặp khó khăn. (iii) Sản phẩm Phôi thép đạt 81,9%; Nguyên nhân do năm 2022 ảnh hưởng của sự cố lò cao phải giảm sản lượng 75.000 tấn so với kế hoạch các năm 2024, 2025 giảm sản lượng so với công suất do cân đối hiệu quả việc huy động nguồn nguyên liệu mua ngoài. (iv) Tinh quặng sắt bằng 66,1%KH; Nguyên nhân chính Mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ tạm dừng sản xuất do giá bán giảm sâu và cần phải điều chỉnh dự án.

1.3. Thực hiện các chỉ tiêu tài chính

- Vốn CSH của Tổng công ty bình quân giai đoạn 2021- 2025 dự kiến là: 3.639 tỷ đồng, Công ty mẹ là: 3.105 tỷ đồng.

- Hệ số về Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn bình quân 5 năm (2021-2025) là: 1,00 lần, Công ty mẹ là: 1,18 lần.

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân 5 năm dự kiến đạt: 24,19% (năm 2021 đạt 30,11% (Công ty mẹ: 21,32%); năm 2022 đạt 6,53 %; (Công ty mẹ: 2,31%); năm 2023 đạt 5,49% (Công ty mẹ 6,42 %); năm 2024 đạt: 30,54% (Công ty mẹ đạt 31,88%); năm 2025 dự kiến đạt 35,87% (Công ty mẹ: 39,05%).

1.4. Kết quả thực hiện Doanh thu, lợi nhuận từng đơn vị

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	KH TKV 5 năm (2021-2025)		Tổng GD 2021-2025		So sánh %	
		Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận
1	Công ty mẹ	28.918.187	1.498.027	57.531.476	5.043.963	199	336,7
2	Cty CP Kim loại màu Thái Nguyên	4.524.607	397.495	5.646.629	666.653	124,8	167,7
3	Cty CP KS&LK Cao Bằng	424.536	2.421	622.854	65.597	146,7	2.709,1
4	Cty CP Khoáng sản 3	933.602	13.517	1.173.344	75.528	125,7	558,8
5	Cty CP Gang thép Cao Bằng	11.994.176	243.673	11.908.213	(2.332)	99,3	(1.0)
6	Cty CP DL&TM Bàng Giang			71.933	1.309		
7	Khác (Đất hiếm)			815.642	(44.382)		
Tổng các chỉ tiêu hợp nhất		44.344.829	2.132.237	59.979.378	5.732.853	135,3	268,9
	- DT KS	44.069.829	2.100.237	58.076.039	5.589.345	131,8	266,1
	- DT Khác + TC	275.000	32.000	1.903.339	143.508	692,1	448,5

Cơ bản các đơn vị đều thực hiện vượt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận so với kế hoạch trong cả giai đoạn, riêng Công ty CP Gang thép Cao Bằng không đạt kế hoạch lợi nhuận do ảnh hưởng của giá bán giảm, nhu cầu thị trường thấp, khó khăn trong việc cung ứng nguyên liệu ở các năm 2024, 2025.

2. Kết quả thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty đến năm 2025

Ngày 12/3/2018 Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã ban hành Quyết định số 390/QĐ-TKV v/v thông qua Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP giai đoạn 2017-2020. Ngày 27/3/2018, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Tổng công ty đã thông qua Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2017-2020 với các nội dung như trong Quyết định số 390/QĐ-TKV của TKV, tỷ lệ thông qua đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

2.1. Công tác cơ cấu lại quản trị doanh nghiệp

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý kỹ thuật công nghệ từ khâu khai thác - tuyển khoáng - luyện kim - cơ điện, tuân thủ các quy định hiện hành, đảm bảo môi trường trong khai thác, chế biến khoáng sản; các Nhà máy tuyển khoáng, luyện kim tiếp tục được nghiên cứu, đầu tư nâng cao hơn nữa mức độ tự động hóa; công nghệ được cải tiến, chính định góp phần nâng cao hơn nữa thực thu, chất lượng sản phẩm, thu hồi thêm các khoáng sản có ích, giảm tiêu hao các nguyên vật liệu, vật tư chính.

- Về công tác tài chính: Tiếp tục chủ động trong công tác tài chính, về cơ bản thu hồi toàn bộ công nợ khó đòi, cân đối thu xếp đủ vốn đáp ứng yêu cầu sản xuất cũng như đầu tư trong toàn Tổng công ty, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính yêu cầu như hệ số nợ, khả năng thanh toán ngắn hạn, thanh toán nhanh...

- Về công tác chuyển đổi số: tiếp tục triển khai xây dựng và hoàn thiện các hệ thống ứng dụng số thuộc nhóm nhiệm vụ CDS: về lĩnh vực sản xuất, quản lý kỹ thuật (như: quản lý sản xuất tại nhà máy luyện 1; quản lý sản xuất tuyển; quản lý khai thác lộ thiên; quản lý bảo trì, bảo dưỡng, trung đại tu thiết bị,...); lĩnh vực quản trị nội bộ.

- Về tổ chức và định biên lao động: Xây dựng Phương án mô hình tổ chức và định biên lao động của Tổng công ty báo cáo xin ý kiến TKV thông qua để triển khai thực hiện, theo đó: (1) Về mô hình tổ chức bộ máy: tập trung giảm đầu mối (sáp nhập, giải thể) các phòng/phân xưởng không cần thiết. Giảm cấp quản lý, đặc biệt ở cấp trung gian (đội, tổ, phân xưởng). Quy định lại chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, tránh chồng chéo. Phân quyền rõ hơn, tăng tự chủ cho các đơn vị sản xuất, giảm phụ thuộc vào cấp phòng hoặc ban điều hành. (2) Về định biên lao động: xây dựng định biên lao động với phương châm tiếp tục giảm tỷ lệ lao động gián tiếp, quản lý, phục vụ. Các đơn vị đã xây dựng định mức lao động cho từng khâu công việc, từng vị trí sản xuất, tạo cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá nhân sự hợp lý hơn

- Về công tác đầu tư: Công tác quản lý thực hiện đầu tư trong kỳ về cơ bản đảm bảo yêu cầu kế hoạch và mục tiêu sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Hầu hết các dự án thực hiện trong kỳ đã hoàn thành đưa vào sử dụng, đã quyết toán vốn đầu tư theo quy định. Một số dự án (Dự án khai thác chế biến mỏ đất hiếm Lai Châu, Dự án khai thác chế biến mỏ sắt Làng Vinh Làng cọ,...) do có nhiều vướng mắc chưa được tháo gỡ, sẽ chuyển tiếp thực hiện vào kỳ sau.

Đối với các dự án trọng điểm:

(1) Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ đồng Sin Quyền: Dự án đã được Bộ Nông nghiệp & Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM, được TKV thông qua nội dung dự án, được HĐQT Tổng công ty phê duyệt Dự án và đang trình cấp thẩm quyền xin GPKT. Do việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất gặp rất nhiều khó khăn, nên tiến độ xin GPKT bị chậm, Tổng công ty đã tập trung tháo gỡ và dự kiến được cấp giấy phép khai thác trong quý 1 năm 2026, sau khi có GPKT, Tổng công ty sẽ tích cực triển khai các hạng mục công trình, đầu tư thiết bị để sớm đạt công suất thiết kế.

(2) Dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rạ: Tổng công ty đã chỉ đạo đơn vị

tập trung thực hiện công tác GPMB Khai trường khu Bắc mỏ sắt Nà Rạ. Tuy nhiên, quá trình thực hiện gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng tới tiến độ, như khó khăn trong công tác thống kê, kiểm đếm, quá trình thực hiện phát sinh một số trường hợp chuyển nhượng sử dụng đất, chia tách đất nhưng chưa làm thủ tục; Nhiều mỏ mỏ chôn rải rác, không tập trung, khó tìm thân nhân; Cơ sở dữ liệu đất đai chưa đồng bộ, thiếu chính xác làm ảnh hưởng đến việc xác định chủ thể sử dụng đất, nguồn gốc, mục đích, loại đất, vướng mắc trong việc lập phương án bồi thường hỗ trợ tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp.... do đó tiến độ dự án chưa đạt yêu cầu kế hoạch.

(3) Dự án Đầu tư dây chuyền cán thép hình tại khu LHGT Cao Bằng: Đơn vị đang tập trung hoàn thiện BC NCKT Dự án để trình thẩm duyệt; triển khai lập dự thảo Phương án hợp tác kinh doanh và soạn thảo Hợp đồng hợp tác kinh doanh thực hiện dự án đầu tư dây chuyền cán thép tại Khu liên hợp luyện gang Cao Bằng.

2.2. Cơ cấu lại mô hình tổ chức

(1) Thoái vốn tại Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico:

Tổng công ty đã chỉ đạo Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Khoáng sản 3 triển khai các thủ tục tại Công ty để nộp hồ sơ công ty đại chúng cho UBCKNN. Ngay sau khi chờ Công ty chấp thuận công ty đại chúng, Tổng công ty dự kiến triển khai thoái vốn theo một trong hai Phương án như sau:

- Tổng công ty thuê định giá cổ phần, trình TKV Phương án chào bán và nộp hồ sơ đăng ký chào bán lên UBCKNN, triển khai các bước bán đấu giá cổ phần theo quy định. Hoặc:

- Tổng công ty triển khai thuê định giá, tư vấn chứng khoán trình TKV phương án thoái vốn. Và khi Công ty chính thức lên Upcom, Tổng công ty có đủ điều kiện thực hiện ngay phương án khớp lệnh thoái vốn theo quy định

Lý do chưa thể thoái vốn trong năm 2025: Do thủ tục chấp thuận công ty đại chúng của Công ty CP Khoáng sản 3 chậm dẫn đến chưa thể hoàn tất các thủ tục đăng ký Upcom và xây dựng Phương án chào bán trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

(2) Thoái vốn tại Công ty CP Du lịch Bằng Giang, Cao Bằng:

Tổng công ty đã đăng ký thực hiện thoái vốn 02 lần theo hình thức khớp lệnh trên sàn Upcom với mức giá 61.900đ/cp (theo phương án đã được HĐQT Tổng công ty phê duyệt tại Quyết định số 1750/NQ-VIMICO ngày 08/7/2025) nhưng không thành công do không có nhà đầu tư đăng ký mua.

Tổng công ty đã đăng ký chào bán cổ phiếu BCV qua sàn Upcom lần thứ 3, bắt đầu từ ngày 30/09/2025 kết thúc ngày 21/10/2025. Kết quả: không có nhà Đầu tư đăng ký mua.

Kế hoạch triển khai thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty: Tiếp tục tìm kiếm nhà đầu tư quan tâm và điều kiện thị trường thuận lợi, Tổng công ty sẽ định giá lại cổ phần để triển khai thoái vốn trong năm 2026.

Lý do chưa thể hoàn thành thoái vốn trong giai đoạn đến năm 2025 theo Đề án: Do không có nhà đầu tư đăng ký mua.

(3) Tăng sở hữu vốn Công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên (tăng từ 51% lên 65% VDL, mua thêm 2.520.000cp)

Ngày 09/09/2025, TKV đã có văn bản chỉ đạo số 5115/TKV-KTTC V/v tăng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Kim loại màu Thái Nguyên. Đồng thời, ngày 30/9/2025 Ủy ban cạnh tranh Quốc gia có văn bản số 1513/CT-GSCT trả lời giao dịch nâng tỷ lệ sở hữu từ 51% lên 65% không phải là tập trung kinh tế theo hình thức mua lại DN, vì vậy không phải thực hiện thủ tục thông báo tập trung kinh tế.

HĐQT Tổng công ty đã phê duyệt Phương án mua cổ phần của KLM Thái Nguyên để gửi hồ sơ UBCK chấp thuận trước khi thực hiện:

- Khối lượng mua: 2.520.000cp (tương ứng 14% VDL công ty).

- Giá chào mua: không thấp hơn bình quân tham chiếu của 60 ngày giao dịch gần nhất ngày gửi giấy đăng ký chào mua. Nhưng không cao hơn 69.300 đ/cp.

Tuy nhiên khi nộp hồ sơ UBCK do chứng thư thẩm định giá hết hiệu lực, Tổng công ty đang triển khai định giá lại cổ phần để thực hiện nộp hồ sơ UBCK.

(4) Thoái vốn tại Công ty CP Xi măng Tân Quang

Công ty CP Xi măng Tân Quang có vốn điều lệ 350 tỷ đồng, VIMICO sở hữu 13,71%, tương ứng 48 tỷ đồng. Hiện nay do Công ty CP Xi măng Tân Quang chưa đủ điều kiện là công ty đại chúng, vì vậy Tổng công ty chưa thực hiện thoái vốn theo quy định của Luật chứng khoán 2019.

Tổng công ty đã thuê tư vấn chứng khoán đánh giá Phương án thực hiện Chào bán cổ phiếu theo phương thức thỏa thuận có cạnh tranh về giá so với Phương án thoái vốn sau khi chuyển Công ty CP Xi măng Tân Quang thành công ty đại chúng.

Ngày 14/4/2025, Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV chủ trì cùng Tổng công ty và Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ đã họp thống nhất phương án để Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc thay mặt các đơn vị có báo cáo số 145/CMV-HĐQT ngày 18/4/2025 gửi TKV để có chủ trương chỉ đạo chuyển Công ty CP Xi măng Tân Quang là công ty đại chúng trước khi thực hiện thoái vốn.

Kế hoạch triển khai thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty: Tùy thuộc vào chỉ đạo của TKV để Công ty CP Xi măng Tân Quang triển khai các nội dung tăng vốn, Upcom.

Lý do chưa thể hoàn thành thoái vốn trong giai đoạn đến năm 2025 theo Đề án: Hiện đang chờ chỉ đạo của TKV về Phương án của 3 đơn vị đã báo cáo.

(5) Giải thể Công ty CP đầu tư Gang thép Lào Cai - VIMICO (LSI):

Tổng công ty đã chỉ đạo Người đại diện của Tổng công ty tại Công ty tập trung chỉ đạo thực hiện thủ tục giải thể Công ty. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, LSI còn một số vướng mắc chưa được giải quyết về hoàn trả kinh phí bồi

thường/bàn giao đất từ UBND Tỉnh Lào Cai. Do vậy, Tổng công ty đã báo cáo TKV xem xét thay đổi phương án tái cơ cấu LSI như sau:

- Đề xuất phương án chuyển LSI thành Công ty TNHH 1 thành viên sở hữu 100% VDL của VIMICO: Hiện nay Tổng công ty đang sở hữu 99,01% vốn điều lệ LSI, VIMICO sẽ thực hiện mua thêm 0,99% VDL của 02 cổ đông còn lại tương ứng 13.860cp (Cty CP Khoáng sản 3: 980CP; Bà Nguyễn Kim Hạnh: 12.880CP), giá trị mua bằng mệnh giá, tương ứng 138,6trđ.

- Thực hiện sáp nhập công ty TNHH một thành viên LSI vào Tổng công ty. Theo đó, LSI sẽ không còn tồn tại và chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang VIMICO (khoản 1, điều 201 Luật DN số 59/2020/QH14). Tổng công ty sẽ kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ, và lợi ích hợp pháp của LSI theo hợp đồng sáp nhập.

Hiện Tổng công ty đang đợi ý kiến chỉ đạo của TKV về vấn đề này.

Kế hoạch triển khai tái cơ cấu LSI: trong năm 2026

Lý do chưa thể hoàn thành tái cơ cấu LSI trong giai đoạn đến năm 2025 theo Đề án: Do Tỉnh Lào Cai triển khai các dự án đầu tư của tỉnh trên khu đất của LSI chậm nên chưa trả được kinh phí bồi thường cho LSI để xử lý tài chính khi giải thể LSI.

3. Nhận xét, đánh giá những kết quả đạt được; những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học rút ra

3.1. Ưu điểm

(1) Về quản trị doanh nghiệp

- Hiệu quả quản lý kỹ thuật, công nghệ được nâng cao; công tác cải tiến kỹ thuật được triển khai thường xuyên, góp phần tăng hệ số thu hồi khoáng sản, tiết giảm tiêu hao, nâng cao giá trị sản phẩm.

- Tài chính doanh nghiệp được củng cố, nợ khó đòi cơ bản được xử lý, đảm bảo khả năng thanh toán và cân đối nguồn vốn cho đầu tư các dự án trọng điểm; các chỉ tiêu an toàn tài chính được kiểm soát trong giới hạn cho phép.

- Chuyển đổi số bước đầu phát huy hiệu quả, nhiều quy trình sản xuất được tự động hóa; hệ thống quản trị sản xuất, kỹ thuật, bảo trì thiết bị, vật tư được số hóa từng phần, tạo nền tảng quan trọng cho việc nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp trong giai đoạn tiếp theo.

- Tổ chức bộ máy tại một số đơn vị được rà soát, tinh gọn, giảm đầu mối trung gian (Công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên); phân cấp, phân quyền từng bước rõ ràng hơn; mô hình tổ chức sản xuất chuyển theo hướng tăng tự chủ cho đơn vị cơ sở; định biên lao động từng bước hợp lý, tỷ lệ lao động gián tiếp giảm.

- Các dự án trọng điểm được kiểm soát và triển khai theo kế hoạch tạo động lực tăng trưởng cho giai đoạn sau 2025.

(2) Về cơ cấu lại mô hình tổ chức và đầu tư vốn

- Tổng công ty đã chủ động triển khai thoái vốn tại các đơn vị không thuộc lĩnh vực sản xuất chính, thể hiện quyết tâm cơ cấu lại danh mục đầu tư theo định hướng chiến lược của Tập đoàn.

- Mạnh dạn tăng tỷ lệ sở hữu tại đơn vị có tiềm năng lâu dài, như Công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên, để kiểm soát chuỗi giá trị chế biến và chủ động nguồn tài nguyên.

- Triển khai nhiều phương án sắp xếp doanh nghiệp phù hợp với thực tế, như chuyển đổi Công ty LSI từ hình thức cổ phần sang công ty TNHH một thành viên để thuận lợi trong quá trình sáp nhập về Tổng công ty.

3.2. Nhược điểm, tồn tại

(1) Trong công tác quản trị nội bộ doanh nghiệp

- Chưa xây dựng được hệ thống quản trị đồng bộ, liên thông toàn Tổng công ty; phân cấp nhưng còn thiếu cơ chế kiểm soát hiệu quả;

- Chuyển đổi số triển khai còn phân tán, chưa hình thành nền tảng dữ liệu tập trung và hệ sinh thái số đồng bộ phục vụ quản trị điều hành cấp Tổng công ty.

- Cải tiến kỹ thuật chủ yếu phát huy ở các đơn vị nòng cốt, trong khi các đơn vị khó khăn hoặc quy mô nhỏ chưa được đầu tư công nghệ, dẫn tới hiệu quả chung chưa đồng đều.

- Tái cấu trúc lao động mới đạt mức tinh giản ban đầu, vẫn còn tỷ lệ lao động gián tiếp cao; chất lượng nguồn nhân lực chưa đồng đều.

- Công tác mở rộng phát triển dòng sản phẩm vàng vật chất mang thương hiệu VIMICO còn đang trong giai đoạn nghiên cứu.

(2) Trong công tác cơ cấu tổ chức, đầu tư, thoái vốn

- Một số nhiệm vụ trọng tâm của Đề án cơ cấu lại chưa hoàn thành đúng tiến độ, phải chuyển tiếp sang giai đoạn sau năm 2025. Công tác thoái vốn tại một số đơn vị gặp khó khăn kéo dài, do thiếu điều kiện về pháp lý, thị trường không hấp dẫn, hoặc doanh nghiệp không đủ tiêu chí công ty đại chúng theo quy định pháp luật;

- Một số dự án đầu tư trọng điểm bị chậm tiến độ, đặc biệt là các dự án liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng, dẫn đến ảnh hưởng dòng vốn và hiệu quả sản xuất;

- Việc giải thể doanh nghiệp chưa thực hiện triệt để, một số phương án phải điều chỉnh do phát sinh yếu tố khách quan hoặc chưa đạt được đồng thuận của địa phương/bộ ngành.

3.3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Do cơ chế chính sách của nhà nước dẫn tới khó thực hiện tại một số doanh nghiệp (Công ty CP Xi măng Tân Quang); hoặc do không có Nhà đầu tư đăng ký mua (Công ty CP Thương mại và Du lịch Bằng Giang, Cao Bằng); do vướng mắc từ địa phương (giải thể LSI), v.v...;

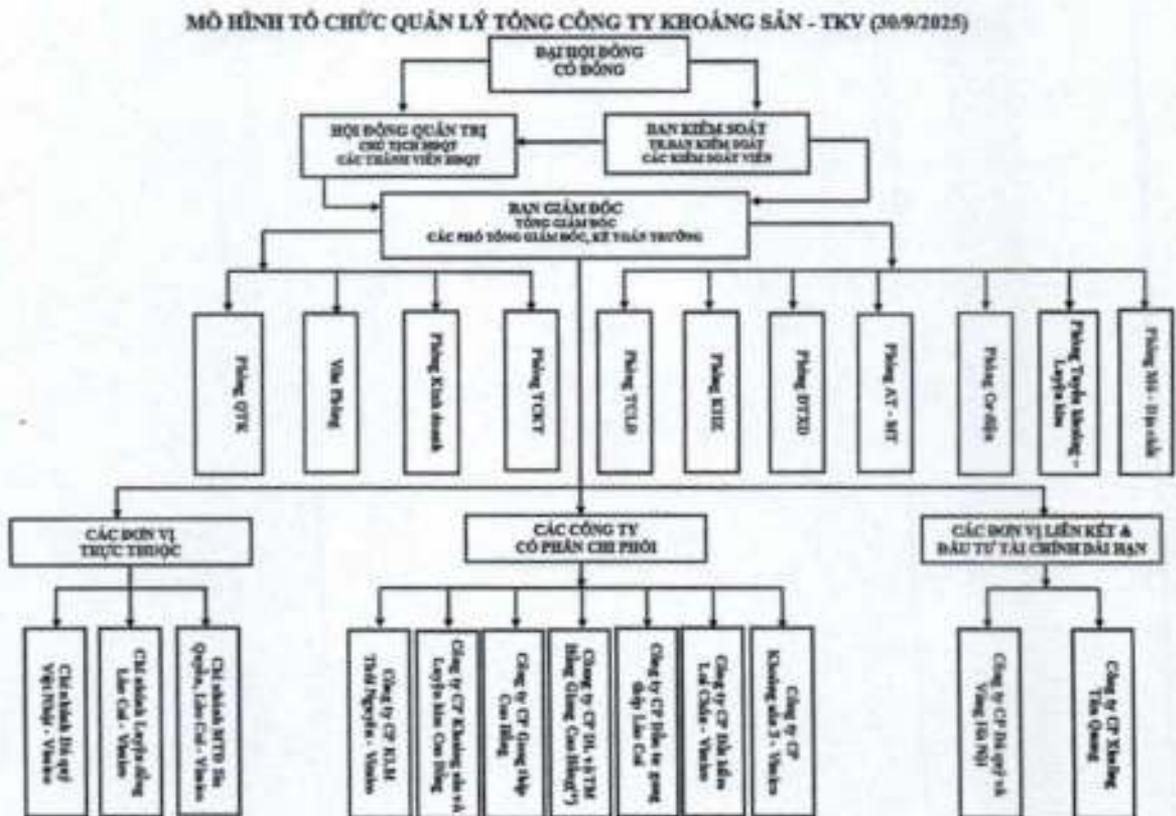
- Công tác GPMB tại một số dự án gặp nhiều khó khăn do liên quan tới địa bàn dân cư hoặc ảnh hưởng bởi một số rào cản từ địa phương.

- Nghị định số 232/2025/NĐ-CP, ngày 26/8/2025 của Chính phủ được ban hành thì việc quản lý hoạt động kinh doanh vàng tại tổ chức, các doanh nghiệp

càng phải được quản lý chặt chẽ hơn, do vậy việc phát triển dòng sản phẩm vàng vật chất cần có sự nghiên cứu sâu hơn để đảm bảo thực hiện đúng quy định.

4. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty hiện nay

- Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm các cổ đông sở hữu 200.000.000 cổ phần tương đương 2.000 tỷ đồng bằng 100% vốn điều lệ.
- Hội đồng quản trị: Gồm Chủ tịch và 04 thành viên. Trong đó, có 01 thành viên chuyên trách, 01 thành viên độc lập, 01 thành viên kiêm Tổng giám đốc, 01 thành viên kiêm Phó tổng giám đốc Tổng công ty.
- Ban kiểm soát: Gồm Trưởng ban kiểm soát chuyên trách và 02 Kiểm soát viên.
- Ban Giám đốc: 01 Tổng giám đốc, 04 Phó tổng giám đốc, 01 Kế toán trưởng.
- Phòng chức năng: 11 Phòng.
- Đơn vị trực thuộc: gồm 03 đơn vị.
- Công ty con cổ phần chi phối: 07 đơn vị.
- Đơn vị liên kết và đầu tư tài chính dài hạn: 02 đơn vị.



CHƯƠNG II

ĐỀ ÁN CƠ CẤU LẠI TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN – TKV GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. Sự cần thiết phải thực hiện cơ cấu lại Tổng công ty

Trong giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã đạt được nhiều kết quả quan trọng về sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển, mở rộng tài nguyên và đổi mới công nghệ; từng bước khẳng định vai trò trụ cột của Tập đoàn trong lĩnh vực khai thác và chế biến kim loại màu. Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy mô hình tổ chức và hệ thống quản trị hiện tại vẫn còn một số hạn chế, vì vậy, việc cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2026-2030 là yêu cầu khách quan, cấp thiết và có ý nghĩa quyết định đối với mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, tối ưu hóa nguồn lực và thực hiện thành công chiến lược đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

Ngành công nghiệp khoáng sản đang bước vào giai đoạn cạnh tranh toàn cầu khốc liệt, trong khi tiêu chuẩn quản trị, yêu cầu bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội ngày càng cao. Các doanh nghiệp trong khu vực đã chuyển sang mô hình tổ chức tích hợp theo chuỗi từ tài nguyên - chế biến - sản xuất sản phẩm công nghiệp, do vậy Tổng công ty cần cơ cấu lại để tạo lợi thế quy mô, giảm giá thành, nâng cao giá trị gia tăng.

Chiến lược phát triển của TKV đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đã xác định rõ: ***“Phát triển ngành công nghiệp khoáng sản của TKV ngang tầm ngành công nghiệp than”***. Với vai trò lực lượng nòng cốt về kim loại màu, góp phần đưa khoáng sản trở thành một trong bốn trụ cột chiến lược của Tập đoàn, việc cơ cấu lại Tổng công ty là rất cần thiết để đáp ứng yêu cầu phát triển và định hướng của Chính phủ đối với TKV.

Xu hướng quản trị doanh nghiệp hiện đại yêu cầu tối ưu hóa quy trình, tích hợp dữ liệu và ra quyết định dựa trên số hóa. Mô hình hiện nay với nhiều cấp trung gian, cấu trúc phức tạp gây khó khăn cho việc áp dụng chuyển đổi số và quản trị thông minh. Việc cơ cấu lại là điều kiện tiên quyết để đẩy nhanh quá trình số hóa, áp dụng KPI và quản trị theo hiệu quả, thúc đẩy cạnh tranh nội bộ và sáng tạo.

II. Nguyên tắc tái cơ cấu

Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trong quá trình cơ cấu lại; phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các quy định của Chính phủ và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của người lao động, cổ đông và các bên liên quan.

Tái cơ cấu phải nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sử dụng vốn và năng lực cạnh tranh. Kết hợp hài hòa giữa mục tiêu ngắn hạn và mục tiêu dài hạn.

Tổ chức bộ máy theo hướng “tinh gọn - linh hoạt - hiệu lực - hiệu quả”. Cơ cấu lại phải kế thừa các yếu tố đã phát huy hiệu quả, đồng thời có bước đột phá trong quản trị, công nghệ và mô hình tổ chức. Bảo đảm ổn định sản xuất, không để việc cơ cấu lại làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến người lao động.

Cơ cấu tổ chức phải đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, quản trị thông minh, ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành. Tái cơ cấu được thực hiện đồng thời trên các mặt: tổ chức bộ máy, mô hình quản trị, nguồn nhân lực, tài chính, đầu tư, công nghệ và thị trường. Bảo đảm tính đồng bộ giữa Tổng công ty và các đơn vị thành viên; giữa cơ cấu sản xuất – kinh doanh với cơ cấu Đảng – đoàn thể.

III. Quan điểm, mục tiêu cơ cấu lại

1. Quan điểm

- Cơ cấu lại là yêu cầu tất yếu, mang tính chiến lược lâu dài, không chỉ để xử lý các tồn tại trước mắt mà là cơ hội để tái định hình mô hình tăng trưởng Tổng công ty, tạo đột phá trong giai đoạn mới.

- Lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh làm thước đo, bảo đảm an toàn tài chính và gia tăng giá trị doanh nghiệp.

- Gắn cơ cấu lại với ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới mô hình quản trị, lấy công nghệ và dữ liệu làm nền tảng điều hành.

- Phát triển bền vững gắn với kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh tài nguyên khoáng sản, phù hợp với cam kết Net Zero của Việt Nam.

- Kết hợp hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước, cổ đông, người lao động và cộng đồng địa phương, bảo đảm ổn định xã hội và củng cố quan hệ hợp tác chiến lược với địa phương nơi doanh nghiệp đứng chân.

- Cơ cấu lại phải có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, tập trung vào các khâu đột phá: quản trị nội bộ, mô hình tổ chức sản xuất, cơ cấu vốn, ứng dụng công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực.

2. Mục tiêu cơ cấu lại

2.1. Mục tiêu tổng quát

Cơ cấu lại Tổng công ty Khoáng sản - TKV giai đoạn 2026-2030 nhằm xây dựng Tổng công ty trở thành doanh nghiệp công nghiệp khai thác - chế biến khoáng sản kim màu theo mô hình doanh nghiệp hiện đại, hoạt động hiệu quả - bền vững - có khả năng cạnh tranh quốc tế, dựa trên: (1) Quản trị doanh nghiệp tiên tiến, minh bạch, tự chủ cao; (2) Chuỗi giá trị khép kín: thăm dò - khai thác - chế biến sâu - thương mại. (3) Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số, tự động hóa, kinh tế tuần hoàn và phát triển xanh.

Mục tiêu xuyên suốt là tối ưu hóa nguồn lực; nâng cao hiệu quả quản trị nội bộ; sắp xếp cơ cấu tổ chức tinh gọn; tăng năng suất lao động; bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước và cổ đông; đảm bảo an ninh tài nguyên và định vị thương hiệu quốc gia trong lĩnh vực kim loại màu.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Căn cứ Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 tại Quyết định số 625/QĐ-TTg, ngày 17/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ;

- Căn cứ các văn bản chỉ đạo của TKV về cơ cấu lại vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác;

- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm giai đoạn 2026 – 2030 của Tổng công ty đang trình xin ý kiến TKV;

- Căn cứ Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023.

- Căn cứ kế hoạch đầu tư xây dựng, thăm dò, phát triển tài nguyên của Tổng công ty giai đoạn 2026 - 2030.

- Các thiết kế mỏ, thiết kế nhà máy tuyển khoáng, luyện kim, tài liệu địa chất, tình hình tài nguyên còn lại (dự báo) các năm và khả năng huy động tài nguyên vào khai thác của các mỏ trong Tổng công ty.

Căn cứ các nguồn lực hiện có (tài nguyên, máy móc thiết bị, con người,...), khả năng sản xuất và dự báo tình hình thị trường, Tổng công ty cân đối các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu giai đoạn 2026-2030 như sau:

(1) Doanh thu:

Doanh thu hợp nhất toàn Tổng công ty: 74.821 tỷ đồng, bằng 124,7% so với giai đoạn 2021-2025. Trong đó: Doanh thu khoáng sản: 72.230 tỷ đồng, bằng 123% so với giai đoạn 2021-2025; Doanh thu khác: 2.591 tỷ đồng, bằng 187% so với giai đoạn 2021-2025 (do tăng doanh thu gia công thuê sản phẩm, doanh thu thương mại kèm theo). Trong đó, doanh thu Công ty mẹ: 50.896,557 tỷ đồng.

(2) Lợi nhuận:

Lợi nhuận hợp nhất toàn Tổng công ty: 9.718 tỷ đồng, bằng 169,5% so với giai đoạn 2021-2025. Trong đó: Lợi nhuận từ khoáng sản: 9.682 tỷ đồng, bằng 177% so với giai đoạn 2021-2025; Lợi nhuận từ kinh doanh khác: 36 tỷ đồng, bằng 12,8% so với giai đoạn 2021-2025. Trong đó, lợi nhuận Công ty mẹ: 9.167,7 tỷ đồng, bằng 181% so với giai đoạn 2021-2025.

Biểu tổng hợp các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu giai đoạn 2026-2030 tại Phụ lục 1 kèm theo.

(3) Sản phẩm sản xuất – tiêu thụ chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026-2030					Cộng KH (2026-2030)	So với DK 2021-2025
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030		
1	Sản phẩm sản xuất								
1.1	Tinh quặng đồng quy	tấn	88.796	87.338	78.875	95.785	89.569	440.363	126,8

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026-2030					Cộng KH (2026- 2030)	So với DK 2021 -2025
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030		
	25% Cu								
1.2	Đồng tấm	tấn	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	150.000	107,6
1.3	Kẽm thoi	tấn	8.316	8.336	10.145	10.223	10.092	47.112	92,6
1.4	Thiếc thoi	tấn	180	173	192	192	192	929	109,9
1.5	T.Quặng sắt quy 60%Fe	tấn	344.040	743.574	744.348	741.350	738.593	3.311.904	269,0
1.6	Phôi thép	tấn	165.000	220.000	220.000	220.000	220.000	1.045.000	121,6
1.7	Tinh quặng chì 50% Pb	tấn	3.717	3.651	3.939	3.939	3.939	19.184	80,7
1.8	Axit Sunfuric	tấn	128.725	123.087	136.274	123.374	129.463	640.923	99,8
1.9	Vàng	kg	940	1.017	991	978	905	4.831	107,2
1.10	Bạc	kg	2.995	3.091	3.141	3.253	3.062	15.542	192,8
2	Sản phẩm tiêu thụ							-	
2.1	Đồng tấm	tấn	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	150.000	109,0
2.2	Kẽm thoi	tấn	8.316	8.337	10.370	10.370	10.370	47.762	93,9
2.3	Thiếc thoi	tấn	173	173	192	192	192	923	108,2
2.4	Quặng sắt 57-60%Fe	tấn	198.674	384.413	383.131	381.436	378.914	1.726.568	183,6
2.5	Sản phẩm Phôi thép, thép hình	"	160.000	220.000	220.000	220.000	220.000	1.040.000	121,3
2.6	Tinh quặng chì 50% Pb	tấn	3.717	3.381	3.647	3.647	3.647	18.038	83,8
2.7	Axit Sunfuric	tấn	134.328	129.589	139.103	126.878	131.124	661.022	104,8
2.8	Vàng	kg	938	1.074	991	979	906	4.888	109,9
2.9	Bạc	kg	3.313	3.277	3.140	3.251	3.066	16.047	202,1

(3) Lao động và tiền lương:

- Lao động sử dụng bình quân giai đoạn này khoảng 5.513 người/năm, trong đó: Năm 2026: 5.142 người; Năm 2027: 5.725 người; Năm 2028: 5.606 người; Năm 2029: 5.564 người; Năm 2030: 5.528 người.

- Tiền lương bình quân: 18,929 tr.đ/ng/th; Trong đó: Năm 2026: 17,261 tr.đ/ng/th; Năm 2027: 18,000 tr.đ/ng/th; Năm 2028: 19,225 tr.đ/ng/th; Năm 2029: 19,899 tr.đ/ng/th; Năm 2030: 20,163 tr.đ/ng/th.

- Về quản lý sử dụng lao động: Mục tiêu đến 2030 lao động quản lý của toàn Tổng công ty phấn đấu đạt tỷ lệ $\leq 14\%$ trên tổng số lao động sử dụng (hiện nay tỷ lệ lao động quản lý chiếm tỷ trọng trên 15% tổng số lao động). Tiếp tục thực hiện mục tiêu xã hội hóa để giảm tối đa lao động một số khâu

phục vụ, phụ trợ khác. Tuyển dụng, đào tạo, sắp xếp lao động đảm bảo cơ cấu ngành nghề hợp lý, tập trung các Dự án trọng điểm của Tổng công ty, đáp ứng nhu cầu sản xuất và phát triển lâu dài.

Biểu chi tiết về lao động tiền lương giai đoạn 2026-2030 tại Phụ lục 2 kèm theo.

IV. Định hướng và các giải pháp cơ cấu lại doanh nghiệp đến năm 2025

1. Chiến lược phát triển, ngành nghề, định hướng kinh doanh, sản phẩm, thị trường

Giai đoạn đến 2025, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty tiếp tục được duy trì và phát triển, gồm:

- Thăm dò, khai thác, chế biến các loại khoáng sản;
- Sản xuất các sản phẩm kim loại màu, kim loại đen, các khoáng chất phi kim loại, khí công nghiệp và hoá chất.
- Gia công chế tạo, sản xuất các sản phẩm từ kim loại đồng, kẽm, gang thép, để nâng cao chuỗi giá trị hàng hóa.
- Gia công chế tác sản xuất hàng trang sức, mỹ nghệ.
- Kinh doanh nguyên vật liệu, các sản phẩm hàng hóa ngành khai khoáng, luyện kim; dịch vụ du lịch, thương mại.

2. Đổi mới quản trị doanh nghiệp

a. Công tác quản trị chi phí

- Bám sát chỉ đạo của Tập đoàn để đổi mới cơ chế khoán quản trị chi phí, tổ chức triển khai đồng bộ đến từng phân xưởng, tổ đội. Việc khoán chi phí không chỉ dừng ở mức giao chỉ tiêu mà phải hướng tới mục tiêu hình thành “văn hóa tiết kiệm”, phát huy tính tự chủ, sáng tạo của các đơn vị sản xuất; yêu cầu các đơn vị xây dựng phương án khoán theo hướng sát thực tế, linh hoạt theo điều kiện sản xuất từng thời kỳ.

- Rà soát toàn diện các quy chế, quy định hiện đang áp dụng tại Công ty mẹ, các công ty con và chi nhánh, trên tinh thần chuẩn hóa theo mô hình quản trị của Tổng công ty và linh hoạt theo đặc thù từng đơn vị. Những quy định không còn phù hợp hoặc chông chéo sẽ được điều chỉnh, thay thế kịp thời; các nội dung trọng yếu liên quan đến phân cấp quản trị chi phí, thẩm quyền phê duyệt, công tác nghiệm thu, thanh quyết toán sẽ được cụ thể hóa, bảo đảm minh bạch, thống nhất và tăng cường trách nhiệm giải trình của người đứng đầu.

- Kiểm tra, rà soát và hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế – kỹ thuật. Đặc biệt, đối với các đơn vị khai thác hầm lò, như Mỏ Vi Kẽm, hệ thống định mức phải phản ánh đúng điều kiện địa chất, độ phức tạp thi công và thiết bị sử dụng; qua đó tạo cơ sở khoa học, khách quan để đánh giá khoán chi phí, kiểm soát tốt biến động và phát hiện các yếu tố bất hợp lý gây thất thoát.

- Hoàn thiện và áp dụng cơ chế nghiệm thu chi phí dựa trên dữ liệu thực tế và các yếu tố đánh giá định lượng; mọi khoản chi phải được đối chiếu với định mức và nguyên nhân phát sinh, phân tách rõ nội dung khách quan – chủ



quan. Bội chi phải được xác định rõ trách nhiệm của cá nhân, bộ phận; tiết kiệm chi phí phải được ghi nhận là kết quả quản trị và trở thành căn cứ để xét thưởng.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý chi phí theo hướng tinh gọn, chuyên sâu. Rà soát, kiện toàn bộ máy làm công tác quản trị chi phí từ Công ty mẹ đến các đơn vị thành viên. Tại các phòng ban chuyên môn của Công ty mẹ và các chi nhánh, công ty con, đội ngũ cán bộ làm công tác quản trị chi phí được bố trí theo nguyên tắc “chuyên trách – không kiêm nhiệm”, có trình độ phân tích tài chính – dự báo – kiểm soát, đủ năng lực tham mưu trực tiếp cho lãnh đạo đơn vị. Qua đó xây dựng hệ điều hành chi phí thống nhất, xuyên suốt, kiểm soát được từ khâu lập kế hoạch đến thực hiện, nghiệm thu và đánh giá hiệu quả.

- Tăng tốc chuyển đổi số trong quản trị chi phí. Đầu tư dự án hệ thống giải pháp kỹ thuật, phần mềm và dịch vụ số hóa dữ liệu phục vụ quản trị với tổng mức đầu tư trên 12 tỷ đồng. Trong giai đoạn 2026–2030, hệ thống này sẽ được đưa vào vận hành đồng bộ tại các chi nhánh và công ty con, cho phép thu thập dữ liệu chi phí trực tuyến, tự động đối soát với định mức, phân tích chênh lệch và cảnh báo vượt ngưỡng thời gian thực. Việc số hóa giúp nâng cao hiệu quả quản trị, giảm chi phí trung gian và tạo nền tảng xây dựng mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại theo chuẩn quốc tế.

b. Công tác quản lý tài chính

- Trong giai đoạn 2026-2030, tiếp tục duy trì phương thức mua nguyên vật liệu chính và bán hàng tập trung qua Văn phòng TCT, từ đó điều phối dòng tiền trong Cty mẹ một cách hài hòa, sử dụng các nguồn vốn một cách hiệu quả. Xây dựng kế hoạch dòng tiền hàng năm/quý/tháng/tuần nhằm chủ động trong việc bố trí nguồn vốn phục vụ ĐTXD và SXKD.

- Tiếp tục phối hợp, hỗ trợ các công ty con khó khăn thông qua việc ứng trước tiền hàng, bù trừ công nợ, kết nối làm việc với các tổ chức tín dụng để thu xếp vốn phục vụ đầu tư cũng như SXKD, cam kết nguồn thanh toán nợ tín dụng theo tỷ lệ vốn góp của TCT tại đơn vị (nếu cần).

- Xử lý các tồn tại tài chính, nhận diện các rủi ro tài chính và có kế hoạch phòng tránh; Theo dõi, giám sát và phối hợp với các Cty con đang trong diện giám sát tài chính đặc biệt để từng bước đưa các đơn vị ra khỏi diện giám sát tài chính đặc biệt, đảm bảo an toàn tài chính.

Dự kiến một số chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2026-2030 như sau:

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm				
			2026	2027	2028	2029	2030
1	Tỷ suất LN/VCSH	%	29%	25%	21%	28%	22%
2	Hệ số nợ	Lần	1,13	1,33	1,42	1,29	1,41
3	Hệ số khả năng thanh toán	Lần	1,08	0,98	0,98	0,98	0,98

c. Công tác đầu tư

Tổng giá trị đầu tư giai đoạn 2026 + 2030 là 4.570 tỷ đồng, trong đó: Xây dựng: 736 tỷ đồng; Thiết bị: 2.689 tỷ đồng; Tư vấn và Chi phí khác: 1.145 tỷ đồng.

Nguồn vốn đầu tư: Tổng nguồn vốn dự kiến huy động cho kế hoạch đầu tư 2026 + 2030 là 4.440 tỷ đồng; Cơ cấu huy động nguồn vốn tùy thuộc từng dự án, thời gian thực hiện và tối đa nguồn vay thương mại là 70% TMĐT.

(1) Về đầu tư phát triển sản xuất

**Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ đồng Sin Quyền:* Hiện nay đã thực hiện xong các phần việc thuộc giai đoạn chuẩn bị dự án và đã phê duyệt dự án để triển khai, dự kiến hoàn thành dự án trong năm 2027.

**Dự án Đầu tư dây chuyền cán thép tại khu LHGT Cao Bằng:* Vimico đang chỉ đạo Cisco tập trung thực hiện công tác GPMB để triển khai khai thác tại khu Bắc mỏ sắt Nà Rựa đáp ứng các điều kiện của cổ đông Cisco trước khi triển khai được dự án, do vậy kế hoạch năm 2026 sẽ tiếp tục thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án. Tổng mức đầu tư dự kiến là 351.913 triệu đồng. Thực hiện đầu tư từ năm 2027 và hoàn thành năm 2028.

**Dự án mở rộng nâng công suất khai thác mỏ Vi Kẽm:* Dự kiến sẽ tiến hành chuẩn bị dự án trong năm 2029, triển khai thực hiện trong 3 năm tiếp theo.

**Dự án đầu tư chế biến sâu đồng kim loại Cathode:* Trong giai đoạn 2026-2030 VIMICO sẽ tiếp tục nghiên cứu, tìm thị trường, tìm đối tác, tìm cơ hội đầu tư chế biến tạo sản phẩm phục vụ các lĩnh vực công nghệ cao. Khi có cơ hội đầu tư, VIMICO sẽ báo cáo TKV trước khi triển khai. Tổng mức đầu tư dự án dự kiến 1.030.463 triệu đồng, năm 2027 dự kiến thực hiện công tác nghiên cứu khả thi dự án.

(2) Về đầu tư duy trì sản xuất và cải thiện điều kiện làm việc

**Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất cho khai thác mỏ đồng Sin Quyền, mỏ Vi Kẽm:* Trong năm năm tới để bảo đảm hoạt động sản xuất của mỏ hàng năm cần thực hiện đầu tư bổ sung, duy trì thiết bị sản xuất đáp ứng khối lượng công tác mỏ đối với các thiết bị thay thế mỏ như: khoan, bóc xúc vận tải đất đá thải, quặng,... với tổng giá trị dự kiến trên 2.000 tỷ đồng.

**Đầu tư duy trì sản xuất cho mỏ sắt (khu bắc mỏ Nà Rựa):* Khu bắc mỏ Nà Rựa thời gian qua vướng mắc ĐBGPM, dự kiến các vướng mắc sẽ được giải quyết và đưa vào khai thác trong thời gian tới, cần tiếp tục đầu tư duy trì sản xuất cho mỏ khai thác quặng sắt trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Tổng giá trị dự kiến đầu tư trong kỳ trên 30 tỷ đồng.

**Đầu tư duy trì sản xuất cho khai thác các mỏ chì kẽm:* Nghiên cứu mở rộng bãi thải quặng đuôi mỏ Chợ Điền để duy trì sản xuất ổn định, lâu dài cho xưởng tuyển kẽm chì Chợ Điền. Tổng giá trị đầu tư duy trì sản xuất trong kỳ tới dự kiến trên 100 tỷ đồng.

**Đầu tư duy trì sản xuất cho các nhà máy tuyển quặng đồng, chì kẽm:* Đầu tư duy trì sản xuất cho 02 Nhà máy tuyển quặng đồng (tại Lào Cai), 03 nhà máy tuyển chì kẽm (tại Thái Nguyên) dự kiến trên 100 tỷ đồng.

**Đầu tư duy trì sản xuất cho các nhà máy luyện kim:* Đầu tư duy trì sản xuất cho 02 Nhà máy luyện đồng đồng (tại Lào Cai), Nhà máy luyện kẽm (tại

Thái Nguyên), Nhà máy luyện phôi thép (tại Cao Bằng) dự kiến trên 350 tỷ đồng.

**Đầu tư duy trì sản xuất cho mỏ thiếc và thủy điện:* Tổng giá trị đầu tư dự kiến khoảng 210 tỷ đồng để tiếp tục thực hiện các dự án khai thác mỏ thiếc (mở mới) và khai thác tận thu (các bãi thải cũ) cũng như đầu tư cải tạo các tổ máy thủy điện và thay thế tuyến đường dây truyền tải điện từ 10Kv lên 35Kv theo quy hoạch ngành và yêu cầu của điện lực (tại Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng).

*Ngoài ra, trong thời gian tới Tổng công ty còn đầu tư một số dự án cải thiện điều kiện làm việc và phát huy công năng sử dụng đất gồm: (1) *Đầu tư xây dựng nhà tập thể cho người lao động và khu TT-VH tại Sin Quyền;* (2) *Đầu tư xây dựng Văn phòng trụ sở Tổng công ty tại Hà Nội.*

(3) Về đầu tư cho chuyển đổi số (CDS) và ứng dụng khoa học công nghệ (KHCCN)

Trong thời gian tới sẽ đầu tư một số dự án phục vụ Đề án CDS Vimico giai đoạn đến 2030, gồm: Xây dựng hệ thống quản lý sản xuất (Khai thác mỏ, tuyển khoáng, luyện kim) và quản trị chi phí, nâng cấp hệ thống quản lý tài chính và LDTL; Xây dựng hệ thống quản lý thiết bị cơ điện, quản lý hiệu xuất và điều phối thiết bị; Xây dựng hệ thống quản lý An toàn VSLĐ, quản lý đầu tư; Nâng cấp hệ thống hạ tầng phục vụ các ứng dụng CDS và KHCCN; Xây dựng nền tảng dữ liệu số và hệ thống bảo mật thông tin; Ứng dụng các công nghệ 4.0;.... Tổng mức đầu tư dự kiến 125 tỷ đồng.

c. Công tác quản lý vật tư

Thống nhất công tác quản lý vật tư trong toàn Tổng công ty theo định hướng của TKV; đồng thời hoàn thiện hệ thống quy định quản lý, định mức sử dụng vật tư và phân công, phân cấp cụ thể trong các khâu mua sắm, bảo quản, cấp phát và sử dụng vật tư, bảo đảm rõ trách nhiệm, minh bạch và tuân thủ đúng quy trình. Việc lựa chọn nhà cung cấp được triển khai theo hướng chuyên nghiệp, lựa chọn các đối tác uy tín, chất lượng tốt, giá cả cạnh tranh; đồng thời ưu tiên sử dụng sản phẩm nội bộ trong TKV và sản phẩm sản xuất trong nước nhằm giảm chi phí, tăng tính chủ động và góp phần phát triển chuỗi giá trị nội ngành.

Để triển khai hiệu quả, Tổng công ty tập trung thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

- Trên cơ sở kế hoạch kỹ thuật và kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được TKV phê duyệt, xây dựng kế hoạch cung ứng vật tư theo từng giai đoạn, bảo đảm cung cấp đầy đủ, kịp thời cho sản xuất và sửa chữa; đồng thời áp dụng các giải pháp tối ưu tồn kho nhằm giảm ứ đọng vốn, nâng cao vòng quay vật tư và hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính.

- Chủ động tìm kiếm, phát triển các nguồn vật tư thay thế trong nước, từng bước giảm phụ thuộc vào nhập khẩu; tăng cường sử dụng sản phẩm nội bộ do các đơn vị của TKV cung ứng, gia công, chế tạo; khai thác các sản phẩm vật

tư nội địa có chất lượng tương đương, giá thành hợp lý nhằm giảm chi phí đầu vào và nâng cao tính tự chủ trong sản xuất.

- Xây dựng hệ thống nhà cung cấp chiến lược theo tiêu chí rõ ràng, bảo đảm khả năng cung ứng kịp thời, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng ổn định, giá cả cạnh tranh và phù hợp với các quy định của Tổng công ty và TKV; từng bước hình thành cơ chế liên kết dài hạn để ổn định nguồn cung và tối ưu hóa chi phí mua sắm.

- Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy định về quản lý vật tư, bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của TKV và phù hợp với thực tiễn hoạt động của từng đơn vị; đồng thời quán triệt thực hiện nghiêm túc quy trình, trình tự mua sắm, nghiệm thu, bảo quản và sử dụng vật tư theo đúng quy định, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong từng khâu quản lý.

d. Công tác phát triển thị trường, tiêu thụ sản phẩm

*** Về thị trường tiêu thụ**

Toàn bộ sản phẩm của VIMICO sẽ được tiêu thụ trên thị trường nội địa. Trong điều kiện cơ chế, chính sách cho phép, việc xuất khẩu sản phẩm có hiệu quả hơn tiêu thụ nội địa thì sẽ xem xét xuất khẩu sản phẩm.

*** Về thị trường hàng hóa mua vào:**

Xem xét, tìm kiếm nguồn cung cấp tinh quặng đồng, đồng phế liệu... ổn định lâu dài trong nước (hoặc nhập khẩu nếu đảm bảo hiệu quả kinh tế) để đảm bảo nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất tại 02 Nhà máy luyện đồng của Tổng công ty. Xem xét khả năng nhập khẩu trực tiếp một số loại vật tư giá trị lớn (gạch chịu lửa, hóa chất tuyển khoáng, than cốc) để sản xuất gang thép (nếu đảm bảo hiệu quả kinh tế).

*** Về hệ thống khách hàng mục tiêu:**

- Giữ vững và phát triển hệ thống khách hàng truyền thống đối với các sản phẩm chủ lực như đồng cathode, kẽm thỏi, axit sunfuric – đặc biệt là các khách hàng khu vực phía Bắc đã sử dụng ổn định, có dây chuyền công nghệ phù hợp với đặc tính sản phẩm của VIMICO, tạo nguồn tiêu thụ ổn định và bền vững.

- Mở rộng thị trường phía Nam thông qua phối hợp với TKV để tiếp cận các doanh nghiệp sản xuất dây cáp điện, thiết bị điện có nhu cầu lớn về đồng cathode (chiếm trên 60% nhu cầu nội địa). Chủ động xây dựng chính sách logistics và thương mại phù hợp để thu hút khách hàng mới.

- Đối với axit sunfuric: ưu tiên tiêu thụ cho các nhà máy sản xuất phân bón và hóa chất trong cùng khu vực để giảm chi phí vận chuyển, đảm bảo sản xuất ổn định tránh rủi ro phải dừng gián đoạn sản xuất do không tiêu thụ được axit; duy trì chính sách gắn kết lợi ích lâu dài với khách hàng; triển khai ký kết hợp đồng nguyên tắc dài hạn để đảm bảo đầu ra ổn định trước áp lực cạnh tranh với hàng nhập khẩu.

- Đối với sản phẩm vàng, bạc: tiêu thụ 100% trong nước, kết hợp với Chi nhánh VIJAS để gia công, chế tác thành sản phẩm trang sức nhằm nâng cao giá trị gia tăng; nghiên cứu xây dựng thương hiệu vàng Vimico theo đúng quy định

của pháp luật, định hướng phát triển thị trường vàng trong giai đoạn mới (nếu được).

- Phát triển thị trường cho các sản phẩm chế biến sâu mới như thép cán, bismut (Bi), hợp kim đặc biệt: chủ động nghiên cứu nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế, xác định nhóm khách hàng mục tiêu (ngành điện tử, vật liệu mới, sản xuất hợp kim); xây dựng chiến lược tiếp thị dài hạn; thiết lập quan hệ với các đối tác chiến lược để từng bước mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm và gia tăng giá trị chuỗi sản xuất của Tổng công ty

*** Phân tích đánh giá thị trường:**

Thuê tư vấn hoặc mua công cụ, sản phẩm nhằm đẩy mạnh công tác đánh giá, phân tích dự báo nhu cầu thị trường để Tổng công ty có thể có những quyết sách đúng đắn, đúng thời điểm về tiêu thụ và thị trường tiêu thụ cho phù hợp.

3. Phương án cơ cấu lại tài chính, vốn và tài sản của Tổng công ty giai đoạn 2025-2030

Cơ cấu lại tài chính, vốn và tài sản nhằm xây dựng nền tài chính lành mạnh, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, đảm bảo năng lực đầu tư phát triển trong dài hạn, đồng thời tăng sức cạnh tranh và bảo toàn, phát triển vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, Tổng công ty tập trung triển khai các nhóm giải pháp chủ yếu sau:

- Vốn điều lệ và nguồn vốn chủ sở hữu: giữ nguyên vốn điều lệ trong giai đoạn 2026-2030, đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức, phạm vi sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản trị vốn Nhà nước. Tối ưu cấu trúc vốn chủ sở hữu và vốn vay, từng bước giảm tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu, đặc biệt là các khoản vay thương mại có lãi suất cao; ưu tiên tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi, vốn tín dụng xanh, vốn tài trợ dự án công nghệ - môi trường.

- Tăng cường đầu tư, bổ sung tài sản cố định theo hướng hiện đại và có chọn lọc: Rà soát toàn bộ danh mục tài sản cố định hiện có, phân loại rõ tài sản đang phát huy hiệu quả, tài sản cần nâng cấp và tài sản kém hiệu quả cần thanh lý. Ưu tiên đầu tư chiều sâu, đầu tư đổi mới công nghệ, tự động hóa và số hóa dây chuyền sản xuất, gắn với các dự án mang tính chiến lược (Luyện kim màu, chế biến sâu). Tìm kiếm và đa dạng hóa nguồn tài trợ đầu tư: huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp, hợp tác đầu tư, liên doanh liên kết, thuê tài chính, tín dụng đầu tư của các tổ chức tài chính, v.v....

- Thanh lý và cơ cấu lại tài sản không hiệu quả: Kiên quyết thanh lý, nhượng bán các tài sản cũ, đã hao mòn lớn hoặc không còn phù hợp với công nghệ hiện tại, tránh dàn trải trong quản lý và gây thất thoát. Thu hồi tối đa giá trị tài sản thanh lý để bổ sung nguồn vốn lưu động và tái đầu tư cho các lĩnh vực có hiệu quả cao hơn. Đánh giá lại giá trị tài sản theo hướng minh bạch, phản ánh đúng giá trị thực, tạo cơ sở cho việc tái cơ cấu tài sản và tăng khả năng huy động vốn.

- Tận dụng tối đa năng lực hiện có của tài sản cố định. Tăng công suất khai thác, sử dụng tài sản cố định, giảm tỷ lệ tài sản nhàn rỗi; xây dựng cơ chế giao khoán hiệu quả sử dụng tài sản đến từng đơn vị thành viên.

- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền và công nợ phải thu. Kiểm soát dòng tiền thống nhất từ Tổng công ty đến các đơn vị, đảm bảo dòng tiền luân chuyển liên tục, hạn chế tình trạng ứ đọng vốn tại các khâu trung gian. Tăng cường công tác thu hồi công nợ, phân loại công nợ theo nhóm rủi ro, áp dụng các biện pháp mạnh đối với công nợ quá hạn, công nợ khó đòi; gắn trách nhiệm người đứng đầu đơn vị với kết quả thu hồi công nợ. Triển khai cơ chế quản trị vốn tập trung nhằm tối ưu dòng tiền trong toàn Tổng công ty, giảm nhu cầu vay ngắn hạn và chi phí tài chính.

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng cơ bản và dự án dở dang. Rà soát toàn bộ các dự án đầu tư dở dang, xác định rõ nguyên nhân chậm tiến độ; tập trung nguồn lực hoàn thiện các dự án trọng điểm, tránh kéo dài gây đội vốn và ảnh hưởng hiệu quả đầu tư.

- Chính sách khấu hao tài sản cố định linh hoạt và hiệu quả: Thực hiện trích khấu hao nhanh đối với các tài sản công nghệ lạc hậu hoặc nằm trong kế hoạch đầu tư thay thế nhằm thu hồi vốn nhanh, tạo điều kiện tái đầu tư công nghệ mới. Điều chỉnh thời gian khấu hao hợp lý gắn với hiệu quả sử dụng thực tế và quy định của Nhà nước, đảm bảo hài hòa giữa hiệu quả tài chính và nghĩa vụ nộp ngân sách.

4. Phương án cơ cấu lại nhân sự, tổ chức bộ máy quản lý

4.1. Đối với cơ quan điều hành Tổng công ty

*** Ban lãnh đạo quản lý, điều hành:**

- HĐQT, BKS: giữ nguyên mô hình và số lượng thành viên theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

- Ban giám đốc: giữ nguyên định biên Ban giám đốc là 06 người, gồm Tổng giám đốc, 04 Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

*** Các phòng quản lý:**

Giữ nguyên mô hình bộ máy như hiện nay (gồm 11 phòng chức năng) và theo định hướng trong mô hình định biên mẫu của TKV, tuy nhiên sẽ thường xuyên cập nhật, bổ sung và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ cho các phòng ban phù hợp với tình hình thực tế trên nguyên tắc không làm tăng đầu mỗi quản lý và đảm bảo hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành.

4.2. Đối với các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty

4.2.1. Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico

Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai – Vimico là đơn vị chủ lực trong chiến lược phát triển của của Tổng công ty Khoáng sản - TKV đến năm 2030 và các năm tiếp theo với vai trò cụ thể là tiếp tục duy trì khai thác (lộ thiên, hầm lò) đảm bảo cấp quặng nguyên khai cho 02 nhà máy tuyển khoáng để có đủ tinh quặng với hàm lượng ổn định để cung cấp cho các nhà máy luyện đồng của Tổng công ty.

Việc sắp xếp, tổ chức lại các phòng, phân xưởng sẽ được thực hiện phù hợp với thực tế SXKD của Chi nhánh và mô hình mẫu của TKV, đảm bảo hiệu

quả, đặc biệt khi Dự án mở rộng nâng công suất mỏ đồng Sin Quyền triển khai hoàn thành.

4.2.2. Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai – Vimico (LDV)

Tiếp tục duy trì hoạt động của LDV như hiện nay để mở rộng và nối dài chuỗi sản xuất, đặc biệt trong việc phát triển các sản phẩm mới từ nguyên liệu đầu vào (hiện nay đang phát triển sản phẩm Bi). Phù hợp với việc đa dạng hóa nguồn nguyên liệu đầu vào khi LDV đã và đang trở thành địa điểm thực hiện công tác nghiên cứu và phát triển cho sử dụng các nguồn nguyên liệu mới.

Việc sắp xếp, tổ chức lại các phòng, phân xưởng sẽ được thực hiện phù hợp với thực tế kế hoạch SXKD của Chi nhánh và mô hình mẫu của TKV, đảm bảo hiệu quả SXKD của Chi nhánh.

4.2.3. Chi nhánh Đá quý Việt Nhật – Vimico

Tiếp tục duy trì hoạt động của Chi nhánh Đá quý Việt Nhật. Trong giai đoạn 2026-2030, định hướng các dòng sản phẩm như sau:

** SXKD dòng sản phẩm vàng nguyên liệu 99.9% của Tổng công ty:*

Chế biến sâu và phát triển kinh doanh vàng vật chất, xây dựng phát triển thương hiệu vàng VIMICO nhằm tăng lợi nhuận và tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động; bên cạnh đó, hợp tác làm đại lý cung cấp nguyên liệu, tiêu thụ thành phẩm cho các đối tác lớn trong thị trường vàng của VN, trong đó ưu tiên cao nhất là hợp tác với các đơn vị kinh doanh vàng đã có uy tín trên thị trường.

** SXKD dòng quà tặng mỹ nghệ:*

Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mỹ nghệ cao cấp trên nhiều chất liệu, tập trung đẩy mạnh vào công tác tiêu thụ và phát triển sản phẩm mới, gắn yếu tố phong thủy kết hợp với đá quý tự nhiên tạo nên tính mỹ thuật và độ tinh xảo cao. Tiếp cận và phát triển các dòng sản phẩm quà tặng phục vụ cho các đối tác khách hàng là các địa phương, các doanh nghiệp và tổ chức tin dụng vào các dịp Lễ kỷ niệm, hội nghị tri ân khách hàng với mức giá cạnh tranh trên thị trường.

** SXKD dòng trang sức:* Chế tác các sản phẩm theo đơn đặt hàng và hợp đồng gia công chế tác xuất khẩu. Tiếp tục hợp tác với đối tác khách hàng truyền thống hiện có tại Nhật Bản và khai thác tìm kiếm thêm một số đối tác khác để gia công xuất khẩu. Đẩy mạnh phát triển gia công chế tác cho các đối tác tại thị trường trong nước.

Về sắp xếp, tổ chức lại các phòng, xưởng sản xuất sẽ được thực hiện phù hợp với thực tế KHSXKD của Chi nhánh và mô hình mẫu của TKV, đảm bảo hiệu quả SXKD của Chi nhánh

4.3. Đối với các công ty con

Phương án cơ cấu lại các công ty con tập trung theo 03 nội dung như sau:

a. Giai đoạn 2026-2030, Tổng công ty tiếp tục nắm giữ cổ phần chi phối tại 03 đơn vị:

- Công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico;



- Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng;
- Công ty CP Gang thép Cao Bằng.

b. Thoái vốn hoặc chấm dứt hoạt động các công ty con:

(1) Tổng công ty tiếp tục thực thoái toàn bộ vốn hoặc triển khai các giải pháp nhằm chấm dứt hoạt động đối với các đơn vị đã trong kế hoạch thoái vốn/giải thể giai đoạn hiện tại nhưng do nhiều yếu tố vẫn chưa thể hoàn thành:

- Công ty CP Du lịch và Thương mại Bằng Giang, Cao Bằng;
- Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico.
- Công ty CP Đầu tư Gang thép Lào Cai (đổi từ phương án giải thể sang Phương án chuyển thành Công ty TNHH MTV để sáp nhập vào Tổng công ty).

(2) Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Đất hiếm Lai Châu - Vimico cho TKV

4.3.1. Các đơn vị Tổng công ty tiếp tục nắm giữ cổ phần chi phối

(1) Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico

* Hiện trạng:

Công ty Kim loại màu Thái Nguyên hiện là một trong những đơn vị có truyền thống lâu đời của Tổng công ty Khoáng sản – TKV, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực khai thác và chế biến thiếc, kẽm và một số kim loại màu khác. Trong những năm gần đây, Công ty vẫn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, đóng góp doanh thu cho Tổng công ty, đặc biệt từ hiệu quả tiết giảm chi phí, tinh giản bộ máy và tối ưu hóa năng lực thiết bị hiện có.

Tuy nhiên, nguồn tài nguyên đầu vào của Công ty đang dần suy giảm, hàm lượng quặng thấp, chi phí khai thác tăng cao; các mỏ truyền thống gần đến giới hạn trữ lượng, dẫn đến dư địa tăng trưởng của Công ty đang bị thu hẹp. Công ty cũng đang chịu áp lực cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp khác trong ngành và sự biến động của thị trường kim loại thế giới.

Việc duy trì và cơ cấu lại Công ty Kim loại màu Thái Nguyên là hết sức cần thiết và phù hợp với chiến lược dài hạn của Tập đoàn và Tổng công ty, do Công ty giữ vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị sản xuất kim loại màu của Tổng công ty cũng như giữ nền tảng tài chính ổn định. Trong khi một số đơn vị khác còn gặp nhiều khó khăn, Công ty Kim loại màu Thái Nguyên vẫn tạo ra dòng tiền tích cực, góp phần hỗ trợ Tổng công ty cân đối nguồn lực cho các dự án chiến lược giai đoạn 2026-2030.

* Đề xuất về tái cơ cấu:

Thực hiện chỉ đạo của TKV về việc nâng tỷ lệ vốn góp tại Công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico từ 51% lên 65%, Tổng công ty đã chủ động triển khai nhiều giải pháp cụ thể như: xây dựng phương án mua lại cổ phần, đàm phán trực tiếp với các cổ đông lớn ngoài Tổng công ty, báo cáo xin ý kiến TKV, ... Tuy nhiên, đến hết năm 2025, mục tiêu nâng tỷ lệ sở hữu vốn lên 65% không thể thực hiện, do không có sự đồng thuận của các nhóm cổ đông lớn bên ngoài.

Giai đoạn 2025-2030, Tổng công ty tiếp tục giữ cổ phần chi phối tại Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên, đồng thời tiếp tục triển khai phương án nâng tỷ lệ sở hữu vốn tại Công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên lên mức 65% theo chỉ đạo của TKV.

Cùng với việc tăng tỷ lệ sở hữu vốn, Tổng công ty đồng thời chủ động thực hiện cơ cấu lại mô hình tổ chức nội bộ Công ty theo phương án tổ chức, định biên đang báo cáo Tập đoàn xin ý kiến phê duyệt.

Yêu cầu người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty chỉ đạo đơn vị tăng cường công tác quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD; tháo gỡ các khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và các hoạt động khác. Công ty đảm bảo sản xuất hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn.

(2) Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

*** Hiện trạng:**

Trong những năm gần đây, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng gặp nhiều khó khăn do tài nguyên trữ lượng quặng thiếc mỏ Tĩnh Túc đã hết. Công ty đang khai thác tận thu ở bãi thải Thập Lục Phần và bãi thải khu Tây mỏ Tĩnh Túc. Mỏ sắt Nà Lũng trữ lượng còn lại ít và khai thác kém hiệu quả nên Công ty đang ký hợp đồng hợp tác khai thác với đơn vị khác để bù đắp các chi phí cố định như: tiền thuê đất, tiền cấp quyền khai thác... Mỏ thiếc Nậm Kép đã được phê duyệt trữ lượng, Công ty đang lập dự án để xin chấp thuận chủ trương đầu tư và cấp phép khai thác. Sản xuất điện và fero hiệu quả không cao, phụ thuộc thời tiết. Ngoài ra, các năm gần đây, cùng với việc tận thu thiếc tại các bãi thải theo Giấy phép, Công ty được tận thu 65.500m³/năm vật liệu xây dựng thông thường (cát, đá, sỏi các loại). Dự kiến giai đoạn 2026-2030, Công ty tiếp tục khai thác tận thu tại bãi thải Thập Lục Phần và Khu Tây, đầu tư nâng công suất thu hồi cát, đá sỏi Khu Tây (122.000m³) và Thập lục Phần (51.000m³) lên 173.000 m³ cát, đá sỏi/năm duy trì sản xuất, tạo công ăn việc làm cho gần 200 lao động địa phương.

*** Đề xuất về tái cơ cấu:**

Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng là đơn vị duy nhất sản xuất thiếc thỏi của Tổng công ty. Quy mô sản lượng và lao động tuy không lớn, điều kiện tài nguyên và khai thác còn hạn chế nhất định song Công ty đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, liên tiếp các năm sản xuất kinh doanh có lợi nhuận, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Đặc biệt, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng là đơn vị kế thừa truyền thống lịch sử của Mỏ thiếc Tĩnh Túc – nơi được coi là “cái nôi của ngành Khoáng sản Việt Nam”, gắn bó sâu sắc với lịch sử phát triển ngành công nghiệp khoáng sản nước nhà, mang đậm ý nghĩa tinh thần và văn hóa doanh nghiệp của Tổng công ty. Tên tuổi của đơn vị không chỉ là một pháp nhân kinh tế, mà còn là một biểu tượng tinh thần, là niềm tự hào của các thế hệ cán bộ công nhân viên, người lao động Tổng công ty nói riêng, của CBCNV TKV và nhân dân địa phương tỉnh Cao Bằng nói chung.

Với lý do đó, giai đoạn 2026-2030, Tổng công ty tiếp tục nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng; yêu cầu người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty chỉ đạo Công ty:

- Duy trì ổn định, hiệu quả sản xuất thiết thời và các sản phẩm khác. Bám sát sở ban ngành tỉnh Cao Bằng, đẩy nhanh tiến độ xin gia hạn khai thác mỏ Khu Tây; mỏ Thập Lục Phần. Tiếp tục bám sát để xin chấp thuận chủ trương đầu tư khai thác dự án Nậm Kép và tìm kiếm phát triển tài nguyên các mỏ khoáng sản trong khu vực xã Tĩnh Túc và các địa phương trong tỉnh Cao Bằng.

- Cải tạo nâng cấp các nhà máy thủy điện, tiến tới bán điện. Cải tạo hệ thống truyền tải dẫn điện cho phù hợp với tình hình mới và điều kiện sản xuất của Công ty. Tiếp tục thực hiện tận thu vật liệu xây dựng thông thường theo kế hoạch dự kiến.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả các mặt quản lý, từ công tác quản lý kỹ thuật cơ bản, công tác quản trị chi phí, công tác quản lý tài chính, đến công tác quản trị nội bộ; chú trọng công tác tuyển dụng và nâng cao đào tạo hiệu quả nguồn nhân lực tại chỗ; áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất - kinh doanh, đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất... Góp phần nâng cao hiệu quả SXKD Công ty.

Đến giai đoạn cuối 2026-2030, trong trường hợp Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã khai thác hết dự địa tận thu thiết, vật liệu xây dựng thông thường tại các khu vực bãi thải, đồng thời không được cấp phép khai thác mới do hạn chế về tài nguyên hoặc quy hoạch khoáng sản, Tổng công ty sẽ xem xét phương án sáp nhập Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng vào Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng nhằm tinh gọn đầu mối doanh nghiệp, tập trung nguồn lực quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Tổng công ty tại địa bàn Cao Bằng và tạo điều kiện tái cơ cấu lao động, tài sản, đất đai một cách hợp lý.

Việc sáp nhập này chỉ được thực hiện sau khi đã đánh giá đầy đủ hiện trạng tài chính, tài sản, nhân sự của hai doanh nghiệp và bảo đảm không làm ảnh hưởng tiêu cực đến quyền lợi người lao động, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như giá trị thương hiệu, truyền thống lịch sử của Mỏ thiết Tĩnh Túc. Đây là giải pháp mang tính tình huống, được xem xét trong tổng thể chiến lược tái cơ cấu giai đoạn sau, trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật, chủ trương của Tập đoàn TKV và sự đồng thuận của các cổ đông liên quan.

(3) Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

*** Hiện trạng:**

Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng các năm nay đã đi vào vận hành ổn định, sản phẩm đạt chất lượng và đạt công suất thiết kế. Tuy nhiên trong năm 2024 và 2025, Công ty sản xuất không có hiệu quả (bị lỗ) do do giá bán sản phẩm phôi thép giảm rất mạnh. Hiện nay thị trường phôi thép suy giảm mạnh cả về giá bán và sức mua. Giá bán bình quân phôi thép cả năm 2025 của Công ty dự kiến giảm 2,17 triệu đồng/tấn so với giá thành sản xuất. Trong khi đó giá nguyên, nhiên liệu đầu vào như than cốc, quặng sắt vẫn duy trì ở mức cao.

- Thiết bị, dây chuyền công nghệ đã cũ làm tăng tiêu hao định mức nguyên vật liệu.

- Công tác quản lý, điều hành của Công ty hiện nay chủ yếu thực hiện theo phương pháp truyền thống, thủ công, chưa áp dụng các công cụ số hóa, phần mềm để quản trị hệ thống dữ liệu trực tuyến.

- Về nguồn nguyên liệu quặng sắt:

CTCP Gang thép Cao Bằng là đơn vị hiện đang sở hữu mỏ sắt Nà Rạ với trữ lượng ở cấp 121+122 là 16.707.536 tấn quặng. Trữ lượng được cấp phép khai thác là: 9.625.000 tấn quặng, công suất 350.000 tấn QNK/năm. Thời gian cấp phép 28 năm, trong đó: Khu Bắc: 8.166.943 tấn; 59,64% Fe và Khu Nam: 1.458.057 tấn; 58,53% Fe.

Trong năm 2024 và năm 2025, do mỏ Khu Nam đã kết thúc khai thác vào ngày 31/12/2023. Mỏ Khu Bắc chưa thể huy động do chưa thực hiện được GPMB, 100% nhu cầu nguyên liệu còn lại Công ty phải mua ngoài với nguồn cung khan hiếm, chủ yếu ở các địa bàn xa như Lào Cai, Tuyên Quang, Thái Nguyên nên chi phí vận chuyển cao khoảng từ 500.000-700.000 đồng/1 tấn nguyên liệu. Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất Công ty đang gặp phải là nguồn cung nguyên liệu cho Nhà máy, khi Dự án khu Bắc mỏ sắt Nà Rạ chậm tiến độ, nguyên nhân chủ yếu là công tác giải phóng mặt bằng; công tác thực hiện Dự án tái định cư, ...

Có thể nói, việc huy động được trữ lượng của mỏ khu Bắc đi vào sản xuất có ý nghĩa sống còn đối với Công ty CP Gang thép Cao Bằng, giúp giảm được hầu hết hết khó khăn hiện tại.

- Về nhà cung cấp nguyên liệu quặng sắt: Giai đoạn 2024 trở lại có 09 nhà cung cấp quặng sắt các loại cho Công ty, tuy nhiên đến năm 2025 chỉ còn lại 05 nhà cung cấp quặng sắt, nguyên nhân chủ yếu là do một số mỏ khai thác quặng sắt đã hết hạn giấy phép khai thác dẫn đến nguồn cung khan hiếm.

- Về nguồn nguyên liệu than cốc: chi phí than cốc chiếm khoảng 50% giá thành của sản phẩm phôi thép tại GTCB. Với quy mô hiện tại, hàng năm GTCB sử dụng khoảng 100.000 tấn than cốc, so với các nhà SX phôi thép tại miền Bắc thì quy mô này là nhỏ nhất nên việc chủ động nguồn than cốc này theo hướng Nhập khẩu trực tiếp/UQ nhập khẩu hoặc mua thương mại hoặc liên kết với các nhà SX phôi thép khác đều rất khó khăn. Hiện tại nguồn cung than cốc CISCO sử dụng chủ yếu có nguồn gốc từ Châu Âu và Châu Á.

- Về nhà cung cấp nguyên liệu than cốc:

Các đơn vị kinh doanh thương mại than cốc hiện nay không chỉ cung cấp cho CISCO mà còn cho các đơn vị khác như Việt Trung, Tuyên Quang, Hòa Phát. Nhờ khối lượng nhập khẩu lớn hàng năm, họ có lợi thế đàm phán giá tốt hơn so với nhu cầu khoảng 100.000 tấn/năm của VIMICO/CISCO.

VIMICO đã đàm phán trực tiếp với một số nhà cung cấp ngoài các đơn vị thương mại trong nước (như Trung Thành, Việt Phát, Thái Hưng), gồm Formosa, Hòa Phát và Itochu (Nhật Bản). Tuy nhiên, các cuộc đàm phán chưa thành công do một số vướng mắc:

+ Yêu cầu chất lượng: CISCO yêu cầu cỡ hạt 0–25 mm <5%, 25–40 mm <45%, >80 mm <5%, dải chấp nhận 25–80 mm; trong khi than cốc Trung Quốc thường có 0–25 mm tới 10% và than cốc Nhật có tiêu chuẩn 25–90 mm.

+ Quy định mua sắm: Theo quy chế của TKV, VIMICO và CISCO, mỗi lần mua phải chào giá, giá mua dựa trên giá gần nhất trong 6 tháng và khối lượng không vượt quá 130%. Trong khi đó, các nhà cung cấp muốn ký hợp đồng dài hạn với cơ chế giá theo thị trường.

+ Bảo đảm hợp đồng: Thông lệ quốc tế yêu cầu bảo đảm khoảng 2% giá trị hợp đồng, nhưng giá than cốc biến động mạnh (15–50% từ 2017 đến nay), làm tăng nguy cơ phá vỡ hợp đồng nếu giá tăng mạnh sau khi ký.

Vì vậy, khả năng VIMICO/CISCO mua trực tiếp than cốc từ nước ngoài khá thấp khi cân nhắc giữa lợi ích giảm trung gian và rủi ro phá vỡ hợp đồng, cùng các hạn chế về tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định mua sắm. Do đó, nguồn than cốc của GTCB vẫn ở tình trạng phụ thuộc, tiềm ẩn rủi ro lớn về giá và chưa có giải pháp phòng ngừa hiệu quả.

- Về thiết bị: Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng đi vào sản xuất từ năm 2015, đến nay năm thứ 11 và đã đại tu năm 2022. Hiện hệ thống dây chuyền vẫn hoạt động ổn định.

- Về cơ hội cạnh tranh của CISCO trong thị trường sắt thép:

Cơ hội cạnh tranh của CISCO trên thị trường sắt thép khá thấp do một số lý do sau đây:

+ Tự chủ nguồn nguyên liệu thấp: Khả năng tự chủ nguồn nguyên liệu quặng sắt hiện tại của CISCO ở mức thấp (nguồn nguyên liệu của Công ty phụ thuộc mua ngoài và 1 phần từ VIMICO - Mỏ Sin Quyền). Hiện nay các nhà cung cấp quặng sắt đang có dấu hiệu suy giảm từ 09 nhà đến 2025 còn 05 nhà cung cấp, nguyên nhân do giấy phép mỏ hết hạn, việc cấp phép mỏ mới, gia hạn còn chậm do vướng thủ tục pháp lý. Do vậy mất lợi thế chi phí của Công ty, khó ổn định tình hình sản xuất và kế hoạch dài hạn của Công ty.

+ Tiêu hao than cốc: Các doanh nghiệp sắt thép ở miền bắc và miền trung Việt Nam hiện nay như Việt Trung, Tuyên Quang, Hòa Phát, Formosa đều có công suất sản xuất phối thép lớn hơn của CISCO từ 2 lần trở lên, với lò cao dung tích lớn hơn nên khả năng tiết giảm tiêu hao than cốc/tấn gang lỏng tốt hơn so với CISCO.

+ Các bất lợi khác: Xa thị trường nguyên liệu đầu vào (than cốc và hiện tại là cả quặng sắt), xa thị trường tiêu thụ sản phẩm phối thép cũng như sản phẩm sắt thép xây dựng (khu vực đồng bằng và trung du với các đô thị lớn đông dân cư).

*** Đề xuất về tái cơ cấu:**

Giai đoạn tới, Tổng công ty tiếp tục nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty CP Gang thép Cao Bằng để đảm bảo giữ vai trò kiểm soát chiến lược của Tổng công ty.

Các năm tới, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ rất khó khăn chủ yếu liên quan đến nguyên liệu quặng sắt cung cấp cho sản xuất, trong khi Khu Nam đã kết thúc khai thác, Khu Bắc chưa đi vào hoạt động. Tổng công ty yêu cầu người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty chỉ đạo Công ty tăng cường công tác quản trị, đẩy mạnh công tác tin học hóa, tự động hóa để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD, nâng cao hiệu quả cạnh tranh đối với các doanh nghiệp cùng lĩnh vực; nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có; tiếp tục tái cơ cấu tổ chức và lao động, tinh gọn bộ máy, ... Đặc biệt trong thời gian tới tập trung tháo gỡ những vướng mắc trong việc triển khai Dự án khai thác Khu Bắc (tập trung thực hiện công tác GPMB cho triển khai Dự án); đảm bảo nguồn cung quặng sắt trong thời gian Khu Bắc chưa đi vào hoạt động; tìm kiếm giải pháp như sử dụng chất lượng than cốc, cỡ hạt đa dạng để đảm bảo nguồn cung cấp than cốc ổn định. Đẩy mạnh công tác chế biến sâu sản phẩm gang lỏng, thép lỏng đáp ứng nhu cầu vật tư đúc nội bộ, tập trung đẩy nhanh dự án cán thép theo đúng kế hoạch tiến độ Tổng công ty giao.

4.3.2. Các đơn vị Tổng công ty thoái toàn bộ vốn

(1) Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico

Đây là đơn vị có trong kế hoạch thoái vốn của Tổng công ty tại Đề án cơ cấu lại Tổng công ty đến năm 2025. Giai đoạn vừa qua, tuy đã triển khai quyết liệt nhiều biện pháp song do nhiều yếu tố khách quan liên quan tới cơ chế chính sách, địa phương, sự quan tâm của nhà đầu tư, v.v..., tới thời điểm hết năm 2025, Tổng công ty vẫn chưa hoàn thành nhiệm vụ thoái vốn tại Công ty.

***Đề xuất:** Tổng công ty đề xuất chuyển tiếp nhiệm vụ thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Khoáng sản 3 sang Đề án cơ cấu lại giai đoạn 2026-2030. Chi tiết trong báo cáo của Tổng công ty trình TKV tại Công văn số 102/VIMICO-TCLĐ, ngày 14/01/2026.

Tiến độ thực hiện: hoàn thành thoái vốn trong năm 2026-2027.

(2) Công ty cổ phần Thương mại và Du lịch Bằng Giang Cao Bằng

Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang, Cao Bằng là đơn vị hoạt động thương mại dịch vụ: kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống, tour du lịch Công ty có lợi thế thương mại về vị trí địa lý nhưng hoạt động kinh doanh hiệu quả không cao do bị cạnh tranh bởi nhiều tổ chức, cá nhân hoạt động cùng ngành nghề trên cùng địa bàn. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty những năm qua như sau: Năm 2022 lãi 650 triệu đồng; năm 2023 lãi 400 triệu đồng; năm 2024 lãi 351 triệu đồng; năm 2025 lãi 603 triệu đồng. Tuy nhiên đơn vị vẫn lỗ lũy kế đến hết năm 2025: 3,145 tỷ đồng.

*** Đề xuất về tái cơ cấu:**

Chủ trương Tổng công ty sẽ tập trung vào các lĩnh vực chính là khai thác, chế biến khoáng sản và không nắm giữ cổ phần tại các đơn vị khối thương mại dịch vụ. Giai đoạn vừa qua, tuy đã triển khai kịp thời các thủ tục để triển khai công tác thoái vốn song do không nhận được sự quan tâm của nhà đầu tư, tới thời điểm hết năm 2025, Tổng công ty vẫn chưa hoàn thành nhiệm vụ thoái vốn tại Công ty.

Vi vậy, tiếp tục thực hiện chủ trương đã được TKV thông qua tại Đề án cơ cấu lại Tổng công ty hết năm 2025, Tổng công ty đề xuất chuyển tiếp nhiệm vụ thoái toàn bộ vốn góp của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng (51,31% vốn Điều lệ) sang Đề án cơ cấu lại giai đoạn 2026-2030.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành thoái vốn trong năm 2026-2027.

(3) Công ty cổ phần Đầu tư Gang thép Lào Cai (LSI)

Đây là đơn vị có trong kế hoạch giải thể tại Đề án cơ cấu lại Tổng công ty đến năm 2025

Tổng công ty đang xin ý kiến cổ đông TKV chuyển từ phương án giải thể Công ty sang phương án chuyển LSI thành công ty TNHH MTV, sau đó tiến hành sáp nhập Công ty (TNHH MTV) vào Tổng công ty. Nếu sáp nhập thành công, LSI sẽ không còn tồn tại. Toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của LSI sẽ được chuyển sang VIMICO. Tổng công ty sẽ kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ, và lợi ích hợp pháp của LSI theo hợp đồng sáp nhập. Với kết quả đó, Tổng công ty sẽ thực hiện được mục tiêu chấm dứt tồn tại LSI, nhưng vẫn có cơ sở pháp lý kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ, tiếp tục làm việc với địa phương để xử lý dứt điểm các tồn tại hiện nay tại Công ty. Việc sáp nhập LSI không làm ảnh hưởng đến cơ cấu cổ đông, vốn điều lệ của VIMICO.

Do vậy, Tổng công ty đề nghị TKV xem xét chấp thuận phương án xử lý LSI theo văn bản số 2593/VIMICO-QTK, ngày 15/10/2025 của Tổng công ty về việc tái cơ cấu Công ty cổ phần Gang thép Lào Cai - Vimico theo phương thức sáp nhập vào Công ty mẹ Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP (sau khi đã chuyển đổi từ mô hình công ty cổ phần sang công ty TNHH MTV).

Nếu được TKV đồng ý, dự kiến hoàn thành việc sáp nhập Công ty vào Tổng công ty trong giai đoạn 2026-2027.

(4) Công ty cổ phần Đất hiếm Lai Châu - Vimico

**Hiện trạng:*

Công ty cổ phần Đất hiếm Lai Châu - Vimico (LAVRECO) trước đây được giao triển khai thực hiện Dự án khai thác, chế biến quặng đất hiếm mỏ Đông Pao tại huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu (nay thuộc xã Khun Há, tỉnh Lai Châu).

Trong quá trình hoạt động, công ty đã tổ chức thăm dò xong mỏ Đông Pao và được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 3220/GP-BTNMT, ngày 30/12/2014. Sau khi được cấp GPKT, công ty đã tích cực tìm kiếm các đối tác để tổ chức khai thác và chế biến quặng, nhưng gặp nhiều khó khăn như: chính sách xuất khẩu tinh quặng, nhập khẩu công nghệ chế biến sâu, giá cả sản phẩm biến động mạnh, ... nên việc tìm kiếm đối tác chưa thành công. Do chậm đi vào hoạt động, nên các cơ quan quản lý nhà nước đã ban hành các quyết định và văn bản xử lý đối với Dự án, cụ thể: UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 06/01/2026 về việc thu hồi diện tích đất đã cho Công ty thuê để thực hiện Dự án; Sở Tài chính tỉnh Lai Châu ban hành Quyết định số

01/QĐ-STC ngày 09/01/2026 về việc chấm dứt hoạt động Dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư; Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Văn bản số 917/BNNMT-ĐCKS ngày 27/01/2026 về việc chấm dứt hiệu lực Giấy phép khai thác khoáng sản số 3220/GP-BTNMT ngày 30/12/2014 của Công ty.

Ngày 10/02/2026, TKV có văn bản số 833/TKV-KSH+TN+PC về việc chấm dứt hiệu lực Giấy phép khai thác khoáng sản số 3220/GP-BTNMT, ngày 30/12/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hiện nay, Công ty đang thực hiện các thủ tục đóng cửa mỏ và quyết toán chi phí đầu tư Dự án theo quy định của pháp luật.

Mặc dù dự án chưa được triển khai khai thác, trước đây Công ty đã đầu tư nhiều nguồn lực cho công tác thăm dò, chuẩn bị đầu tư và nghiên cứu công nghệ tuyển khoáng. Qua đó đã có được một số kết quả quan trọng về tài liệu địa chất, nghiên cứu công nghệ tuyển, hạ tầng kỹ thuật và kinh nghiệm chuẩn bị Dự án, đây là những cơ sở có thể kế thừa khi nghiên cứu lập lại dự án, xin cấp phép lại mỏ trong giai đoạn tiếp theo nếu được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

****Khó khăn của Tổng công ty trong việc tiếp tục giữ cổ phần chi phối tại LAVRECO***

Việc triển khai Dự án đất hiếm Đông Pao trong thời gian qua gặp nhiều khó khăn, thách thức, chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Nhu cầu vốn đầu tư rất lớn: Dự án khai thác và chế biến đất hiếm Đông Pao có quy mô lớn, đòi hỏi nguồn vốn đầu tư rất lớn cho toàn bộ chuỗi dự án từ khai thác mỏ, tuyển khoáng đến chế biến sâu và sản xuất các sản phẩm đất hiếm có giá trị gia tăng cao.

- Hạn chế về công nghệ chế biến đất hiếm: Công nghệ khai thác, tuyển, tách và chế biến sâu đất hiếm có mức độ phức tạp cao, đặc biệt là các công đoạn tách, tinh chế các nguyên tố đất hiếm riêng rẽ. Hiện nay trong nước chưa hoàn toàn làm chủ các công nghệ này ở quy mô công nghiệp, do đó việc triển khai Dự án phụ thuộc nhiều vào đối tác nước ngoài về công nghệ, thiết bị và kinh nghiệm vận hành.

- Khó khăn trong việc tìm kiếm đối tác chiến lược: Do tính chất đặc thù và chiến lược của tài nguyên đất hiếm, việc thu hút và lựa chọn các đối tác có đủ năng lực về công nghệ, tài chính và kinh nghiệm triển khai các dự án chế biến đất hiếm quy mô công nghiệp còn gặp nhiều hạn chế. Bên cạnh đó, các yếu tố liên quan đến kiểm soát công nghệ, chuỗi cung ứng và địa chính trị cũng ảnh hưởng đến khả năng hợp tác với các đối tác quốc tế.

- Biến động của thị trường tiêu thụ: Thị trường đất hiếm trên thế giới có nhiều biến động, giá đất hiếm thay đổi mạnh theo chu kỳ và chịu tác động lớn từ cung - cầu toàn cầu. Điều này làm gia tăng rủi ro đối với hiệu quả đầu tư và khả năng thu hồi vốn của các dự án khai thác, chế biến đất hiếm có quy mô lớn.

- Yêu cầu cao về bảo vệ môi trường: Hoạt động tuyển và chế biến đất hiếm có liên quan đến quản lý chất thải, bùn thải và các yếu tố môi trường đặc thù, do đó đòi hỏi hệ thống công nghệ xử lý môi trường hiện đại và chi phí đầu

tư lớn để bảo đảm tuân thủ các quy định ngày càng chặt chẽ về bảo vệ môi trường.

*** Đề xuất:**

Căn cứ tình hình thực tế của LAVRECO sau khi Dự án khai thác và chế biến quặng đất hiếm mỏ Đông Pao đã chấm dứt hiệu lực pháp lý, cũng như định hướng phát triển ngành đất hiếm theo quy hoạch của Nhà nước và chiến lược phát triển của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV), nhằm giảm thiểu tổn thất về tài chính cho các cổ đông, ổn định hoạt động của LAVRECO và từng bước định hướng lại mô hình hoạt động trong thời gian tới, Tổng công ty và LAVRECO dự kiến báo cáo các cấp có thẩm quyền:

Tiếp tục tìm kiếm đối tác, cơ cấu lại Công ty và sẵn sàng tham gia Dự án khai thác, chế biến đất hiếm mỏ Đông Pao theo định hướng của cấp có thẩm quyền. Tiếp tục hoạt động để giải quyết các vấn đề phát sinh sau khi bị thu hồi Giấy phép khai thác như: thu hồi vốn đã đầu tư để thăm dò, bảo vệ mỏ; các khoản đã nộp ngân sách nhưng chưa tổ chức khai thác mỏ, ...

Căn cứ tình hình thực tiễn và đề xuất của LAVRECO, Tổng công ty đề xuất phương án cơ cấu lại LAVRECO theo lộ trình sau:

(1) Giai đoạn 2026-2027:

LAVRECO tiếp tục duy trì hoạt động ở quy mô phù hợp, thực hiện các thủ tục liên quan đến đóng cửa mỏ và quyết toán chi phí đầu tư dự án theo quy định của pháp luật; đồng thời quản lý, lưu giữ và khai thác hiệu quả các kết quả nghiên cứu, đầu tư đã thực hiện trước đây như dữ liệu địa chất, kết quả nghiên cứu công nghệ tuyển khoáng, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các tài liệu chuyên môn liên quan.

Trong giai đoạn này, LAVRECO sẽ tập trung tìm kiếm, làm việc để có thỏa thuận/hợp đồng với các đối tác có công nghệ chế biến đất hiếm làm cơ sở lập lại dự án và xin chủ trương đầu tư với quy mô và công nghệ phù hợp. Tổng công ty và LAVRECO đề nghị TKV quan tâm hỗ trợ trong việc làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước để xem xét chủ trương cho phép tiếp tục nghiên cứu triển khai Dự án khai thác và chế biến quặng đất hiếm mỏ Đông Pao; đồng thời xem xét khả năng chỉ định Lavreco là đơn vị triển khai Dự án theo quy định tại Khoản 3 Điều 85 Luật số 147/2025/QH15 ngày 11/12/2025.

Bên cạnh đó, đề nghị TKV hỗ trợ Tổng công ty và LAVRECO trong việc tìm kiếm, huy động các nguồn lực về vốn, công nghệ, thị trường và đối tác chiến lược trong trường hợp dự án được các cấp có thẩm quyền cho phép tiếp tục triển khai.

(2) Giai đoạn 2027-2029:

Trường hợp Chính phủ chỉ định đơn vị nhận lại kết quả thăm dò, đầu tư của LAVRECO để triển khai khai thác mỏ Đông Pao: thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ.

Trường hợp Chính phủ không chỉ định đơn vị nhận chuyển giao khai thác mỏ Đông Pao: Trên cơ sở định hướng phát triển lâu dài đối với Dự án đất

hiếm mỏ Đông Pao, Tổng công ty đề xuất chuyển nhượng toàn bộ phần vốn của Tổng công ty tại LAVRECO về TKV. Việc chuyển nhượng nhằm tạo điều kiện để TKV trực tiếp nắm giữ và điều phối nguồn lực cho việc nghiên cứu, phát triển dự án đất hiếm Đông Pao trong giai đoạn tiếp theo.

Sau khi chuyển nhượng, LAVRECO sẽ tận dụng các nguồn lực tổng hợp của TKV về tài chính, công nghệ, quản trị và quan hệ hợp tác quốc tế để từng bước nghiên cứu lập lại dự án khai thác và chế biến quặng đất hiếm mỏ Đông Pao theo quy định của pháp luật. Đồng thời, dự án sẽ được định hướng phát triển theo chuỗi giá trị từ khai thác, tuyển khoáng đến chế biến sâu, hướng tới sản xuất các sản phẩm đất hiếm có giá trị gia tăng cao, trong đó có sản phẩm tổng oxit đất hiếm (TR2O3) đạt tiêu chuẩn xuất khẩu theo quy định của Bộ Công Thương.

Việc TKV nắm giữ cổ phần chi phối tại LAVRECO sẽ giúp tháo gỡ căn bản các khó khăn hiện nay và tạo tiền đề phát triển bền vững cho ngành đất hiếm trong nước, thể hiện trên các khía cạnh sau:

- *Tăng cường năng lực tài chính và huy động vốn đầu tư cho dự án đất hiếm:* Khi TKV nắm cổ phần chi phối, dự án sẽ được hưởng lợi từ năng lực tài chính tập trung, khả năng tiếp cận tín dụng, liên doanh liên kết, cũng như sức mạnh thương hiệu của Tập đoàn trong thu hút vốn từ các tổ chức tài chính, đối tác công nghệ trong và ngoài nước.

- *Giải quyết điểm nghẽn về công nghệ và năng lực quản trị dự án:* TKV hiện có hệ thống nghiên cứu - công nghệ, đội ngũ chuyên gia và các trung tâm kỹ thuật mạnh trong lĩnh vực khai khoáng, tuyển khoáng và luyện kim. Khi TKV tham gia trực tiếp điều hành với vai trò chi phối, Lavreco sẽ được hỗ trợ trong việc lựa chọn, chuyển giao và làm chủ công nghệ tuyển, luyện và chế biến sâu đất hiếm - một lĩnh vực mới và phức tạp, đòi hỏi quản trị chặt chẽ về kỹ thuật, môi trường, an toàn và tiêu chuẩn quốc tế. Điều này giúp rút ngắn tiến độ đầu tư, giảm rủi ro kỹ thuật, nâng cao hiệu quả dự án và khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

- *Tạo điều kiện thuận lợi trong hợp tác quốc tế và triển khai cơ chế đặc thù:* Do tính chiến lược và yếu tố địa chính trị của tài nguyên đất hiếm, việc hợp tác với các tập đoàn công nghiệp lớn, các nước có công nghệ tiên tiến cần được thực hiện bởi một chủ thể có vị thế pháp lý, năng lực và uy tín cao. TKV - với vai trò là doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò nòng cốt của ngành công nghiệp khoáng sản - có đủ điều kiện để đàm phán với các đối tác quốc tế, cũng như đề xuất Chính phủ, các bộ, ngành xem xét cơ chế đặc thù cho dự án. Điều này mở ra cơ hội hợp tác chuyên gia công nghệ, đầu tư đồng bộ và phát triển chuỗi giá trị đất hiếm trong nước.

- *Bảo đảm thống nhất chiến lược và chuỗi giá trị ngành khoáng sản trong TKV:* Khi dự án đất hiếm được đặt trong hệ sinh thái công nghiệp của TKV, toàn bộ chuỗi từ khai thác, tuyển - luyện - chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm sẽ được quy hoạch, quản lý và điều hành thống nhất. Điều này không chỉ giúp tối ưu nguồn lực, tăng hiệu quả kinh tế mà còn đảm bảo phù hợp với Chiến lược

phát triển lĩnh vực khoáng sản - luyện kim của TKV giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, trong đó đất hiếm được xác định là sản phẩm chiến lược tiềm năng cần ưu tiên phát triển.

- *Góp phần đảm bảo an ninh tài nguyên và chủ động tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu:* Khi TKV giữ vai trò chi phối, dự án sẽ được định hướng phát triển theo hướng bền vững, gắn với lợi ích quốc gia, tuân thủ quy định bảo vệ môi trường và chủ động tạo nguồn nguyên liệu chiến lược phục vụ phát triển công nghiệp trong nước. Đây là yếu tố có ý nghĩa lâu dài, không chỉ đối với Lavreco mà còn đối với mục tiêu đảm bảo an ninh năng lượng - tài nguyên quốc gia, tăng vị thế của Việt Nam trong chuỗi cung ứng đất hiếm toàn cầu.

4.4. Đối với các công ty liên kết

Giai đoạn 2026-2030, Tổng công ty thoái toàn bộ vốn tại 02 công ty liên kết, bao gồm:

- Công ty CP Đá quý và Vàng Hà Nội;
- Công ty CP Xi măng Tân Quang.

(1) Công ty cổ phần Đá quý và Vàng Hà Nội

Công ty cổ phần Đá quý và Vàng Hà Nội có vốn Điều lệ 18 tỷ đồng, trong đó vốn góp của VIMICO là 8,695 tỷ đồng, chiếm 48,31% vốn Điều lệ.

Trong những năm gần đây, Công ty cổ phần Đá quý và Vàng Hà Nội (HGC) hoạt động hiệu quả thấp, không có sự phát triển. Các năm gần đây, doanh thu chủ yếu từ nguồn kinh doanh cho thuê nhà do HGC có lợi thế về đất đai được thuê. Các chi phí chủ yếu là tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, chi phí quản lý điều hành Công ty. Theo trao đổi của Ban điều hành HGC thì đến thời điểm hiện tại việc cho thuê nhà gặp nhiều khó khăn do các công trình xây dựng từ lâu, không đáp ứng quy định về phòng cháy hiện tại.

Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh chưa đem lại hiệu quả (ngoại trừ việc thu hồi được khoản đầu tư xây dựng dở dang đã thực hiện trước thời điểm ký Hợp đồng 28/2022) và tiềm ẩn nhiều rủi ro liên quan đến tuân thủ quy định của pháp luật về khoáng sản, đất đai, môi trường, quản lý sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

Kể từ khi VIMICO góp vốn, hợp tác với HGC (từ năm 2006) đến thời điểm báo cáo, HGC chưa chia cổ tức cho các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến hết năm 2023 và hết năm 2024 lần lượt là 1.676,63 triệu đồng và 2.082,07 triệu đồng; VIMICO đề nghị chia cổ tức tối thiểu 2% nhưng khi trình phương án phân phối lợi nhuận lên Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thì nhóm cổ đông còn lại không tán thành → Phương án phân phối lợi nhuận không được ĐHCĐ HGC thông qua.

Từ hiện trạng nêu trên, Tổng công ty phân tích một số khó khăn và rủi ro khi đầu tư vốn vào Công ty cổ phần Đá quý và Vàng Hà Nội như sau:

(1) Hiệu quả đầu tư thấp, không phù hợp chiến lược phát triển ngành nghề cốt lõi: Kể từ khi VIMICO tham gia góp vốn (từ năm 2006 đến nay), HGC không chia cổ tức cho các cổ đông, lợi nhuận tích lũy rất thấp. Hoạt động kinh

doanh chính của HGC không phải sản xuất, chế biến khoáng sản – lĩnh vực chiến lược của Tổng công ty – mà chủ yếu dựa vào cho thuê mặt bằng, mang tính thụ động, rủi ro cao và không tạo chuỗi giá trị cho ngành khoáng sản.

Việc tiếp tục duy trì khoản đầu tư này không mang lại giá trị gia tăng, không hỗ trợ mục tiêu nâng cao năng lực tài chính, tích lũy vốn cho các dự án trọng điểm của Tổng công ty.

(2) Không đảm bảo quyền chi phối, mất quyền quyết định chiến lược: Tỷ lệ sở hữu của VIMICO tại HGC là 48,31% - dưới mức chi phối, không đủ quyết định các vấn đề quan trọng. Nhóm cổ đông gia đình nắm giữ 51,41% vốn, điều hành HGC theo mô hình doanh nghiệp tư nhân, không đồng thuận với định hướng phát triển của VIMICO, dẫn đến việc Tổng công ty khó có thể áp dụng hệ thống quản trị, kỷ luật tài chính, cơ chế sử dụng vốn theo quy định của TKV và Tổng công ty. Các quyết định chiến lược như phân phối lợi nhuận, đầu tư, tổ chức bộ máy... đều bị chi phối bởi nhóm cổ đông ngoài, khiến VIMICO không kiểm soát được hiệu quả và rủi ro vốn đầu tư.

(3) Rủi ro pháp lý và quản trị cao: HGC có các hoạt động liên quan đến khoáng sản, đất đai, vật liệu nổ công nghiệp nhưng chưa đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật, tiềm ẩn rủi ro lớn về thanh tra, kiểm tra. Các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị gửi Tổng công ty không kịp thời, không đầy đủ, gây khó khăn cho công tác giám sát vốn Nhà nước và tiềm ẩn nguy cơ thất thoát vốn. Nếu tiếp tục duy trì khoản đầu tư này có thể dẫn đến trách nhiệm pháp lý liên đới đối với Tổng công ty nếu HGC vi phạm quy định nhà nước.

(4) Hoạt động kinh doanh kém bền vững, phụ thuộc vào cho thuê tài sản. Doanh thu chủ yếu từ cho thuê nhà xưởng, trong khi các công trình đã xuống cấp, không đáp ứng tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy và pháp luật hiện hành, dẫn đến giảm mạnh doanh thu, khả năng mất nguồn thu trong tương lai. Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh không hiệu quả, tiềm ẩn rủi ro mất vốn và không mang lại dòng tiền thực chất.

(5) Không đóng góp vào chuỗi giá trị ngành khoáng sản – không phù hợp chiến lược tái cơ cấu. Tổng công ty đang tập trung nguồn lực cho các dự án chế biến sâu đồng, kẽm, phôi thép tại Lào Cai, Thái Nguyên và Cao Bằng. Việc tiếp tục giữ vốn tại HGC sẽ phân tán nguồn lực tài chính, ảnh hưởng đến khả năng đầu tư các dự án trọng điểm mang tính chiến lược. Thoái vốn sẽ giúp Tổng công ty tái cơ cấu danh mục đầu tư, thu hồi vốn để tập trung cho các dự án có suất sinh lời cao, phù hợp chiến lược phát triển 2025–2030 và tầm nhìn 2045.

(6) Không còn tiềm năng phát triển trong dài hạn. Ngành đá quý và vàng có tính cạnh tranh cao, biên lợi nhuận giảm, bị quản lý chặt chẽ bởi các quy định pháp luật, đặc biệt sau khi Luật Kinh doanh vàng sửa đổi có hiệu lực. HGC không còn lợi thế cạnh tranh, không có chiến lược tái cấu trúc bền vững, không phù hợp để Tổng công ty tiếp tục gắn bó lâu dài.

*** Đề xuất:**

Với những nội dung phân tích nêu trên, Tổng công ty đề xuất thoái toàn bộ vốn góp của Tổng công ty tại HGC trong giai đoạn 2026-2030 theo hình thức

phù hợp với quy định của Pháp luật.

Thời gian thực hiện: dự kiến năm 2026-2027.

(2) Công ty cổ phần Xi măng Tân Quang - VVMI

Việc thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Xi măng Tân Quang đã có trong kế hoạch thoái vốn giai đoạn đến năm 2025 song đang gặp vướng mắc về cơ chế chính sách của Nhà nước. Tổng công ty đã xem xét nhiều giải pháp để thực hiện thoái vốn, tuy nhiên đến thời điểm hết năm 2025, Tổng công ty vẫn chưa hoàn thành nhiệm vụ thoái vốn tại Công ty.

***Đề xuất:** Tổng công ty đề xuất chuyển tiếp nhiệm vụ thoái toàn bộ vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Xi măng Tân Quang sang giai đoạn 2026-2030 theo hình thức phù hợp với quy định của Pháp luật.

Thời gian thực hiện: dự kiến năm 2026-2027.

5. Tăng cường công tác thăm dò, phát triển tài nguyên

Phối hợp với các đơn vị quản lý Nhà nước, các đơn vị liên quan trong hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản nhằm đảm bảo mục tiêu chung của Tổng công ty và TKV.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai thi công các đề án thăm dò của Tổng công ty và các đơn vị thành viên nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng thi công các công trình thăm dò, nâng cao hiệu quả trong đầu tư thăm dò phát triển tài nguyên.

Áp dụng công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực địa chất, địa vật lý, công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc triển khai các đề án thăm dò mở mới, quan trắc dịch động bờ mỏ, đập môi trường.

Tiếp tục tập trung đẩy nhanh việc triển khai thực hiện các đề án thăm dò mở rộng và xuống sâu các khu vực mỏ đồng (Sin Quyền và Đông Nam Sin Quyền, Vi Kẽm).

Tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản để nghiên cứu triển khai thăm dò khoáng sản đồng tại khu vực mỏ đồng Kon Rá - Kon Nhân - Kon Long, xã Đăk Kôi và xã Kon Braih, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Định hướng về đổi mới kỹ thuật công nghệ

- Đối với công tác khai thác mỏ

Nghiên cứu áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật công nghệ trong khai thác mỏ như: khoan - nổ mìn tạo biên, nâng cao góc dốc sườn tầng, bờ công tác... để nâng cao khả năng xuống sâu đáy mỏ của các mỏ lộ thiên, thu hồi thêm tài nguyên khoáng sản.

Thực hiện các giải pháp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường: giải pháp trong nổ mìn giảm thiểu sóng chấn động, giải pháp đổ thải phân lớp giảm thiểu phát tán bụi...

Tiếp tục thực hiện các giải pháp công nghệ, kỹ thuật trong thi công đường vận tải mỏ như: cứng bê tông hóa hoặc sử dụng vật liệu polime trong thi công mặt đường các tuyến đường vận tải cố định để nâng cao năng lực thông qua,

giảm chi phí tiêu hao nguyên vật liệu trong khâu vận tải nhất là khi khai thác xuống sâu, cung độ xa, độ cao nâng tải lớn.

Thực hiện các giải pháp kỹ thuật, công nghệ tăng nhanh tốc độ đào lò, nâng cao hệ số sử dụng lỗ khoan, áp dụng phương pháp nổ mìn tạo biên giảm hệ số thừa tiết diện. Để đảm bảo bảo đường lò ổn định giảm chi phí khoan nổ mìn, chống giữa, chèn lò. Thực hiện cơ giới hóa công tác khoan nổ mìn, vận tải và một phần khâu xúc bốc đất đá, quặng để cải thiện điều kiện làm việc, tăng năng suất lao động. Từng bước áp dụng các loại hình kết cấu công nghệ chống giữ tiên tiến: Neo kết hợp bê tông phun, bê tông phun lưới thép, bê tông phun sợi thép, bê tông cốt thép, vữa chống thép hoặc các dạng kết cấu vữa móng đơn giản trong thi công, góp phần nâng cao tốc độ thi công, an toàn và hiệu quả kinh tế so với các dạng kết cấu chống giữ truyền thống.

Nghiên cứu lựa chọn, áp dụng công nghệ khai thác hầm lò tiên tiến phù hợp cho phần sâu mỏ đồng Sin Quyền, mỏ Vi Kẽm để chuẩn bị cho công tác lập dự án khai thác nhằm đáp ứng nguồn nguyên liệu cho khâu tuyển luyện hoạt động sau năm 2030.

- Công tác tuyển khoáng:

Tiếp tục nghiên cứu thực hiện các giải pháp cải tiến công nghệ, cải tạo thiết bị, sử dụng thuốc tuyển phù hợp khi chất lượng quặng nguyên khai vào tuyển giảm, nhằm giảm áp lực khâu khai thác, giảm hàm lượng biên, tiết kiệm tài nguyên, nâng cao hơn nữa chỉ tiêu thực thu, thu hồi các sản phẩm khoáng sản đi kèm.

Tuyển quặng đồng sunfua: Sản xuất tinh quặng đồng đảm bảo đạt hàm lượng đồng cấp cho các nhà máy luyện đồng $\geq 24\%Cu$; hàm lượng tinh quặng sắt $\geq 64\%Fe$; thực thu tuyển đồng $\geq 93,55\%$; thực thu tuyển sắt $\sim 27\%$. Nghiên cứu sử dụng thuốc tuyển mới thân thiện hơn với môi trường.

Tuyển kẽm chì sunfua: Sản xuất tinh quặng kẽm cấp cho Nhà máy điện phân kẽm đạt hàm lượng $\geq 52\%Zn$; nghiên cứu đưa vào sử dụng thuốc tuyển mới có tính tập hợp cao hơn, phù hợp hơn với đối tượng quặng ngày càng nhiều tạp chất ở các mỏ (Hích, Cúc Đường, Sa Lung).

Tuyển quặng oxit chì Cúc Đường: Tiếp tục nghiên cứu các giải pháp cải tạo công nghệ, bổ sung thiết bị để nâng cao hơn nữa thực thu tuyển.

Tuyển quặng oxit kẽm Chợ Điện: Nghiên cứu triển khai xây dựng xưởng tuyển quặng oxit kẽm công suất 10.000 tấn quặng nguyên/năm, mục tiêu đi vào sản xuất từ năm 2028.

Tuyển quặng thiếc - đồng: Tiếp tục thực hiện giải pháp giảm Bi, As trong tinh quặng đồng và hoàn thiện công nghệ tuyển thu hồi Bismuth.

Tuyển thu hồi bạc trong bùn thủy luyện kẽm tại Nhà máy điện phân kẽm Thái Nguyên: Hoàn thiện công nghệ, ổn định chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ. Mục tiêu: hàm lượng Bạc trong tinh quặng đạt $\geq 3.000 gAg/tấn$, thực thu đạt $\geq 50\%$.

Tuyển thiếc sa khoáng: Duy trì hoạt động ổn định, thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ tiêu công nghệ, giảm các chỉ tiêu tiêu hao tại các xưởng tuyển thô. Tại xưởng tuyển tinh không để tồn bán thành phẩm. Mục tiêu: đạt 900 tấn tinh quặng thiếc, hàm lượng 70%Sn (quy đổi thiếc thời 99,75%Sn đạt 600 tấn).

Tuyển quặng sắt: Tuyển sắt Nà Rụạ - Công ty CP Gang thép Cao Bằng: chỉ thực hiện sản xuất quặng hợp cách để cấp cho Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng khi khu Bắc mỏ sắt Nà Rụạ được phép khai thác.

Tuyển sắt Kíp Tước - Công ty CP Khoáng sản 3: Phối hợp thực hiện tốt công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị để nâng cao tối đa thời gian sản xuất; thực hiện các giải pháp ổn định tinh quặng sắt đạt $\geq 63\%$ Fe, Si $< 7\%$.

Tuyển sắt Làng Vinh - Làng Cọ - Công ty CP Khoáng sản 3: Trong năm 2026, Công ty tập trung hoàn thiện việc điều chỉnh, quyết toán Dự án; đồng thời hoàn thiện các thủ tục pháp lý như: giấy phép khai thác nước mặt, thủ tục thuê đất, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị xưởng tuyển,... Dự kiến từ quý IV/2026 đưa xưởng tuyển vào sản xuất, với công suất thiết kế 480.000 tấn quặng nguyên khai/năm.

- **Tuyển xỉ đồng:** Thực hiện các giải pháp ổn định thiết bị, công nghệ, nghiên cứu tuyển hết lượng xỉ sinh ra từ các lò luyện, đồng thời thực hiện các giải pháp chỉnh định công nghệ nhằm đảm bảo hàm lượng đồng trong xỉ đuôi tuyển đạt $\leq 0,32\%$ Cu.

- **Công tác luyện kim:**

Đối với sản xuất luyện đồng: Kiểm soát chặt chẽ các chế độ thao tác công nghệ, điều phối vận hành tốt lò điện 1.500 kVA hợp lý để xử lý bán thành phẩm và liệu nguội, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Vận hành tốt dây chuyền làm nguội xỉ chậm để tăng tỷ lệ thực thu đồng đối với nhà máy luyện đồng 1. Kiểm soát quá trình nhập tinh quặng mua ngoài đảm bảo yêu cầu, quy định. Phối trộn hợp lý tỷ lệ nguyên liệu từ các nguồn khác nhau nhằm tối ưu hoá chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ.

Đối với sản xuất luyện kẽm thỏi: Nhanh chóng làm chủ công nghệ bán thùy luyện, tận thu các kim loại Zn, Ag, ... từ bùn thùy luyện tồn cũ, nâng cao thực thu kim loại kẽm. Nâng cấp, cải tiến công nghệ, thiết bị sản xuất (lò quay, lò lớp sôi, hệ thống thu bụi, chuyên hóa - hấp thụ) để đảm bảo sản lượng kẽm thỏi 12.500 tấn/năm, sản lượng axit sulfuric ~20.000 tấn/năm.

Đối với sản xuất gang thép: Tiếp tục tìm kiếm nguồn nguyên liệu cho sản xuất trong giai đoạn trước khi khu Bắc mỏ sắt Nà Rụạ được phép khai thác và sử dụng vảy cán phối liệu thiêu kết để nâng cao phẩm vị thiêu kết. Thực hiện phối liệu và điều hành sản lượng sản xuất phù hợp với 100% quặng Nà Rụạ nhằm giảm tiêu hao than cốc, giảm chi phí sản xuất. Tiếp nhận vận hành và nhanh chóng làm chủ dự án cán thép hình, vận hành đạt sản lượng và chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của thị trường khi được đầu tư. Nghiên cứu bổ sung thiết bị cắt phối thùy lực thay thế oxy - gas phục vụ việc cắt phối cung cấp cho dự án cán thép.

- **Công tác Cơ điện:**

Đầu tư thiết bị khai thác, vận tải mỏ lộ thiên có năng suất cao, bổ sung năng lực thiết bị, thay thế thiết bị hết khấu hao, cũ hỏng, xuống cấp,... như: Máy xúc >6,5m³, xe ô tô > 90T,...

Áp dụng các giải pháp tiên bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực cơ điện nhằm gia tăng năng lực thiết bị và nâng cao hiệu quả sản xuất. Đẩy mạnh triển khai các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa (như: Triển khai các giải pháp sử dụng năng lượng điện mặt trời tại các đơn vị nhằm tiết giảm chi phí sản xuất; Cải tạo nâng cấp các hệ thống/dây chuyền thiết bị Tuyển khoáng, Luyện kim; Hệ thống giám sát, điều khiển tại trạm điện trung thế;...

7. Kế hoạch, giải pháp tham gia hình thành chuỗi cung ứng, sản xuất

Trong thời gian tới sẽ tiếp tục nghiên cứu đầu tư xây dựng các dự án chế biến sâu các sản phẩm từ: Đồng cathode, phôi thép, ... để gia tăng chuỗi giá trị khai thác chế biến khoáng sản. Trước mắt tập trung nghiên cứu xây dựng Dự án “Nhà máy cán thép tại Cao Bằng” với công suất 70.000 tấn sản phẩm/năm, chuyên biệt sản xuất thép SVP17, SVP22 và SVP33, tiến độ dự kiến trong 2 năm 2026 – 2027 với tổng mức đầu tư dự kiến ~ 351 tỷ đồng. Mục tiêu dự án là: Tận dụng hiệu quả hạ tầng về điện năng, hệ thống giao thông và đặc biệt là nguồn nguyên liệu phôi thép đầu vào từ chính nhà máy; Nhằm đáp ứng nhu cầu thép SVP17, SVP22 và SVP33 cho các lĩnh vực sản xuất vì kèo chống lò, xây lắp và khai thác khoáng sản trong nội bộ Tập đoàn, từ đó giúp TKV chủ động nguồn vật tư chiến lược; Dự án tận dụng hiệu quả nguồn phôi nóng đầu vào từ quy trình luyện gang, giúp tiết kiệm năng lượng đáng kể, nâng cao hiệu quả kinh tế tổng thể và giảm thiểu tác động đến môi trường thông qua việc giảm phát thải; Việc triển khai dự án tạo ra việc làm trực tiếp và gián tiếp cho lao động tại Cao Bằng, đồng thời tăng thu ngân sách địa phương, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh. - Tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm thị trường, tìm kiếm đối tác, tìm cơ hội đầu tư chế biến các sản phẩm từ đồng cathode (như dây điện, ống đồng, van vòi, sản phẩm trung gian,...).

- Tiếp tục nghiên cứu để thu hồi kim loại có ích đi kèm từ quá trình sản xuất đồng cathode để có thể gia tăng chuỗi cung ứng sản phẩm.

- Đầu tư phát triển chế tác, kinh doanh các mặt hàng trang sức, mỹ nghệ nhằm gia tăng chuỗi giá trị Vàng và thương hiệu VIMICO.

- Tích cực phối hợp các bên liên quan để đầu tư khai thác hiệu quả các khu đất đang được thuê để gia tăng hiệu quả SXKD và thương hiệu VIMICO.

8. Định hướng về công tác ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số

- Về ứng dụng khoa học, công nghệ:

Giai đoạn 2026-2030, Tổng công ty tiếp tục đẩy mạnh triển khai ứng dụng và nhân rộng các đề tài, dự án phù hợp với điều kiện Tổng công ty, nhất là áp dụng vào thực tế sản xuất cho một số đề tài cấp Tập đoàn đã được nghiệm thu trong giai đoạn 2021-2025 và triển khai thực hiện các đề tài cấp TKV sau khi được giao nhiệm vụ.

Xây dựng các đề tài thực sự có ý nghĩa thực tiễn gắn liền với điều kiện sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tập trung nguồn lực để hoàn thành các đề tài đang được thực hiện theo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và mục tiêu nghiên cứu của đề tài.

Hợp tác chặt chẽ với các cơ quan nghiên cứu trong và ngoài nước, các hội nghề nghiệp trong công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ như: Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin; Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Luyện kim, Công ty CP Tư vấn Đầu tư Mỏ và Công nghiệp - Vinacomin; Viện Khoa học Vật liệu - Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam; Hội Tuyển khoáng VN, Hội KHCN Mỏ, Hội Đúc - Luyện kim... trong quá trình triển khai thực hiện.

- Về công tác chuyển đổi số:

Tự động hóa và kết nối chuỗi giá trị: Số hóa toàn bộ quy trình từ sản xuất, quản lý đến điều hành, cho phép kết nối liền mạch giữa các hệ thống và phân hệ (sản xuất, kỹ thuật, kho bãi, phân phối, v.v.), nâng cao hiệu quả và minh bạch trong quản trị.

Quản trị dựa trên dữ liệu: Xây dựng nền tảng phân tích dữ liệu tập trung, nơi tất cả thông tin từ sản xuất đến quản trị nội bộ được tập trung và đồng bộ. Từ đó, doanh nghiệp có thể theo dõi tình hình SXKD theo thời gian thực, phân tích chuyên sâu và ra quyết định kịp thời.

Ứng dụng công nghệ 4.0: Triển khai công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), hệ thống điều hành sản xuất (MES), điện toán đám mây (Cloud), báo cáo thông minh (BI) để tối ưu hóa hoạt động khai thác chế biến khoáng sản và quản lý điều hành.

An toàn thông tin: Đầu tư hoàn thiện hạ tầng CNTT, đẩy mạnh xây dựng đám mây riêng, áp dụng biện pháp bảo mật nâng cao nhằm đảm bảo an ninh cho hệ thống IT/OT, bảo vệ dữ liệu doanh nghiệp.

V. Phương án tài chính khi thực hiện tái cơ cấu

1. Nguồn vốn thực hiện tái cơ

- Nguồn nội sinh: Trích từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh hằng năm, quỹ đầu tư phát triển.

- Nguồn từ thoái vốn: Thu hồi vốn tại 03 công ty con, 02 đơn vị liên kết và các khoản đầu tư không hiệu quả, tạo nguồn tiền để đầu tư cho các dự án cốt lõi.

- Nguồn vay thương mại và vay ưu đãi: Tận dụng lãi suất thấp, cơ chế hỗ trợ tín dụng của Nhà nước đối với ngành tài nguyên chiến lược, kết hợp huy động trái phiếu doanh nghiệp theo lộ trình phù hợp.

- Nguồn vốn hợp tác đầu tư: Kêu gọi nhà đầu tư chiến lược tham gia vào các dự án chế biến sâu, chuyển đổi số, giảm áp lực vốn chủ sở hữu.

2. Nguyên tắc sử dụng vốn

- Tập trung, có trọng tâm: Chỉ đầu tư vào các lĩnh vực cốt lõi mang lại hiệu quả cao, dừng hoặc giãn các dự án có hiệu quả thấp, công nghệ lạc hậu.

- Tối ưu dòng tiền, không tăng nợ ròng vượt ngưỡng an toàn: Kiểm soát tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu, ưu tiên cấu trúc vốn an toàn, bảo đảm khả năng thanh toán.

- Tuân thủ mục đích, tính toán hiệu quả, đảm bảo an toàn pháp lý, quản lý chặt chẽ dòng tiền và sử dụng vốn đúng tính chất.

- Phân bổ hợp lý giữa: (1) đầu tư công nghệ, thiết bị; (2) xử lý tài chính đơn vị thua lỗ; (3) chuyển đổi số; (4) đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

VI. Hiệu quả đạt được sau khi tái cơ cấu đến hết năm 2030

1. Về mô hình tổ chức:

Dự kiến sau khi hoàn thành tái cơ cấu, mô hình tổ chức của Tổng công ty được tinh gọn (giảm 04 đầu mối công ty con và 02 công ty liên kết). Cơ cấu đến hết năm 2030 như sau:

* *Công ty mẹ - Tổng công ty*: gồm Cơ quan Tổng công ty và 03 đơn vị trực thuộc:

- Cơ quan Tổng công ty: 11 phòng chức năng.
- Chi nhánh Đá quý Việt Nhật - Vimico
- Chi nhánh Mô tuyến đồng Sin Quyền, Lào Cai – Vimico
- Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai – Vimico

* *Công ty con Tổng công ty giữ cổ phần chi phối*: 03 đơn vị gồm:

- Công ty CP KLM Thái Nguyên – Vimico
- Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
- Công ty CP Gang thép Cao Bằng

2. Về quản trị doanh nghiệp và hiệu quả SXKD

- Năng lực quản trị nâng cao, bộ máy tinh gọn, tăng tính chủ động và trách nhiệm giải trình tại từng đơn vị.

- Hiệu quả tài chính tiếp tục được cải thiện: giảm chi phí cố định, giảm lỗ tại các đơn vị yếu kém hoặc các đơn vị không có tiềm năng phát triển; tăng tỷ suất lợi nhuận và dòng tiền nhờ thoái vốn tại các đơn vị, tập trung nguồn lực cho lĩnh vực cốt lõi.

- Năng suất lao động tăng thông qua tinh giảm lao động gián tiếp, ứng dụng tự động hóa, chuyển đổi số trong điều hành sản xuất – kinh doanh.

- Giá trị gia tăng trên sản phẩm khoáng sản được nâng cao, do đầu tư công nghệ hiện đại, chế biến sâu, giảm hao hụt tài nguyên và chi phí năng lượng.

- Tình hình tài chính ổn định, sức cạnh tranh tăng lên, tạo nền tảng để Tổng công ty phát triển bền vững, giữ vai trò nòng cốt của Tập đoàn trong lĩnh vực kim loại màu và khoáng sản chiến lược quốc gia.

VII. Lộ trình cụ thể triển khai các giải pháp nêu tại Đề án

1. Đối với cơ cấu lại quản trị doanh nghiệp

Đã và tiếp tục triển khai thực hiện tái cơ cấu quản trị nội bộ doanh nghiệp với các giải pháp cụ thể của từng lĩnh vực.

2. Đối với phương án cơ cấu tổ chức:

Đẩy mạnh công tác thoái vốn/sắp xếp để đến hết năm 2027 hoàn thành kế hoạch tái cơ cấu tại các đơn vị có vốn góp của Công ty mẹ:

2.1. Thoái vốn tại 03 công ty con và 02 đơn vị liên kết: Công ty CP Thương mại và Du lịch Bằng Giang, Cao Bằng, Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico, Công ty CP Đất hiếm Lai Châu – Vimico; Công ty CP Xi măng Tân Quang, Công ty CP Đá quý và Vàng Hà Nội.

2.2. Sáp nhập Công ty CP Đầu tư Gang thép Lào Cai vào Tổng công ty (sau khi đã chuyển đổi mô hình từ công ty cổ phần sang công ty TNHH MTV).

3. Đối với việc hình thành chuỗi cung ứng hàng hóa

Đến hết năm 2027 dự kiến hoàn thành Dự án đầu tư dây chuyền cán thép hình với sản lượng 70.000 tấn/năm, đáp ứng nhu cầu thép SVP17, SVP22 và SVP33 cho các lĩnh vực sản xuất vì kèo chống lò, xây lắp và khai thác khoáng sản trong nội bộ TKV.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

I. Tổ chức triển khai thực hiện Đề án

- Báo cáo TKV thông qua Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn đến 2026-2030 để trình ĐHĐCĐ Tổng công ty gần nhất thông qua.

- Sau khi Phương án được ĐHĐCĐ Tổng công ty thông qua và HĐQT Tổng công ty quyết định phê duyệt, thành lập Ban chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Đề án để chỉ đạo, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện tái cơ cấu tổ chức, quản lý của Tổng công ty theo Đề án được phê duyệt.

- Người đại diện quản lý của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết có trách nhiệm chính trong việc tổ chức triển khai thực hiện theo nội dung và lộ trình đã được phê duyệt của đơn vị mình.

II. Đề xuất, kiến nghị:

***Đối với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam**

- Đề nghị TKV xem xét thông qua Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2026-2030 để Tổng công ty tổ chức triển khai thực hiện đúng lộ trình.

- Tiếp tục làm việc với các Bộ, ban ngành tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án: Dự án mở rộng nâng công suất mỏ đồng Sin Quyền;

- Hỗ trợ, giúp đỡ Tổng công ty làm việc với các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và dụng các loại khoáng sản giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 đã được Chính phủ duyệt, thông qua việc cấp giấy chứng nhận đầu tư, cấp phép thăm dò và khai thác khoáng sản, cho thuê đất... để triển khai các dự án cũng như điều chỉnh giảm các loại thuế, phí, lệ phí cho phù hợp điều kiện thực tế của Tổng công ty.

- Tiếp tục hỗ trợ Tổng công ty trong công tác tiêu thụ sản phẩm phôi thép, sản phẩm thép cán kéo, thực hiện GPMB khu Bắc Nà Rạ.

- TKV sớm thông qua chủ trương thực hiện Dự án mở rộng nâng công suất mỏ đồng Sin Quyền để VIMICO có cơ sở triển khai dự án, đáp ứng cung cấp nguyên liệu lâu dài cho các nhà máy tuyển, luyện.

- TKV có cơ chế, hỗ trợ các công ty con của Tổng công ty trong hoạt động SXKD do nguồn lực của Tổng công ty còn hạn chế.

PHỤ LỤC 1: TỔNG HỢP ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH PHKD 5 NĂM 2026 - 2030
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 5 năm					Cộng 5 năm
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	
1	Quản trị tài nguyên (Công ty mẹ)							
1.1	Bóc đất đá lộ thiên mỏ Sin Quyền	1000 m3	20 500	20 500	20 500	20 500	20 500	102 500
	Quặng nguyên khai	1000 tấn	2 050	2 050	2 050	2 050	2 050	10 250
	Hệ số bóc	m3/tấn	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
1.2	Quặng nguyên khai mỏ Vi Kẽm	1000 tấn	250	300	350	350	350	1 600
	Mét lò đào CBSX	mét	6 230	5 875	6 640	7 250	4 650	30 645
	Hệ số mét lò CBSX	m/1000tấn	24,92	19,58	18,97	20,71	13,29	19,15
2	Sản phẩm chủ yếu							
2.1	Sản phẩm sản xuất							
	- Thiếc thô	tấn	180	173	192	192	192	929
	- Kẽm thô	tấn	8 316	8 336	10 145	10 223	10 092	47 112
	- Tinh quặng đồng	tấn	88 796	87 338	78 875	95 785	89 569	440 363
	- Đồng tấm	Tấn	30 000	30 000	30 000	30 000	30 000	150 000
	- Tinh quặng sắt	tấn	223 130	390 949	395 981	393 916	391 160	1 795 135
	- Vàng	Kg	940	1 017	991	978	905	4 831
	- Phôi thép	tấn	165 000	220 000	220 000	220 000	220 000	1 045 000
2.2	Sản phẩm tiêu thụ							
	- Thiếc thô	tấn	179	173	192	192	192	928
	- Kẽm thô	tấn	8 316	8 337	10 370	10 370	10 370	47 762
	- Đồng tấm	Tấn	30 000	30 000	30 000	30 000	30 000	150 000
	- Tinh quặng sắt	tấn	210 724	384 413	383 131	381 436	378 914	1 738 617
	- Vàng	Kg	938	1 074	991	979	906	4 887
	- Phôi thép	tấn	160 000	220 000	220 000	220 000	220 000	1 040 000
3	Doanh thu tổng số	Tr.đ	13 841 000	15 350 000	15 195 000	15 269 000	15 166 000	74 821 000
	Doanh thu sản xuất khoáng sản	Tr.đ	13 380 000	14 667 000	14 726 000	14 800 000	14 706 000	72 279 000
	Doanh thu sản xuất kinh doanh kh	Tr.đ	461 000	683 000	469 000	469 000	460 000	2 542 000
4	Lợi nhuận tổng số	Tr.đ	2 042 000	2 091 000	1 713 000	2 237 000	1 635 000	9 718 000
	Lợi nhuận sản xuất khoáng sản	Tr.đ	2 034 000	2 076 000	1 709 000	2 233 000	1 630 000	9 682 000
	Lợi nhuận sản xuất kinh doanh kh	Tr.đ	8 000	15 000	4 000	4 000	5 000	36 000
5	Lao động - tiền lương							
	Lao động định mức	người	5 142	5 725	5 606	5 564	5 528	
	Tiền lương bình quân	1000 đ/ng-th	17 261	18 000	19 237	19 907	20 167	94 572

PHỤ LỤC 2: BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG 5 NĂM 2026-2030
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV

TT	Đơn vị	KH 2026		KH 2027		KH 2028		KH 2029		KH 2030		Bình quân giai đoạn 2026-2030	
		Lao động (người)	Tiền lương (trđ)	Lao động (người)	Tiền lương (trđ)								
	Tổng số	5.142	1.065.085	5.725	1.236.766	5.606	1.293.303	5.564	1.328.635	5.528	1.337.523	5.513	1.252.262
I	Công ty mẹ	2.812	682.453	3.171	800.610	3.231	851.321	3.202	880.166	3.096	883.094	3.102	819.529
1	Cơ quan Tổng công ty	138	54.000	138	54.000	136	54.000	136	54.000	136	54.000	137	54.000
2	Chi nhánh Mô tuyển đồng Sin Quy	1.490	355.000	1.823	456.056	1.885	495.145	1.856	511.903	1.750	506.801	1.761	464.981
3	Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai	1.138	264.000	1.160	279.868	1.160	291.063	1.160	302.705	1.160	310.273	1.156	289.582
4	Chi nhánh Đá quý Việt Nhật	46	9.453	50	10.686	50	11.113	50	11.558	50	12.020	49	10.966
II	Khối sản xuất	2.264	372.300	2.509	431.384	2.363	440.334	2.350	446.821	2.420	452.781	2.381	428.724
1	Cty CP KLM Thái Nguyên	1.270	225.200	1.359	242.000	1.345	275.000	1.332	275.000	1.402	275.000	1.342	258.440
2	Cty CP KS&LK Cao Bằng	180	25.500	180	26.412	180	26.711	180	27.516	180	27.770	180	26.782
3	Cty CP Khoáng sản 3	120	18.600	132	26.084							50	8.937
4	Cty CP Gang thép Cao Bằng	694	103.000	838	136.888	838	138.623	838	144.305	838	150.011	809	134.565
III	Khối dịch vụ	42	4.832	45	4.772	12	1.648	12	1.648	12	1.648	25	2.910
1	Cty CP KS Bằng Giang	30	2.750	33	3.124							13	1.175
2	TT điều dưỡng Sapa	12	2.082	12	1.648	12	1.648	12	1.648	12	1.648	12	1.735
IV	Khối đầu tư	24	5.500	-	5	1.100							
1	Cty CP Đầu tư Gang thép Lào Cai											-	-
2	Cty CP Đất hiếm Lai Châu	24	5.500									5	1.100

*Ghi chú: Tổng công ty dự kiến hoàn thành thoái vốn tại Công ty CP Khoáng sản 3, Công ty CP Du lịch & Thương mại Bằng Giang Cao Bằng giai đoạn 2026-2027. Công ty CP Đất hiếm Lai Châu - Vimico dự kiến đóng cửa mỏ từ giữa năm 2026, tạm thời không tính toán số lao động trong thời gian tiếp theo cho đến khi có quyết định tiếp theo của cơ quan cấp trên đối với Dự án.



Số: 597 /TTr-VIMICO

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v thông qua việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg, ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ sáu được ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-VIMICO, ngày 03/5/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Sau khi rà soát các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký, Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP nhận thấy một số ngành, nghề kinh doanh đã có sự thay đổi về nội dung và mã ngành theo quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Để đảm bảo tính pháp lý và phù hợp với quy định hiện hành trong quá trình tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua Danh mục các ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty sau khi sửa đổi, cập nhật theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg. Chi tiết tại Phụ lục kèm theo, gồm:

- Phụ lục 1: Kết quả rà soát ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ;

- Phụ lục 2: Danh mục ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty sau khi điều chỉnh.

Trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua. / *Lon*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hải

Phụ lục 1:
KẾT QUẢ RÀ SOÁT NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 36/2025/QĐ-TTG
(Kèm theo Tờ trình số 597/TTr-VIMICO ngày 16 tháng 3 năm 2026)

I. Danh mục ngành nghề kinh doanh giữ nguyên như ngành nghề kinh doanh hiện hành của VIMICO: 48 ngành nghề.

Ngành nghề kinh doanh hiện tại của VIMICO			Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
TT	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
1	2420	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu
2	0710	Khai thác quặng sắt	0710	Khai thác quặng sắt
3	0730	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730	Khai thác quặng kim loại quý hiếm
4	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
5	0891	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón
6	1910	Sản xuất than cốc	1910	Sản xuất than cốc
7	2011	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011	Sản xuất hoá chất cơ bản
8	2012	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
9	2391	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391	Sản xuất sản phẩm chịu lửa
10	2432	Đúc kim loại màu	2432	Đúc kim loại màu
11	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại
12	2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
13	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
14	2814	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động
15	2829	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829	Sản xuất máy chuyên dụng khác
16	3211	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan
17	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
18	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
19	4690	Bán buôn tổng hợp	4690	Bán buôn tổng hợp
20	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
21	0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác
22	7912	Điều hành tua du lịch	7912	Điều hành tua du lịch
23	4211	Xây dựng công trình đường sắt	4211	Xây dựng công trình đường sắt
24	4212	Xây dựng công trình đường bộ	4212	Xây dựng công trình đường bộ

Ngành nghề kinh doanh hiện tại của VIMICO			Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
TT	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
25	4291	Xây dựng công trình thủy	4291	Xây dựng công trình thủy
26	2410	Sản xuất sắt, thép, gang	2410	Sản xuất sắt, thép, gang
27	4292	Xây dựng công trình khai khoáng	4292	Xây dựng công trình khai khoáng
28	4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo
29	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
30	7211	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên
31	7212	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ
32	7213	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược
33	0210	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp
34	7214	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp
35	0220	Khai thác gỗ	0220	Khai thác gỗ
36	8531	Đào tạo sơ cấp	8531	Đào tạo sơ cấp
37	8532	Đào tạo trung cấp	8532	Đào tạo trung cấp
38	5629	Dịch vụ ăn uống khác	5629	Dịch vụ ăn uống khác
39	4933	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ
40	8533	Đào tạo cao đẳng	8533	Đào tạo cao đẳng
41	2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
42	8610	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế
43	2731	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học
44	2732	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác
45	2733	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại
46	2790	Sản xuất thiết bị điện khác	2790	Sản xuất thiết bị điện khác
47	8559	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu
48	2394	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Sản xuất thạch cao	2394	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Sản xuất thạch cao

II. Danh mục ngành nghề kinh doanh có sự thay đổi tên ngành (không thay đổi mã ngành): 07 ngành nghề.

Ngành nghề kinh doanh hiện tại của VIMICO			Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
TT	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
1	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị
2	3314	Sửa chữa thiết bị điện	3314	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện
3	4773	Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vàng trang sức, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) Chi tiết: Bán lẻ vàng trang sức, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh
4	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự
5	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
6	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
7	8710	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8710	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng

III. Danh mục ngành nghề kinh doanh có sự thay đổi mã ngành (không thay đổi tên ngành): 04 ngành nghề.

Ngành nghề kinh doanh hiện tại của VIMICO			Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
TT	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
1	0722	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0729	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
2	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4672	Bán buôn kim loại và quặng kim loại

Ngành nghề kinh doanh hiện tại của VIMICO			Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
3	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn thạch cao	4673	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn thạch cao
4	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: bán buôn oxy công nghiệp dạng khí và dạng lỏng	4679	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: bán buôn oxy công nghiệp dạng khí và dạng lỏng

IV. Danh mục ngành nghề kinh doanh có sự thay đổi cả tên ngành, mã ngành: 01 ngành nghề.

Ngành nghề kinh doanh hiện tại của VIMICO			Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
TT	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
1	4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	9531	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác

*Tổng số ngành nghề kinh doanh hiện có của VIMICO: 60 ngành nghề.

*Tổng số ngành nghề kinh doanh của VIMICO sau rà soát: 60 ngành nghề.

N. O
TỔ
KHOA
V.

Phụ lục 2:
NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA
TỔNG CÔNG TY SAU KHI ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Tờ trình số 597 /TTr-VIMICO ngày 16 tháng 3 năm 2026)

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (chính)	2420
2.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
3.	Khai thác quặng sắt	0710
4.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0729
5.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
6.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
7.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
8.	Sản xuất than cốc	1910
9.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
10.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
11.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
12.	Đúc kim loại màu	2432
13.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
14.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
15.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
16.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
17.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
18.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
19.	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312
20.	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314
21.	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác	9531
22.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4672
25.	Bán buôn tổng hợp	4690
26.	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) Chi tiết: Bán lẻ vàng trang sức, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
27.	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510
28.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
29.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
30.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
32.	Điều hành tua du lịch	7912
33.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
34.	Xây dựng công trình đường bộ	4212

35.	Xây dựng công trình thủy	4291
36.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
37.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
38.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
39.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
40.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
41.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
42.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
43.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
44.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
45.	Khai thác gỗ	0220
46.	Đào tạo sơ cấp	8531
47.	Đào tạo trung cấp	8532
48.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
49.	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
50.	Đào tạo cao đẳng	8533
51.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
52.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610
53.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
54.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
55.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
56.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
57.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
58.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Sản xuất thạch cao	2394
59.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn thạch cao	4673
60.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: bán buôn oxy công nghiệp dạng khí và dạng lỏng	4679

Số: 598/TTr-VIMICO

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Điều lệ Tổng công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ bảy

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Quyết định 36/2025/QĐ-TTg về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (sửa đổi, bổ sung lần thứ sáu) ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-VIMICO ngày 03/5/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Nhằm bảo đảm tính phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ xem xét một số nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung danh mục ngành, nghề kinh doanh

Thực hiện quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, Tổng công ty đã tiến hành rà soát toàn bộ danh mục ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký; đối chiếu mã ngành và nội dung ngành nghề theo Hệ thống ngành kinh tế mới của Việt Nam.

Trên cơ sở kết quả rà soát, Tổng công ty thực hiện điều chỉnh, cập nhật mã ngành và nội dung các ngành, nghề kinh doanh trong Điều lệ Tổng công ty theo quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg nhằm bảo đảm tính thống nhất với hệ thống ngành kinh tế hiện hành và thuận lợi trong quá trình đăng ký, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Danh mục ngành, nghề kinh doanh trong Điều lệ Tổng công ty theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg.

2. Bãi bỏ khoản 6 Điều 26 của Điều lệ Tổng công ty

Qua rà soát Điều lệ hiện hành của Tổng công ty, tại Khoản 6, Điều 26 quy định:

“Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này

phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực”.

Tuy nhiên, nội dung quy định nêu trên không phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, cụ thể:

Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về thành viên Hội đồng quản trị. Theo đó việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Do vậy, để bảo đảm tính phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thống nhất bãi bỏ Khoản 6, Điều 26 của Điều lệ Tổng công ty theo nội dung nêu trên.

Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ bảy của Tổng công ty kèm theo Tờ trình này.

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DỰ THẢO

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

(Theo Quyết định số /QĐ-VIMICO ngày tháng năm 2026)

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (dưới đây gọi là "Tổng công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp và theo Quyết định số 2388/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty được xây dựng trên cơ sở:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

3. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty thông qua vào ngày tháng 4 năm 2026 thay cho Điều lệ được ban hành ngày 03/5/2024.

4. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Tổng công ty. Các quy định của Tổng công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và Điều lệ này, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành các hoạt động kinh doanh.

**Chương I:
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ

a) "Hội đồng" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Tổng công ty được viết tắt là "HDQT";

b) "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam;

c) "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

d) "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

đ) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

e) "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

g) "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

h) "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

i) "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

k) "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;

l) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp; Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán;

m) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;

n) "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

o) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 18, Điều 4, Luật Chứng khoán;

p) "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Tổng công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.;

q) "Thời hạn hoạt động" có nghĩa là thời hạn hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

r) "Sở Giao dịch Chứng khoán" là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

s) "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

Trường hợp các văn bản pháp quy điều chỉnh các nội dung liên quan đến Điều lệ này bị sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản pháp quy đó. Đại hội đồng cổ đông lần gần nhất sau đó phải sửa lại Điều lệ cho phù hợp.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Chương II:

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên Tổng công ty:

- Tên Tổng công ty viết bằng tiếng Việt: Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

- Tên Tổng công ty viết bằng tiếng Anh: VINACOMIN-MINERALS HOLDING CORPORATION.

- Tên giao dịch: Tổng công ty Khoáng sản - TKV

- Tên Tổng công ty viết tắt: VIMICO

2. Tổng công ty có biểu tượng riêng như sau:



3. Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Tổng công ty là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam do Tập đoàn chi phối thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Tổng công ty, thông qua thương hiệu của Tập đoàn hoặc thông qua các quyền chi phối khác theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn.

5. Tổng công ty được phép sử dụng nhãn hiệu "TKV" và "VINACOMIN" của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ở tên gọi của Tổng công ty bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo Quy chế sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và quy định của pháp luật.

Ngoài các quy định trong Điều lệ này, Tổng công ty có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty con đối với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy chế quản lý trong nội bộ Tập đoàn mà Tổng công ty là một thành viên.

6. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 193 đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại: 84-24-62876666

- Fax: 84-24-62883333

- E-mail:

- Website: www.vimico.vn

7. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

8. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 65 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

Tổng Công ty có 01 Người đại diện theo pháp luật, là Tổng giám đốc Tổng công ty. Người đại diện theo pháp luật có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định hiện hành của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

Chương III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty là tối đa hoá các khoản lợi nhuận hợp lý cho Tổng công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Tổng công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty:

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (chính)	2420
2.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
3.	Khai thác quặng sắt	0710
4.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0729

5.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
6.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
7.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
8.	Sản xuất than cốc	1910
9.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
10.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
11.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
12.	Đúc kim loại màu	2432
13.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
14.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
15.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
16.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
17.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
18.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
19.	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312
20.	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314
21.	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác	9531
22.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4672
25.	Bán buôn tổng hợp	4690
26.	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) Chi tiết: Bán lẻ vàng trang sức, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
27.	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510
28.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
29.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
30.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
32.	Điều hành tua du lịch	7912
33.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
34.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
35.	Xây dựng công trình thủy	4291
36.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
37.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
38.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
39.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

40.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
41.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
42.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
43.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
44.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
45.	Khai thác gỗ	0220
46.	Đào tạo sơ cấp	8531
47.	Đào tạo trung cấp	8532
48.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
49.	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
50.	Đào tạo cao đẳng	8533
51.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
52.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610
53.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
54.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
55.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
56.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
57.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
58.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Sản xuất thạch cao	2394
59.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn thạch cao	4673
60.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: bán buôn oxy công nghiệp dạng khí và dạng lỏng	4679

- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Tổng công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ:

a) Vốn điều lệ của Tổng công ty là 2.000.000.000.000 VNĐ (bằng chữ: Hai nghìn tỷ đồng). Vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 200.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần;

b) Tổng công ty có thể thay đổi mức vốn điều lệ (tăng, giảm vốn điều lệ) khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Cổ phần:

a) Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết;

b) Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật;

c) Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Chào bán cổ phần:

- Chào bán cổ phần là việc Tổng công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ;

- Chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ được thực hiện theo một trong các hình thức quy định tại Khoản 2, Điều 123 Luật doanh nghiệp gồm:

(i) Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu;

(ii) Chào bán cổ phần riêng lẻ;

(iii) Chào bán cổ phần ra công chúng.

- Việc chào bán cổ phần của Tổng công ty thực hiện theo các quy định tại các Điều 123, 124, 125 của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật về chứng khoán;

đ) Bán cổ phần

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp

quy định tại Điều 126 Luật Doanh nghiệp và phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

e) Mua lại cổ phần

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty có thể mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định tại Điều 133 Luật Doanh nghiệp. Cổ phần được Tổng công ty mua lại theo quy định tại Điều 132, 133 Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4, Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Tổng công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Tổng công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác;

g) Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, do là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần, do đó Tổng công ty không nhất thiết phải có cổ đông sáng lập theo quy định tại Khoản 1, Điều 120 Luật Doanh nghiệp. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác của cổ đông được nêu tại sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán, sổ đăng ký cổ đông

1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu của Tổng công ty và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

2. Sổ đăng ký cổ đông:

a) Tổng công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi khác có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở chính của Tổng công ty.
- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- Tổng số cổ phần đã bán từng loại và giá trị vốn của cổ phần đã góp.
- Tên cổ đông được sắp xếp theo vần chữ cái, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;

b) Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập và lưu trữ bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lưu trữ tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc nơi khác nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết. Các cổ đông có quyền xem xét và nhận được bản sao danh sách cổ đông Tổng công ty trong giờ làm việc tại nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.

3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Tổng công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Tổng công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền biểu quyết, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp), tất cả các cổ phần chuyển nhượng đều có thể thực hiện

thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường, hoặc theo bất kỳ cách nào mà HĐQT có thể chấp nhận. Cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phải được chuyển nhượng thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán phù hợp với các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông (trừ trường hợp bên chuyển nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự Đại hội đồng cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật Doanh nghiệp).

4. Trong trường hợp cổ đông cá nhân bị chết hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là mất tích, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết, người mất tích sẽ được Tổng công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết, đã mất tích khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ. Trường hợp cổ phần của cổ đông bị chết, mất tích mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Tổng công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Tổng công ty.

6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Tổng công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

7. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Tổng công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 10. Thu hồi và thanh toán mua cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tổng công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Nếu sau thời hạn quy định, cổ đông chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán được một phần số cổ phần đã đăng ký mua thì thực hiện như sau:

a) Cổ đông chưa thanh toán toàn bộ số cổ phần đã đăng ký mua sẽ đương nhiên không còn là cổ đông của Tổng công ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác;

b) Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua sẽ có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán; không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác;

c) Số cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu tại điểm 2 Điều này không được thực hiện và quyết định phương án xử lý tiếp theo.

5. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

6. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi do chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn VNĐ tại ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

7. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

8. Cổ đông chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của Tổng công ty phát sinh cho đến khi cổ phần bị thu hồi.

Chương V:

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty.
2. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
3. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
4. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Chương VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty;
 - h) Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy chế của Tổng công ty; chấp hành các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Tổng công ty;
2. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký theo quy định; không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và các thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định và Điều lệ này.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.
8. Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:
 - a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Tổng công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
 - b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm

tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ

tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

2. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ

đồng tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Tổng công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông;

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Tổng công ty;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;

d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện;

đ) Thời hạn đại diện theo ủy quyền;

e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

5. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

Tuy nhiên, quy định này sẽ không áp dụng nếu Tổng Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp nêu trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng trở thành cổ đông của Tổng công ty trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ



đồng đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

7. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
- c) Cổ đông là doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Khoản 1, Điều 88 Luật Doanh nghiệp không được cử: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Tổng công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại Tổng công ty.

8. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý của tổ chức cử người đại diện theo ủy quyền hoặc theo yêu cầu của cá nhân ủy quyền

9. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức một cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu tại Khoản 1 Điều này chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó

(không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty sẽ không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Tổng công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Tổng công ty. Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b, hoặc tại Điểm c, Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

3. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị các tài liệu cho Đại hội phù hợp với luật pháp và các quy định của Tổng công ty;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ Đại hội.

4. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử

(website) của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (trường hợp Tổng công ty đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu chỉ định người đại diện theo ủy quyền dự họp.
- đ) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

6. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 5 của Điều này, thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 5 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% trở lên cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này.
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi, thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định ở Khoản 6 Điều này. Kiến nghị sẽ được chính thức

bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

8. Hội đồng quản trị hoặc người có thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các trường hợp quy định tại Điểm b, hoặc tại Điểm c, Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai thì thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được gửi đi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội đồng cổ đông lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất dự kiến phê chuẩn.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành

11030
CÔNG TY
TÁN. TH
CO

ngợi quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty;

b) Định hướng phát triển Tổng công ty (kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn);

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Tổng công ty hoặc giao dịch mua do Tổng công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- e) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- h) Tổ chức lại, giải thể, phá sản Tổng công ty.
3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:
- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại;
- b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Tổng công ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
- d) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Tổng công ty hoặc giao dịch mua do Tổng công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- đ) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- e) Tổ chức lại, giải thể, phá sản Tổng công ty;
- g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty;
4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (trừ các nội dung quy định tại Khoản 3, Khoản 5, Khoản 7 Điều này) được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều 42 Điều lệ này.
6. Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày được thông qua, hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.
7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ

phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

8. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty (trừ các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 21 Điều lệ này phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông). Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp của Tổng công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty;

h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua Fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi Fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người kiểm phiếu, giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Tổng Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

8. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2, Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 8, Điều 21 Điều lệ này;

b) Trình tự, thủ tục ra nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

2. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Chương VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- g) Khi Tổng công ty là công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Giới thiệu, đề cử vào Hội đồng quản trị

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc

tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 26. Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

a) Đối với Tổng công ty khi chưa niêm yết: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị;

b) Đối với Tổng công ty khi niêm yết: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

c) Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và có xét yếu tố về giới tính.

5. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty;

c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

d) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội

đồng quản trị đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Tổng công ty nữa;

h) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

i) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty với tư cách là ứng cử viên Hội đồng quản trị;

k) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

~~6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.~~

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trong việc quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Tổng Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Tổng giám đốc Tổng công ty và các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trên cơ sở Quy chế quản lý của Tổng công ty và theo đề nghị của Tổng giám đốc; Quyết định cử người đại diện thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác cùng với mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành Tổng công ty không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

d) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần dưới 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán theo đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty;

đ) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty.

Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Tổng công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền. Quyết định tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi Tổng công ty, quyết định Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

e) Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý, cán bộ điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đó;

g) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; Quyết định tiến độ huy động vốn điều lệ của Tổng công ty; Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.

h) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

i) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;

l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

m) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch được ký giữa Tổng Công ty và những đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

n) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty đã được kiểm toán. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm r, Khoản 2 Điều 15 Điều lệ này, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

o) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Tổng công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

p) Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

r) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

s) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông biết việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc.

t) Được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty (nếu có);

u) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Tổng công ty; thành lập các công ty con của Tổng công ty (nếu có);

b) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điểm d, Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng công ty;

c) Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Tổng công ty;

d) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng Công ty;

đ) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc vượt quá giá trị kế hoạch; hoặc các khoản đầu tư vượt quá mười phần trăm (10%) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

e) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Tổng công ty quy định tại Điểm d, Khoản 3 Điều này tại những công ty khác;

g) Việc định giá các tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

h) Việc Tổng công ty mua lại hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) cổ phần theo từng loại của Tổng công ty, bao gồm cả mức giá mua hoặc thu hồi;

i) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận của các thành viên Hội đồng quản trị trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k) Quyết định mức giá mua lại, thu hồi cổ phần hoặc giá bán cổ phần của Tổng công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

6. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty, trừ khi luật pháp có quy định khác.

7. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác được quy định tại quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức lương, thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp định kỳ.

Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần.

3. Các cuộc họp bất thường

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp

theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán được chấp thuận theo quy định của pháp luật thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty.

6. Địa điểm họp.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Tổng Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp.

a) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp, đồng thời có thể gửi Tổng giám đốc Tổng công ty không phải là thành viên Hội đồng quản trị; các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên được đăng ký tại Tổng công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu.

a) Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Điểm a Khoản 8 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

c) Nếu không đủ số lượng thành viên như vậy thì cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tổ chức lại lần thứ ba vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian, khi đó cuộc họp Hội đồng quản trị luôn là họp lệ mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên tham dự.

9. Biểu quyết.

a) Trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 6 Điều 44 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

đ) Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Tổng công ty không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Công khai lợi ích.

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai lợi ích này trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận, xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Phiếu biểu quyết bằng văn bản phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

13. Họp trực tuyến hoặc các hình thức khác.

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận, trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết bằng văn bản.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu theo Điều 158 Luật Doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự và người ghi biên bản. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

16. Những người được mời họp dự thỉnh.

Người phụ trách quản trị (Thư ký) Tổng công ty, Tổng giám đốc điều hành, các Kiểm soát viên, những cán bộ điều hành khác (nếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị) và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm soát nội bộ. Thành viên của tiểu ban có ít nhất ba (03) người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Tổng công ty kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;
- c) Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Tổng công ty; Có khả năng tổng hợp, sử dụng thành thạo tin học và các thiết bị văn phòng;
- d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- g) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- h) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- k) Được hưởng thù lao (phụ cấp) theo Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty và/hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị.;
- l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Chương VIII:
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY,
VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Tổng công ty thiết lập và ban hành hệ thống quản lý đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chi đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có Tổng giám đốc, một số Phó Tổng giám đốc điều hành, một Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm theo Quy chế quản lý của Tổng công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc Tổng công ty có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Tổng công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được quyền tuyển dụng, sử dụng cán bộ điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và cơ chế quản lý công ty do Hội đồng quản trị quy định. Cán bộ điều hành Tổng công ty phải có sự miễn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các chế độ chính sách khác đối với Tổng giám đốc Tổng công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định

3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với cán bộ điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc.

4. Tiền lương của Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác của Tổng công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, bãi miễn, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Bổ nhiệm.

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc Tổng công ty và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về tiền lương, thù lao, và lợi ích khác của Tổng giám đốc Tổng công ty phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Tổng công ty.

2. Nhiệm kỳ.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động (nếu có).

3. Tiêu chuẩn.

a) Tổng giám đốc Tổng công ty phải có tiêu chuẩn theo Điều 64 Luật Doanh nghiệp và không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản;

b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ.

a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch tài chính và thương mại theo thẩm quyền hoặc các hợp đồng, giao dịch đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của Điều lệ này, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty, các cán bộ điều hành khác theo Quy chế quản lý của Tổng công ty và cử, bãi miễn người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác;

d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương, cho nghỉ chế độ đối với các chức danh cán bộ, nhân viên trong Tổng công ty không thuộc diện phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn (đối với những chức danh cần phải được sự thông qua của Hội đồng quản trị thì chỉ được quyết định sau khi đã báo cáo và được Hội đồng quản trị thông qua);

đ) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động của Tổng công ty. Tuyển dụng lao động, ký kết hợp đồng lao động, bổ trí sử dụng, quyết định lương và phụ cấp (nếu có), khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ hoặc cho thôi việc người lao động trong Tổng công ty theo quy định của pháp luật về lao động và quy chế của Tổng công ty;

e) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty, góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác; đề nghị phê duyệt các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty. Đề nghị thông qua đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Tổng công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty báo cáo Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền;

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;

h) Xây dựng dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty để trình Hội đồng quản trị;

i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;

k) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và phù hợp với kế hoạch tài chính năm (05) năm;

l) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty;

m) Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ này hoặc trái với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban Kiểm soát;

n) Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hoả hoạn, sự cố bất khả kháng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;

o) Thực hiện trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty quy định tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông.

Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

6. Miễn nhiệm.

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty khi có đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc Tổng công ty mới thay thế. Tổng giám đốc Tổng công ty bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

7. Từ nhiệm hoặc mất tư cách.

a) Khi muốn từ nhiệm, Tổng giám đốc Tổng công ty phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định;

b) Tổng giám đốc Tổng công ty mất tư cách khi bị chết, mất trí, mất quyền công dân hoặc tự ý bỏ nhiệm sở ba (03) ngày trở lên. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải tạm cử người thay thế không quá ba mươi (30) ngày và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

8. Ủy quyền, uỷ nhiệm.

a) Tổng giám đốc Tổng công ty có thể uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm cho các Phó Tổng giám đốc hoặc người khác thay mình giải quyết một số phần việc của Tổng công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm đó.

b) Người được uỷ quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc Tổng công ty và pháp luật về những công việc mình làm.

c) Sự uỷ quyền, uỷ nhiệm liên quan đến con dấu của Tổng công ty phải được thực hiện bằng văn bản và có thời hạn.

Chương IX: BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát (kiểm soát viên)

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên Ban Kiểm soát, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Ban Kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại

hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên). Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- đ) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý, điều hành khác;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Tổng công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Giới thiệu, đề cử vào Ban Kiểm soát.

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ ba (03) ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Thủ tục và cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ của Thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Số lượng Thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên) của Tổng công ty là ba (03) người do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;

b) Kiểm soát viên đó có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính Tổng công ty và được chấp thuận;

c) Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d) Kiểm soát viên đó không thực hiện nghĩa vụ của mình, vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong vòng sáu (06) tháng liên tục và trong thời gian này Ban Kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

e) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Tổng công ty nữa;

h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Kiểm soát viên có thể được thay thế khi có chỗ trống bất ngờ phát sinh. Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc thay thế Kiểm soát viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát thay thế. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc thay thế có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

5. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và bãi nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.

6. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 38. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Các Kiểm soát viên phải bầu một Kiểm soát viên làm Trưởng Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý, điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

- a) Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, và người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
- b) Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động giám sát và thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- c) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- d) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- đ) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty;
- e) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này;

g) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

h) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

i) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

k) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc lựa chọn công ty kiểm toán được chấp thuận theo quy định của pháp luật, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán được chấp thuận theo quy định của pháp luật. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

l) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban điều hành, quản lý Tổng công ty; xem xét báo cáo của Tổng công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban điều hành, quản lý Tổng công ty;

m) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

n) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

o) Ban Kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập hoặc bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

p) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

q) Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy mời, phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết;

r) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty và cán bộ điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát;

c) Người phụ trách quản trị (Thư ký) Tổng công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản, nghị quyết họp Hội đồng quản trị, họp Đại hội đồng cổ đông sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

đ) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý, điều hành và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc;

e) Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị liên quan đến kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Tổng Công ty phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên:

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

đ) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c và d của Khoản này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty;

e) Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn

bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký (nếu có) và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận theo quy định của pháp luật tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

Chương X:

BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 42. Bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

1. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc

cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty sẽ thông báo cho các cổ đông dự họp về thông tin trên tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định tại các Khoản 2 Điều 25 và Khoản 2 Điều 36 tương ứng của Điều lệ này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Những người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

5. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đã được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì Chủ tọa Đại hội quyết định.

Chương XI:

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 43. Trách nhiệm căn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc Tổng công ty và cán bộ điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Tổng công ty và cán bộ điều hành khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất

của Tổng công ty và với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Tổng công ty và cán bộ điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

5. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Tổng công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Tổng công ty, cán bộ điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Tổng công ty, cán bộ điều hành khác, hoặc các cá nhân, tổ chức liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Tổng công ty, cán bộ điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác đã được

báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ điều hành đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc phê chuẩn.

7. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Tổng công ty, cán bộ điều hành khác, các cá nhân và tổ chức có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Tổng công ty và cán bộ điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường.

Tổng công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, cán bộ điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty được Tổng công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại,

kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XII:

QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH, QUAN HỆ PHỐI HỢP GIỮA CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY VỚI NHÓM CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON VÀ TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

Điều 46. Nguyên tắc tổ chức quản lý, điều hành của công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con

1. Quản lý điều hành nhóm công ty mẹ – công ty con thực hiện theo một hoặc một số phương thức sau đây:

a) Quản lý điều hành thông qua công ty mẹ

b) Quản lý, điều hành thông qua các hình thức đầu tư; liên kết; thỏa thuận; hợp tác sử dụng dịch vụ chung trong toàn nhóm công ty mẹ – công ty con; thực hiện các quy chế, tiêu chuẩn, định mức chung trong toàn nhóm công ty mẹ – công ty con không trái với quy định của pháp luật; sử dụng sản phẩm dịch vụ của nhau theo nguyên tắc thị trường;

c) Phương thức khác theo quy định của pháp luật và phù hợp với Điều lệ của các doanh nghiệp đó.

2. Công ty mẹ thực hiện chức năng trực tiếp sản xuất kinh doanh và đầu tư tài chính vào công ty con, công ty liên kết hoặc chỉ thực hiện đầu tư tài chính vào công ty con, công ty liên kết;

3. Tổ chức quản lý, hoạt động điều hành của công ty mẹ theo Điều lệ công ty mẹ - Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 47 Quản lý điều hành nhóm công ty mẹ - công ty con thông qua công ty mẹ

1. Công ty mẹ đại diện cho nhóm công ty mẹ – công ty con thực hiện các hoạt động chung của nhóm công ty mẹ – công ty con trong quan hệ với bên thứ ba ở trong và ngoài nước hoặc các hoạt động khác theo thỏa thuận với công ty con, công ty liên kết phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Công ty mẹ sử dụng quyền, nghĩa vụ của cổ đông chi phối tại các công ty con, hoặc thông qua thỏa thuận phối hợp với công ty liên kết để phối hợp định hướng các hoạt động sau của nhóm công ty mẹ – công ty con:

a) Sử dụng bộ máy quản lý, điều hành tại công ty mẹ; đề xuất giải pháp phối hợp, định hướng các hoạt động quy định tại Khoản 3 Điều này để trình Hội đồng quản trị Tổng công ty thông qua; thông qua người đại diện theo ủy quyền tại các công ty con, công ty liên kết thực hiện các nội dung phối hợp, định hướng theo quy định tại Khoản 3 Điều này;

b) Thông qua việc thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng phối hợp kinh doanh cùng các công ty con, công ty liên kết để phối hợp, định hướng hoạt động của nhóm công ty mẹ – công ty con;

c) Xây dựng các quy chế thống nhất trong nhóm công ty mẹ – công ty con.

3. Nội dung phối hợp, định hướng của công ty mẹ bao gồm:

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch phối hợp kinh doanh chung của nhóm công ty mẹ – công ty con; định hướng chiến lược kinh doanh của các công ty con theo chiến lược phát triển, kế hoạch phối hợp kinh doanh chung của nhóm công ty mẹ – công ty con; xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế quản lý, điều hành và tiêu chuẩn, định mức áp dụng thống nhất trong nhóm công ty mẹ – công ty con;

b) Quản lý và định hướng người đại diện theo ủy quyền bảo đảm quyền chi phối của công ty mẹ tại các công ty con, quyền của cổ đông góp vốn tại các công ty liên kết;

c) Định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh trung hạn, dài hạn của các công ty con;

d) Định hướng về mục tiêu hoạt động, đầu tư, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; phân công, chuyên môn hóa, hợp tác hóa; tiếp cận, mở rộng và chia sẻ thị trường, xuất khẩu, sử dụng thương hiệu, dịch vụ thông tin, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo và các hoạt động khác của công ty con theo chính sách chung của nhóm công ty mẹ – công ty con;

đ) Xây dựng và thực hiện quy chế quản lý thương hiệu công ty mẹ, định hướng về thành tố chung trong tên gọi riêng của các công ty con, công ty liên kết;

e) Định hướng về tổ chức, cán bộ đối với các công ty con;

g) Định hướng nội dung Điều lệ, kiểm soát cơ cấu vốn điều lệ của công ty con;

h) Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia quản lý, điều hành ở công ty con, công ty liên kết. Ban hành và thực hiện quy chế cử, thay thế, giám sát, đánh giá hoạt động của người đại diện theo ủy quyền; quy định những vấn đề phải được công ty mẹ thông qua trước khi người đại diện theo ủy quyền quyết định hoặc tham gia quyết định tại các công ty con, công ty liên kết;

i) Làm đầu mối tập hợp các nguồn lực của công ty con, công ty liên kết để thực hiện đấu thầu theo quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và

quy định của Luật Đầu thầu và triển khai thực hiện các dự án chung do các công ty con; công ty liên kết cùng thỏa thuận và thực hiện;

k) Thực hiện và cung cấp dịch vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tiếp thị, xúc tiến thương mại và các dịch vụ khác cho công ty con, công ty liên kết;

l) Giám sát tài chính và kiểm soát rủi ro các công ty con; hỗ trợ hoạt động tài chính theo quy định của pháp luật cho công ty con khi được doanh nghiệp đề nghị;

m) Phối hợp thực hiện công việc hành chính, giao dịch với các đối tác cho công ty con, khi được doanh nghiệp này đề nghị; thực hiện nhiệm vụ công ích và công việc do Nhà nước giao hoặc đặt hàng Tổng công ty;

n) Thiết lập, kết nối mạng lưới thông tin toàn bộ trong nhóm công ty mẹ – công ty con;

o) Xây dựng báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và công ty con;

p) Tham vấn công ty con, công ty liên kết trong thực hiện các hoạt động chung;

q) Tổ chức việc thực hiện giám sát định hướng, điều hòa, phối hợp giữa các bộ phận trong công ty mẹ;

r) Các hoạt động khác phù hợp với đặc điểm của nhóm công ty mẹ – công ty con, quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty mẹ và Điều lệ doanh nghiệp trong nhóm công ty mẹ – công ty con.

Điều 48. Quan hệ phối hợp chung trong nhóm công ty mẹ - công ty con

Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết tham gia nhóm công ty mẹ – công ty con thực hiện quan hệ phối hợp chung theo các cách như sau:

1. Xây dựng quy chế hoạt động chung trên cơ sở thỏa thuận của công ty mẹ và các doanh nghiệp tham gia nhóm công ty mẹ – công ty con.

2. Công ty mẹ căn cứ quyền hạn, trách nhiệm do pháp luật quy định làm đầu mối thực hiện một phần hoặc toàn bộ các nội dung phối hợp hoạt động chung dưới đây giữa các doanh nghiệp trong nhóm công ty mẹ – công ty con:

a) Phối hợp trong công tác kế hoạch và điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh;

b) Định hướng phân công lĩnh vực hoạt động và ngành, nghề sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nhóm công ty mẹ – công ty con;

c) Tổ chức công tác tài chính, kế toán, thống kê;

d) Công tác quản lý vật tư, công tác tiêu thụ sản phẩm;

đ) Quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản;

e) Công tác lao động, tiền lương, y tế, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực;

g) Công tác ứng dụng khoa học, công nghệ, an toàn lao động và phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường;

h) Định hướng đặt tên các doanh nghiệp trong nhóm công ty mẹ – công ty con; cho phép sử dụng thương hiệu của công ty mẹ theo quy định của pháp luật;

i) Thực hiện công tác hành chính, công tác đối ngoại của nhóm công ty mẹ – công ty con;

k) Quản lý công tác thi đua, khen thưởng, văn hóa, thể thao và các công tác xã hội;

l) Các nội dung khác theo thỏa thuận của các doanh nghiệp trong nhóm công ty mẹ - công ty con phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 49. Quan hệ giữa công ty mẹ với các công ty con

1. Quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ:

a) Được giao thực hiện các hợp đồng sản xuất, kinh doanh trên cơ sở hợp đồng kinh tế; cung cấp thông tin và hưởng các dịch vụ và lợi ích từ hoạt động chung của nhóm công ty mẹ – công ty con theo quy chế hoạt động chung và hoặc theo thỏa thuận với các công ty con theo quy định của pháp luật;

b) Có nghĩa vụ thực hiện thỏa thuận chung với công ty mẹ; các cam kết hợp đồng kinh tế với công ty mẹ và doanh nghiệp trong nhóm công ty mẹ - công ty con; triển khai thực hiện các quyết định hợp pháp thuộc thẩm quyền của công ty mẹ đối với doanh nghiệp; có trách nhiệm tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh với công ty mẹ và các doanh nghiệp trong nhóm công ty mẹ - công ty con.

2. Quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối:

a) Công ty mẹ có các quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh của công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp đó.

b) Công ty con các quyền và nghĩa vụ sau:

- Có quyền tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh trên cơ sở hợp đồng kinh tế, hợp đồng phối hợp kinh doanh với công ty mẹ và các doanh nghiệp thuộc nhóm công ty mẹ – công ty con; được công ty mẹ giao thực hiện các hợp đồng sản xuất, kinh doanh trên cơ sở hợp đồng kinh tế với công ty mẹ; được công ty mẹ cung cấp thông tin và hưởng các dịch vụ và lợi ích từ hoạt động chung của nhóm công ty mẹ - công ty con theo quy định của Điều lệ này, thỏa thuận với các doanh nghiệp trong nhóm công ty mẹ – công ty con và quy định pháp luật có liên quan;

- Có nghĩa vụ thực hiện thỏa thuận chung của nhóm công ty mẹ – công ty con; các cam kết hợp đồng kinh tế với công ty mẹ và doanh nghiệp trong nhóm công ty mẹ – công ty con; triển khai thực hiện các quyết định hợp pháp của công ty mẹ với tư cách thực hiện quyền chi phối đối với doanh nghiệp.

Điều 50. Quan hệ giữa công ty mẹ và công ty liên kết

1. Công ty mẹ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đối với công ty liên kết theo quy định của pháp luật, theo Điều lệ công ty liên kết và thỏa thuận liên kết.

2. Công ty mẹ quan hệ với công ty liên kết thông qua các hợp đồng thỏa thuận về thương hiệu, thị trường, công nghệ, nghiên cứu, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và các thỏa thuận khác.

Điều 51. Quan hệ giữa công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc

Đơn vị trực thuộc công ty mẹ thực hiện chế độ phân cấp hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức và nhân sự của công ty mẹ theo quy định tại Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị hạch toán phụ thuộc do Tổng giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt. Công ty mẹ chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị phụ thuộc.

Điều 52. Quan hệ của Công ty mẹ - Tổng Công ty đối với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

1. Công ty mẹ - Tổng Công ty là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (gọi tắt là TKV) có quyền tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh trên cơ sở hợp đồng kinh tế với các doanh nghiệp thành viên trong TKV; được TKV giao thực hiện các hợp đồng sản xuất, kinh doanh trên cơ sở hợp đồng kinh tế với TKV; được TKV cung cấp thông tin và hưởng các dịch vụ và lợi ích từ hoạt động chung của TKV theo thỏa thuận với TKV và các doanh nghiệp thành viên trong TKV và quy định pháp luật có liên quan;

2. Công ty mẹ - Tổng Công ty có nghĩa vụ thực hiện thỏa thuận chung của TKV mà Công ty mẹ - Tổng Công ty có tham gia; các hợp đồng kinh tế với TKV và doanh nghiệp thành viên trong TKV; triển khai thực hiện các quyết định hợp pháp của TKV với tư cách là Công ty mẹ thực hiện quyền chi phối đối với Công ty mẹ - Tổng công ty theo quy định; chấp hành các quy chế quản lý nội bộ của TKV.

3. TKV với tư cách là cổ đông góp vốn, thực hiện vai trò, chức năng nhiệm vụ, các quyền và trách nhiệm trong quản lý phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ - Tổng Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của TKV.

Chương XIII:

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 53. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

Chương XIV: NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG TỔNG CÔNG TY

Điều 54. Người lao động, công đoàn và tổ chức chính trị - xã hội

1. Tổng giám đốc Tổng công ty phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ điều hành Tổng Công ty, các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Tổ chức công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ của các tổ chức đó.

4. Tổng công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn trong việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội tại Tổng công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này; tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.

Chương XV: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 55. Phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước (nếu có) theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ (nếu có) theo quy định, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật phần còn lại được sử dụng như sau:

a) Chia cổ tức;

b) Trích lập các quỹ theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Mức cổ tức, hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty và tỷ lệ trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

Điều 56. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Tổng công ty nhưng không được vượt quá mức Hội đồng quản trị đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.

3. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng cổ phần và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này. Tổng công ty có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần, trình tự và thủ tục thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phần thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm

yết/đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Tổng công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XVI:

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 57. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 58. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm đó, nếu lớn hơn chín mươi (90) ngày; trường hợp nhỏ hơn chín mươi (90) ngày thì được cộng vào năm tài chính tiếp theo.

Điều 59. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là Chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và chế độ kế toán doanh nghiệp phù hợp theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Tổng công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Tổng công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng Đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương XVII:
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ
THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 60. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Tổng công ty phải lập Báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 63 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Tổng công ty phải nộp Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với công ty niêm yết), cơ quan đăng ký kinh doanh và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Tổng công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Tổng công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm, Tổng công ty còn phải lập bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Tổng công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các Báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và Báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

4. Các Báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), Báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền sao chụp bản Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, Báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Tổng công ty, tại trụ sở chính của Tổng công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 61. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 62. Công khai thông tin

Tổng Công ty phải lập và công bố công khai thông tin theo quy định tại Điều 176 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương XVIII: KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 63. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán được chấp thuận theo quy định của pháp luật, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán được chấp thuận theo quy định của pháp luật và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi Báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán được chấp thuận theo quy định của pháp luật kiểm tra, xác nhận và báo cáo về Báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Tổng công ty, lập Báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

3. Một bản sao của Báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản Báo cáo kế toán hàng năm của Tổng công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Chương XIX: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 64. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XX: GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY

Điều 65. Giải thể Tổng công ty

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Tổng công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 66. Thanh lý

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán được chấp thuận theo quy định của pháp luật. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể lựa chọn trong số nhân viên Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày mà Ban được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động trên thực tế. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Tổng công ty phải trả cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- đ) Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
- e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục a đến mục đ trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Chương XXI: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ

bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a) Cổ đông với Tổng công ty; hoặc

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Tổng công ty hay cán bộ điều hành khác;

thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát hoặc một cơ quan chức năng chuyên môn chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án sẽ do tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XXII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 68. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

Điều 69. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm 22 chương và 69 điều, được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP nhất trí thông qua ngày tháng 04 năm 2026 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

- 05 bản lưu trữ tại Văn phòng Tổng công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Họ tên, chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty

**Nguyễn Văn
Hải**

Đặng Đức Hưng

Ngô Quốc Trung

**Nguyễn Văn
Thái**

**Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc**

Trịnh Văn Tuệ

Số: 599 /TTr-VIMICO

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2026 giữa Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ sáu được ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-VIMICO ngày 03/5/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2026 giữa Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP và cổ đông là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với những nội dung điều khoản như Hợp đồng kèm theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Văn Hải

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG VĂN ĐẾN
Số đến: 1182
Ngày: 23/12/2025

HỢP ĐỒNG

KHAI THÁC, SÀNG TUYỀN, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NĂM 2026

Số: *217* /2025/HĐKD

I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG

Luật thương mại được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 105/2018/NĐ-CP ngày 08/08/2018 của Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV);

Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-TKV ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2026 của Tập đoàn các công ty TKV (Tổ hợp công ty mẹ - Công ty con Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam);

Căn cứ Thỏa thuận chung ngày 16 tháng 12 năm 2025 về thực hiện Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2026;

Hôm nay, ngày *16* tháng *12* năm 2025, tại TP Hà Nội, Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. **Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV)** là Công ty TNHH 1 TV do Nhà nước làm chủ sở hữu, được Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện chức năng chủ thể quản lý tài nguyên khoáng sản, than,... với mục tiêu phát triển công nghiệp than và các ngành, nghề khác một cách bền vững; đáp ứng nhu cầu than của nền kinh tế; hoàn thành các nhiệm vụ do Nhà nước giao. Trong Hợp Đồng này TKV là **Bên A**.

Địa chỉ: Số 03 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại số: (84)024.35180141; Fax (84)024.38510724

Tài khoản số: 102010000011613 mở tại Ngân hàng công thương Hoàn Kiếm Hà Nội.

Mã số doanh nghiệp: 5700100256

Đại diện là Ông: Vũ Anh Tuấn. Chức vụ: Tổng giám đốc.

2. **Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP (VIMICO)** là một Công ty có tư cách pháp nhân Việt Nam, chuyên ngành khai thác mỏ, chế biến và kinh doanh các sản phẩm Khoáng sản tự nguyện tham gia hợp đồng phối hợp kinh doanh. Trong Hợp Đồng này Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP được gọi là **Bên B**.



Địa chỉ: Số 193 đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84)024.62876666, Fax : (84)024.62883333

Mã số doanh nghiệp: 0100103087

Tài khoản: số TK: 170114851000017 tại Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Long Biên.

Đại diện là Ông: Trịnh Văn Tuệ. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

II. HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1. Nội dung

1.1. Bên B đồng ý nhận khai thác, sàng tuyển, chế biến sản phẩm khoáng sản năm 2026 và giao cho Bên A với khối lượng, chất lượng và giá cả được quy định trong hợp đồng này và các văn bản hướng dẫn, quy định của TKV trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

1.2. Bên B có trách nhiệm hoàn thành tiến độ các công trình ĐTXD theo kế hoạch, đảm bảo năng lực khai thác, chế biến khoáng sản cho Bên A và bảo vệ môi trường đảm bảo theo quy định của TKV và pháp luật hiện hành.

Điều 2. Giá cả và giá trị thanh toán

2.1. Hai bên thỏa thuận và thống nhất rằng: Đối với sản phẩm đồng tấm, giao nhận (mua bán) theo tiến độ, khối lượng và chất lượng trong Điều 1, Bên A thanh toán trả cho Bên B theo giá thị trường (theo nguyên tắc Bên A tiêu thụ theo đơn giá nào thì sẽ tính toán giá trị thanh toán cho Bên B theo đơn giá đó, trừ các chi phí vốn/tài chính (nếu có)).

2.2. Bên B có trách nhiệm thực hiện công tác thăm dò, công tác trắc địa; chi phí môi trường; chi phí cấp cứu mỏ; đào tạo y tế được đã được tính toán giao khoán trong kế hoạch PHKD và các văn bản hướng dẫn của TKV.

Điều 3. Phương thức nghiệm thu sản phẩm và thanh toán

3.1. Sản phẩm được công nhận là đã giao nộp cho Bên A khi đã bốc trên phương tiện của khách hàng, phương tiện của Bên A tại kho của Bên B; hoặc giao tại kho, bãi của Bên A và được Bên A (hoặc đơn vị được Bên A ủy quyền) chấp nhận.

3.2. 6 tháng và cả năm Bên A tổ chức kiểm tra, xác nhận tổng sản phẩm mà Bên B đã giao nhận và các chỉ tiêu khác như đã thống nhất trong các Phụ lục hợp đồng này.

3.3. Bên A thanh toán tiền mua sản phẩm cho Bên B căn cứ theo Quy định về tiêu thụ Đồng tấm do TCTy khoáng sản TKV-CTCP sản xuất (ban hành kèm theo Quyết định số 2020/QĐ-TKV ngày 23/09/2025 và các văn bản điều chỉnh/bổ sung (nếu có)).

3.4. Kết thúc năm, căn cứ vào khối lượng sản phẩm giao nộp theo quy định và các chỉ tiêu theo hợp đồng đã ký, hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền lợi của các bên

4.1. Bên A

4.1.1. Có các nghĩa vụ sau:

4.1.1.1. Giao cho Bên B quản lý, sử dụng phần vốn của chủ sở hữu tại công ty để kinh doanh.

4.1.1.2. Thống nhất quản lý, hỗ trợ về công nghệ, quản lý và điều hành của Tập đoàn, bao gồm nhưng không giới hạn các công tác sau đây:

a. Tổ chức nghiên cứu và triển khai áp dụng công nghệ mới trong khai thác, chế biến khoáng sản và các sản phẩm khác.

b. Nghiên cứu hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý, áp dụng các phương pháp quản lý tiên tiến, hiện đại. Hướng dẫn, ban hành các quy chế, quy trình, quy định, định mức KTKT và đơn giá áp dụng trong phạm vi toàn Tập đoàn.

c. Giải quyết kịp thời các đề xuất, kiến nghị của Bên B trong các lĩnh vực đầu tư XDCB; an toàn lao động, quản lý lao động, tiền lương; công tác tổ chức cán bộ; công tác kế toán, tài chính và các công tác khác theo đúng Điều lệ TKV, quy chế, quy định hiện hành.

4.1.1.3. Hướng dẫn các công ty tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh thực hiện các cam kết trong các hợp đồng về cung ứng vật tư, hàng hoá, dịch vụ, xây dựng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng công tác đào tạo nguồn nhân lực, phục vụ và chăm lo sức khỏe người lao động trong toàn Tập đoàn.

4.1.1.4. Các quyết định, văn bản hướng dẫn về điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh, giá bán sản phẩm, cơ chế khuyến khích sản xuất-tiêu thụ, các văn bản hướng dẫn, quy định nội bộ có liên quan của Tổng giám đốc TKV và/hoặc người được Tổng giám đốc uỷ quyền đều được coi là phụ lục của Hợp đồng này.

4.1.2. Các quyền lợi:

4.1.2.1. Sử dụng các công cụ quản lý, điều tiết toàn ngành về tài nguyên, vốn, lao động, công nghệ, thị trường nhằm đảm bảo tăng trưởng, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh chung toàn Tập đoàn.

4.1.2.2. Tăng cường tích lũy vốn, đầu tư phát triển sản xuất, ...

4.1.2.3. Tổng Giám đốc TKV tự mình và/hoặc uỷ quyền cho các Phó Tổng giám đốc, các cán bộ thuộc bộ máy quản lý điều hành của TKV kiểm tra tiến độ thực hiện hợp đồng.

4.2. Bên B

4.2.1. Có các nghĩa vụ sau:

4.2.1.1. Bên B cam kết sử dụng mọi nguồn lực và các giải pháp quản lý trong phạm vi quyền hạn của mình được Pháp luật quy định để hoàn thành Kế hoạch được giao; bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ Tài nguyên - Môi trường) cấp phép và được bên A giao nhằm không để thất thoát khoáng sản hoặc để khai thác, vận chuyển, tiêu

thụ khoáng sản trái phép trong phạm vi ranh giới mỏ, kho, bến cảng được giao quản lý.

4.2.1.2. Tuân thủ quy phạm kỹ thuật, quy trình công nghệ, cải thiện điều kiện kỹ thuật, điều kiện làm việc cho người lao động; là chủ thể chịu trách nhiệm chính đảm bảo an toàn lao động, an toàn về máy móc thiết bị, an toàn về vốn, bảo vệ môi trường.

4.2.1.3. Chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực, bao gồm nhưng không giới hạn bởi đầu tư máy móc, thiết bị, chuẩn bị đủ nguồn nhân lực... để hoàn thành các chỉ tiêu đã cam kết tại Điều 1 và đảm bảo sự phát triển bền vững của đơn vị. Chủ động đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động, giảm tổn thất trong khai thác và tăng giá trị sản phẩm thu được sau chế biến so với năm trước.

4.2.1.4. Quản trị chặt chẽ khối lượng mỏ và chỉ tiêu công nghệ, chi phí theo Quy chế quản trị chi phí kinh doanh của TKV đã ban hành; xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với điều kiện sản xuất thực tế của đơn vị để giao khoán trong nội bộ đơn vị; chịu trách nhiệm về công tác khoán quản chi phí, giao và nghiệm thu chi phí khoán và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình; chịu trách nhiệm trước Tập đoàn, Pháp luật về số liệu do đơn vị thực hiện, báo cáo. Trường hợp, Bên B báo cáo không đúng số liệu thực tế thực hiện thì sẽ phải tự chịu trách nhiệm theo quy định của TKV, của Nhà nước và tự chịu các chi phí phát sinh tăng, giảm nếu có theo quy định pháp luật hiện hành.

4.2.1.5. Đảm bảo các chế độ về ăn ca, ăn định lượng, bồi dưỡng độc hại, thu nhập của người lao động và lợi nhuận không giảm so với kế hoạch.

4.2.1.6. Thực hiện đầy đủ các quy định về điều hành sản xuất, tiêu thụ, chế độ báo cáo thống kê, các quy chế, quy định khác của TKV và Nhà nước đã ban hành. Duy trì tất cả các báo cáo và hồ sơ liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này, và giữ an toàn tất cả các bản vẽ, tài liệu liên quan đến thực hiện Hợp Đồng này.

4.2.1.7. Cho phép tiếp cận và cung cấp các thông tin hợp lý cho Đại diện của Bên A cũng như tất cả các đại diện được uỷ quyền hợp lệ của các cơ quan Nhà nước Trung Ương hay Địa phương, trong quá trình mà những cán bộ này tiến hành giám sát một cách hợp lý sản xuất kinh doanh của đơn vị.

4.2.1.8. Nộp thuế vào ngân sách Nhà nước theo quy định hiện hành.

4.2.2. Các quyền lợi:

4.2.2.1. Toàn quyền sử dụng tổng chi phí mà bên A thanh toán để chi trả theo yêu cầu sản xuất và theo chế độ quy định.

4.2.2.2. Chủ động điều hành quá trình sản xuất kinh doanh trên cơ sở thực hiện các điều khoản ghi trong hợp đồng này.

Điều 5. Thủ tục giải quyết các vướng mắc và trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng

5.1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai bên (có biên bản ghi toàn bộ nội dung đó).

5.2. Trường hợp cần sửa đổi hợp đồng: khi cần thay đổi quy cách, chất lượng sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu người tiêu dùng, ...

5.3. Bên nào đã ký hợp đồng mà không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ như đã thống nhất trong hợp đồng sẽ bị phạt vi phạm hợp đồng và bên vi phạm hợp đồng còn phải bồi thường cho bên kia những thiệt hại do vi phạm hợp đồng gây ra.

Trong đó:

a. Trường hợp Bên B để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trong ranh giới mỏ và/hoặc để thất thoát sản phẩm trong quá trình khai thác, vận chuyển, tiêu thụ thì: Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị sản phẩm bị thất thoát và các chi phí liên quan khác.

b. Bên B phải chịu phạt vi phạm hợp đồng bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Điều 6. Thời hạn có hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng có giá trị hiệu lực từ ngày 01/01/2026 và thực hiện trong năm 2026. Hợp đồng được lập thành 6 bản mỗi bên 03 bản có giá trị ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV



ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC TKV



PHỤ LỤC SỐ 01: TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHKD NĂM 2026

Đơn vị: Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

(Kèm theo hợp đồng số: *217* /2025/HĐKD ngày *16* tháng *10* năm 2025)

TT	Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026	
			Tổng số toàn Tety	Trong đó, Cty mẹ
I	Các sản phẩm chủ yếu			
1	Thành phẩm sản xuất			
	- Đồng tấm	Tấn	30.000	30.000
	- Tinh quặng đồng quy 25%Cu	-	88.796	88.122
	- Kẽm thỏi	-	8.316	-
	- Thiếc thỏi	-	180	-
	- Phôi thép	-	165.000	-
	- Tinh quặng sắt quy 60%Fe	-	223.130	139.270
	- Vàng	Kg	940	939
	- Bạc	"	2.995	2.995
	- A-xit Sulfuric	Tấn	128.726	117.319
2	Tiêu thụ			
	- Đồng tấm	Tấn	30.000	30.000
	- Kẽm thỏi	-	8.316	-
	- Thiếc thỏi	-	179	-
	- Phôi thép	-	160.000	-
	- Tinh quặng sắt	-	210.724	130.674
	- Vàng	Kg	938	937
	- Bạc	"	3.313	3.313
	- A-xit Sulfuric	Tấn	134.328	117.319
II	Các chỉ tiêu giá trị			
1	Doanh thu hợp nhất	Tr.đồng	13.841.000	10.099.000
	- Khoáng sản	-	13.380.000	10.016.000
	- Sản xuất KD khác	-	461.000	83.000
2	Tổng doanh thu toàn doanh nghiệp	Tr.đồng	13.841.000	10.099.000
3	Tổng giá thành tiêu thụ	Tr.đồng	11.799.000	8.115.000
3.1	Tổng chi phí sản xuất trong kỳ	Tr.đồng	12.314.871	8.613.669
3.1.1	Chi phí trung gian	Tr.đồng	10.383.214	7.251.823
	Nguyên liệu, vật liệu	"	3.709.371	3.316.288
	Nhiên liệu	"	1.286.870	450.194
	Điện động lực	"	702.348	392.378
	Chi phí mua ngoài, thuê ngoài	"	2.182.931	1.229.271
	Chi phí khác	"	2.501.695	1.863.693
	<i>Trong đó: Lãi vay</i>	"	<i>218.160</i>	<i>170.923</i>
3.1.2	Giá trị gia tăng, trong đó	Tr.đồng	1.931.656	1.361.846
	Khấu hao TSCĐ	"	867.472	688.325
3.2	Chênh lệch tồn kho đầu kỳ/cuối kỳ	Tr.đồng	(50.210)	(2.569)
	- Đầu kỳ	"	800.568	293.662
	- Cuối kỳ	"	850.778	296.231
3.3	Chênh lệch dở dang đầu kỳ/cuối kỳ	"	(465.661)	(496.100)
4	Lợi nhuận	Tr.đồng	2.042.000	1.984.000
	- Khoáng sản	-	2.034.000	1.920.000
	- Sản xuất KD khác	-	8.000	64.000

10/10/2025

0302
NGTY
IN-TEX
0

9

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026	
			Tổng số toàn Tcty	Trong đó, Cty mẹ
5	Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	61,1	65,6
6	Lao động, thu nhập và đơn giá tiền lương			
6.1	Lao động định mức	người	5.142	2.812
6.2	Tiền lương bình quân	1000 đ/ng.th	17.260	20.236
6.3	Đơn giá tiền lương (không bao gồm người quản lý)			
	+ Sản xuất khoáng sản	d/1000đ DT	78,88	67,67
	+ Sản xuất kinh doanh khác	"	10,01	
7	Khấu hao tài sản			
	- Đơn vị trích khấu hao theo chế độ quy định			

Các thông số đầu vào chủ yếu tính giá thành

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2026	Ghi chú
I	Các thông số kỹ thuật			
*	Mỏ đồng Sin Quyền			
1	Sản lượng đất đá tính hệ số bóc lộ thiên	m ³	20.500.000	
2	Sản lượng QNK khai thác lộ thiên	tấn	2.050.000	
3	Hệ số bóc đất	m ³ /t	10,00	
4	Tỷ lệ đá nổ mìn	%	95,00	
5	Tỷ lệ quặng nổ mìn	%	100,00	
6	Cung độ vận chuyển đất	km	4,22	
7	Cung độ vận chuyển đá	km	4,59	
8	Cung độ vận chuyển QNK	km	3,61	
9	Tỷ lệ cấp đường vận chuyển đất đá quặng lộ thiên			
	Tỷ lệ cấp đường vận chuyển loại I	%	2,85	
	Tỷ lệ cấp đường vận chuyển loại II	%	3,68	
	Tỷ lệ cấp đường vận chuyển loại III	%	33,85	
	Tỷ lệ cấp đường vận chuyển loại IV	%	59,62	
*	Mỏ đồng Vi Kẽm			
1	Quặng nguyên khai	tấn	250.000	
2	Đào lò chuẩn bị sản xuất	mét	6.230	
3	Hệ số mét lò đào	m/1000 tấn	24,92	
II	Giá cả đầu vào chủ yếu (chưa bao gồm VAT)			
1	Dầu Diesel 0,05%S	đ/lít	17.280	
2	Điện lực	đ/kWh	1.998	
3	Xăng A92	đ/lít	18.140	
III	Chi phí phân bổ			
1	Lãi vay Cty mẹ	tr.đ	170.923	
2	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	tr.đ	76.214	
3	Phí sử dụng tài liệu địa chất	tr.đ	1.818	



Handwritten signature or initials in red ink.

Handwritten signature in black ink.

Số: 600 /TTr-VIMICO

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản - TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ sáu được ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-VIMICO ngày 03/05/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và công nghệ của Tổng công ty Khoáng sản - TKV được ban hành kèm theo Quyết định số 660/QĐ-VIMICO ngày 7/7/2025 và Quy định hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của Tổng công ty Khoáng sản - TKV được ban hành kèm theo Quyết định số 883/QĐ-VIMICO ngày 22/9/2025;

Hội đồng quản trị Tổng công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 phê duyệt Kế hoạch sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ năm 2026 của Tổng công ty (chi tiết như phụ lục kèm theo).

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét phê duyệt để có cơ sở tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hải



PHỤ LỤC

**Kế hoạch sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ năm 2026
của Tổng công ty Khoáng sản - TKV**

TT	Nội dung chi	Dự kiến kinh phí (đồng)	Ghi chú
I	Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật	300.000.000	
II	Chi hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN của các Hội đồng trong Tổng công ty	160.000.000	
1	Các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp Tổng công ty	10.000.000	
2	Các Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn và thẩm định dự toán nhiệm vụ KH&CN	25.000.000	
3	Các Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	25.000.000	
4	Chi công tác kiểm tra, đánh giá các kỳ, kiểm tra sản phẩm	50.000.000	
5	Chi hội nghị, hội thảo, văn phòng phẩm, in ấn, dịch tài liệu, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, ...	20.000.000	
6	Chi khác	30.000.000	
III	Chi thực hiện các nhiệm vụ KH&CN	5.999.400.000	
1	Nghiên cứu sản xuất Bột Selen trong quá trình sản xuất đồng tại nhà máy Luyện đồng Lào Cai - VIMICO	1.254.000.000	Bao gồm thuế GTGT
2	Nghiên cứu xây dựng hệ thống quan trắc tự động, dự báo, cảnh báo sớm ổn định bờ mỏ và an toàn đập chứa quặng đuôi cho các mỏ đồng thuộc TKV	4.745.400.000	Bao gồm thuế GTGT
	Tổng cộng (I+II+III)	6.459.400.000	

(Bằng chữ: Sáu tỷ, bốn trăm năm mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn./.)



Số: 601 /TTr-VIMICO

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v thông qua phương án xử lý cổ phần ưu đãi của Người lao động
chấm dứt HĐLĐ trước thời hạn cam kết

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

Căn cứ:

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của CP quy định về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (cổ phần hóa).
- Công văn số 195/DNNN-DDCSH ngày 26/01/2026 của Cục Phát triển DN Nhà nước - Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý cổ phần ưu đãi.
- Công văn số 343/CTL&BHXH-CSLĐ ngày 09/03/2026 của Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội - Bộ Nội vụ về việc chấm dứt HĐLĐ.
- Quyết định số 877/QĐ-VIMICO ngày 19/9/2025 của Tổng giám đốc về việc thành lập Tổ công tác xử lý tồn tại liên quan tới cổ phần ưu đãi mua thêm của Người lao động chấm dứt Hợp đồng lao động trước thời hạn;

Tính đến thời điểm 06/10/2025, sau khi rà soát số lượng cổ phần ưu đãi mua thêm của Người lao động chấm dứt Hợp đồng lao động trước thời hạn, Tổng công ty xin báo cáo như sau:

1. Tổng số cổ phiếu đăng ký mua lại: Cổ phần Người lao động đã mua thuộc trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP: 50.000 cổ phiếu (có danh sách kèm theo)

2. Tổng công ty đã thành lập Tổ công tác xử lý tồn tại liên quan tới cổ phần ưu đãi mua thêm của Người lao động chấm dứt Hợp đồng lao động trước thời hạn (Quyết định số 877/QĐ-VIMICO ngày 19/9/2025 của Tổng giám đốc) để tư vấn xử lý vấn đề này, từ đó đến nay, Tổng công ty đã gửi các văn bản:

- Văn bản số 3118/VIMICO-KP ngày 10/12/2025 về việc đề nghị hướng dẫn về việc xử lý cổ phần ưu đãi đối với người lao động chấm dứt Hợp đồng lao động trước thời hạn cam kết làm việc gửi Cục phát triển doanh nghiệp Nhà nước - Bộ Tài chính;

- Văn bản số 286/VIMICO-KP ngày 03/02/2026 về việc đề nghị hướng dẫn về việc xử lý cổ phần ưu đãi đối với người lao động chấm dứt Hợp đồng lao động trước thời hạn cam kết làm việc gửi Bộ Nội vụ.

Tổng công ty đã nhận được văn bản trả lời:

- Công văn số 195/DNNN-DDCSH ngày 26/01/2026 của Bộ Tài chính về việc xử lý cổ phần ưu đãi thực hiện theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.



- Công văn số 343/CTL&BHXH-CSLĐ ngày 09/03/2026 của Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội (Bộ Nội vụ).

Đồng thời Tổng công ty cũng đã làm việc với Tư vấn Luật và có văn bản trả lời, trong đó Tư vấn Luật tập trung vào việc sử dụng các biện pháp nhằm mua lại số cổ phần này.

Tổng công ty đã thực hiện việc công bố thông tin để mua lại số cổ phần này tại Thông báo số 3138/TB-VIMICO ngày 11/12/2025;

Tuy nhiên đến nay, ngoài việc nhận được một số đơn kiến nghị của nhóm các cổ đông (Tổng công ty cũng đã có văn bản trả lời nhóm các cổ đông này), không cổ đông nào trong số 25 cổ đông nói trên bán lại cổ phiếu cho Tổng công ty với giá đã mua.

Xét rằng: Việc phải mua lại cổ phiếu của người lao động chấm dứt trước thời hạn cam kết là theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP. Tuy nhiên, đến nay không có Luật nào quy định xử lý việc cổ đông không bán lại cổ phiếu cho Tổng công ty. Hơn nữa, nếu Tổng công ty có mua được thì việc xử lý số cổ phiếu này cũng rất phức tạp do khi đó số cổ phiếu này trở thành cổ phiếu Quỹ, không phù hợp với Đề án Tái cơ cấu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nhằm xử lý dứt điểm tình trạng hạn chế chuyển nhượng của 50.000 cổ phiếu thuộc 25 cổ đông nói trên, tránh khiếu kiện kéo dài, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua việc bỏ hạn chế chuyển nhượng đối với toàn bộ 50.000 cổ phiếu của 25 cổ đông là người lao động đã chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn cam kết..

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP, HĐQT.



TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Văn Hải

00
NG C
ÁNG S
VIM

HÀM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TRƯỚC THỜI HẠN LÀM VIỆC ĐÃ CAM KẾT*(QĐ-VIMICO ngày /12/2025)*

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ ĐKSH	NGÀY CẤP	SỐ CP ƯU ĐÃI ĐÃ MUA	THỜI GIAN HẠN CHẾ CHUYÊN NHƯỢNG	NGÀY CHẤM DỨT HĐLĐ	SỐ QUYẾT ĐỊNH CHẤM DỨT HĐLĐ
1	Dương Mạnh Toàn	10088000355	6/4/2021	2000	06/10/2025	01/03/2020	137/QĐ-LĐV ngày 27/02/2020
2	Phạm Quang Dương	121866620	9/3/2010	2000	06/10/2025	03/9/2019	1465/QĐ-LĐV ngày 03/09/2019
3	Vì Thị Hải Yến	63108344	12/5/2017	2000	06/10/2025	15/02/2017	93/QĐ-LĐV ngày 15/02/2017
4	Vũ Huy Thức	90942136	25/04/2015	2000	06/10/2025	22/11/2018	1779/QĐ-LĐV ngày 22/11/2018
5	Lâm Thị Hiệp	10184005595	24/06/2021	2000	06/10/2025	01/3/2023	231/QĐ-LĐV ngày 24/02/2023
6	Trần Huy Mạnh	25085015628	13/05/2025	2000	06/10/2025	21/02/2017	163/QĐ-LĐV ngày 21/02/2017
7	Nguyễn Văn Tứ	30084000700	30/09/2015	2000	06/10/2025	20/07/2015	229/QĐ-CLC ngày 20/07/2015
8	Trần Thị Thắng	63140044	3/11/2020	2000	06/10/2025	16/09/2016	1131/QĐ-LĐV ngày 16/09/2016
9	Lù Bình Ngọc	10183000892	18/12/2023	2000	06/10/2025	01/07/2015	328/QĐ-MTĐ ngày 01/07/2015
10	Nguyễn Thị Liên	15185008451	12/5/2022	2000	06/10/2025	20/02/2018	124/QĐ-MTĐ ngày 21/02/2018
11	Đặng Văn Tuấn	10085004852	24/06/2021	2000	06/10/2025	12/9/2022	1249/QĐ-LĐV ngày 12/09/2022
12	Đặng Văn Tính	24087027210	25/06/2021	2000	06/10/2025	08/07/2016	353/QĐ-LĐV ngày 04/07/2016

13	Vũ Thanh Hà	25083014670	17/12/2021	2000	06/10/2025	05/10/2016	1205/QĐ-LĐV ngày 05/10/2016
14	Đỗ Xuân Hưng	10085007287	6/3/2023	2000	06/10/2025	01/12/2021	2304/QĐ-LĐV ngày 29/11/2021
15	Nguyễn Hữu Chiến	15083002772	13/01/2022	2000	06/10/2025	23/02/2022	149/QĐ-LĐV ngày 23/02/2022
16	Nguyễn Văn Bảy	10077004621	27/06/2021	2000	06/10/2025	15/08/2018	1573/QĐ-MTĐ ngày 14/08/2018
17	Nguyễn Văn Chính	26081010064	13/08/2021	2000	06/10/2025	01/06/2017	752/QĐ-MTĐ ngày 31/05/2017
18	Nguyễn Văn Duy	37087010944	28/06/2022	2000	06/10/2025	10/4/2017	822/QĐ-LĐV ngày 10/04/2017
19	Thái Thị Hà Trang	40188001125	21/03/2018	2000	06/10/2025	06/08/2015	254/QĐ-CLC ngày 05/08/2015
20	Vũ Văn Khiêm	36082018084	12/7/2021	2000	06/10/2025	01/10/2017	1565/QĐ-LĐV ngày 28/09/2017
21	Đỗ Mạnh Hà	10081006764	24/06/2021	2000	06/10/2025	18/02/2022	139/QĐ-LĐV ngày 18/02/2022
22	Hoàng Văn Chung	91075490	26/04/2008	2000	06/10/2025	07/10/2023	1274/QĐ-LĐV ngày 06/10/2023
23	Trần Quang Minh	63080352	17/11/2000	2000	06/10/2025	11/4/2016	313a/QĐ-MTĐ ngày 11/04/2016
24	Nguyễn Văn Hoàn	52095000178	15/04/2021	2000	06/10/2025	06/08/2025	1562/QĐ-MTĐ ngày 06/8/2025
25	Phạm Thanh Sơn	10082004258	11/8/2021	2000	06/10/2025	01/7/2023	819/QĐ-LĐV ngày 28/06/2023
TỔNG				50.000			





Số: /BB-VIMICO

DU THẢO

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại số 193 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

A. TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH, MÃ SỐ DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp: Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP

Địa chỉ trụ sở chính: số 193 Nguyễn Huy Tường, P.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Mã số doanh nghiệp: 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 26/5/2025.

B. THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Đại diện cổ đông đủ điều kiện được mời tham dự đại hội có 2.159 cổ đông và người đại diện được ủy quyền, đại diện cho 200.000.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Thành phần tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP gồm có:

- Cổ đông Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam: Đại diện ủy quyền là ông Nguyễn Văn Hải; chức vụ: Trưởng ban của TKV, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty.

- Các cổ đông và đại diện cho các cổ đông khác của Tổng công ty (có Danh sách kèm theo).

- Các đại biểu khác, gồm:

+ Ông Trịnh Văn Tuệ - Bí thư Đảng ủy - Tổng giám đốc Tổng công ty

+ Ông Lương Văn Lĩnh - Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty

+ Ông Nguyễn Văn Phục - Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty

+ Các thành viên HĐQT, các thành viên Ban kiểm soát, Phó Bí thư ĐU, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Phó Chủ tịch Công đoàn, Bí thư ĐTN; Trưởng các Phòng, Ban chức năng Tổng công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

C. NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thảo luận, thông qua và phê duyệt những nội dung sau:

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, ĐTXD năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.
- Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.
- Thông qua BCTC và phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ 2025.
- Thông qua việc thực hiện chi trả tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2025 và kế hoạch năm 2026.
- Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định báo cáo tài chính và nội dung liên quan hoạt động năm 2025 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch 2026.
- Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.
- Thông qua Đề án cơ cấu lại Tổng công ty khoáng sản - TKV giai đoạn 2026-2030.
- Thông qua thay đổi ngành nghề sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Khoáng sản - TKV
- Thông qua Điều lệ Tổng công ty Khoáng sản - TKV sửa đổi, bổ sung lần thứ bảy.
- Phê duyệt Kế hoạch sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV.
- Thông qua hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2026 với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.
- Thông qua phương án xử lý cổ phần ưu đãi của Người lao động chấm dứt HĐLĐ trước thời hạn cam kết.
- Thay đổi thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2025-2030.
- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

D. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

I. Chào cờ tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu:

Ông Hoàng Văn Hà - Chánh Văn phòng Tổng công ty điều hành chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

II. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông

Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông trình bày kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và tuyên bố ĐHĐCĐ đủ điều kiện tiến hành. Nội dung cơ bản của kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

* Tính đến 17h00 ngày 16/03/2026 theo xác nhận của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam "VSDC".

- Tổng số cổ đông của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP: 2.159 cổ đông trong đó có 07 tổ chức và 2.151 cá nhân trong nước; 01 môi giới nước ngoài.

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP: 200.000.000 cổ phần

- Tổng số cổ đông được mời tham dự Đại hội: 2.159 cổ đông sở hữu 200.000.000 cổ phần (tương ứng với 100% số cổ phần có quyền biểu quyết)

- Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, các văn bản hướng dẫn thi hành và Điều lệ Tổng công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.
(Có Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông kèm theo).

III. Giới thiệu Chủ tọa

Ông Hoàng Văn Hà - Chánh Văn phòng Tổng công ty thay mặt Ban Tổ chức giới thiệu ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP làm Chủ tọa ĐHĐCĐ. Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa giới thiệu và mời Ông Trịnh Văn Tuệ - TV.HĐQT - Tổng giám đốc Tổng công ty cùng tham gia Chủ tọa điều hành Đại hội.

IV. Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban Thư ký ĐHĐCĐ

1. Giới thiệu Ban Thư ký

Để giúp việc ghi chép diễn biến ĐHĐCĐ, Chủ tọa đã giới thiệu Ban Thư ký gồm các thành viên sau:

- Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tổng công ty - Trưởng ban
- Ông Lại Trí Cường - Trưởng phòng KH Tổng công ty - Thành viên

2. Biểu quyết thông qua Ban Thư ký

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa, chủ trì biểu quyết thông qua Ban Thư ký:

* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: *phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- Tổng số phiếu hợp lệ: *phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- Tổng số phiếu không hợp lệ: *phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- Số phiếu tán thành: *phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- Số phiếu không tán thành: *phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- Số phiếu không có ý kiến: *phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp".*

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết thông qua thành phần Ban Thư ký Đại hội.

V. Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban kiểm tra kết quả biểu quyết

1. Giới thiệu danh sách Ban kiểm tra kết quả biểu quyết

Để thực hiện công tác kiểm đếm tỷ lệ biểu quyết của ĐHĐCĐ, Chủ tọa giới thiệu thành phần Ban kiểm tra kết quả biểu quyết để ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua là 05 người, trong đó 01 Trưởng ban và 04 thành viên như sau:

- | | |
|--|------------|
| 1. Ông Nguyễn Thanh Long - Phó phòng QTK Tổng công ty: | Trưởng Ban |
| 2. Ông Đỗ Hoàng Thái - Chuyên viên Phòng CD TCty: | Thành viên |
| 3. Bà Vũ Thanh Hằng - Phó Ban TCHC Công đoàn TCty: | Thành viên |
| 4. Bà Nguyễn Ngọc Điệp - Chuyên viên Phòng QTK TCT: | Thành viên |
| 5. Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Chuyên viên Phòng TCKT TCT: | Thành viên |

2. Biểu quyết thông qua số lượng và danh sách Ban kiểm tra kết quả biểu quyết

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa, chủ trì biểu quyết thông qua số lượng và danh sách Ban kiểm tra kết quả biểu quyết.

* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu hợp lệ: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu tán thành: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không tán thành: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không có ý kiến: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp".

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết thông qua thành phần Ban kiểm tra kết quả biểu quyết.

VI. Chương trình ĐHĐCĐ và Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

1. Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026

Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Trưởng phòng TCLĐ Tổng công ty trình bày Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 (có nội dung chi tiết chương trình kèm theo).

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa, chủ trì thông qua Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu hợp lệ: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- Số phiếu tán thành: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- Số phiếu không tán thành: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- Số phiếu không có ý kiến: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp”.

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết thông qua Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

2. Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026

Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Trưởng phòng TCLĐ Tổng công ty trình bày Dự thảo Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 (có nội dung chi tiết Quy chế kèm theo).

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa, chủ trì thông qua Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu hợp lệ: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không hợp lệ: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- Số phiếu tán thành: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- Số phiếu không tán thành: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- Số phiếu không có ý kiến: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp”.

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

VII- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, kế hoạch năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Ông Trịnh Văn Tuệ - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty trình bày Báo cáo số 592/BC-VIMICO ngày 16/3/2026 về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

1. Kết quả SXKD, ĐTXD năm 2025

- Tổng doanh thu:
- + Hợp nhất toàn Tổng công ty: 14.636 tỷ đồng/12.619 tỷ đồng, bằng 115,9% KHN.
- + Công ty mẹ - Tổng công ty: 13.746 tỷ đồng/8.916 tỷ đồng, đạt 154,1% KHN.
- Lợi nhuận: đạt 2.453,7 tỷ đồng/1.000 tỷ đồng KH (Trong đó: Công ty mẹ lãi: 2.449,6 tỷ đồng/945 tỷ đồng KH; KLM TN lãi: 107,67 tỷ đồng; KSLK CB lãi: 13,523 tỷ đồng; KS3 lãi: 34,468 tỷ đồng; GTCB lỗ 205 triệu đồng; Đất hiếm Lai Châu lỗ 56 tỷ đồng, ...).
- Nộp ngân sách: cả năm đạt 2.220 tỷ đồng.
- Tổng số lao động bình quân: 5.090 người, trong đó: Công ty mẹ - Tổng công ty 2.780 người.
- Thu nhập bình quân: đạt 18,336 trđ/người/tháng; trong đó Công ty mẹ - Tổng công ty 22,973 trđ/người/tháng.
- Tổng giá trị thực hiện ĐTXD năm 2025
- + Tổng giá trị thực hiện cả năm là 523.213 triệu đồng/480.000 triệu đồng bằng 109% KHĐC.
- + Tổng giá trị thực hiện ĐTXD năm 2025 công ty mẹ Tổng công ty: đạt 433.120 triệu đồng/361.375 triệu đồng, bằng 119,85% KH năm 2025 của Công ty mẹ Tổng công ty.

2. Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2026

2.1. Các chỉ tiêu về giá trị

- Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tổng công ty: 13.841 tỷ đồng.
- Lợi nhuận: 2.042 tỷ đồng, trong đó: Công ty mẹ: 1.984 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách: dự kiến 1.880 tỷ đồng.
- Tổng số lao động bình quân: 5.142 người.
- Thu nhập bình quân: 17,26 tr.đ/ng/tháng KH.

2.2. Các sản phẩm sản xuất, tiêu thụ và một số chỉ tiêu sản xuất chính:

- + Tinh quặng đồng (quy 25%): 88.796 tấn
- + Đồng tấm: 30.000 tấn
- + Axit Sunfuric: 128.726 tấn
- + Tinh quặng sắt: 223.130 tấn
- + Kẽm thỏi 99,95%Zn (tự sản xuất): 8.316 tấn
- + Phôi thép: 165.000 tấn
- + Vàng: 940 kg
- + Bạc: 2.995 kg
- Mỏ đồng Sin Quyền: Khối lượng đất đá bóc: 20,5 triệu m³. Quặng nguyên khai: 2,05 triệu tấn, hàm lượng 1,059% Cu.
- Mỏ đồng Vi Kẽm: Quặng khai thác: 250.000 tấn, hàm lượng 0,712% Cu.
- Đào lò CBSX: 6.230 mét.

2.3. Cổ tức: $\geq 15\%$

2.4. Kế hoạch ĐTXD năm 2026

- Toàn Tổng công ty: 750.000 triệu đồng. Trong đó: Xây dựng: 113.167 triệu đồng; Thiết bị: 381.412 triệu đồng; Chi phí khác: 255.421 triệu đồng.

- Công ty mẹ - Tổng công ty: 469.772 triệu đồng. Trong đó: Xây dựng: 69.387 triệu đồng; Thiết bị: 319.110 triệu đồng; Chi phí khác: 81.275 triệu đồng.

Về tổ chức thực hiện: ĐHCĐ giao cho HĐQT chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát mọi mặt hoạt động, đồng thời ủy quyền cho HĐQT chủ động điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế, biến động thị trường. Trong đó, kế hoạch tiền lương sẽ được cập nhật theo quy định của Nhà nước và cấp có thẩm quyền.

VIII. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty trình bày Báo cáo số 593/BC-VIMICO ngày 16/3/2026 về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ 2026 (có Báo cáo kèm theo).

IX. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025; BCTC Công ty Mẹ năm 2025; Phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ năm 2025; Kết quả thực hiện chi trả tiền lương 2025 và kế hoạch chi trả thù lao 2026.

Ông Nguyễn Văn Viên - Kế toán trưởng Tổng công ty trình bày Tờ trình số 648/TTr-VIMICO ngày 19/3/2026 về việc thông qua BCTC hợp nhất và BCTC Công ty mẹ - Tổng công ty đã được kiểm toán 2025 và Phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP; Tờ trình số 594/TTr-VIMICO ngày 16/3/2026 về việc thực hiện chi trả tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao 2026. Với các nội dung chính như sau:

I. Báo cáo tài chính hợp nhất; BCTC Công ty mẹ - Tổng công ty đã được kiểm toán năm 2025

1. Công ty mẹ Tổng công ty

1.1. Bảng cân đối kế toán

DVT: VND

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
I	Tổng tài sản	8.006.842.904.613	7.491.194.454.314
1	Tài sản ngắn hạn	5.092.934.784.875	3.818.990.105.975
2	Tài sản dài hạn	2.913.908.119.738	3.672.204.348.339
II	Tổng nguồn vốn	8.006.842.904.613	7.491.194.454.314
1	Nợ phải trả	2.935.014.693.907	3.986.597.910.359

2	Vốn chủ sở hữu	5.071.828.210.706	3.504.596.543.955
	<i>Tr.đó: Vốn điều lệ</i>	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
	<i>LNST chưa phân phối</i>	2.475.478.261.063	1.301.400.017.278

1.2. Kết quả SXKD

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Tổng doanh thu	13.746.599.003.158	12.462.811.266.165
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.449.633.142.037	1.585.883.243.668
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	1.945.380.594.667	1.272.406.919.893

2. Hợp nhất toàn Tổng công ty

2.1. Bảng cân đối kế toán

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
I	Tổng tài sản	9.871.121.729.686	9.613.694.705.766
1	Tài sản ngắn hạn	5.788.604.261.539	4.569.624.226.408
2	Tài sản dài hạn	4.082.517.468.147	5.044.070.479.358
II	Tổng nguồn vốn	9.871.121.729.686	9.613.694.705.766
1	Nợ phải trả	4.368.068.501.873	5.600.767.288.559
2	Vốn chủ sở hữu	5.503.053.227.813	4.012.927.417.207
	<i>Tr.đó: Vốn điều lệ</i>	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
	<i>LNST chưa phân phối</i>	2.552.651.872.085	1.363.790.226.727

2.2. Kết quả SXKD

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Tổng doanh thu	14.636.273.357.172	13.277.640.866.062
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.453.745.154.766	1.568.729.329.154
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	1.908.386.155.984	1.221.617.906.045

(Có BCTC đã được kiểm toán kèm theo)

II. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ; Phương án trả cổ tức năm 2025

STT	Nội dung	Số tiền
1	LNST còn lại chưa phân phối đến hết năm 2024(T4/2025)	530.097.666.396
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	1.945.380.594.667
3	Tổng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (3=1+2)	2.475.478.261.063
4	Tổng Lợi nhuận sau thuế được phân phối	2.475.478.261.063
5	Phương án PPLN	2.475.478.261.063
5.1	Chi trả cổ tức($6.1=2.000.000.000.000 \times 119\%$)	2.380.000.000.000
5.2	Bù đắp các khoản lỗ năm trước đã hết thời hạn bù vào LNNT	-
5.3	Phân phối các quỹ	95.478.261.063
a	Trích quỹ ĐTPT	
b	Trích quỹ KTPL (1,5 tháng lương TH)	94.955.061.063
c	Trích quỹ thưởng người QLDN (1 tháng lương TH VCQL)	523.200.000
6	LNST còn lại chưa phân phối đến hết năm 2025 (Kỳ ĐH T4/2026) (6=4-5.1-5.2-5.3)	0

III. Kết quả thực hiện chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS và người quản lý Tổng công ty năm 2025 và Kế hoạch 2026.

Kết quả thực hiện chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS và người quản lý Tổng công ty năm 2025 và Kế hoạch 2026 có các nội dung chính như sau:

1. Thực hiện 2025

1.1. Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2025	TH năm 2025
1	Tổng giám đốc	01	720.000.000	864.000.000
2	Phó Tổng giám đốc	05	3.240.000.000	3.110.400.000
3	Kế toán trưởng	01	600.000.000	720.000.000
	Tổng cộng	07	4.560.000.000	4.694.400.000

1.2. Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2025	TH năm 2025
1	TV HĐQT	01	648.000.000	777.600.000
2	TB kiểm soát	01	672.000.000	806.400.000
	Tổng cộng	02	1.320.000.000	1.584.000.000

1.3. Phụ cấp TV HĐQT độc lập

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH 2025	TH năm 2025
1	TV HĐQT độc lập	01	324.000.000	324.000.000
	Cộng	01	324.000.000	324.000.000

Hình thức chi: VIMICO chi trả trực tiếp.

1.4. Thù lao của TV HĐQT, Thành viên Ban KS không chuyên trách: chi trả bằng 20% mức tiền lương thực hiện. (Đối với Người đại diện của TKV chi trả bằng 20% mức lương cơ bản)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2025	TH năm 2025
1	CT HĐQT	01	74.400.000	74.400.000
2	TV HĐQT	02	129.600.000	129.600.000
3	TV kiểm soát	02	129.600.000	129.600.000
	Cộng	05	333.600.000	333.600.000

Hình thức chi:

- Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.
- VIMICO trực tiếp trả thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VIMICO.

2. Kế hoạch 2026

2.1. Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	Tổng giám đốc	01	58.080.000	696.960.000
2	Phó Tổng giám đốc	04	52.280.000	2.509.440.000
3	Kế toán trưởng	01	48.400.000	580.800.000
	Tổng cộng	06		3.787.200.000

2.2. Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	TV HĐQT	01	52.280.000	627.360.000
2	TB Kiểm soát	01	54.210.000	650.520.000
	Cộng	02		1.277.880.000

2.3. Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Thành viên BKS không chuyên trách: Tính bằng 20% mức lương cơ bản.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Tiền lương tháng	Số người	Tỷ lệ	Thù lao tháng	Thù lao năm
1	Chủ tịch HĐQT	31.000.000	01	20%	6.200.000	74.400.000
2	Thành viên HĐQT	27.000.000	02	20%	5.400.000	129.600.000
3	Thành viên BKS	27.000.000	02	20%	5.400.000	129.600.000
	Cộng		05			333.600.000

Quý thù lao thực hiện được xác định trên cơ sở số TV HĐQT, BKS không chuyên trách thực tế tại các thời điểm trong năm, thời gian làm việc và mức thù lao (tính theo tháng) do Tổng công ty xác định tối đa bằng 20% mức tiền lương cơ bản của TV chuyên trách.

2.4. Phụ cấp của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: được xác định trên cơ sở mức lương cơ bản áp dụng cho Thành viên HĐQT chuyên trách, đồng thời được điều chỉnh tăng thêm với hệ số 0,2 lần mức lương cơ bản.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	TV HĐQT độc lập	01	32.400.000	388.800.000
	Cộng	01		388.800.000

Phụ cấp TV HĐQT độc lập chi trả bằng TM/CK vào ngày 05 đến 10 hàng tháng và hạch toán vào chi phí SXKD Công ty mẹ Tổng công ty năm 2026.

X. Bầu thành viên Ban kiểm soát

1. Thông qua Quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên BKS

Ông Nguyễn Thanh Long - Trưởng Ban kiểm tra kết quả biểu quyết trình bày Dự thảo Quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2025-2030.

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa chủ trì biểu quyết thông qua Quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử HĐQT, BKS.

* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu hợp lệ: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu tán thành: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không tán thành: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không có ý kiến: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp”.

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết thông qua Quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên BKS.

2. Giới thiệu danh sách đề cử, ứng cử thành viên BKS

3. Hướng dẫn và tổ chức bầu cử

- Ông Nguyễn Thanh Long - Trưởng Ban kiểm tra kết quả biểu quyết lên hướng dẫn cách thức bầu cử và các Thành viên Ban bầu cử thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế bầu cử Đại hội vừa thông qua.

XI. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định báo cáo tài chính và một số nội dung liên quan hoạt động năm 2025 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ 2026.

Ông Lương Văn Lĩnh - Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty trình bày Báo cáo số 649/BC-VIMICO ngày 19/3/2026 về việc báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định báo cáo tài chính và một số nội dung liên quan hoạt động năm 2025 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 (có Báo cáo kèm theo).

XII. Lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026

Ông Lương Văn Lĩnh - Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty trình bày Tờ trình số 595/TTr-VIMICO ngày 16/3/2026 về việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 với các nội dung chính sau:

1. Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán (làm cơ sở để lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty) được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026, gồm:

- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE);
- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam- Chi nhánh phía Bắc;
- Công ty TNHH Kiểm toán BDO (BDO).

2. ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho Tổng Giám đốc Tổng công ty tổ chức lựa chọn 01 Công ty kiểm toán (theo danh sách trên) và ký kết hợp đồng kiểm toán BCTC năm 2026 của Tổng công ty, đảm bảo một số nguyên tắc chính:

- Tổ chức lựa chọn Công ty kiểm toán đảm bảo đủ năng lực và phí kiểm toán cạnh tranh;

- Kiểm toán BCTC và phát hành báo cáo kiểm toán Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc cho năm tài chính 2026, bao gồm cả báo cáo soát xét bán niên độ (01/01/2026 đến 30/06/2026);

- Kiểm toán BCTC và phát hành báo cáo kiểm toán hợp nhất Tổng công ty cho năm tài chính năm 2026, bao gồm cả báo cáo soát xét bán niên độ (01/01/2026 đến 30/06/2026).

XIII. Thông qua đề án cơ cấu lại Tổng công ty Khoáng sản - TKV giai đoạn 2026-2030

Ông Trịnh Văn Tuệ - Thành viên HĐQT, TGD Tổng công ty trình bày Tờ trình số 596/TTr-VIMICO ngày 16/3/2026 về việc thông qua đề án cơ cấu lại Tổng công ty Khoáng sản - TKV giai đoạn 2026-2030.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty:

(1) Thông qua và quyết định phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2026-2030 sau khi có ý kiến thông qua của cổ đông TKV;

(2) Thông qua và quyết định phê duyệt trước một hoặc một số nội dung của Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2026-2030 trong trường hợp cổ đông TKV có ý kiến chấp thuận đối với các nội dung đó trước khi có ý kiến thông qua toàn bộ Đề án.

Dự thảo đề án cơ cấu lại Tổng công ty Khoáng sản - TKV giai đoạn 2026 - 2030 kèm theo

XIV. Thông qua việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty

Ông Trịnh Văn Tuệ - Thành viên HĐQT, TGD Tổng công ty trình bày Tờ trình số 597/TTr-VIMICO ngày 16/3/2026 về việc thông qua thay đổi ngành, nghề kinh doanh Tổng công ty.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thống nhất thông qua Danh mục các ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty sau khi sửa đổi, cập nhật theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg. Chi tiết tại Phụ lục kèm theo, gồm:

- Phụ lục 1: Kết quả rà soát ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ;

- Phụ lục 2: Danh mục ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty sau khi điều chỉnh.

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

XV. Thông qua Điều lệ Tổng công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ bảy

Ông Trịnh Văn Tuệ - Thành viên HĐQT, TGD Tổng công ty trình bày Tờ trình số 598/TTr-VIMICO ngày 16/3/2026 về việc thông qua Điều lệ Tổng công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ bảy.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thống nhất thông qua một số nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung danh mục ngành, nghề kinh doanh

Thực hiện quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, Tổng công ty đã tiến hành rà soát toàn bộ danh mục ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký; đối chiếu mã ngành và nội dung ngành nghề theo Hệ thống ngành kinh tế mới của Việt Nam.

Trên cơ sở kết quả rà soát, Tổng công ty thực hiện điều chỉnh, cập nhật mã ngành và nội dung các ngành, nghề kinh doanh trong Điều lệ Tổng công ty theo quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg nhằm bảo đảm tính thống nhất với hệ thống ngành kinh tế hiện hành và thuận lợi trong quá trình đăng ký, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

2. Bãi bỏ khoản 6 Điều 26 của Điều lệ Tổng công ty

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thống nhất bãi bỏ Khoản 6, Điều 26 của Điều lệ Tổng công ty.

Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ bảy của Tổng công ty kèm theo

XVI. Thông qua Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2026 với TKV.

Ông Trịnh Văn Tuệ - Thành viên HĐQT, TGD Tổng công ty trình bày Tờ trình số 599/TTr-VIMICO ngày 16/3/2026 về việc thông qua Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2026 với TKV.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2026 giữa Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP và cổ đông là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với những nội dung điều khoản như bản Hợp đồng kèm theo.

XVII. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV

Ông Trịnh Văn Tuệ - Thành viên HĐQT, TGD Tổng công ty trình bày Tờ trình số 600/TTr-VIMICO ngày 16/3/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất phê duyệt Kế hoạch sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV như nội dung Tờ trình của Hội đồng quản trị.

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

XVIII. Thông qua phương án xử lý cổ phần ưu đãi của Người lao động chấm dứt HĐLĐ trước thời hạn cam kết.

Ông Trịnh Văn Tuệ - Thành viên HĐQT, TGD Tổng công ty trình bày Tờ trình số 601/TTr-VIMICO ngày 16/3/2026 về việc thông qua phương án xử lý cổ phần ưu đãi của Người lao động chấm dứt HĐLĐ trước thời hạn cam kết.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thống nhất thông qua việc bỏ hạn chế chuyển nhượng đối với toàn bộ 50.000 cổ phiếu của 25 cổ đông là người lao động đã chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn cam kết.

XIX. Thảo luận

XX. Báo cáo kết quả biểu quyết

Ông Nguyễn Thanh Long - Trưởng Ban kiểm tra kết quả biểu quyết trình bày Biên bản kiểm tra kết quả biểu quyết (tổng hợp chi tiết các nội dung đã biểu quyết, có Biên bản kèm theo). Kết quả thông qua các nội dung như sau:

XII. Tổng hợp các vấn đề đã được Đại hội thông qua

STT	Nội dung biểu quyết	Tỷ lệ thông qua
1	Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2025	100%
2	Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV.	100%
3	BCTC hợp nhất; BCTC Công ty Mẹ - Tổng công ty	100%
4	Phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ 2025	100%
5	Thực hiện chi trả tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2025 và kế hoạch năm 2026.	100%
6	Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị	100%
7	Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định báo cáo tài chính và một số nội dung liên quan hoạt động năm 2025 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ 2026	100%
8	Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.	100%
9	Thông qua Đề án cơ cấu lại Tổng công ty khoáng sản - TKV giai đoạn 2026-2030.	100%
10	- Thông qua thay đổi ngành nghề sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Khoáng sản - TKV	100%

11	- Thông qua Điều lệ Tổng công ty Khoáng sản - TKV sửa đổi, bổ sung lần thứ bảy.	100%
12	Phê duyệt Kế hoạch sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV.	100%
13	Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2025 với TKV.	100%
14	Thông qua phương án xử lý cổ phần ưu đãi của Người lao động chấm dứt HĐLĐ trước thời hạn cam kết.	100%

XIII. Thông qua Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ

Ông Lại Trí Cường - Thành viên Ban Thư ký ĐHĐCĐ trình bày toàn văn Dự thảo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

1. Thông qua Biên bản ĐHĐCĐ:

Ý kiến thảo luận về Biên bản Đại hội: không.

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa, chủ trì biểu quyết thông qua Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: *phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- Tổng số phiếu hợp lệ: *phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- Tổng số phiếu không hợp lệ: *phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- Số phiếu tán thành: *phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- Số phiếu không tán thành: *phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- Số phiếu không có ý kiến: *phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp".*

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí việc "Thông qua Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2026"

2. Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ

Ý kiến thảo luận về Nghị quyết Đại hội: không.

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa, chủ trì biểu quyết thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu hợp lệ: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu tán thành: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không tán thành: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không có ý kiến: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp”.

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí việc “Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ”

XIV. Bế mạc ĐHĐCĐ

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa, tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với sự chấp thuận của 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Biên bản này được lập vào hồi 12h00' ngày 22/4/2026 ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV kết thúc chương trình nghị sự.

Biên bản này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. 01 (một) bản gửi Ủy Ban chứng khoán Nhà nước, 03 (ba) bản lưu tại Trụ sở chính của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Đại hội đồng cổ đông bế mạc lúc 12h00' ngày 22/4/2026/.

**TM. BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN**

**TM. BAN CHỦ TỌA ĐHĐCĐ
CHỦ TỌA**

Nguyễn Thị Phương Thảo

Nguyễn Văn Hải



Số: /NQ-VIMICO

ĐỰ THẢO

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Quy chế Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/4/2026;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP vào ngày 22/4/2026,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, kế hoạch năm 2026.

1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025

- Tổng doanh thu:

+ Hợp nhất toàn Tổng công ty: 14.636 tỷ đồng/12.619 tỷ đồng, bằng 115,9% KHN.

+ Công ty mẹ - Tổng công ty: 13.746 tỷ đồng/8.916 tỷ đồng, đạt 154,1% KHN.

- Lợi nhuận: đạt 2.453,7 tỷ đồng/1.000 tỷ đồng KH (Trong đó: Công ty mẹ lãi: 2.449,6 tỷ đồng/945 tỷ đồng KH; KLM TN lãi: 107,67 tỷ đồng; KSLK CB lãi: 13,523 tỷ đồng; KS3 lãi: 34,468 tỷ đồng; GTCB lỗ 205 triệu đồng; Đất hiếm Lai Châu lỗ 56 tỷ đồng, ...).

- Nộp ngân sách: cả năm đạt 2.220 tỷ đồng.

- Tổng số lao động bình quân: 5.090 người, trong đó: Công ty mẹ - Tổng công ty 2.780 người.

- Thu nhập bình quân: đạt 18,336 trđ/người/tháng; trong đó Công ty mẹ - Tổng công ty 22,973 trđ/người/tháng.

- Tổng giá trị thực hiện ĐTXD năm 2025

+ Tổng giá trị thực hiện cả năm là 523.213 triệu đồng/480.000 triệu đồng bằng 109% KHĐC.

+ Tổng giá trị thực hiện ĐTXD năm 2025 công ty mẹ Tổng công ty: đạt 433.120 triệu đồng/361.375 triệu đồng, bằng 119,85% KH năm 2025 của Công ty mẹ Tổng công ty.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

2.1. Các chỉ tiêu về giá trị

- Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tổng công ty: 13.841 tỷ đồng.
- Lợi nhuận: 2.042 tỷ đồng, trong đó: Công ty mẹ: 1.984 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách: dự kiến 1.880 tỷ đồng.
- Tổng số lao động bình quân: 5.142 người.
- Thu nhập bình quân: 17,26 tr.đ/ng/tháng KH.

2.2. Các sản phẩm sản xuất, tiêu thụ và một số chỉ tiêu sản xuất chính:

- + Tinh quặng đồng (quy 25%): 88.796 tấn
- + Đồng tấm: 30.000 tấn
- + Axit Sunfuric: 128.726 tấn
- + Tinh quặng sắt: 223.130 tấn
- + Kẽm thối 99,95%Zn (tự sản xuất): 8.316 tấn
- + Phôi thép: 165.000 tấn
- + Vàng: 940 kg
- + Bạc: 2.995 kg
- Mỏ đồng Sin Quyền: Khối lượng đất đá bóc: 20,5 triệu m³. Quặng nguyên khai: 2,05 triệu tấn, hàm lượng 1,059% Cu.
- Mỏ đồng Vi Kẽm: Quặng khai thác: 250.000 tấn, hàm lượng 0,712% Cu.
- Đào lò CBSX: 6.230 mét.

2.3. Cổ tức: $\geq 15\%$

2.4. Kế hoạch ĐTXD năm 2026

- Toàn Tổng công ty: 750.000 triệu đồng. Trong đó: Xây dựng: 113.167 triệu đồng; Thiết bị: 381.412 triệu đồng; Chi phí khác: 255.421 triệu đồng.
- Công ty mẹ - Tổng công ty: 469.772 triệu đồng. Trong đó: Xây dựng: 69.387 triệu đồng; Thiết bị: 319.110 triệu đồng; Chi phí khác: 81.275 triệu đồng.

Về tổ chức thực hiện: ĐHĐCĐ giao cho HĐQT chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát mọi mặt hoạt động, đồng thời ủy quyền cho HĐQT chủ động điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế, biến động thị trường. Trong đó, kế hoạch tiền lương sẽ được cập nhật theo quy định của Nhà nước và cấp có thẩm quyền.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025, và phương hướng năm 2026.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025; BCTC Công ty Mẹ năm 2025; Phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ năm 2025; Kết quả thực hiện chi trả tiền lương 2025 và kế hoạch chi trả thù lao 2026.

I. Báo cáo tài chính hợp nhất; BCTC Công ty mẹ - Tổng công ty đã được kiểm toán năm 2025

1. Công ty mẹ Tổng công ty

1.1. Bảng cân đối kế toán

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
I	Tổng tài sản	8.006.842.904.613	7.491.194.454.314
1	Tài sản ngắn hạn	5.092.934.784.875	3.818.990.105.975
2	Tài sản dài hạn	2.913.908.119.738	3.672.204.348.339
II	Tổng nguồn vốn	8.006.842.904.613	7.491.194.454.314
1	Nợ phải trả	2.935.014.693.907	3.986.597.910.359
2	Vốn chủ sở hữu	5.071.828.210.706	3.504.596.543.955
	<i>Tr.đó: Vốn điều lệ</i>	<i>2.000.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000.000</i>
	<i>LNST chưa phân phối</i>	<i>2.475.478.261.063</i>	<i>1.301.400.017.278</i>

1.2. Kết quả SXKD

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Tổng doanh thu	13.746.599.003.158	12.462.811.266.165
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.449.633.142.037	1.585.883.243.668
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	1.945.380.594.667	1.272.406.919.893

2. Hợp nhất toàn Tổng công ty

2.1. Bảng cân đối kế toán

DVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
I	Tổng tài sản	9.871.121.729.686	9.613.694.705.766
1	Tài sản ngắn hạn	5.788.604.261.539	4.569.624.226.408
2	Tài sản dài hạn	4.082.517.468.147	5.044.070.479.358
II	Tổng nguồn vốn	9.871.121.729.686	9.613.694.705.766
1	Nợ phải trả	4.368.068.501.873	5.600.767.288.559
2	Vốn chủ sở hữu	5.503.053.227.813	4.012.927.417.207
	<i>Tr.đó: Vốn điều lệ</i>	<i>2.000.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000.000</i>
	<i>LNST chưa phân phối</i>	<i>2.552.651.872.085</i>	<i>1.363.790.226.727</i>

2.2. Kết quả SXKD

DVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Tổng doanh thu	14.636.273.357.172	13.277.640.866.062
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.453.745.154.766	1.568.729.329.154
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	1.908.386.155.984	1.221.617.906.045

(Có BCTC đã được kiểm toán kèm theo)

II. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ; Phương án trả cổ tức năm 2025

STT	Nội dung	Số tiền
1	LNST còn lại chưa phân phối đến hết năm 2024(T4/2025)	530.097.666.396
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	1.945.380.594.667
3	Tổng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (3=1+2)	2.475.478.261.063
4	Tổng Lợi nhuận sau thuế được phân phối	2.475.478.261.063
5	Phương án PPLN	2.475.478.261.063
5.1	Chi trả cổ tức($6.1=2.000.000.000.000 \times 119\%$)	2.380.000.000.000

5.2	Bù đắp các khoản lỗ năm trước đã hết thời hạn bù vào LNTT	-
5.3	Phân phối các quỹ	95.478.261.063
a	Trích quỹ ĐTPT	
b	Trích quỹ KTPL (1,5 tháng lương TH)	94.955.061.063
c	Trích quỹ thưởng người QLDN (1 tháng lương TH VCQL)	523.200.000
6	LNST còn lại chưa phân phối đến hết năm 2025 (Kỳ ĐH T4/2026) (6=4-5.1-5.2-5.3)	-

III. Kết quả thực hiện chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS và người quản lý Tổng công ty năm 2025 và Kế hoạch 2026.

Kết quả thực hiện chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS và người quản lý Tổng công ty năm 2025 và Kế hoạch 2026 có các nội dung chính như sau:

1. Thực hiện 2025

1.1. Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2025	TH năm 2025
1	Tổng giám đốc	01	720.000.000	864.000.000
2	Phó Tổng giám đốc	05	3.240.000.000	3.110.400.000
3	Kế toán trưởng	01	600.000.000	720.000.000
	Tổng cộng	07	4.560.000.000	4.694.400.000

1.2. Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2025	TH năm 2025
1	TV HĐQT	01	648.000.000	777.600.000
2	TB kiểm soát	01	672.000.000	806.400.000
	Tổng cộng	02	1.320.000.000	1.584.000.000

1.3. Phụ cấp TV HĐQT độc lập

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH 2025	TH năm 2025
1	TV HĐQT độc lập	01	324.000.000	324.000.000
	Cộng	01	324.000.000	324.000.000

Hình thức chi: VIMICO chi trả trực tiếp.

1.4. Thù lao của TV HĐQT, Thành viên Ban KS không chuyên trách: chi trả bằng 20% mức tiền lương thực hiện. (Đối với Người đại diện của TKV chi trả bằng 20% mức lương cơ bản)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2025	TH năm 2025
1	CT HĐQT	01	74.400.000	74.400.000
2	TV HĐQT	02	129.600.000	129.600.000
3	TV kiểm soát	02	129.600.000	129.600.000
	Cộng	05	333.600.000	333.600.000

Hình thức chi:

- Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.

- VIMICO trực tiếp trả thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VIMICO.

2. Kế hoạch 2026

2.1. Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	Tổng giám đốc	01	58.080.000	696.960.000
2	Phó Tổng giám đốc	04	52.280.000	2.509.440.000
3	Kế toán trưởng	01	48.400.000	580.800.000
	Tổng cộng	06		3.787.200.000

2.2. Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	TV HĐQT	01	52.280.000	627.360.000
2	TB Kiểm soát	01	54.210.000	650.520.000
	Cộng	02		1.277.880.000

2.3. Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Thành viên BKS không chuyên trách: Tính bằng 20% mức lương cơ bản.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Tiền lương tháng	Số người	Tỷ lệ	Thù lao tháng	Thù lao năm
1	Chủ tịch HĐQT	31.000.000	01	20%	6.200.000	74.400.000
2	Thành viên HĐQT	27.000.000	02	20%	5.400.000	129.600.000
3	Thành viên BKS	27.000.000	02	20%	5.400.000	129.600.000
	Cộng		05			333.600.000

Quý thù lao thực hiện được xác định trên cơ sở số TV HĐQT, BKS không chuyên trách thực tế tại các thời điểm trong năm, thời gian làm việc và mức thù lao (tính theo tháng) do Tổng công ty xác định tối đa bằng 20% mức tiền lương cơ bản của TV chuyên trách.

2.4. Phụ cấp của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: được xác định trên cơ sở mức lương cơ bản áp dụng cho Thành viên HĐQT chuyên trách, đồng thời được điều chỉnh tăng thêm với hệ số 0,2 lần mức lương cơ bản.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	TV HĐQT độc lập	01	32.400.000	388.800.000
	Cộng	01		388.800.000

Phụ cấp TV HĐQT độc lập chi trả bằng TM/CK vào ngày 05 đến 10 hàng tháng và hạch toán vào chi phí SXKD Công ty mẹ Tổng công ty năm 2026.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 5. Thông qua kết quả bầu cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 6. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định báo cáo tài chính và một số nội dung liên quan hoạt động năm 2025 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ 2026.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định báo cáo tài chính và một số nội dung liên quan hoạt động năm 2025 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ 2026.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 7. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thống nhất:

1. Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán (làm cơ sở để lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty) được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026, gồm:

- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE);
- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam- Chi nhánh phía Bắc;
- Công ty TNHH Kiểm toán BDO (BDO).

2. ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho Tổng Giám đốc Tổng công ty tổ chức lựa chọn 01 Công ty kiểm toán (theo danh sách trên) và ký kết hợp đồng

kiểm toán BCTC năm 2026 của Tổng công ty, đảm bảo một số nguyên tắc chính:

- Tổ chức lựa chọn Công ty kiểm toán đảm bảo đủ năng lực và phí kiểm toán cạnh tranh;
- Kiểm toán BCTC và phát hành báo cáo kiểm toán Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc cho năm tài chính 2026, bao gồm cả báo cáo soát xét bán niên độ (01/01/2026 đến 30/06/2026);
- Kiểm toán BCTC và phát hành báo cáo kiểm toán hợp nhất Tổng công ty cho năm tài chính năm 2026, bao gồm cả báo cáo soát xét bán niên độ (01/01/2026 đến 30/06/2026).

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 8. Thông qua đề án cơ cấu lại Tổng công ty Khoáng sản - TKV giai đoạn 2026-2030

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty:

(1) Thông qua và quyết định phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2026-2030 sau khi có ý kiến thông qua của cổ đông TKV;

(2) Thông qua và quyết định phê duyệt trước một hoặc một số nội dung của Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2026-2030 trong trường hợp cổ đông TKV có ý kiến chấp thuận đối với các nội dung đó trước khi có ý kiến thông qua toàn bộ Đề án.

Dự thảo đề án cơ cấu lại Tổng công ty Khoáng sản - TKV giai đoạn 2026 - 2030 kèm theo

Điều 9. Thông qua việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thống nhất thông qua Danh mục các ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty sau khi sửa đổi, cập nhật theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg. Chi tiết tại Phụ lục kèm theo, gồm:

- Phụ lục 1: Kết quả rà soát ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ;
- Phụ lục 2: Danh mục ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty sau khi điều chỉnh.

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

Điều 10. Thông qua Điều lệ Tổng công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ bảy

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thống nhất thông qua một số nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung danh mục ngành, nghề kinh doanh

Thực hiện quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, Tổng công ty đã tiến hành rà soát toàn bộ danh mục ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký; đối chiếu mã ngành và nội dung ngành nghề theo Hệ thống ngành kinh tế mới của Việt Nam.

Trên cơ sở kết quả rà soát, Tổng công ty thực hiện điều chỉnh, cập nhật mã ngành và nội dung các ngành, nghề kinh doanh trong Điều lệ Tổng công ty theo quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg nhằm bảo đảm tính thống nhất với hệ thống ngành kinh tế hiện hành và thuận lợi trong quá trình đăng ký, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

2. Bãi bỏ khoản 6 Điều 26 của Điều lệ Tổng công ty

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thống nhất bãi bỏ Khoản 6, Điều 26 của Điều lệ Tổng công ty.

Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ bảy của Tổng công ty kèm theo

Điều 11. Thông qua Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2026 với TKV.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2025 giữa Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP và cổ đông là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với những nội dung điều khoản như bản Hợp đồng kèm theo.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 12. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV

Đại hội đồng cổ đông thống nhất phê duyệt Kế hoạch sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV như nội dung Tờ trình của Hội đồng quản trị.

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

Điều 13. Thông qua phương án xử lý cổ phần ưu đãi của Người lao động chấm dứt HĐLĐ trước thời hạn cam kết.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thống nhất thông qua việc bỏ hạn chế chuyển nhượng đối với toàn bộ 50.000 cổ phiếu của 25 cổ đông là người lao động đã chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn cam kết.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP biểu quyết thông qua với tỉ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông có mặt tại ĐHĐCĐ.

2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và toàn thể Cổ đông của Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. ĐHĐCĐ giao HĐQT và Ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP./.

Nơi nhận:

- TKV; UBCK Nhà nước (b/c);
- HĐQT; BKS (E-copy);
- ĐU; CĐ; ĐTN (E-Copy);
- Các đơn vị, phòng ban (E-copy);
- Các cổ đông của Tổng công ty;
- Website Tổng công ty;
- Lưu: VT; HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nguyễn Văn Hải



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CỦA TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

1. Bên ủy quyền

Tên cổ đông/nhóm cổ đông: Nhóm cổ đông

CMTND/Hộ chiếu/ĐKDN số: Ngày cấp: Nơi cấp:.....

Địa chỉ:

Hiện đang sở hữu: cổ phần của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

(bằng chữ:))

2. Bên nhận ủy quyền

Ông (Bà):

CMTND/Hộ chiếu số: :

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số cổ phần được ủy quyền: CP (Bằng chữ:))

3. Nội dung ủy quyền

Thay mặt người ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP tương ứng số cổ phần được ủy quyền theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Điều lệ của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP và quy định của pháp luật.

4. Thời hạn ủy quyền

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

5. Trách nhiệm của các bên

Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho bên thứ ba để thực hiện các công việc nêu tại Giấy ủy quyền này.

Các bên cam kết chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Người được ủy quyền

(Ký và ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu cổ đông là tổ chức)

Ghi chú: 1. Cổ đông là pháp nhân thì có văn bản ủy quyền/giao người đại diện thực hiện quyền, nghĩa vụ cổ đông tại ĐHĐCĐ. Tổ chức là cổ đông của TCty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. Trường hợp cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần, cho mỗi người đại diện. Bản sao Giấy ủy quyền xin vui lòng gửi cho BTC ĐHĐCĐ theo địa chỉ trên thông báo và giấy mời họp trước 8h00' ngày 21/4/2026 (01 ngày làm việc trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ).

2. Trường hợp bên ủy quyền là nhóm cổ đông thì Mục 1 ghi là "Nhóm cổ đông" và bổ sung thêm danh sách cổ đông ủy quyền theo mẫu kèm theo.

Người được ủy quyền khi đi tham dự ĐHĐCĐ cần mang theo CMND/Hộ chiếu, thư mời, tài liệu dự họp và giấy ủy quyền bản chính.



DANH SÁCH NGƯỜI ỦY QUYỀN KÈM THEO GIẤY ỦY QUYỀN

STT	Họ và tên	Số CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp	Số CP sở hữu	Số CP ủy quyền	Ký tên
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
Tổng số						

GIẢI THÍCH: 1. Cổ đông là pháp nhân thì có văn bản ủy quyền/giao người đại diện thực hiện quyền, nghĩa vụ cổ đông tại ĐHĐCĐ. Tổ chức là cổ đông của TCty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. Trường hợp cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần, cho mỗi người đại diện. Bản sao Giấy ủy quyền xin vui lòng gửi cho BTC ĐHĐCĐ theo địa chỉ trên thông báo và giấy mời họp trước 8h00' ngày 21/4/2026 (01 ngày làm việc trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ).

2. Trường hợp bên ủy quyền là nhóm cổ đông thì Mục 1 ghi là "Nhóm cổ đông" và bổ sung thêm danh sách cổ đông ủy quyền theo mẫu kèm theo.

Người được ủy quyền khi đi tham dự ĐHĐCĐ cần mang theo CMND/Hộ chiếu, thư mời, tài liệu dự họp và giấy ủy quyền bản chính



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Kính gửi: **Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026**
Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Tên cổ đông/đại diện cổ đông:

Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN:..... cấp ngày:/...../..... tại.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Xác nhận tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP vào ngày 22 tháng 4 năm 2026 với số cổ phần biểu quyết là: cổ phần.
Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu: cổ phần phổ thông
- Số cổ phần được ủy quyền (nếu có):..... cổ phần phổ thông

(Kèm theo Giấy ủy quyền tương ứng với số cổ phần nhận ủy quyền)

Đề nghị Ban Tổ chức ĐHĐCĐ xác nhận vào danh sách cổ đông/đại diện cổ đông tham dự họp.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

CÓ ĐÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

Nếu cổ đông là pháp nhân phải có văn bản xác nhận tham dự ĐHĐCĐ.

Cổ đông xin vui lòng gửi Giấy xác nhận tham dự ĐHĐCĐ về Ban Tổ chức ĐHĐCĐ theo địa chỉ trên thông báo và thư mời họp trước 8h00 ngày 21/4/2026.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN THAM GIA Ý KIẾN

Kính gửi: Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Họ và tên cổ đông:

Số cổ phần sở hữu:

Sau khi đọc các tài liệu chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP (Đại hội), tôi xin đóng góp các ý kiến như sau:

- 1. **Tham gia ý kiến về dự thảo Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ.**
.....
.....
.....
- 2. **Tham gia ý kiến về chương trình ĐHĐCĐ.**
.....
.....
.....
- 3. **Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2025 và phương hướng năm 2026.**
.....
.....
.....
- 4. **Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.**
.....
.....
- 5. **Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS.**
.....
.....
.....
- 6. **Thông qua BCTC và phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ 2025.**
.....
.....
- 7. **Thông qua việc thực hiện chi trả tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2025 và kế hoạch năm 2026.**
.....
.....



8. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.
-
-
9. Thông qua hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2026 với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.
-
-
10. Thông qua Đề án cơ cấu lại Tổng công ty khoáng sản - TKV giai đoạn 2026-2030.
-
-
11. Thông qua thay đổi ngành nghề sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Khoáng sản - TKV
-
-
12. Thông qua Điều lệ Tổng công ty Khoáng sản - TKV sửa đổi, bổ sung lần thứ bảy.
-
-
13. - Phê duyệt Kế hoạch sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ năm 2026 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV
-
-
14. Thông qua phương án xử lý cổ phần ưu đãi của Người lao động chấm dứt HĐLĐ trước thời hạn cam kết.
-
-
15. Thông qua nhân sự Thành viên BKS nhiệm kỳ 2025-2030
-
-
16. Các ý kiến khác:
-
-



Hà Nội, ngàytháng năm 2026

Cổ đông đóng góp ý kiến

(Ký, ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

PHIẾU ĐẶT CÂU HỎI

Họ và tên cổ đông/Đại diện theo ủy quyền (nếu có):

Mã số:

Số cổ phần sở hữu:

Số cổ phần được ủy quyền.....

Địa chỉ thường trú:.....

Email:

Điện thoại:

Câu hỏi:

.....

.....

.....

.....

.....

Cổ đông

(ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Trường hợp nội dung câu hỏi nằm ngoài Chương trình ĐHĐCĐ, hoặc không đủ thời gian để Chủ tọa trả lời tất cả câu hỏi của Cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ trả lời cổ đông thông qua: Gửi thư tay, email hoặc điện thoại

01



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP**

THẺ BIỂU QUYẾT

Mã cổ đông:

Họ và tên:

TỔNG SỐ CP BIỂU QUYẾT:

SỐ CP SỞ HỮU

SỐ CP ỦY QUYỀN